

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

VIỆT-NAM

MỘT THẾ-KỶ QUA

HỒI-KÝ
CUỐN MỘT
1916-1946



NHÀ XUẤT BẢN THẠCH NGŨ

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Nguyễn Tường Bách

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Thay lời nói đầu](#)

[Mấy lời ngỏ cùng bạn đọc](#)

[Lời giới thiệu của Nguyễn Sĩ Tế](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Thay lời nói đầu

cuốn 1: 1916-1946

Hơn 60 năm trước đây, tôi sinh ra tại một huyện lỵ nhỏ trên con đường xe lửa Hà Nội - Hải Dương, miền Bắc Việt nam. Lúc đó, không ai ngờ được là ngày hôm nay tôi ngồi tại một thành phố nước ngoài, xa hàng ngàn dặm, để nghiêng xuống dĩ vãng xa xăm của đời mình. Bao nhiêu hình ảnh của đất nước, của gia đình, của xã hội Việt nam yêu dấu, bao nhiêu sự kiện lịch sử mà tôi đã tự trải qua, lại dồn dập hiện ra như mới một ngày nào.

Cả một thời kỳ trong cuộc đời của một dân tộc, từ những giờ phút tối tăm, bi đát, gần như tuyệt vọng dưới thời Pháp thuộc, cho đến những ngày sôi nổi 1929-1931 và cơn bão táp 1955-1956 mà gia đình tôi và tôi, dù muốn hay không cũng đã bị lôi cuốn vào. Chúng tôi ít nhiều cũng đã đóng một vai trò trên sân khấu lịch sử, đã tham gia vào những phong trào văn nghệ, xã hội, chính trị và những biến cách hồi ấy. Chúng tôi từng gặp những nhân vật lịch sử có một không hai đã góp vào sự quyết định vận mệnh của một dân tộc, đã trải qua những cảnh ngộ độc đáo mà chỉ có thể gặp ở những thời đó. Và ngày nay, chỉ có ngày nay, tôi mới có một tâm hồn rỗi rãi để ôn lại quá khứ.

Viết cuốn Hồi ức này, tôi không muốn gì khác là làm sống lại một phần nào quãng đời đã qua, để hiến cho những ai còn quan tâm đến quá khứ của Việt nam và những người còn nhớ tới thời thanh niên của mình - và những người trẻ tuổi muốn biết thêm vài khía cạnh

của xã hội, về văn nghệ (Tự lực Văn đoàn, nhóm Phong Hoá) về những diễn biến văn nghệ trước và sau quân Nhật đầu hàng, về sự đấu tranh giữa những phái Quốc gia và cộng sản trong hai năm vật lộn, với sự thất bại cuối cùng của phái quốc gia trong một hoàn cảnh quốc tế thật đặc biệt.

Những sự kiện sẽ thuật lại là sự thật hoàn toàn, nhưng tôi không có ý viết lại một cuốn lịch sử. Đương nhiên, người ta có thể đứng vào nhiều khía cạnh khác nhau để nhìn vào các sự kiện. Những cuốn sách lịch sử hay hồi ức đã viết về hồi ấy ở Việt nam chứng tỏ điều này. Tôi không có ý gì biện luận với những tác giả quyền uy, cũng không có ý biện bạch cho một quan điểm nào, tuy trong khi viết tôi có thể không tự giác mà đồng tình với những cái gì. Nhưng nếu khi đọc xong cuốn hồi ức này, người xem thu được một cảm tưởng thú vị và có ích, không đến nỗi phí thì giờ, thì tôi tự cho là may mắn quá rồi.

Hồi ức này có liên cập đến rất nhiều nhân vật trong đủ các giới cách mệnh, chính trị, xã hội, văn nghệ của một thời đại. Muốn tránh những sự không tiện có thể xảy ra trên thế giới ngày nay cho một số người, tôi không nêu rõ tên họ hay chỉ dùng tên hiệu thay vào, xin các bạn bẻ thông cảm. Đánh giá những nhân vật ấy không phải là mục đích chính của cuốn hồi ức này, và nếu có cũng chỉ là ý kiến cá nhân của riêng tôi.

Nếu có gì sai lầm hay không vừa lòng một ai thì tôi xin lỗi trước, vì rất ít khả năng đính chính được.

Tác giả

Đầu năm 1980

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Mấy lời ngỏ cùng bạn đọc

cuốn 1: 1916-1946

Vào năm 1980, tôi viết cuốn hồi ký đầu tiên, lấy lên là Việt nam những ngày lịch sử - Hồi ký của gia đình Nguyễn Tường. Với cuốn đó, tôi không có ý viết tường tận về mọi mặt, mà do hoàn cảnh đương sống lúc ấy tại Quảng Đông, Trung quốc, tôi chỉ kể sơ sài có giới hạn về gia đình anh em tôi và những dữ kiện chung quanh gia đình mà thôi.

Xin nói thêm rằng, không biết vì lẽ gì mà người xuất bản sách, ông bạn Nguyễn Khắc Ngữ (nay đã quá cố) khi in ra đã bỏ đi câu Hồi Ký về gia đình Nguyễn Tường, mong các bạn hiểu cho, và thông cảm với những điểm thiếu sót hay lầm lẫn trong hoàn cảnh đó.

Tám năm sau đó, tôi đã sang sinh sống tại Hoa Kỳ. May đã gặp được nhiều người thân trong đại gia đình và nhiều bạn hữu cũ và mới. Có một số vẫn ngỏ ý muốn tôi viết lại hồi ký cho đầy đủ hơn, từ lúc còn nhỏ cho tới tận nay. Những thân hữu ấy cho rằng trong gần thế kỷ, cuộc đời của tôi và gia đình cũng đã trải qua nhiều cảnh ngộ đa dạng, có những điều đáng ghi nhớ về văn nghệ, xã hội, chính trị trong cơn gió lốc kinh hoàng đã cuốn vào cả một dân tộc.

Được khuyến khích, nên dù có bận bịu nhiều thứ, hay dù tuổi đã ngả về chiều -nhiều hơn cả thời hạn mà ông Đỗ Phủ ngày xưa đã ấn định cho mình, tôi cũng cố gắng cầm lại cây bút. Thực ra, với hứng thú viết báo, viết văn từ lúc còn trẻ, dù ở nơi nào, tôi cũng không ngừng viết. Điều này, chắc nhiều bạn cũng biết. Gần đây, để có một

sáng tác xứng đáng hơn về mặt nghệ thuật tôi cho ra đời cuốn tiểu thuyết dài Trên sông Hồng cuộn cuộn dâng cho độc giả. Có nhiều người hỏi tôi: đó là tiểu thuyết, hay là hồi ký?

Tôi đã xin trả lời rằng, đó là tiểu thuyết, không phải là hồi ký, tuy những dữ kiện và nhân vật hư cấu có dựa phần nào trên đời sống thực. Cũng như cuốn Cuốn theo chiều gió - Gone with the wind- hay Bác sĩ Zhivago -Doctor Zhivago- mà thôi.

Vì vậy, tôi thấy cũng nên viết lại Hồi Ký, để góp phần làm sống lại một thời kỳ đặc biệt, với những sự kiện mà tôi được biết rõ hơn nhiều người, như thế, cũng có thể giúp cho những ai quan tâm đến quá khứ, có thể thành một ít sử liệu, và hai nữa, giúp được người đọc mua vui một vài trống canh, nếu bạn có hứng thú.

Là con người, ai cũng có một quá khứ, dù ngắn hay dài, và cũng luyến tiếc quá khứ. Quá khứ lúc nào cũng theo đuổi chúng ta như hình với bóng, vì quá khứ chính là mình được tạo thành bởi bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu cảm xúc, bao nhiêu đắng cay hay ngọt bùi, ưu sầu hay phấn khởi, thất bại hay thành công, mà chỉ có tự mình mới cho thể cảm thấu được. Chỉ có một ngọn cỏ, một cánh hoa, một rặng tre, một chuyến tàu, hay một làn gió thoảng, một ánh mắt, một nụ cười, một tiếng than thở, một giọt lệ dù chỉ có thể cũng là một cuộc sống đã ăn sâu vào da thịt, vào xương tủy của mỗi con người -mà chỉ có của con người đó thôi. Mà trong quá khứ 80 năm, tôi cũng đã có bao nhiêu cảm xúc, trong bao nhiêu cảnh ngộ!

Hôm nay trời lạnh, mưa rơi trắng xóa làm mờ cả đường phố và các cụm cây bên thềm. Tôi lại nhớ, nhớ da diết đến quá khứ, nhớ đến con đường xa xăm đã phải đi từ thửa còn nhỏ tại quê hương, rồi cứ đi, đi mãi. Thuở ấy, có người lấy số Tử Vi cho tôi, bảo là rất tốt, tương lai sẽ tươi sáng, bay nhảy, nhưng không ai đoán đúng được

số phận long đong, gian nan thực khó lường của tôi và của nhiều người trong gia đình. Xem ra, vẫn chỉ có nhà thơ Nguyễn Du là nói gần đúng nhất.

Bất phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu nổi tại sao cậu bé con ngợ ngác trên phố huyện Cẩm Giàng lầy lội, lại bôn ba nơi hải ngoại, và sau gần thế kỷ, lại đến ngồi tại cái đất Nam Cali ẩm áp, tại bên bờ Thái Bình Dương, cách quê hương hàng vạn dặm?

Trong cảnh lưu lạc tha hương, người ta hay nghĩ tới cố nhân. Những lúc cô đơn bước giữa những tâm hồn xa lạ, tôi vô vàn ngậm ngùi nhớ tới những người thân đã sớm bỏ ra đi, vĩnh viễn...

Ngàn năm bạc mệnh, một đời tài ba... Biết bao nhiêu người có tâm huyết, biết bao nhiêu tài hoa xuất chúng, biết bao nhiêu anh em... nay nằm ở đâu? Bao người trong gia đình đã qua đi mà không hề gặp được lại mặt, tôi chỉ biết ở xa mà cúi đầu, hoài niệm. Những tài hoa yếu mệnh, như Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Đặng Thế Phong, Hàn Mặc Tử.... do tật bệnh cướp đi, Nguyễn Tường Cẩm - Khái Hưng, đều mất tích, nạn nhân của tội ác. Hoàng Đạo chết trong lưu lạc, Nhất Linh, tự kết liễu cuộc đời. Còn bao nhiêu nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ nữa. Còn bao nhiêu anh em chống đế quốc, chống độc tài, đã hy sinh trên chiến trường hay tại đất nước người.

Biết bao nhiêu đau khổ, éo le đè nặng trên đầu người dân Việt bé nhỏ. Và đồng thời, trong thế kỷ, cũng đã biết bao nhiêu nhân vật thần kỳ đã xuất hiện rồi biến đi trong những chuyển mình vĩ đại của đất nước. Ôi! quá khứ triền miên đè nặng trên tâm hồn mỗi người

chúng ta, không sao thoát gỡ được. Tôi rất muốn nhắc ngòi bút lên để tả, nhưng với ngòi bút nhỏ nhoi, yếu ớt của tôi, làm sao mà tả nổi, mà tâm hồn cũng đã cần cỗi.

Làm sao mà tả nổi cả cảnh huống lầm than, nghèo cùng, quạnh hiu, bi thương của cả một dân tộc? Làm sao mà tả nổi, trong những ngày hầu như vô vọng, đã có bao anh hùng, chí sĩ quật khởi đứng lên chiến đấu, đã có bao hy sinh oanh liệt?

Làm sao tả nổi những chuyển biến lớn lao trong xã hội Việt nam, những xô chạm giữa các giá trị văn hóa truyền thống và tân tiến, và ngay dưới ách cùm kẹp của thực dân, một thời kỳ vàng son của văn chương, nghệ thuật -gồm cả hội họa, âm nhạc, kịch nghệ- có một không hai trong lịch sử?

Làm sao tả nổi những ngày kỳ diệu, long trời lở đất trước sau tháng tám 1945, và cuộc vật lộn giữa các thế lực đối chọi nhau, đưa tới kết cục bi thảm là lại một thứ gông cùm khác lại trùm diết trên đầu người Việt vô tội?

Làm sao tả nổi những cuộc chạy nạn chưa từng có, để lại bao tang tóc trên đường và đến tận nay, hàng triệu người bơ vơ, mất gốc, rạt vào bốn phương trời trên thế gian. Đau thương, nhục nhã vẫn triền miên cho người Việt chúng ta, và cho biết bao nhiêu con người khác trong nhân loại? Nhưng, cứ cầm bút lên, gắng ghi được phần nào hay phần ấy, để tự an ủi và ít ra, cũng góp phần gọi lại những kỷ niệm vì một thời gian đã qua, để không cho mình quên.

Quên đi quá khứ của mình, quên đi đau thương nhục nhã của mình, của đất nước, có nghĩa là quên mất nguồn gốc, và quên mất cả chính mình, trở thành một kẻ không còn tâm hồn. Quá khứ dù đau thương cay đắng đến đâu, nhưng nó vẫn sẽ kích động chúng ta bước lên, chỉ cần quyết tâm nhìn lại chính mình và thoát bỏ được

những lầm lỗi, lạc hướng ta đã phạm. Cuốn Hồi Ký này xuất bản làm hai phần:

- Phần I, viết về từ đầu thế kỷ cho tới tháng 8-1946, nội dung chủ yếu thuật về thuở nhỏ, gia đình, đời học trò, thời kỳ làm ăn, làm báo cùng hoạt động của nhóm phong Hoá, Ngày Nay, Tự lực văn đoàn, những biến chuyển trong xã hội, rồi tới những hoạt động cách mạng chống thực dân với Đại Việt dân chính, Việt nam Quốc Dân đảng, quân Nhật đầu hàng, Việt minh cướp chính quyền, cuộc chiến tranh quốc gia cộng sản khốc liệt.

- Phần II, viết về từ tháng 8-46 trở đi, cuộc đấu tranh với Việt minh, một số anh em lựa vong sang Trung quốc, rồi sang Hoa Kỳ.

Phần vì thời gian quá dài, phần vì trí nhớ suy kém, nên trong cuốn sách tất sẽ có thiếu sót, lầm lẫn, ra ngoài ý muốn của tác giả. Xin hoan nghênh mọi ý kiến phê bình xây dựng, bỏ tước hay chỉ chính.

Tác giả

Tháng 12-1996

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Lời giới thiệu của Nguyễn Sĩ Tế

cuốn 1: 1916-1946

Tôi được hân hạnh đọc và giới thiệu một thiên hồi ký đặc biệt của một tác giả thuộc hàng huynh trưởng nổi danh, cuốn Việt nam, Một Thế Kỷ Qua (cuốn I: 1916-46) của Nguyễn Tường Bách.

Nơi một quốc gia, sau một thời kỳ đại loạn với muôn ngàn biến cố mà ý nghĩa cùng chính sự việc còn là đối tượng truy cứu và đề tài tranh luận của nhiều người, thường khi người ta thấy xuất hiện một loại văn chương gắn bó với lịch sử trong đó, thể tài hồi ký xem ra được lưu tâm hơn cả. Cuốn Mémoires - Hồi Ký - của tướng De Gaulle- Pháp-quốc, anh hùng kháng chiến chống Đức, viết sau thế chiến II, là một thí dụ điển hình. Cũng thế, trong cuộc đời của một nhân vật quan trọng mà thân phận phải thăng trầm theo biến thiên xã hội, chính nhân vật đó trong lúc rảnh rỗi về sau, chép lại những kỷ niệm riêng tư của mình nối kết với bối cảnh lịch sử trên. Sách này cũng là hồi ký. Điển hình cho loại hồi ký này là cuốn Mémoires d'outre tombe - Hồi ký bên kia nấm mồ - của Chateaubriand, một văn tài thế kỷ 19 Pháp, rời quê hương lưu lạc tại Anh quốc và Mỹ quốc, kể lại chuyện đời mình.

Cuốn Việt nam, Một Thế kỷ Qua của Nguyễn Tường Bách là một thiên hồi ký đứng lưng chừng giữa hai loại hồi ký nói trên. Một mặt, nó cho ta theo dõi cuộc đời của một người sinh ra, lớn lên, học hành, yêu đương, viết văn, làm chính trị từ hồi đầu thế kỷ trở về sau (1916-1946). Mặt khác, nó soi sáng nhiều sự việc chung quanh một

người đã tham dự, làm chứng nhân và nạn nhân của một sân khấu chính trị ung nhọt đầy xảo trá của phe đối nghịch. Tác giả đã có cái may mắn làm em út trong một gia đình có tiếng - gia đình Nguyễn Tường - mà mấy ông anh đã sớm thành công trong lãnh vực văn học và là thành viên sáng lập của một văn đoàn - Tự lực văn đoàn - có một chủ trương văn hóa tiến bộ. Để rồi chẳng bao lâu, tác giả lại làm một thành viên của một đảng phái chính trị - Việt nam Quốc Dân đảng - đã có một quá trình và thành tích đấu tranh từ hai thập kỷ trước.

Dù theo khuynh hướng biên niên (annales, chroniques) hay khuynh hướng tự thuật (autobiographie) thì hồi ký vẫn không phải là lịch sử. Lịch sử có vấn đề sử quan và phương pháp khoa học trong viễn tượng của một thứ lịch sử đại đồng. Hồi ký giới hạn vào hành động riêng tư, cung cách biện minh và diễn giải chủ quan của người viết. Lịch sử sử dụng tư duy và lý hội (comprehension) một cách thanh quang của một hay nhiều người, ít nhiều đứng ở ngoài lịch sử. Hồi ký xoay chung quanh sự sống toàn diện với ý nghĩ và cảm quan sôi động của người viết. Thế mà từ sự nghĩ đến sự sống, con đường còn xa - du pensée au vécu, il y a loin. Đó cũng là cái sở trường và sở đoản tương đối của hai bộ môn văn học trên đối với người thường ngoạn văn chương hay người đi tìm chân tướng của quá khứ.

Tôi yêu cái thế tình - humain trong câu chuyện tâm sự của Nguyễn Tường Bách. Thiên hồi ký của ông mở ra cho chúng ta thấy cái bản chất uyển chuyển và đa dạng không dấu diếm trong con người của ông: một bác sĩ - nhà văn - nhà báo - nhà hoạt động chính trị. Trong một bản chất phức tạp, một số thành tố thường làm ngáng trở cho nhau, nhất là chất nhà văn và chất nhà chính trị. Viết trong những

năm tuổi tác đã cao, chuyện áo cơm danh vọng không còn là mối lo, kỷ niệm xưa lắng đọng, nhận thức quan thanh thỏa, tác giả của thiên hồi ký đã phục hồi được cái khí thế của văn tài của ông trong những năm đầu.

Ông bước vào làng văn qua cửa ngõ của Tự lực văn đoàn. Hồi ký bao giờ cũng là của một nhân vật đã tác động hay chứng kiến một thời quá khứ không xa xưa. Trong tư thế đó, cuốn Việt nam, Một Thế Kỷ Qua có mang phần cống hiến lịch sử của nó. Cống hiến cho người đọc văn học Việt nam thời hiện đại về chủ trương, đường lối, thành viên, bằng hữu, việc làm và công trình của một văn đoàn tiên phong, có tổ chức quy mô. Cống hiến cho người nghiên cứu hay tham khảo lịch sử Việt nam thời hiện đại về một số sự việc chưa được biết tới một cách tường tận, hoặc còn ẩn khuất trên sân khấu chính trị cực kỳ rối ren của nước nhà hồi 1946 trở về trước: - các đảng phái, các liên minh, hoạt động trong và ngoài nước của họ, thái độ của thành phần nho gia, trí thức mới trước thời cuộc... Nhất là trong tình trạng của môn sử học đầy dẫy những mạo tác, những xuyên tạc của các nhà cầm quyền trong chế độ độc tài. Đối với thứ lịch sử tuyên truyền đó, Việt nam, Một Thế Kỷ Qua của Nguyễn Tường Bách là một phản bác hùng hồn vậy. Lại nữa, muốn lý hội cho trọn vẹn một thiên hồi ký, ta phải lắp nó vào cái bối cảnh lịch sử toàn diện của nó (contexte historique). Một cái nhìn đối chiếu và tổng hợp các sử liệu, một động viên trí nhớ của toàn dân cho ta rõ ngay về cái bối cảnh đó: quang cảnh của một dân tộc lầm than dưới ách thống trị của thực dân Pháp và trong ánh sáng tranh tối, những hoạt động của các hội kín làm chính trị, của các văn đoàn, báo chí, học sinh, sinh viên... tranh đấu cho tự do của giống nòi. Kế đó, trong cao điểm chung quanh năm 1945, với sự bại trận của thực dân quân

phiệt Nhật hất chân thực dân Pháp, lịch sử Việt nam đã ghi nhận một tấn thảm kịch vô cùng xót xa của một dân tộc vừa mới thấy bình minh của độc lập ló rạng thì đã sa vào một cuộc chiến tranh ý hệ, huynh đệ tương tàn mà rơi dần vào trong bàn tay sắt của Đế Tam Quốc tế . Dân tộc bị phản bội, người có ý hướng cứu nguy rời xa, chiến tranh đế quốc kéo dài... Thiên Việt nam, Một Thế Kỷ Qua đã gióng lên một tiếng nói trong lành trong tiếng nói của toàn dân Việt đã bị đẩy tới cái ý nghĩa tận cùng của tấn thảm kịch trên: họa vong quốc. Ích lợi trong việc đi tìm cái chân và cái thiện của mọi người Việt nam sinh sau - nhất là các bạn trẻ ly hương - nơi tác phẩm của Nguyễn Tường Bách không phải là nhỏ.

Cách đây hai năm, trong lời phát biểu vào dịp lễ ra mắt cuốn tiểu thuyết dài Trên Sông Hồng cuộn cuộn của Nguyễn gia, tôi có nhấn mạnh về cái mối xúc động thẩm mỹ bao trùm của sáng tác phẩm đó ở nơi cái đau và cái đẹp của một sự thất bại bất công - danh từ bất công hiểu theo nghĩa nặng của người Tây Phương. Tôi thấy chuyển qua thiên hồi ký Việt nam, Một Thế Kỷ Qua, nhận định của tôi cũng đúng. Để kết thúc, tôi cũng xin ghi lại sau đây một bài thơ tứ tuyệt tôi làm cách đây chừng một năm chưa đề tặng ai, nay xin tặng người bạn già, tác giả bài thơ Chiều đăng ở cuối sách, cùng ly hương trên đất Mỹ như tôi. Gọi là để nói lên cái tâm sự héo hon chỉ còn biết đặt trọn niềm hy vọng và tin tưởng vào ý chí của các bạn trẻ, những người đến sau tôi trong cuộc cờ nhân thế.

CựU Mộng

Mây trắng vẫn là mây trắng cũ,

Trời xanh đâu cô khác trời xưa.

Giêng sâu ấp ủ lòng thương nhớ

Đôi cánh chim bằng tạt đậu thưa.

(G.G. 22-4-98)

Nguyễn Sỹ Tế

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Chương 1

Đầu thế kỷ, phố Cẩm Giàng

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Nguyễn Du

Vào một buổi tối cuối tháng chạp năm Bính Thìn, trời rét. Gió bắc thổi vi vu trên phố huyện nhỏ, Cẩm Giàng, trên đồng ruộng mênh mang chung quanh, và trên mái căn nhà tranh năm gian đơn sơ của gia đình. Đó là lúc tôi lọt lòng mẹ, và oa tiếng khóc đầu tiên để chào đời. Trời đã xếp đặt cho tôi thành đứa con út trong một gia đình bảy anh chị em -gia đình Nguyễn Tường- và từ đó số phận của tôi đã được quyết định.

Chị Thế tôi kể là lúc ấy, trông tôi như một con mèo con, tôi không tin lắm vì nếu sinh với tuổi Thìn, đáng lẽ tôi phải giống như con rồng con mới phải.

Chị tôi kể: Một buổi tối, bà tôi đánh thức chúng tôi dậy, bảo dậy mà xem em bé, nó bé tí, cả người chỉ bằng con mèo, chỉ thấy hai con mắt và cái miệng nhỏ tí xíu. Chị tôi luôn miệng hỏi bà em bé ở đâu đến thế, ai cho vậy? Bà bảo đừng có nói bậy, em bé mẹ cháu mới đẻ đấy. Chị tôi lại hỏi thế đẻ ở đâu hở bà? Bà vội gắt lên, đẻ ở nách chứ còn ở đâu nữa! Từ đó, chị tôi cứ đinh ninh là đẻ ở nách ra.

Vì là thứ bậy, nên bà nội luôn tiện đặt cho cái tên Bậy. Về sau, cũng chẳng biết ai đổi thành cái tên Bách mà ngày nay, tôi phải mang, từ

bảy nhảy tới một trăm. Nghe nói, cũng có tích nữa, như sau:

Thụy Cẩm Tam Long Vinh Bách Thế

Thụy Cẩm, Tam, Long, Vinh là tên mấy anh trên tôi, còn Thế là chị Năm tôi.

Câu vè trên nghe cũng hay, nhưng hơi bất công và đượm mùi trượng giả. Theo đó, thì chỉ có bốn người trên là được vinh quang trăm đời, còn ba người sau thì không. Chị Thế là thứ năm, nhưng lại cho xuống cuối cùng, đủ biết thành kiến trọng nam khinh nữ trầm trọng. Còn tại sao lại cứ phải vinh quang mới được, rõ là óc háo danh truyền thống.

Có một điều chắc chắn, tôi là một quái thai đẻ ở nách ra. Sống sót tới ngày nay, kể cũng kỳ lạ. Tuy giống con mèo, nhưng lại là tuổi Thìn, nên số là phải chạy loăng quăng, rồi bay nhảy lung tung ngoài sức tưởng tượng. Đó là truyện về sau. Đích xác, từ bao giờ, gia đình chúng tôi đến định cư ở đây, tôi cũng không rõ, và tính tôi cũng không để ý gì nhiều tới nguồn gốc của mình. Sau này, có người nói, tôi mới biết là vốn từ tận Quảng Nam ra. Tôi cũng thấy vài người trong họ hàng từ miền Trung ra thăm. Nghe nói, ông nội tôi lúc trước đến làm tri huyện ở đất này, và đã mất ở đây, người ta vẫn còn gọi bà tôi là cụ Huyện. Và hồi xưa, trong các cụ tổ, cũng đã có cụ là bậc Khai quốc công thần, có vị đã từng đi sứ sang bên Trung quốc. Xem ra, gia thế như vậy thì không đến nỗi kém ai...

Anh em chúng tôi không có ai chú ý tới gia thế. Thực ra, ngày xưa, thường những gia đình như vậy mới có thể có điều kiện cho con cháu được hưởng giáo dục tốt. Nhưng, từ khi ông tôi mất, gia cảnh bắt đầu sa sút, một lạc, gặp nhiều khó khăn. Thầy tôi nhờ học được chữ quốc ngữ và rằm câu tiếng Pháp, nên cũng tìm được một chân thư ký, thông phán trong sở. Mẹ tôi cũng buôn bán vặt để thêm vào

duy trì sinh hoạt và nuôi nấng mấy con.

Nếu bên nội là giòng giõi văn quan, thì bên ngoại, mẹ tôi, lại là giòng võ tướng. Vì tôi thấy ai cũng gọi bà ngoại tôi là bà quản. Một bên nho nhã, một bên võ biền, nhưng tại sao cả hai bên lại gặp nhau ở đây và kết thân với nhau, tôi cũng chưa rõ. Và sự kết thân này, với hai tính cách khác nhau đó tất cũng đã có ảnh hưởng đến tương lai của chúng tôi. Thầy tôi, tôi chỉ được nhìn qua ảnh chụp, có một khuôn mặt trái soan, văn nhã trong bộ áo dài, còn mẹ tôi thì giống bà ngoại, hay cậu Cả tôi, dáng người rắn giõi. Tiếng nói lớn, bà có tính cách cả quyết trong mọi việc. Có lẽ chúng tôi đã thừa hưởng cả hai thứ tính cách đó.

Sau này, nghe người ta kể, tôi mới rõ chúng tôi ở đâu ra, từ đâu đến, nói thực là về nguồn. Thì ra giòng giõi họ chúng tôi cũng có lịch sử khá phức tạp. Hơn hai trăm năm trước đây, tổ tiên chúng tôi còn mang họ Nguyễn, nhưng lại là Nguyễn Văn. Một ông tổ, đi theo Nguyễn Phúc Chủng (tức Nguyễn Phúc ánh, năm 1802 lên ngôi với niên hiệu Gia Long). Một hôm tới địa phận Quảng Nam, Nguyễn Phúc ánh chỉ một ngọn núi cao hỏi tên là núi gì. Ông đáp là núi Phước Tường. Nguyễn Phúc ánh nói: Nguyễn Phước là họ của ta. Ta ban cho người họ Nguyễn Tường.

Cụ tổ ấy bèn đổi họ sang Nguyễn Tường, và chọn nơi Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam làm phát tường địa (chỗ phát tnền tốt lành). Đó là cụ Nguyễn Tường Vân, có tên ghi trong Đại Nam Liệt truyện, và từng giữ chức Binh Bộ Thượng Thư, phó Tổng Trấn Bắc Thành... thì ra chúng tôi cũng là giòng giõi quan to, không kém gì ai! Tuy anh em chúng tôi không ưa giới quan lại chút nào cả.

Cụ Nguyễn Tường Vân có một người con là Nguyễn Tường Phô, nhiệm chức. Giáo thụ phủ Điện Bàn. Cụ Phô sinh ra cụ Nguyễn

Tường Tiếp, sau có chức vụ là đồng Tri phủ lãnh Thụy Nguyên huyện Tri Huyện ghi trong gia phả. Đó là ông nội chúng tôi - và tôi cũng không rõ ông đến làm tri huyện Cẩm Giàng từ thời nào và ông mất năm nào. Mà tôi cũng không biết cha tôi là con út của cụ Tiếp. Cũng không biết tên cha tôi là Nguyễn Tường Chiến với tên húy là Nhu, tôi chỉ biết cái tên sau thôi. Tôi cũng chỉ biết giòng ngoại họ Lê, không rõ là giòng họ Lê này ở Duy Phước, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ông ngoại làm đến chức Lãnh binh, và cũng đến Cẩm Giàng. Đó thực là một duyên phận Kỳ ngộ. Một điều đáng tiếc là chúng tôi không rõ cuộc hôn nhân của cha và mẹ chúng tôi là do phụ mẫu xếp đặt hay do tự do luyến ái. Dù sao, cả hai bên đều là khách ly hương, xa quê nhà ở mãi tận miền Trung. Nghe nói, khi cha tôi sắp qua đời, có trần trời để lời với các con.

- Sau này, dù thế nào các con cũng phải tìm về lại quê cha đất tổ.

Sau này, các anh chị tôi đều có ghé thăm Cẩm Phồ. Năm 1930, anh Nguyễn Tường Long có về thăm quê và đã cúng vào Văn Miếu làng, nhà thờ tộc bên nội và tộc bên ngoại -mỗi nơi một bức hoành.

Từ năm 1954 về sau, nghe nói trong họ hàng có đi lại nhiều, nhưng tiếc lúc ấy chúng tôi đã đi xa.

Trước khi tôi ra đời, thầy tôi bỗng không may mất việc thông phán ở Hà Nội. Mẹ tôi phải thu xếp về buôn bán ở quê ngoại, huyện Cẩm Giàng.

Đây là một huyện lỵ nhỏ, bình thường, nghèo nàn, nằm bên con đường sắt Hà Nội - Hải Dương, miền đồng bằng Bắc Kỳ, trong thời kỳ những ngày Pháp thuộc âm thầm tại đầu thế kỷ thứ hai mươi. Chung quanh là đồng ruộng im vắng, với tận xa, những lũy tre xanh Việt nam bao bọc các làng mạc nằm ở trong từ mấy ngàn đời.

Nơi chôn rau cắt rốn của các anh chị em trong gia đình, nơi chúng

tôi đã lớn lên, tiếp xúc đầu tiên với xã hội. Một cánh đồng, một gốc cây, một góc phố, một cái lều trơ vơ, đến nay chúng tôi vẫn không quên được.

Gian nhà chúng tôi ở một bên trông ra cái ga nhỏ, một bên trông ra con phố hẹp lắm lối mỗi khi trời mưa. Nhà ga nhỏ xám, hai bên trồng gừng. Mỗi khi có xe hoả lên xuống, cả ga, cả phố xá lại như vùng dậy, rộn rịp hẳn lên. Nhưng đến tối, chỉ còn nghe thấy tiếng còi tàu vắng từ xa đến rồi biến đi trong đêm lặng.

Mấy dãy phố lều tèo, với vài căn nhà gạch, hai cửa tiệm bán tạp hóa của người Hoa Kiều. Cuối phố, rẽ xuống bến đò Sông Sen, ai đi qua cũng phải ngó vào cổng nha Huyện xám xịt, với chú lính lệ đứng gác, tượng trưng cho uy quyền của nhà nước.

Thủa bé, chúng tôi thường chạy ra, theo đường sắt, đứng trên cái cầu sắt bắc ngang trên sông Sen êm đềm trôi giữa hai rặng tre, tới đồng lúa xanh ngắt. Ban đêm, dân phố vẫn lắng nghe tiếng xe hoả chạy rầm rập trên cầu, phá vỡ cả một vùng tịch mịch.

Thế giới của tôi khi mới lò cò chạy đi là căn nhà năm gian rộng rãi dưới mắt một đứa bé con, cửa hàng xép trông ra phố Chợ với những lều không chống bằng nứa, cái sân gạch đằng sau nhà, đưa tới ngôi nhà gạch bên ngoài. Qua cái nhà gạch đó là chỗ tôi thích đứng ngắm nhất, dù còn quá bé - một vườn hoa nhỏ, có trồng hoa nhài trắng và thơm dịu, với những bụi tóc tiên. Rồi tới cái ao nhỏ, nước phẳng lặng, thỉnh thoảng mới có ít bọt nước sủi lên do cá đớp động dưới đám bèo hoa. Và một cây sung cổ kính, già nua không biết trồng từ năm nào, thân cây to ngã trên mặt nước, một cái cầu ao bằng tre bắc ngay dưới bóng sung.

Mấy rặng gừng cao chia cách bên chúng tôi với nhà lán giềng. Khi mùa tới, những quả gừng đỏ hồng trông rất hấp dẫn, nhưng dù trẻ

con, cũng ít khi hái mà ăn, vì mùi vị quá lợ.

Cuộc sống đúng là vô tư lự, hạnh phúc, tuy thiếu thốn, cho đến một ngày:

Tôi cảm thấy không khí trong nhà khắc hằn, rộn rịp, các anh về đầy đủ, người ra vào tấp nập. Xen lẫn vào, là tiếng khóc - chắc là của bà nội. Tôi ngơ ngác trước đèn, nến trên bàn thờ đã thấp lên sáng choang. Mùi hương khói, mùi giấy đốt trùm cả trong nhà.

Không nhớ có phải do mẹ tôi chỉ không, mà tôi tiến dần đến bàn thờ, nhìn vào một cái hòm dài dưới gầm bàn. Hình ảnh cái tiểu sành, trong đó xếp mấy ống xương màu vàng bùn, tất cả những di vật còn lại của thầy tôi - giữa hương khói nghi ngút, tôi còn nhớ như ngày hôm qua. Đó là lần đầu tiên tôi đứng trước cái chết. Nhưng trong đầu tôi chỉ thấy lạ lùng, không có cảm giác đau thương. Và đó cũng là lần đầu và lần chót tôi được trông thấy thầy tôi. Về sau, khi lớn lên, nhớ lại hình ảnh đó, tôi mới suy nghĩ về cuộc đời của con người, của sự sống và sự chết, tôi mới cảm thấy một thứ hư không vô hạn. Cái cảm giác hư không ấy sẽ theo đuổi tôi sau này, mỗi lúc tôi đứng trước những cảnh trạng sống chết luôn luôn phải gặp.

Sau khi tôi ra đời hơn năm thì thầy tôi phải đi làm xa, với việc thông ngôn cho một viên Công Sứ, sang tận đất Sầm Nưa bên Lào - thiên sơn vạn thủy, ma thiêng nước độc, vì sinh kế. Lúc đầu ông cho biết ở bên đó công việc nhàn hạ, khí hậu cũng tốt, làm cho mọi người yên tâm. Nhưng đến một ngày mùa đông, hai anh Thụy và Cẩm bỗng đột ngột đáp xe hoả từ Hà Nội về báo tin dữ: thầy đã mất vì bệnh bên Lào rồi, tin như sét đánh. Vừa nghe nói, bà nội đã ngất xỉu ngay giữa vườn rau. Bà khóc thảm thiết cho mãi tới khuya.

Thầy tôi mất vào ngày 23 tháng 10 năm Mậu Ngọ, tức năm 1918, hưởng thọ 37 tuổi, vào lúc ông hãy còn trẻ quá. Ông mất đi, bên

cạnh chỉ có mỗi mình mẹ tôi, để lại mẹ già, vợ goá và một đám con còn nhỏ bơ vơ.

Tang tóc bất ngờ đã để lại một vết thương âm ỷ, sâu xa trong lòng cả anh em chúng tôi. Cảnh mồ côi bố không phải không có ảnh hưởng. Sinh sống khó khăn, lại thiếu sự dạy dỗ chỉ bảo hay dìu dắt của người bố, bà mẹ bận về tìm cách làm ăn, sao cho nuôi dưỡng được bấy đứa con cho thành người, những cái đó có lẽ đã rèn luyện anh em chúng tôi tinh thần tự giác, độc lập trong cuộc đời phức tạp, đầy gian nan. Ngôi mộ thầy tôi cũng không ở xa lắm đối với phố huyện. Nghe kể lại, lúc đó đã mượn một thầy địa lý đi nhiều nơi tìm chỗ tốt, mang tới phú quý cho gia đình. Cuối cùng, thầy chọn được một nơi tại làng Trữ La, mà thầy bảo là ở ngay giữa miệng con rồng. Có người lại nói là ở đúng trên lưng một con phượng.

Theo chỗ tôi ngắm, thì không giống miệng con rồng chút nào mà phải giàu tường tượng mới cho là lưng con phượng được. Còn ông thầy địa lý đó chắc cũng phải ngắm nghĩ, nếu ông biết gia đình chúng tôi sau này chẳng thấy phú quý ở đâu cả, mà toàn là long đong.

Nhưng dù sao, tôi cũng vẫn còn nhớ nơi mà thầy tôi an nghỉ vĩnh viễn. Đó là một cảnh rất nên thơ. Là nơi rất thân thiết đối với chúng tôi, từ lúc còn nhỏ cho đến khi trưởng thành. Ra khỏi bụi găng ở đầu ga, chúng tôi hay chạy trên con đường sắt thẳng tắp, hai bên là đồng ruộng. Bên tay mặt, trên con sông Sen, một cây cầu sắt gầy không biết tự bao giờ vẫn đứng trơ trơ qua ngày tháng. Bên trái, cánh đồng Kinh nguyên, một dải mộ địa im vắng.

Rời bỏ đường sắt, rẽ vào một con đường đất, chẳng bao xa thì tới một gốc cây đa cổ thụ, cành lá xòe ra, trùm lên cả một khoảng rộng. Đó là cây đa mâm xôi - như người vùng đó thường gọi. Bóng cây đa

đã từng che mát cho bao nhiêu dân làng gần xa. Từ chỗ này, qua mấy thửa ruộng, là tới mộ thầy tôi. Và sau này, bà nội tôi cũng đến yên nghỉ ngay bên cạnh cây đa. Hai mẹ con cuối cùng cũng đã nằm gần nhau tại mảnh đất này. Mộ nằm trên một gò đất, trước mặt là hai ao nhỏ và con đường vắng, lá tre rụng đầy đưa vào trong làng, và vào một ngôi chùa cổ kính, đầy rêu, một ngôi chùa Việt nam chân chính. Hai bên có giải đất dài, dẫn xuống mấy thửa ruộng đằng sau. Chung quanh nhiều khóm cây rũ bóng trên mặt nước. Về sau, có khi tôi đến ngồi bên mộ, không nghĩ ngợi gì, để ngắm cảnh làng quê im lừn, xa vắng.

Thời kỳ ấy, chính vào lúc đệ nhất thế chiến đã kết thúc, nước Pháp đại thắng. Chữ quốc ngữ, chữ Pháp càng được dùng nhiều thay vào chữ Nho, chữ Nôm. Những ông đồ nho chi hồ giả đã dần dần cảm thấy hết thời, bị những ông Ký, ông Thông, Phán thay vào, làm trung gian giữa người Pháp cai trị và người dân Việt. Những công việc này cũng nhàn nhã, lương hậu. Các nhà trường cần nhiều giáo viên, nghề gõ đầu trẻ tuy lương bổng thấp hơn, nhưng cũng không quá vất vả.

Cảnh nghèo nàn thiếu thốn trong gia đình, dù mẹ tôi và bà tôi cố gắng xoay sở, cũng chưa giải quyết được vì đông con. Tôi còn nhỏ quá nên chưa thấy rõ những phiền muộn, éo le, xung đột trong nhà. Tuy cũng cảm thấy nhiều khi, có bầu không khí nặng nề giữa người trong gia đình qua những cuộc cãi cọ, đấu khẩu.

Tại chung quanh, cảnh nghèo khổ, tiêu điều trong các gian nhà lụp sụp, cảnh chân lấm tay bùn của nông dân cặm cùi trên đồng ruộng làm lợi, những người chỉ có một cái khổ che thân, cảnh phiên chợ lèo tèo... cảnh mưa phùn gió bắc, mưa bão trên những lều tranh đầu phố... tất cả những cái đó đã ăn sâu vào trí óc chúng tôi. Về sau, đã

thức giục chúng tôi muốn viết lên, muốn làm một cái gì để thay đổi tình trạng đó. Không phải là ngẫu nhiên, mà chúng tôi đã từng có cảm xúc mạnh - Mệnh vận của mỗi người có thể khác, nhưng chúng tôi có chung sự đồng tình, lòng trắc ẩn sâu xa đối với những đau khổ của cuộc đời.

Hồi đó, tôi lại được quen với những thứ mùi lạ mà ít người khác được biết, đó là mùi rượu lậu. Mỗi khi nấu rượu thì mọi cửa ngõ đều phải đóng kín hết, mọi người thay nhau ra gác đề phòng Tây Đoan đột nhiên đến khám. Thường thường là chị tôi hay anh Sáu đứng ở cổng trông ra đường ga hay trông ra phía chợ. Anh Sáu bắc một cái ghế ngồi, giả vờ đương đọc sách một cách chăm chú. Nấu rượu cũng là bắt buộc để duy trì một gia đình đông con.

Song, đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma.

- Tây đến! Tây đến!

Đương nằm thiu thiu trên chõng, tôi bỗng bị mấy tiếng kêu lớn vọng từ ngoài cổng vào đánh thức, ngồi dậy, ngơ ngác. Tức thì một cảnh hỗn loạn khuân vác, dẹp chạy khẩn cấp diễn ngay ra. Nồi niêu, thùng sắt được khuân ngay ra đằng sau phố. Một người dẹp tắt lửa trên bếp, một cái cửa ngang. May mà hôm đó, Tây Đoan đã không xông tạt vào nhà trong, chỉ lục lọi ở ngoài một lúc rồi bỏ đi khám nơi khác. Nguyên do cũng vì anh Sáu ngồi lâu quá buồn ngủ thiếp đi, nên bọn Tây Đoan đến gần mới phát giác, gây ra cảnh hoảng loạn kể trên...

Nhưng Tây Đoan cũng không vừa. Đã có kinh nghiệm, lại có tay trong, nên lần sau chúng chia người vây nhà, rồi xông vào bắt được quả tang tại chỗ, phạt tiền, tịch thu môn bài rượu. Việc kinh doanh trái phép này phải ngừng, và quay về buôn bán hàng xép, cùng cân gạo. Sinh hoạt gia đình càng khó khăn hơn.

Sau đó, nhờ hai anh lớn đỡ bằng Thành Chung, (tục gọi là đíp lôm) rồi xin được chân giáo viên tiểu học, giúp gia đình sinh sống tạm được yên ổn, tuy vẫn thiếu thốn. Chăm học, lại thông minh, các anh lớn đều học giỏi và đỗ sớm cả. Bảy năm thừa bé của tôi đã qua trong khuôn cảnh phố ga Cẩm Giàng. Trong ký ức, tôi không nhớ rõ lắm về hình ảnh ba anh lớn, Thụy, Cẩm, Tam - có lẽ vì bận học và công việc, nên ít về nhà. Chỉ có anh Long (Tủ) là hay về chơi, nhất là vào dịp nghỉ hè. Thường ở nhà chỉ có chị Thế và anh Sáu, lúc đó học ở trường huyện. Đó là những ngày vô tư vô lự của đám trẻ. Chúng tôi thường rủ nhau đuổi bắt những loại bướm màu sặc sỡ bay lượn trên bụi găng, rồi cùng mấy cô em họ tinh nghịch chạy ra cánh đồng, đánh cỏ gà, một lối chơi rất thú vị, hoặc ngắt những bông hoa thái lài xanh trên bờ ruộng.

- Đi câu cá, đi anh!

Vì biết anh Tư thích câu cá, cô Tám, một cô em kéo anh ra bờ ao nhìn ra cánh đồng xa. Chỗ này mát mẻ, dưới một gốc sung già da sần sùi. Chúng tôi đào giun hay đi súc tép dưới bèo để làm mồi. Hai anh Tư và Sáu ngồi trên thân cây hay trên cầu ao, ung dung đợi cá rô đến đớp. Mấy cô gái trèo thoăn thoắt lên cây, rồi ngồi vắt vẻo trên cành là trên mặt nước. Một cô em hái mấy quả sung đưa các anh ăn, quả nào cũng chín, màu tím, và ngọt lịm. Nhưng chúng nó lại chỉ hái mấy quả còn xanh, lấy ít muối chấm ăn, rất thích thú, tuy đắng chát tê cả lưỡi. Mỗi khi ai kéo lên được một con cá rô đen hay một con cá mại bụng trắng tinh, là mọi người đều nhảy lên reo mừng y như trước một chiến thắng lớn.

Chán rồi, lại kéo nhau ra la cà tại các quán chợ, nếu đến phiên, nhiều người gồng gánh từ chung quanh mang hàng tới bán. Chỉ có mấy viên kẹo vừng hay kẹo lạc cũng đủ làm chúng tôi vui vẻ hạnh

phúc nhất là khi trong túi có thêm mấy xu, có thể làm được mấy bát cháo dương - thứ cháo bột nấu với ít sườn- ngon tuyệt vời, có lẽ ngon hơn tất cả những thứ sơn hào hải vị trên thế gian này.

Nhưng rồi những ngày êm ả tuổi thơ tại Cẩm Giàng cũng đến lúc phải hết. Bắt đầu là cậu học trò bé bị mẹ xua đuổi tới nhà trường. Tôi ngồi im thin thít trên ghế trong lớp, như một sự phản kháng thầm lặng, vì thế tôi được tiếng là một học sinh ngoan ngoãn. Một năm sau, vì hoàn cảnh biến đổi, gia đình dọn lên Hà Nội ở. Một thời kỳ mới bắt đầu trong cuộc đời anh em chúng tôi.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

Chương 2

Đất Thăng long
Những cuộc gặp gỡ đầu tiên

Chuyến xe hoả sinh sịch chạy qua cầu Giàng, trên con sông Sen êm đềm. Tôi ngoảnh đầu, cố nhìn lại con sông hiền lành của thời thơ ấu, cái phố huyện, mấy căn nhà tranh lèo tèo, cái nhà ga xám nhỏ, căn nhà năm gian của mình, cái sân nhỏ trồng tóc tiên và hoa nhài, cây sung trên bờ ao, cây đa mâm xôi, và nấm mộ của thầy tôi trên đồng ruộng im vắng. Đối với tôi, Hà Nội tuy đông vui thực, nhưng chỉ là những đường phố bụi bặm, khô khan. Từ ở phố Sinh từ chật chội, trên vỉa hè đầy những người buôn thúng bán mẹt, chúng tôi lại dọn đến hàng Bún, trong một ngõ cụt vắng vẻ hơn. Tôi vào học trong một trường tiểu học gần đó, và không cần nói, tôi vẫn chưa thấy có hứng thú đối với làm bài, đọc sách. Tôi vẫn tính nào tật ấy. Trước đây, hay đòi ăn thịt mỡ, nay lại giở chứng, đòi ăn Lạp xưởng, cao cấp hơn.

- Tao làm gì có tiền để mua Lạp xưởng cho mày ăn! Tiền mua rau cũng chưa đủ!

Một hôm mẹ tôi nổi giận, gắt.

- Thì bán cả mẹ đi là đủ tiền mua chứ sao! - tôi không chịu nhượng bộ.

Mọi người trong nhà đều phì cười về yêu cầu quái dị của tôi. Sau đó, bà nội lặng lẽ lấy tiền của mình mua mấy đôi Lạp xưởng và nấu một nồi cơm nếp cho cả nhà ăn.

Tất nhiên, với tính xấu như vậy, năm sau, tôi đi thi bằng sơ học yếu lược sau hai năm tiểu học - một thứ bằng duy nhất ở Việt nam Pháp thuộc mới có! Tôi đã ngồi ngậm cán bút sắt trước bài toán thi - trượt vô chuỗi. May mà không ai trong nhà nói câu nào- không ai thêm để ý đến một việc nhỏ như vậy.

Năm đó, tôi cùng gia đình xuống Thái Bình cùng ở với anh Cả đương làm đốc học trường huyện Thư Trì, ngay bên sông Hồng Hà. Lần đầu tiên, tôi được thấy giòng sông Hồng cuộn cuộn, mênh mang, đổ lừ chảy về xuôi, qua những bãi cát dài, những vườn ngô thẳng tắp và ở xa, những làng mạc đồng quê. Cảnh con sông Hồng đã in sâu vào trí óc tôi, và hơn nữa, vào trái tim non nớt của tôi.

Chiếc tàu Phi Phụng ghé vào bến Tân Độ. Chúng tôi - mẹ, chị tôi và tôi đến ở một làng gần ngay huyện và nhà trường. Một căn nhà tranh nhưng cao ráo, sáng sủa. Trong vườn sau cổng vào, hai cây cam lớn, với quả vàng óng chừa chừa khiến tôi thêm muốn. Nhưng thất vọng rất nhanh, vì cam chua quá. Ở đó con người, kể cả những bạn học lớn của tôi, đều rất thành thực, chất phác. Có khi, tôi theo bạn học qua con đê lớn, xuống những làng xóm nằm dưới chân đê. Họ hái cho tôi những quả táo ta vàng nuột khi chín, rất ngọt -táo ở vùng này có tiếng là to và ngon, gọi là táo cống.

May mắn, qua một năm, lần này tôi thi đỗ cái bằng đó. Có bằng đó rồi, thì đã ngang với hàm Cửu phẩm văn giai, mà nhiều người lấy làm hãnh diện, treo ngay trong phòng khách. Thời đó hình như đỗ tú tài thì có thể xin hàm lục phẩm và nếu làm tri huyện thì được hàm Ngũ phẩm triều đình. Nhưng rồi không lâu, vì cãi cọ với viên tri huyện, anh Thụy tôi phải đổi đi nơi khác. Chắc là bị trừ, nên lần này đổi lên tận Cao Bằng, mãi tận vùng Đông Bắc núi cao rừng rậm. Gia đình lại trở về Hà Nội. Lúc đó, tôi đương học lớp nhì tại trường học

tỉnh Thái Bình. Một lần, ông giáo hỏi tôi một câu gì, tôi trả lời hơi chậm chạp, ông bèn phê luân một câu bằng tiếng Pháp:

- Những học trò ở quê lên, thường là ngớ ngẩn!

Chạm vào lòng tự ái, tôi thấy ông giáo này không công bằng và có ý khinh miệt những người nhà quê). Để kháng nghị, tôi bỏ học và hôm sau bỏ Thái Bình về Thư Trì, nhân dịp nhà trở về Hà Nội, đúng lúc. Hai mươi năm sau, tình cờ, tôi lại gặp ông giáo đó tại Hà Nội, hai người bắt tay nhau, cùng cười xoà. Chắc trong bụng, ông vẫn cho tôi là ngớ ngẩn.

Bước vào giữa thập niên 20, tình hình Việt nam đã rục rịch những biến chuyển mới, theo tình hình trên thế giới và những thay đổi trong xã hội.

Sau thế chiến thứ nhất, với tư cách kẻ chiến thắng, nước Pháp đã duy trì được nền thống trị trên các thuộc địa. Nhưng do sự tiếp xúc, giao lưu với thế giới bên ngoài đã tăng mạnh, nhất là về những phong trào đòi độc lập ở á châu, Phi Châu, phong trào đòi dân chủ tự do, và một mặt là ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản cùng mọi thuyết dân chủ xã hội tại âu, Mỹ, người dân Việt cũng như dân các nước bị trị khác - đã cảm thấy đến lúc phải đứng lên hoạt động, và kế thừa tinh thần của các phong trào ái quốc được khơi dậy bởi những thế hệ tiền bối, như Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt nam Quang Phục Hội.

Nói chung, thanh niên hồi đó chịu ảnh hưởng của ba luồng tư tưởng trong quốc tế. Một là ảnh hưởng của cuộc cách mạng Tân Hợi Trung Hoa đã thành công năm 1911, và việc quật khởi của nước Nhật bản cường thịnh. Hai là của những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái do cuộc Cách Mạng Pháp nêu lên, và của Tuyên Ngôn về Hiến Pháp của Hoa Kỳ. Ba là của cuộc cách mạng tháng 10 ở Nga, đưa đến

hành lập Liên Bang Xô Viết, với khẩu hiệu giai cấp vô sản liên kết với nhân dân các nước bị áp bức do Lenin đưa ra. Những luồng tư tưởng dân tộc, dân chủ và đấu tranh cho giai cấp vô sản ít nhiều đã tràn vào Việt nam, dù bọn thực dân có muốn cũng không ngăn cản được. Trong nội bộ Việt nam, đã xuất hiện những giai tầng kinh doanh, trí thức mới, vận dụng chữ quốc ngữ và chữ Pháp, hấp thụ được những quan niệm mới tự do, phóng khoáng hơn, đẩy lui dần những quan niệm Khổng Nho cũ, những gò bó quân thân phụ tử, tam tòng tứ đức phong kiến lỗi thời mà một số người khư khư cho là khuôn vàng thước ngọc. Đây là giai đoạn phôi thai cho một nền văn học mới. Một số báo chí có khuynh hướng trung dung như Trung Bắc Tân Văn, Hữu Thanh tạp chí ra đời. Trên mặt văn đàn, những tên tuổi như Tân Đà Nguyễn Văn Vĩnh... và sau đó Phạm Quỳnh đã lần lượt xuất hiện. Những tác phẩm thời kỳ đó, tôi đã từng đọc, tuy chưa là hay lắm, nhưng cũng có phần nào thoát được lối văn cũ. Những bài thơ hài hước của Tú Xương, hay những bài dịch ngụ ngôn của La Fontaine của Nguyễn văn Vĩnh, theo ý tôi, rất đặc sắc và có giá trị riêng, tôi rất thích đọc.

Chính giai đoạn này là lúc chớm nở những tài hoa xuất chúng, sửa soạn đi tới một thời kỳ toàn thịnh của nền văn nghệ Việt nam sau năm 30. Tôi có may mắn được gặp gỡ mấy nhà văn trong Tự lực văn đoàn sau này trong lúc sáng tác của các anh đó còn trong thời kỳ sơ khai - Nhất Linh, Tú Mỡ, Khái Hưng.

Thực ra, lúc còn bé, sự tiếp xúc giữa hai anh em không nhiều. Trong ký ức, hồi đó, anh Tam là một người cao, hơi gầy, mặt xương xương, đôi mắt sâu như tất cả các anh chị em trong nhà. Mắt sâu nhưng sáng, hay nhìn dăm dăm về phía trước. Từ trẻ, anh đã suy nghĩ về nhiều vấn đề mà thường thường, những thanh niên khác

không chú ý ngoài việc đi học, đi làm, lấy vợ.

Đặc biệt, người ta hay để ý tới cái mũi của anh, sống mũi cao, đầu mũi hơi to và hiện ra những mạch máu đỏ li ti. Vì thế, rất sớm, anh đã có biệt hiệu là Tam mũi đỏ. Còn một biệt hiệu nữa trong nhà và bạn hữu đặt cho, là Tam muối vừng: không biết vì lười hay cho là ăn như thế mới ngon, anh hay tự gĩa muối vừng đã rang, rồi từ cối mức ra để ăn cơm. Lại thêm biệt hiệu Tam cối nữa.

Tính tình anh hiền từ, chưa bao giờ tôi thấy gắt gỏng to tiếng, hay cãi lộn với ai, cũng như các anh em khác trong gia đình. Có thể nói hiền lành, ít nói là một đặc tính chung cho chúng tôi.

Tác phẩm đầu tiên của anh là mấy bài dịch thơ Đường đăng trên báo Trung Bắc Tân Văn. Thơ Đường đã có ít nhiều ảnh hưởng đối với anh cũng như đối với các nhà văn nhà thơ Việt nam. Nhưng anh không có hứng thú làm thơ, mà có hứng thú viết truyện hơn.

Năm 1926, tôi được đọc cuốn truyện đầu lòng của Nhất Linh. Chỉ còn nhớ cuốn sách đó in trên giấy bản, gáy sách đóng bằng chỉ. Là một cậu học trò nhỏ tuổi, tôi chưa đủ trí óc để phán đoán. Truyện một cô gái gặp khó khăn, nhưng hiền hậu đảm đang, cố gắng giúp chồng đỡ đạt, làm nên... thực có vẻ nho phong, tuy chưa thoát khỏi được lẽ lối cũ, song lối hành văn có vẻ trong sáng hơn, ít sáo ngữ hơn. Có lẽ vì thế nên đặt tên truyện là Nho Phong.

Một buổi chiều (không nhớ là vàng hay tím), tôi cắp sách về tới nhà. Một người bạn đương ngồi trong phòng khách. Ông bạn này người cũng hơi cao, gầy, da mặt ngăm ngăm đen. Đôi mắt rất thông minh, miệng cười có duyên, có vẻ hóm hỉnh. Ông đương rít một hơi thuốc Lào, nước kê lộc sộc, rồi thở ra một cách khoan khoái. Độ ấy, nhiều người hút thuốc Lào, kể cả Nhất Linh, Khải Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, trong đó Tú Mỡ, Thế Lữ là nghiện cụ. Anh Hoàng Đạo ngoan

traí hơn, không thuốc lá cũng không thuốc lá. Lớn lên, tôi cũng tập tễnh hút. Phải thú thực, thuốc lá đưa đến cho người ta một thứ say sưa, khoái cảm đặc biệt.

Thoạt trông, anh Hồ Trọng Hiếu có vẻ chất phác, không có gì nổi bật khiến người ta chú ý. Hiền hậu, khiêm tốn, ít nói về mình, ai cũng mến anh. Anh và anh Tam cùng làm trong sở Tài chánh, có lẽ vì tính tình hợp với nhau, nên rất tâm đắc. Nhìn anh, không ai nghĩ đây là một nhà thơ trào phúng xuất chúng sau này.

Không phải là Tú Mỡ chỉ viết sau khi gặp anh Tam. Trước đó anh đã có một số bài thơ đăng trên các báo, hay vài bài tạp ký. Nhưng phải nói là Nhất Linh đã cổ vũ anh rất nhiều về sự nên chuyên vào làm thơ trào phúng, và chỉ có qua Phong Hóa, Ngày Nay, tài hoa của anh mới được phát triển đầy đủ và được độc giả ưa chuộng. Tiện đây, xin nói là sau này, khi bắt buộc phải tự kiểm thảo lên án công dân Nguyễn Tường Tam về tội phản động, một mặt vẫn còn đủ can đảm và lương tâm để khẳng định rằng không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ và chính Nguyễn Tường Tam đã tạo nên Tú Mỡ. Nhưng, ngược lại, nếu không có Tú Mỡ cộng tác và khuyến khích, thì sự nghiệp văn học của Nhất Linh chắc cũng không thuận lợi như hồi đó, và cũng không có Tự lực văn đoàn sau này.

Có thể vì hoàn cảnh, hai anh lớn -Thụy và Cẩm không có duyên với nghiệp văn chương. Anh Thụy từ giáo viên đổi sang tự học đỗ tú tài, rồi sau thi vào làm một chức tham tá Bưu Chánh ở sở Bưu điện Hà Nội. Còn anh Cẩm thì tốt nghiệp trường Cao đẳng Canh nông, và được bổ đi làm tham tá tại nhiều nông trường ở miền Nam, ở Lào. Chấn đời cạo giấy tại sở Tài chánh, anh Tam xin vào học trường Y sĩ Đông dương- lúc đó chưa có trường Y khoa Đại Học- nhưng chắc số anh không phải là đeo ống nghe, tiêm thuốc, và tâm hồn nghệ sĩ

không ăn khớp với cái nghề khô khan không chút thi vị này, anh lại vội nhảy sang học trường Mỹ Thuật Đông dương.

Nàng Mỹ Thuật có lẽ hợp với anh hơn, vì anh có khiếu về vẽ. Trong trường, anh cũng là một học trò giỏi. Một lần, cùng mẹ, tôi đi xem cuộc triển lãm hội họa của nhà trường tổ chức. Thường thức mọi loại tranh từ trên lụa cho tới sơn dầu, thủy mặc. Cuộc triển lãm này cũng là một bước đánh dấu sự phát triển của nền hội họa Việt nam. Văn học và mỹ thuật cùng chớm nở và trưởng thành trong một thời kỳ, hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên, mà vì xã hội đã hội đủ những điều kiện cho sự trưởng thành ấy.

Mẹ tôi và tôi dừng bước trước một bức tranh truyền thần vẽ bằng bút chì, chân dung một bà cụ già.

- Tranh của anh mày vẽ đấy, có biết vẽ ai không?- mẹ tôi chỉ vào bức tranh hỏi.

Tôi nhìn lại, mới nhận ra là người trong tranh vẽ chính là bà nội mình. Tôi thấy vẽ giống thực và đẹp thực. Mẹ tôi lại gật gù tấm tắc:

-Vẽ giống quá! Tinh thần, tinh thần lắm!

Con vẽ, mẹ khen hay, tưởng cũng tự nhiên thôi.

Hồi ấy, nếu anh Tam cứ theo đuổi nghề vẽ, thì tất có thể trở nên một Tô Ngọc Vân, Nguyễn Phan Chánh hay Nguyễn Gia Trí, một nghệ sĩ tài hoa, nhưng lúc đó sẽ không còn nhân vật Nguyễn Tường Tam - Nhất Linh, và không có Phong Hóa, Tự lực văn đoàn. Người ta có lúc không thể không tin ở số phận. Cũng may, lý tưởng chính của anh vẫn là viết văn. Năm sau, cuốn Người quay tơ ra đời. Một tập truyện ngắn, với nhiều đề tài khác nhau. Lúc đó, tôi đọc, thấy thích thú hơn cuốn Nho Phong. Lối viết đã gọn ghẽ, sáng sủa, ít có văn sáo rỗng tuếch như nhiều tác phẩm đương thời. Đặc tính văn chương đã lộ ra, đó là lòng nhân đạo, vị tha, nhạy cảm trước những

éo le, mâu thuẫn của con người. Khuynh hướng xã hội trong văn chương Nhất Linh đã chớm nở.

Đọc Người quay tơ tôi thích nhất là mấy bài Nô Lệ, Sư bác chùa Kênh. Chàng nông phu trong Nô lệ vốn có mấy mẫu ruộng, nhưng sau mất dần vào tay một chủ đồn điền, cuối cùng lâm vào cảnh tá điền phải thuê ruộng để cày cấy. Chỉ còn chiều đến, đứng dưới chân đồi nhìn lên toà nhà ông chủ mà than ầy đèn ông chủ, ầy chó ông chủ. Nhà sư trong Sư bác chùa Kênh ngẫu nhiên tìm thấy một số vàng chôn dưới gốc cây, thì, ba năm sau, người ta thấy ông ra ứng cử nghị viên thành phố Hà Nội... số ông không phải đi tu.

Tuy có tiến bộ, nhưng tác phẩm của Nguyễn Tường Tam không được chú ý bằng những áng văn kiêu lãng mạn, trữ tình, khóc than sướt mướt như bài Giọt Lệ Thư khóc chồng của bà Tương Phố, hay cuốn tiểu thuyết Tố Tâm của Song An Hoàng Ngọc Phách. Ai đã sống qua thời đó, cũng nhớ rằng mấy tác phẩm ấy đã khiến cho bao người, đặc biệt là phái nữ đa sầu đa cảm phải rơi bao nhiêu là nước mắt. Ngay khi tôi đọc Giọt Lệ Thư cũng không khỏi thấy mắt cay cay. Mỗi lần thu sang em lại rầu lòng than khóc- câu văn ai oán này có khi lại văng bên tai tôi với tiếng khóc chồng bi đát của thiếu phụ tuyệt vọng. Sao mà bi ai đến thế?

Còn Tố Tâm và Đạm Thủy, một đôi người yêu bị tục lệ phong kiến gia đình cấm đoán không lấy được nhau, cuối cùng đều tự vẫn chết. Cũng tựa như bi kịch Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài ở Trung Hoa hay Romeo và Juliette tại Âu Châu. Đông Tây không như Rudyard Kipling nói- vẫn có thể gặp nhau, vì dù ở đâu, cũng có tình người.

Những áng văn rầu rĩ ấy, cũng lạ, ra đời trong lúc mà xã hội đương rung động sau vụ liệt sĩ Phạm Hồng Thái hy sinh tại đầm Bạch Nga, Quảng Châu, nhà chí sĩ Phan Chu Trinh qua đời, cụ Phan Bội Châu

bị bắt và đưa ra toà, cùng những cuộc biểu tình, bãi công khắp nước, đánh dấu cho sự trỗi dậy của dân chúng Việt nam. Nỗi niềm bi quan trong những tác phẩm kể trên tất nhiên cũng phản ánh những mâu thuẫn có thực trong xã hội, trong những tầng lớp trung lưu hay những tầng lớp đã một lạc, sa sút, và mâu thuẫn giữa quan niệm cổ hủ với quan niệm mới yêu cầu tự do cá nhân. Tình trạng ấy không riêng cho Việt nam, mà là chung cho nhiều dân tộc trên thế giới, khi ảnh hưởng của nền văn minh Tây Phương lan tràn tới khắp nơi. Cùng với những sự xâm lược bằng vũ trang tân tiến, trên các nước á Châu hồi đó một nền công nghiệp dựng trên khoa học kỹ thuật mới đã đem lại tầng trí thức càng ngày càng đông đã dễ dàng hấp thụ những tư tưởng quan niệm mới khác hẳn với quan niệm truyền thống phong kiến dựa trên Khổng giáo, nhất là tại Trung quốc, Việt nam hay Nhật bản, Đại hàn.

Song An Hoàng Ngọc Phách, tác giả cuốn Tố Tâm, cũng từng nhận xét về ảnh hưởng của thay đổi xã hội tới nền văn chương, mà ông cho thời kỳ này là lúc âu-á giao thời. Cùng một thời kỳ 1920-1940, tại Trung quốc cũng đã nảy nở ra một nền văn học mới, viết bằng lối bạch thoại sáng sủa, khác hẳn với lối viết cổ văn khó hiểu và gò bó trước đây. Những nhà văn có tiếng thời ấy như Ba Kim -nhà tiểu thuyết - Mâu thuẫn- tiểu thuyết và tạp văn -Lỗ Tấn - nhà tư tưởng, hay Tào Ngưu - tác giả kịch Lôi Vũ, cũng đều có những tác phẩm phê phán những lạc hậu, cổ hủ của xã hội cũ và đưa ra những ý kiến cải cách xã hội, mong đưa tới một lối sống rộng rãi, nhân đạo, tự do hơn.

Với tính chất dân tộc đặc biệt của mỗi quốc gia, nền văn hóa có thể khác nhau nhưng cũng là chịu ảnh hưởng của trào lưu tiến hóa chung của nhân loại. Văn học vẫn chịu ảnh hưởng sâu xa và trực

tiếp của nền văn hóa Pháp, và cả nền văn hóa Âu Tây, như Đức, Anh, Nga, Mỹ. Mặc dầu thực dân Pháp cố nhồi vào đầu óc người Việt những tư tưởng nô đòi Nos ancêtres, les Gaulois (Tổ tiên chúng ta là người Gaulois) - yêu nước Pháp, yêu nhà nước bảo hộ... những chúng không thể không đồng thời nêu ra khẩu hiệu Tự do, bình đẳng, bác ái dính liền với danh hiệu Cộng hòa Pháp. Cũng không thể không mang lại những tên tuổi như Voltaire, Jean Jacques Rousseau, Montesquieu, hay những nhà văn như Lamartine, Victor Hugo, Balzac, Paul Verlaine, Beaudelaire, Romain Rolland, Sartre, v.v... cùng một số tên tại các nước khác như Shakespeare, Byron, Goethe, Tolstoi, Dostoieski và ngay cả Maxims Gorki, Mark Twain...

Do đó, người ta không lấy làm lạ khi, trong nền văn học Việt nam, đã xuất hiện đủ các khuynh hướng: bảo thủ, hiện thực, lãng mạn - kể cả thứ gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa Mácxít. Trên một khía cạnh nào đó, chính người Pháp đã gieo những mầm mống chống chế người đế quốc, và tự do, dân chủ, nhân quyền trong dân chúng người Việt.

Câu danh ngôn của Ruyard Kipling, một tác giả người Anh Đông là Đông, Tây là Tây, Đông Tây không bao giờ gặp nhau, thực ra chỉ là một suy nghĩ quá cổ xưa.

Lúc ấy, tôi chỉ là một cậu học trò mười mấy tuổi, thích đọc tiểu thuyết đủ mọi hạng. Trước hết, là những bản văn của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, hãy còn mang lối viết sáo và còn thô sơ, rồi những truyện kiếm hiệp khá hấp dẫn. Ngoài ra, tôi còn nhớ được đọc cuốn Tuyết Hồng Lệ Sử dịch ra tiếng Việt. Cuốn này cũng là một tác phẩm suýt mướt, chắc là tiền bối của những áng văn đắm nước mắt. Bây giờ nghĩ lại, những áng văn ấy đã có ảnh hưởng sâu xa đến đầu các thanh niên

nam nữ thời đó - trong đó có cả tôi một độc giả trung thành. Nhiều người đã không khỏi nhiễm những tư tưởng ủy mị, lãng mạn, cá nhân, trong một thời kỳ cần tới ý thức dân tộc, đấu tranh hơn. Tất cả những luồng quan niệm trái ngược trong xã hội đã có ảnh hưởng sâu xa tới thế hệ trẻ nói chung, và tới anh em chúng tôi nói riêng. Ai cũng đều phải suy nghĩ và tìm một con đường cho mình. Có người thì buông mình trôi theo chiều gió, có người hăng hái hơn, muốn góp sức vào việc thay đổi tình trạng sao cho tốt đẹp hơn, lý tưởng hơn.

Chúng tôi ít nhiều cũng thuộc vào hạng người sau. Và anh Tam là con người tiêu biểu nhất, có ý chí, lý tưởng mạnh mẽ và đi tiên phong trong việc thực hiện ý nguyện ấy. Tôi thường thấy anh hay ngồi viết hay suy nghĩ, nhiều khi tới nửa đêm. Thành công trong sự nghiệp văn chương hay xã hội sau này không phải là ngẫu nhiên, tuy lúc đó, anh chưa tìm thấy rõ rệt con đường để đi.

Nếu là tiên phong trong công việc văn hoá, thì anh Tam lại là tiên phong trong việc lấy vợ, trước cả anh Cả. Theo ý muốn của bà nội và mẹ, năm 20 tuổi anh đã phải lấy vợ. Cô dâu là con gái một gia đình buôn bán ở đầu phố Cầu gỗ, trông ra bến xe điện Hà Nội - Hà Đông. Trong cuốn Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường, chị Thế tôi đã thuật rất cặn kẽ về đám cưới cũng khá long trọng này. Tôi là một chứng nhân lịch sử mới mười tuổi, hãnh diện trong áo đoạn xanh, và một thẻ bài ngà đeo trước ngực giống như một quan lớn, ngồi trong xe kéo để đi đón dâu. Chú rể ở đầu phố, cô dâu ở cuối phố, quá gần. Thực là:

Thiếp tại Tương Giang đầu, quân tại Tương Giang vĩ,
Tương tư bất tương kiến, đồng ẩm Tương Giang thủy

Câu thơ Đường tôi nhớ mang máng, bèn phỏng theo mà đổi là:
Thiếp tại đầu Cầu gỗ, chàng tại đuôi Cầu gỗ...

Nếu có tương tư thì cũng rất tiện, chỉ cách nhau có năm phút đi bộ.
Mà muốn tương kiến thì chỉ cần đi ngang qua cửa hàng cau là thấy
mặt nhau ngay.

Cũng vì cách nhau quá gần, nên đoàn xe đón dâu không đi đường
thẳng mà lại mua đường, đi riều phố một vòng qua Bờ Hồ rồi mới
quay về nhà. Đám cưới ông Nhất Linh tương lai có khác:

Ngồi lâu hay chóng đổi với tôi không quan trọng. Tôi chỉ quan tâm
đến sự được ăn cỗ bát: bóng, mực, bò câu... rất hiếm hoi trong đời.
Tối hôm ấy thì có cỗ cưới linh đình đủ các món. Việc lấy vợ cũng có
ảnh hưởng đến tương lai anh Tam. Sẵn nghề buôn cau trong tay, chị
Tam đã giúp được chồng cáng đáng gia đình, để anh không bị trói
buộc vào những công việc khô khan. Rồi, nhờ ở đó và sự giúp đỡ
của một hội đoàn, anh có đủ điều kiện để đi du học ở Pháp, một
điều anh đã mong ước từ lâu

Theo ý nguyện của anh, việc đi Pháp không phải là chỉ lấy được
bằng cấp của Tây, kiếm được việc tốt, mà quan trọng nhất là sang
được một phương trời mới văn minh, tiến bộ, mở rộng được tầm
con mắt, hiểu biết về thế giới ở ngoài.

Trước khi đi Pháp vào đầu năm 1927, anh bỏ trường Mỹ Thuật vào
Sài-gòn rồi đi Nam Vang. ở đó, anh làm nghề vẽ phong (màn kịch)
cho rạp hát để kiếm thêm một số tiền, theo lời chị tôi kể.

Giai đoạn này, gia đình đã dọn tới một căn nhà gác tại Ô Cầu Rèn,
dưới chợ Hôm, đối diện với trường Yên Thành, và có đường xe điện
chạy qua. Một đường phố và cửa Ô đông đúc, náo nhiệt, dân cư
phần lớn là thợ thuyền nghèo.

Mẹ tôi và chị tôi lại mở một cửa hàng tạp hoá, bán đủ các thứ, từ gạo đến nước mắm, nến hương. Tôi thì đi học tại trường Hàng Vôi, mỗi hôm phải đi bộ mấy lượt. Hôm nào cũng đi qua mấy phố Tây, phủ Thống sứ, khách sạn Métropole sang nhất Hà Nội, vườn hoa Paul Bert với bức tượng tay thực dân này. Vườn hoa con Cóc trông ngộ nghĩnh hơn, với những con cóc phun nước ngay trước cửa nhà băng Đông dương. Thỉnh thoảng có thì giờ, tôi và mấy bạn học rẽ sang bờ Hồ Gươm, đứng trên cầu Thê Húc ngắm làn nước xanh như rêu. Hay quay sang phố Tràng Tiền, phố đẹp nhất thời đó, dán mũi vào những tủ kính bày hàng của nhà Gô-Đa (tức tổng hợp bách hoá). Cuối phố, nhà Hát Tây - sau gọi là Nhà hát Lớn- thực ra không đồ sộ lắm, nhưng dưới mắt chúng tôi, là toà kiến trúc đẹp nhất Hà Nội.

Ngã tư Tràng Tiền với phố bờ Hồ có thể cho là một góc hiện đại nhất của thành phố hồi ấy. Buổi tối những ngày nghỉ, đó là nơi dạo gót tất yếu của thanh niên nam, nữ. Nếu chỉ nhìn bề mặt, thì thực là một cảnh thanh bình, trai thanh gái lịch vô tư lự. Nhưng đối với những người biết suy nghĩ một chút, thì không thể không nhìn thấy cảnh những ông tây bà đầm phè phỡn, ngạo mạn, những tay cảnh sát đeo dùi cui ngạo nghễ đi tuần, và cảm thấy có cái gì căng thẳng, nặng nề. Tuy còn là học trò tiểu học, chúng tôi cũng đã có cảm tưởng như vậy, và chắc còn nhiều người nữa. Số người thương nữ bất tri vong quốc hận chắc là không đông. Thực ra, tôi cũng không rõ lắm về hoạt động của anh Tam hồi trước khi đi Pháp. Có tác giả đã viết anh từng gia nhập Việt nam Quốc Dân đảng. Điều này không chính xác vì năm 1926 Việt nam quốc dân đảng chưa thành hình, chỉ có Nam Đồng Thư Xã. Song có thể anh đã gia nhập một nhóm bí mật nào, và để tránh bị khủng bố, phải rời vào Nam. Năm 1926, một

số tổ chức như Phục việt Tân Việt cách mệnh Đảng, hay Việt nam thanh niên cách mệnh đồng chí hội đã bắt đầu hoạt động.

Hoạt động cách mệnh cùng hoạt động văn hóa đều đã bắt đầu mạnh mẽ hơn, đó là đặc điểm quan trọng nhất từ 1925 trở đi.

Trong lúc đó, du học Pháp là một mốc quan trọng trong đời anh Nguyễn Tường Tam, có ảnh hưởng sâu xa tới sự nghiệp văn hoá và chính trị của anh sau này.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 3

Gia đình chúng tôi trong thời kỳ sôi động 1927-1931

Lại một đám cưới nữa. Lần này tôi được trang sức bằng áo gấm và ngực đeo khánh vàng (tất nhiên là vàng giả), cùng ngồi trên xe kéo để đi đón dâu, song không cần đi vòng queo nữa, vì nhà gái ở tận ấp Thái Hà, khá xa, trên con đường đi Hà Đông. Người em thứ ba đã cưới vợ rồi, thì hai ông anh nghĩ sao đây?

Anh Cả đâu chịu lạc hậu mãi. Lại một cuộc hôn nhân do mối manh, không có gì gọi là tự do luyện ái cả. Anh kể lại, đi xem mặt chỉ thoáng một lát, chưa trông thấy rõ mặt, chỉ thấy người cũng tròn trặn, phúc hậu, thì cũng bằng lòng rồi. Một điều kỳ cục là mấy ông sau này hăng hái bênh vực tự do luyện ái lại toàn là lấy vợ do gia đình xếp đặt cả. Có lẽ vì thế họ vẫn hằng mơ tưởng một cuộc tình lãng mạn thực sự.

Hôm đó, đoàn xe khá dài, riều phố khá lâu, mãi tới quá trưa mới về tới nhà. Trong ký ức tôi, chị Cả là một phụ nữ hiền lành, ít nói. Chồng đi dạy học xa, chị chỉ sống loanh quanh trong nhà. Tôi biết lẽ mờ là chị sống trong chịu đựng, vì những xung đột có khi vì những so bì rất nhỏ mọn, giữa mấy thế hệ.

Hơn năm sau, vì đẻ khó, chị đã từ trần ba ngày sau khi sanh ra một cháu gái. Thiếu mẹ, đứa bé cũng theo mẹ luôn ba tháng sau đó. Bà mẹ chị, theo lời chị tôi kể, đã khóc con rồi khóc cháu rất thảm thiết,

khóc hết nước mắt, vì chị là con một.

Sau đám tang của thầy tôi, đây lại là hai đám tang nữa. Tuy còn nhỏ, nhưng tôi không khỏi cảm thấy ngậm ngùi. Chị Cả, như là một cái bóng đau thương vụt qua rất nhanh trong đời sống gia đình.

Anh Cả cùng một lúc, đã mất cả người vợ và đứa con. Một hôm, ngẫu nhiên trong một cuốn sách để trên bàn của anh, giờ trang đầu, tôi đọc một câu viết tiếng Pháp.

Me plonger dans létude comme dans une mer doublí.

dịch nghĩa

Trầm mình trong học hành như trong một bể lãng quên.

Từ đó, anh đã vùi đầu học hành để thi lấy bằng Tú Tài Tây. Vì cố gắng, anh đã thi đỗ, vài năm sau anh vào làm trong sở Bưu chánh Hà Nội. Đời sống được sung túc hơn. Dù thế nào, cũng cần quên đi quá khứ. Lại nhờ mối manh, anh đã tục huyền. Anh đi xem mặt ở cửa hàng sách. Cô gái tuy hơi nhỏ, thấp nhưng cũng xinh xắn dễ coi, hai người đều bằng lòng.

Chị Cả hai này, tôi thấy có vẻ vui tính, hay nói hơn chị Cả trước. Và lần này, anh Cả tôi đã gặp may mắn hơn, gia đình con cái đầy đàn đến nỗi tôi không nhớ nổi tên của mỗi cháu, trừ mấy cháu lớn. Cuộc hôn nhân này mỹ mãn và dài lâu. Vậy thì còn anh Hai ra sao? Đạo đó, anh đổi vào Sài Gòn làm việc và kết hôn ở đó. Chị Cẩm người cũng thấp nhỏ và hiền lành sau sanh một cháu gái.

Nhiều khi tôi thấy ái ngại cho anh, những lúc trở gò, đổi sang lạnh hay nóng. Lúc ở căn nhà đường Giám, anh thường hay lên cơn suyễn, ho sù sụ và tức thở, chảy cả nước mắt, nước mũi, mặt có khi đỏ gay, khi trắng bệch. Lúc đó, anh phải đốt một thứ xì gà thuốc để

hít lấy hơi, dần dần mới hạ được cơn. Có lúc anh phải tự tiêm một ống thuốc, hay nhờ anh Sáu (Vinh) tiêm hộ. Về sau, anh lại trở vào Nam, vì ở đó khí hậu ấm hơn, cơn bệnh giảm bớt.

Anh Cẩm hơi khác chúng tôi ở chỗ cao lớn hơn một chút, mặt vuông. Anh thuộc hạng người dễ dãi, điềm đạm, không nói nhiều. Vì anh hay xa nhà, tôi lại còn quá nhỏ, nên anh em ít trò chuyện với nhau. Nhưng tôi biết, anh cũng thích viết, và có khiếu về viết, như sau này trong báo Ngày Nay họa ảnh. Hoàn cảnh đã khiến anh trở thành một nhà báo, nhà văn... lâm thời, trong một thời gian ngắn ngủi mà thôi.

Con người có đời sống quy củ hơn cả trong gia đình, phải kể anh Long (Hoàng Đạo), ít ra dưới con mắt tôi. Một chàng trai khôi ngô, trắng trẻo, học giỏi, tính cách bình dị. Cũng như đa số anh em, anh không màng công danh, lợi lộc. Từ trường Luật ra, anh không xin làm quan như một số bạn học. Thời đó, nếu muốn một chân tri huyện, tri phủ, chắc cũng không khó gì lắm, chỉ cần quen thuộc với vài mảnh khoé trong quan trường. Trong anh em chúng tôi, không ai thích làm quan, và cũng không thích quan. Chúng tôi không thích quan liêu, quyền quý, cũng như trọc phú chỉ biết trục lợi, không thích nềnh đình phong kiến và những kẻ cộng tác với bọn thực dân.

Anh Long không khỏi chịu ảnh hưởng của luồng tư tưởng ái quốc. Tôi không rõ anh có gia nhập hay có liên hệ với tổ chức cách mệnh nào, nhưng chắc chắn là đã bị đương cục thực dân nghi ngờ nên đã bị đày đi tận Đà Nẵng, miền Trung, làm tham tá lục sự. Một năm sau, anh lại đổi về Hà Nội giữ việc tham tá ở toà án. Buổi tối hay ngày nghỉ, anh thường hay đọc sách, nghiên cứu về xã hội, chính trị nhiều hơn là về văn chương. Người sống bình thường nhất và thắm lặng hơn cả trong gia đình, là người con gái duy nhất - chị Thế. Truyền

thống trọng nam khinh nữ vẫn còn trong thời kỳ này. Trong lúc gia đình gặp khó khăn, chị không được đi học nữa và về nhà giúp mẹ trong việc buôn bán. Phận con gái thường thường là thế, không có gì lạ, cũng phải chịu đựng thôi. Thế nào rồi cũng đi lấy chồng, sinh con đẻ cái. Chị cần cù, đảm đương mọi việc trong gia đình, đã giúp đỡ không ít để các anh em yên tâm học hành, làm việc. Ít khi thấy chị than phiền hay gắt gỏng điều gì. Nhưng đối với các anh em lớn nhỏ, bao giờ chị cũng chân thành, quan tâm, dù ở trong cảnh huống gia đình khó khăn, thiếu thốn. Ở căn nhà phố Giám, tôi cũng không nhớ rõ anh Sáu (Vinh) học gì hay làm gì. Chỉ nhớ, một hôm, anh đứng ở phòng khách dưới nhà, đương nhồi thuốc vào điếu, sửa soạn hút một hơi thì mẹ tôi ở trên gác xuống.

Tôi và bà nội ngồi ở trong, lúc đầu không nghe rõ hai người nói gì, nhưng sau dần dần thấy mẹ tôi to tiếng hơn:

- Lâu nay không biết mày làm gì? Nhà đương túng bán mà sao không mang được một đồng về?

Có lẽ vì anh bỏ trường rồi chưa làm việc gì. So với các anh lớn có thể anh không làm cho mẹ vừa lòng lắm. Hai mẹ con cãi cọ một lúc, rồi không biết tại sao cả hai đều khóc. Ngạc nhiên, chúng tôi chạy ra ngoài.

- Con xin lỗi mẹ, con sẽ đi làm

Anh vừa nói vừa gạt nước mắt, trông cũng đáng thương. Chắc anh nghĩ rằng mình cũng chưa làm gì để giúp mẹ.

- Ừ, thì, mẹ cũng tha lỗi cho con. Nếu muốn đi học, thì dù thiếu thốn, cả nhà cũng sẽ giúp.

Bà tôi đứng bên cũng phải rơi nước mắt. Lúc đó, mới thấy anh châm thuốc vào điếu để hút.

Anh Sáu cao hơn các anh em, cũng mắt sâu và ngang, lông mi dài,

mặt trông hao hao giống như Tây lai... đẹp trai nhất nhà, mà cũng tài hoa nhất nhà - không phải là tài năng của anh cao nhất, mà là về âm nhạc, thể dục anh rất có khiếu, đánh quần vợt giỏi, bóng bàn cũng giỏi, và chơi cờ tướng cũng cao. Người thông minh, học giỏi, mọi anh em trong gia đình Nguyễn Tường được người ta khen là học giỏi - nhưng chỉ học hai năm, anh đã đỗ bằng Thành Chung. Có người tặng thơ như sau:

Gửi lời mừng bác Nguyễn Tường Vinh.

Đúng bác thần đồng bọn học sinh

Năm trước vừa đến kỳ tốt nghiệp

Năm sau liền đỗ bậc Chung Thành.

Văn hay pác ấu nhờ tiên tổ,

Cũng bởi công phu gắng học hành.

Điều lạ hơn cả, anh không phải là gạo suốt ngày đọc sách. Gần đến ngày thi, ban tối, anh đốt cái đèn Hoa Kỳ con trong màn để tránh muỗi, học đến quá nửa đêm.

Anh Sáu vốn là đa sầu đa cảm, dễ rung động trước đau khổ, bất công của đời người, điều này ảnh hưởng tới việc sáng tác của anh về sau.

Đa sầu đa cảm, cũng là tính nết chung của anh em, vì vậy mới thích viết văn, nhưng cùng lúc chúng tôi có những điểm chung nữa là hay suy nghĩ và ưa đưa những điều suy nghĩ sang hành động... Những tính nết chung này sẽ quyết định tương lai của chúng tôi.

Hồi đó, vì sinh sau đẻ muộn, mới mười mấy tuổi, nên tôi bị coi là một chú bé không hiểu gì về cuộc đời, ngoài việc cắp sách đến trường. Có lẽ vì trong nhà thiếu một người cha, nên chẳng có ai quản giáo tôi cả, thành thử tôi gần như hoàn toàn tự động tự giác.

May mà tôi cũng thuộc vào hạng trò ngoan, học thì cũng khá, nhất là về tiếng Pháp, còn được giải thưởng danh dự toàn trường Hàng Vôi, ra nhà Hát Lớn lãnh thưởng - một chồng sách cao phải khó nhọc lắm mới vác được xuống bậc.

Không rõ tại sao, qua việc đọc những tác phẩm thời ấy, tôi cũng thấy ngứa tay, và viết bừa ra mấy truyện ngắn khi còn 11 -12 tuổi. Có nhiên, đặt đầu đề rất kêu, theo một lúc đó như Một kiếp người và Bóng chiều trên mặt biển, nhưng không hoàn tất được vì hết vốn và bận thi... phải quăng bản thảo vào một ngăn kéo. Không ngờ, một hôm mấy anh lôi ngăn kéo, tò mò lấy ra xem. Ai cũng cười lăn cười lộn, chỉ có anh Long là gật gù tấm tắc. Sau đó, anh cho biết là anh tán thưởng nhất một đoạn tôi viết về đi chơi cô đầu, trong đó có câu:
- Nào, em xăng-tê với quan nào!

Xăng-tê dịch âm từ chữ Pháp santé sang, có nghĩa là mời rượu, chúc sức khỏe, một tiếng người ta hay dùng, và tôi đã học một từ một cuốn truyện nào đó, và đi cô đầu, thì khách nào cũng được phong làm quan tuốt. Chữ nhà xăng-tê lúc đó còn có nghĩa là nhà tù... có nghĩa là ở đó bị hỏi thăm sức khỏe...

Sau 1925, là một giai đoạn rung động mạnh trong xã hội Việt nam, và cũng rung động đến cả tầng lớp học sinh nhỏ. Không nên nghĩ là học trò chỉ biết đọc sách, làm bài hay đá cầu. Những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp, về những truyền đơn bí mật như tờ Hòn Nước, in bằng thạch mà chúng tôi truyền nhau đọc, những cuộc bãi công, biểu tình, cái tên Nam Đồng thư xã v.v... đều ít nhiều khơi dậy lòng yêu nước của những tâm hồn trẻ thơ.

Vụ ám sát tên Bazin, một người Pháp chuyên mộ phu đi các đồn điền cao su và đất Tân Thế Giới - Caledonia, Tahiti xa xăm, làm giàu trên mồ hôi và máu của bao nhiêu dân Việt cùng khổ, cũng chấn

động cả Việt nam lúc đó. Hành động này tất nhiên phải từ một tổ chức bí mật mà ra. Hai tiếng hội kín thần mật rất có sức hấp dẫn đối với những đứa trẻ. Và một bầu không khí đặc biệt hình như đè nặng trên thành phố Hà Nội. Một hôm, cùng đi với một bạn học, trên bờ hồ Hoàn Kiếm, anh chỉ cho tôi một toà nhà hai tầng bờ bên kia, tại phố hàng Trống. Trên cửa, một bảng lớn ghi tên Hanoi Hôtel - Khách sạn Hà Nội.

- Hiệu ăn cơm Tây mà, có gì lạ? tôi hỏi.

Trông thì cũng chẳng khác gì những tiệm cơm khác. Anh bạn nhìn tôi một cách thần bí, rồi ghé vào tai tôi:

- Cửa... của Việt nam Quốc Dân đảng đó!

Tôi ngạc nhiên. Việt nam Quốc Dân đảng? Đây là cơ sở liên lạc của một tổ chức cách mệnh? Nhưng sao lại ở ngay gần bóp Cảnh sát Hàng Trống? Một bóp lớn, nhiều cảnh sát, mật thám ra vào. Có lẽ càng gần cảnh sát, người ta càng không chú ý chăng?

Sau đó, không bao lâu, Hanoi-Hôtel đã đóng cửa. Năm 1929, tôi thi vào trường Bưởi - tên chính thức là Trung Học Bảo Hộ. Chỉ có mỗi con đường này thôi, vì nếu không thi đỗ tất phải theo học tại những trường tư thực, như Thăng Long, Gia Long, vừa tốn tiền vừa không dễ thi lấy được bằng Thành Chung. Còn trường Albert Sarraut - trường trung học cao cấp, thì rất khó xin vào, tiền học rất cao, thường chỉ có người Pháp hay một số ít gia đình giàu có đặc biệt mới có con em vào học. Trường Albert Sarraut là một trường hỗn hợp cả học sinh trai và gái. Ngoài ra, thời đó còn có những trường riêng cho nữ sinh như trường hàng Bài hay trường Félix Faure ở gần Cột Cờ.

Nói đến Cột Cờ, ở Hà Nội ai cũng biết, đây là một cái đài cao độ mười lăm mét, là chỗ cắm cờ tam tài, biểu hiệu cho nền thống trị Đại

Pháp. Nó khiến cho người ta suy nghĩ tại sao ở đất nước mình lại không thấy có một lá cờ Việt nam nào, mà toàn cờ của Tây? Cột Cờ còn được người ta chú ý là vì, ngay bên cạnh, có bãi đá bóng gọi là sân Mangin... Người Hà Nội thích xem đá bóng tròn, thường thường người xem đứng chật ních khi có những trận nảy lửa. Trong những khán giả tích cực ấy cũng có tôi. Găng nhất là những trận đấu giữa một đội banh người Việt với đội người Pháp - thường là đội của nhà binh- rất gay go, vì những tiếng reo hò của khán giả người Việt rất đông làm át cả phía người Pháp, bất kể thua hay thắng. Đây có phải là một lối trả thù dân tộc không? Trường Bưởi gồm mấy toà nhà ba tầng, quét vôi màu vàng, nằm ngay bên cạnh Hồ Tây, và một bên là đường xe điện chạy lên Bưởi. Từ đường Quan Thánh đi lên, một bên là phủ Toàn Quyền, với đằng sau là vườn Bách thú (tên gọi hồi ấy). Một chòi lính canh sơn màu tam tài đứng ngay cạnh lối vào vườn. ở đây có những lối đi rộng, hai bên trồng cây um tùm. Giữa vườn, trên một gò nhỏ, có chuồng hổ, chuồng khỉ, và chim. Chỗ này hấp dẫn được một số du khách, cũng là một nơi hẹn hò tốt của những đôi nam nữ.

Nếu rẽ sang bên Hồ Tây, thì qua đền Quan Thánh, sẽ bước vào con đường lịch sử: đường Cổ Ngư, nằm giữa hai mặt hồ Trúc Bạch và hồ Tây. Con đường nên thơ này không rõ có từ bao giờ, nhưng hồi đó nó đã là một chỗ dạo chơi của người Hà Nội, nhất là về mùa hè nóng nực, là một nơi để bơi lội. Chiều tối nhiều cánh buồm phát phơ trên mặt nước mênh mang mãi tới rặng cây Nghi Tàm xa xa - một cảnh tượng êm đềm. Người thi vào trường Bưởi rất đông, nhưng năm đó chỉ chọn lấy 130 người. Hy vọng mỏng manh, gia đình khuyến khích thì tôi đi thi xem sao, không ngờ lại may mắn trúng tủ tôi đỗ với số 28, nhờ ở bài Pháp văn.

Để đón tiếp ngày vào trường, ở nhà may cho một cái áo dài trắng và một áo the mới. Dạo đó, chưa có một mặc quần áo tây. Thành ra, học trò nào cũng súng sính như những ông đồ nho, trông đạo mạo như ông cụ non.

Ngày khai trường, học trò mới qua cổng lớn tụ tập ở sân trường, giữa những gốc bàng và gốc sấu cao. Người đầu tiên chúng tôi gặp là một ông giáo sư Pháp cao lênh khênh, cưỡi một cái xe đạp không tương xứng với thân hình. Nhưng ông này xem có vẻ thân thiện, mỉm cười trước những học trò còn ngơ ngác. Sau này mới biết tên là Foulon, giáo viên địa dư và lịch sử.

Một ông khác mập hơn, vẻ mặt nghiêm khắc hơn, tới bắt chúng tôi xếp hàng và đứng im để đợi viên hiệu trưởng tới huấn thị. Chúng tôi đã nghe đồn ông Autigeon có tiếng là nghiêm khắc khó chơi, nên hồi hộp đứng chờ.

Một lát, một người mập, to ngang, mặt tròn từ trong bước ra thêm. Mọi người đều rấm rắp bỏ mũ. Hiệu trưởng đưa mắt gườm gườm ngang trên đám học trò mới rồi cất giọng nói ồm ồm không chút cảm tình, về kỷ luật, về những điều phải tuân thủ. Không biết những bạn khác nghĩ ra sao, chứ riêng tôi thấy khó chịu và cả không khí chung quanh nặng nề khó thở. Một bầu không khí thực dân... tôi nghĩ. Tôi liên tưởng đến những truyền đơn, báo bí mật và những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp. Trong đầu óc tôi, Autigeon, tuy chỉ là một ông đốc trường, nhưng cũng là một nhân vật tiêu biểu đáng ghét. Từ ngày ấy, đối với nhà trường, tự nhiên tôi đã không có thiện cảm.

Cũng như mấy anh lớn trước đây, tôi đến trọ ở nhà một ông cụ trong làng Bưởi. Ở đây, thường thường được ăn cá tươi do ông bắt được bằng đinh ba, ban đêm - vì chính ông lại là người coi cá ở hồ này. Ở đây, một bạn học năm thứ ba có đến tìm tôi và đưa một tờ truyền

đơn ký tên là thanh niên ái quốc rủ tôi vào một tiểu tổ lúc đó thành lập ngay trong trường. Tôi tỏ ý tán thành. Anh hẹn sẽ liên lạc sau này khi có công việc cần làm. Nhưng sau, tình hình khẩn trương. Mật thám đã chú ý khắp nơi, và mọi tiếp xúc đều phải tạm ngừng. Không bao lâu sau, là cuộc khủng bố lớn đối với Việt nam Quốc Dân đảng. Từ đó, tôi không gặp lại người bạn ấy, và nghe nói có mấy người lớp trên bỏ học.

Về thành tích học hành, thực ra tôi không đến nỗi kém quá, nhưng tôi cũng không là một học trò ngoan. Cùng lớp, tôi nhớ có anh Đình Gia Trinh, một học trò giỏi, viết bài tiếng Việt cũng rất hay. Thầy giáo dạy tiếng Pháp ông Ch..., lại trông như một ông đồ nho trong bộ áo the dài, và khăn xếp, đeo kính trắng: ông vẫn ưa tôi về Pháp văn. Song một lần, không hiểu tại sao, tôi lại giở chứng, muốn chầm chọc một chút. Đầu đề bài luận ông ra là viết bức thư cho ông bố ở xa.

Trong bài viết, ngoài hỏi thăm ông bố ra, tôi thêm câu chắc thầy được dạo cảnh sông Hương núi Ngự tuyệt vời rất thích thú, và câu sau này trong tái bút.

Thầy không phải lo cho các con, vì chúng con khi rỗi thường vẫn dạo chơi bên bờ hồ Hoàn Kiếm, nhìn người qua lại, trong đó có những thiếu nữ mặc quần trong như thủy tinh... (nguyên văn tiếng Pháp: des jeunes filles aux pantalons transtparents comme de verre) Đến tận bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại tinh nghịch và bạt mạng như vậy, không nghĩ đến ảnh hưởng. Tức thì, chấm bài xong, ông giáo mang bài tôi ra đọc trong lớp như một gương xấu, phạt tôi một ngày, chủ nhật phải về trường ôn tập, và phê một câu trên bài Anh lớn gan thực (vous avez du cran!). May mà ông cũng còn thương, chưa đưa lên ông giám thị! Nhưng bài đó, chắc cũng được nhiều người bàn tán.

Chính trong những ngày đó, anh Tam từ Pháp trở về với cái bằng Cử nhân Vật lý học. Một nghệ sĩ mà lại đi học môn khoa học chán ngắt này? Đáng lẽ, anh nên học khoa Văn chương, như Nguyễn Mạnh Tường chẳng hạn. Nhưng nghĩ cho cùng, tốt nghiệp môn gì thì cũng vậy thôi. Tôi nghĩ điểm chính là anh đã tốt nghiệp tại Đại Học xã hội Pháp, đã được nhìn thấy tận mắt một nền văn minh tiên tiến và dân chủ, đã hiểu thấu thế nào là tự do, bình đẳng, bác ái - khẩu hiệu mà bọn thực dân Pháp dù không muốn, cũng phải đưa ra, ngay trong các nước thuộc địa. Khẩu hiệu này thực là khôi hài, đối với dân các nước bị trị.

Qua sự tiếp xúc với nền văn hoá, nghệ thuật của nước Pháp, với bộ óc nhạy cảm, anh học được nhiều kinh nghiệm và nảy ra quyết tâm làm thế nào để cải cách xã hội Việt nam. Người du học ở Pháp về không phải là ít, nhưng có hoài bão lớn và có quyết tâm hành động, cũng không bao nhiêu. Không phải ngẫu nhiên mà sau này Nguyễn Tường Tam đã trở thành Nhất Linh.

Đường Giám. Một ngày tháng 2 năm 1930. Đầu xuân, trời hơi lạnh. Buổi tối, độ chín mười giờ. ánh sáng vàng khè của mấy ngọn đèn điện lù mù chiếu trên đường phố vắng tanh. Bên kia đường, dãy tường gạch, đằng sau là Văn Miếu tối om om. Bà, mẹ tôi đã đi ngủ. Nhớ lại, còn ngồi trên gác đọc sách có anh Tam, anh Sáu và tôi. Anh Cả đi làm ca đêm vắng nhà. Chung quanh im lặng. Bỗng, đột ngột, vắng từ xa đến mấy tiếng nổ, xem ra lớn hơn tiếng súng thường. Tiếng gì đây, mọi người sững sốt. Súng? Bom, tạc đạn? Trong thời kỳ bất thường này, chúng tôi nghĩ ngay đến một cuộc nổi dậy. Anh Tam chạy ra phía cửa sổ, hé mở cánh cửa nghe ngóng. Vài tiếng nổ thêm, lác đác. Trong thâm tâm, chúng tôi hy vọng đây sẽ là một cuộc tấn công lớn của cách mệnh, đều khát vọng cuộc khởi nghĩa sẽ đưa

tới chấm dứt sự thống trị hung tàn của thực dân, giành được độc lập tự do cho dân tộc. Tiếng nổ hình như vọng tới từ trên, phía bờ sông. Nhưng rất nhanh, im lặng lại trở lại. Chung quanh có tiếng xì xào. Có người chạy ra ngoài đường để quan sát. Nhưng qua độ mười lăm phút, đã thấy tiếng ồn ào khắp nơi. Rồi đến những tiếng quát tháo chung quanh, tiếng gót giày nặng chình chịch từ phố bên tới. Vội vàng, chúng tôi đóng cửa sổ lại. Qua khe cửa, thấy một tốp lính cao lớn -chắc là Lê dương (légion - lính đánh thuê) chạy rầm rập vào phố, dừng lại, xem xét chung quanh, rồi cắt lính cầm lưỡi lê gác đầu và cuối đường. Anh em chúng tôi chờ một thời gian, không thấy có động tĩnh gì khác, lại đặt mình xuống giường. Không ai nói với ai một câu nào, nhưng đều biết là suốt đêm trần trọc không ngủ được. Có lẽ ai cũng đã cảm thấy thất vọng sâu xa.

Buổi sáng sớm, anh Thụy mới về đến nhà. Anh nói là trên đường phố vắng ngắt, vì vừa mới giải nghiêm. May anh có tấm căn cước nhà Bưu chánh cấp cho, nên cũng thuận lợi trên đường.

Hôm sau, nói biết là mấy nhà cách mệnh đã ném tạc đạn vào bốp cảnh sát Hàng Đậu, định chiếm một số vũ khí, nhưng đã không thành công, và hai, ba người đã bị bắt. Mặc dầu thất bại, nhưng tấm gương anh hùng ấy vẫn luôn luôn in mãi trong trí óc anh em chúng tôi. Rồi sau, biết tin cuộc khởi nghĩa Yên Bái oanh liệt đã bị bọn thực dân đàn áp một cách tàn bạo, dã man. Bao nhiêu án tử hình, khổ sai đè lên đầu những người Việt bất khuất. Và bao nhiêu biểu tình, bãi công khác của thợ thuyền, nông dân cũng đã bị đàn áp. Bọn đế quốc thực dân với sự hợp lực của bọn tay sai người Việt đã tàn sát, hành hạ những phần tử đi tiên phong cho hạnh phúc của dân tộc, trong giai đoạn tàn khốc 1929-1932.

Không ai có thể quên những điều trên, và cũng không có quyền

quên. Những tấm gương quật cường và hy sinh cao cả của bao anh hùng liệt sĩ đã ảnh hưởng mạnh tới toàn dân, đặc biệt tới lớp trẻ giàu lòng nhiệt tình, và kích thích tất cả đứng lên chống mọi khó khăn, vì dân, vì nước.

Tinh thần này không những sẽ phản ảnh trong các cuộc cách mệnh sau này, mà còn sẽ phản ảnh về các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Nếu không có tinh thần này, thì nói riêng, cũng sẽ không có Nhất Linh, Phong Hóa, Tự lực văn đoàn. Không có một tâm hồn cao thượng, vị tha, thì sẽ không có những tác phẩm có giá trị chân chính, và nếu có chẳng qua là để cho người ta đọc sách mua vui một vài trống canh mà thôi.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 4

TRại Cẩm Giàng - Phong Hóa
Bà nội mất

1931. Suy nghĩ vài tháng rồi, tôi lấy một quyết định mạo hiểm: bỏ học về nhà. Tôi sợ nói ra, mẹ tôi và các anh chị sẽ phê bình tới tấp và sẽ ngăn cản. Vì có ai dại mà đi bỏ một trường học tốt như vậy, không dễ thi vào. Và nếu tự học thì có làm nổi không, bằng Tú Tài đâu phải là dễ lấy, mà tôi lúc này mới lên năm thứ hai.

Khác hẳn với dự đoán của tôi, các anh tôi chẳng ai cho là việc đáng bàn, còn mẹ tôi sau khi do dự, cũng bằng lòng:

- Ừ, thì mày về nhà mà học lấy. Nhưng phải chăm mới được!

Bà sợ tôi về nhà lêu lổng, nhưng cũng tin ở khiếu học hành của các con.

Tôi vác đơn xin thôi học, không ngờ, một ông giáo người Pháp xưa nay có tiếng là ác, bắt học trò phải ngồi im như phỗng trong khi ông giảng lịch sử, và bị tôi ghét nhất, xem đơn của tôi lại tỏ ra rất ân cần, giữ tôi ở lại:

- Anh có gì khó khăn? Anh là một học sinh giỏi, có tương lai mà! Đừng nên bỏ trường! - Ông nói.

- Thưa ông, vì gia đình tôi phải dọn về quê, nên rất tiếc không đi học ở đây được nữa- tôi vin có giải thích.

- Đáng tiếc thực. Sau này, có dịp trở lại, tôi sẽ nói với ông hiệu trưởng.

Lúc này, tôi không thấy ông đáng ghét như trước. Thì ra, chỉ nhìn qua bề ngoài, không thể hiểu được tính cách của con người.

Sự thực, có chính là tôi ghét không khí nhà trường và cũng vì muốn tránh gò bó, hãy được tự do bay nhảy đã, vì bản tính tôi cũng lười.

Ngày đó, nhờ dành dụm được ít vốn liếng, và các anh lớn giúp một phần, mẹ tôi đã gắng thực hiện nguyện vọng một đời của mình: có nhà, có vườn, có ít mẫu ruộng. Trở lại đất Cẩm Giàng, bà mua được mấy thửa ruộng gần nhà ga, ngay bên cạnh đường xe lửa.

Căn nhà chính bằng gỗ, chát vách, kiểu mới cao ráo, có hiên bốn bên, mái lợp tranh rất dày. Tuy nhỏ, nhưng cũng đủ phòng khách, bàn thờ, phòng ngủ. Chung quanh trồng những luống tía tô, hoa cúc, cây đào. Ngoài vườn, bắt đầu trồng cây ăn quả chuối, na hay ổi.

Bên cạnh, là hai căn nhà ngang thấp hơn, lợp tranh, là phòng ngủ, bếp. Đằng trước, trồng hàng rào tre, đằng sau, trông ra cánh đồng thẳng tắp đến tận những làng xa. Cũng vắng vẻ cô quạnh, nếu không có một nhà lán giềng và ngôi trường tiểu học bên cạnh, ban ngày học trò ra vào đem lại một chút náo nhiệt. Nơi này là chỗ tốt nhất để tĩnh dưỡng, ôn tập bài vở.

Mỗi ngày có mấy lần tàu lên tàu xuống chạy ngang qua cổng nhà. Trẻ con thường chạy ra cổng để ngó xem, đến tận lúc con tàu đã khuất bóng sau rặng tre, chỉ để lại làn khói trắng bay lên trời. Đêm đến, khi tiếng còi tàu cuối cùng và tiếng bánh xe rầm rập trên đường sắt đã mất dần ở xa rồi, chỉ còn nghe thấy muôn tiếng côn trùng rí rả chung quanh trại -bao nhiêu đời cũng vẫn thế.

Thêm tôi về ở Trại Cẩm Giàng, bà mẹ và chị tôi đều mừng rỡ và bớt vắng vẻ. Tôi mua đủ các sách giáo khoa để tự học, kể cả cái tiếng Anh xa lạ. Buổi chiều, học xong, dạo chơi theo đường sắt, nghe gió

thổi vu vu qua cột giây thép, hay đến ngồi dưới bóng cây đa mâm xôi ngấm ra đồng ruộng. Những ngày gặt hái tấp nập, tôi cũng theo mọi người ra ruộng. Lúc nghỉ cùng ăn cơm nếp hành mỡ thơm nóng với những người dân quê chất phác. Mùa lạnh tới, mưa phùn gió bắc tạt ngang trên các gốc rạ đồng khô, không gì dễ chịu bằng chui vào ổ rơm ấm áp.

Đêm ba mươi Tết, anh em ở Hà Nội về, quây quần trước mấy thùng bánh chưng, thức suốt đêm để nấu. Tối hôm ấy, các bà, các chị bận tấp nập về việc làm cỗ, bày bàn lễ tổ tiên, hương nến sáng chưng lẫn với mùi thơm ngát của bát thủy tiên, của hoa đào cây nhà lá vườn.

Sáng mùng một Tết đã đến. Mọi người trịnh trọng tập hợp ở nhà trên. Bà tôi và mẹ tôi ngồi trên sập giải chiếu cạp đỏ, để con cháu mừng tuổi, lãnh phong bao. Tối đến, rủ nhau vào nhà ông cậu. Năm nào ở đó cũng mở sòng sóc đĩa, rất đông người trong phố đến đánh. Nếu không đánh sóc đĩa, thì cùng mấy cô em họ làm một canh bát miệt mài cho tới khuya. Nhưng thú vị nhất đối với tôi vẫn là một mình đi thơ thẩn tới các làng xóm chung quanh, những túp nhà tranh âm thầm nép sau lũy tre xanh. Trời nắng, tôi đi vào những con đường đất nhỏ, êm mát giữa hai rặng tre bên bờ ao vắng động. Thỉnh thoảng, một căn nhà gạch lẩn sau cây bưởi và mít, với bể nước bên cây cau thẳng vút đầy vẽ Việt nam. Vào buổi trưa im ả, chỉ nghe thấy liếng ru con vắng tới hay vài tiếng gĩa gạo, tiếng đập nước của vài cô gái giặt áo trên cầu ao. Đời sống im lìm và nghèo nàn, ai cũng sống như vậy không biết đã bao nhiêu đời. Về sau này, tôi đã bôn ba nhiều nơi, đã tới nhiều nơi đô thị phồn hoa, giàu sang, náo nhiệt trên thế giới. Nhưng lúc nào tôi cũng không quên những làng xóm thôn quê ở cố hương. Ngay hy vọng giản dị là về sống một

cuộc đời thanh bạch trong làng xóm Việt nam cũng hình như không bao giờ thực hiện được. Có phải đó là số phận không?

Trong thời gian có thể gọi là êm ả này, bỗng nhiên một sự bất hạnh xảy ra, một tang tóc đau thương mà tới nay mỗi lần nhớ đến tôi cũng vẫn ngậm ngùi khó nguôi: đó là cái chết của bà tôi, cái chết làm cho tôi xúc động sâu xa, rất lâu mãi về sau này vẫn không nguôi.

Từ lúc còn nhỏ, tôi luôn luôn đồng tình với bà tôi, vì bà sống chịu đựng, đắng cay hơn ai hết trong phần cuối đời, người con trai duy nhất đã mất, tất cả đều do con dâu tàn tảo làm ăn. Bị kịch mẹ chồng nàng dâu không một gia đình nào lúc đó tránh nổi. Niềm an ủi duy nhất của bà là lòng thương mến của các cháu: và sáng nào bà cũng thắp hương, châm ngọn đèn con trên bàn thờ, rồi ngồi yên niệm Phật với chuỗi tràng hạt đen bóng.

Không biết tại những ngày cuối cùng của đời mình, bà đã nghĩ những gì. Tôi mong tự đáy lòng là bà đã tìm được hạnh phúc trước khi nhắm mắt.

Chính những xung đột nghiệt ngã trong gia đình chúng tôi giữa mấy lớp mẹ chồng nàng dâu, cùng với nhiều nỗi bất hạnh của phụ nữ bị trói buộc trong lễ giáo phong kiến lạc hậu trên xã hội, đã là đề tài cho nhiều tác phẩm sau này - thí dụ như cuốn Đoạn Tuyệt của Nhất Linh. Riêng tôi, lúc đó, tôi thấy băn khoăn, không hiểu tại sao người ta không sống hoà hợp chung với nhau được, mà lại khắt khe với nhau về những thứ quá nhỏ nhoi không có một giá trị gì, và ganh tị với nhau về những cái vô ý thức mà ai cũng khư khư ôm lấy.

Anh em chúng tôi đứng trước những cảnh trạng éo le, bị đát trong xã hội và ngay trong gia đình, ít nhiều đều có phản ứng tâm lý sâu xa. Và do đó, tánh cách phóng khoáng, nhạy cảm trước sự vật dần dần thành hình. Quan niệm về dân tộc, về xã hội, về văn hóa ấy đã

quyết định những hành động sau này. Cuộc đời của chúng tôi đã bước sang một giai đoạn mới, với sự xuất hiện của tờ báo Phong Hoá bộ mới do Nguyễn Tường Tam sáng lập.

Võng anh đi trước, võng nàng đi sau

Câu ca dao này đã quen thuộc quá đối với người Việt rồi, nên không ai thắc mắc gì. Nhưng nếu suy nghĩ cho kỹ, thì nó đại biểu cho một quan niệm phong kiến hủ bại, đầy óc danh lợi cá nhân. Óc làm quan, óc ăn trên ngồi chốc, óc khinh miệt phụ nữ...

Cho nên, khi anh Tam về nước, anh không màng đi kiếm công việc lương cao, mà chọn đi dạy học ở trường tư thực Thăng Long. Cũng như anh Long đã từ bỏ cơ hội có thể đi làm quan.

Một thanh niên có tâm hồn, có chí khí cao thượng, tất không chạy theo những thứ dục vọng tầm thường như làm quan, làm giàu, vinh thân phì gia. Từ nhỏ, chúng tôi không ưa những thứ đó, chúng tôi không ưa quyền thế.

Một điểm chung nữa là mấy anh em đều thích viết, và đều có khiếu về viết. Thêm vào đó, có hai người bạn cùng chí hướng và cùng có tài -anh Tú Mỡ và anh Khái Hưng. Với nhóm người nòng cốt này, một tập hợp văn chương ít có - và có lẽ ít có trên cả thế giới nữa - hoàn toàn có thể ra một tờ báo có giá trị và được độc giả ưa thích.

Mặc dầu lúc đó đã có một số báo, tạp chí ra đời, nhưng nói chung, trình độ còn thấp và cũng lê tê, chưa gây ảnh hưởng mạnh. Phần nhiều, lối văn viết và nội dung chưa thoát được kiểu cách sáo rỗng cũ, chưa đưa ra được những ý kiến, chủ trương mới, táo bạo.

Mặt khác, 1932 có hoàn cảnh thuận lợi hơn cho sự phát triển của văn nghệ. Dù sao, sau cuộc đàn áp tàn bạo, xã hội cũng yên tĩnh hơn. Bọn thực dân cũng cảm thấy cần phải nói tay một chút để dẹp bớt bất mãn của dân chúng, còn khuyến khích thể thao, đua xe đạp,

thị ngựa, hội chợ, cùng ca nhạc, điện ảnh.

Sau này, có khi ngồi rồi, bàn đến lý do tại sao các anh bị đưa đẩy vào nghiệp viết văn, viết báo trong khi hoàn toàn có thể kiếm được nghề khác đủ danh lợi, thì không ai trả lời rõ rệt cả. Như anh Khái Hưng, có một bạn hỏi đùa tại sao với gia cảnh anh - ông thân sinh là Tuần Phủ và bên vợ là Tổng Đốc- anh không chạy một chân tri huyện nào đó mà lại làm nghề báo bấp bênh, nghèo kiết này, thì anh chỉ cười nói:

- Cũng chẳng hiểu vì sao cả. Thích viết thì viết!

Từ chỗ thích đến chỗ thành nghề nghiệp một đời, cũng không xa lắm.

Nguyên vọng mãnh liệt cải cách xã hội cộng với tài hoa viết văn đã tạo nên nhóm Tự lực văn đoàn.

Giữa năm 1932, tôi còn ở Cẩm Giàng, thấy anh Tam và anh Long có bàn qua về việc ra một tờ báo, lấy tên là Tiếng Cười. Phỏng theo tờ Le Rire (Tiếng Cười) và tờ báo trào phúng Le Canard enchainé (Con vịt bị buộc) là mấy tờ rất được độc giả hoan nghênh bên Pháp ở Hà Nội chúng tôi cũng đã từng đọc qua. Những bài châm biếm không những làm cho người ta cười, mà còn có ý nghĩa châm chọc những thứ xấu rởm trong xã hội. Nhưng sau tờ Tiếng Cười không được cấp giấy phép, vì thực dân đâu muốn cấp cho một người đã từng du học ở Pháp về. Theo chính anh Tú Mỡ viết về sau này Phàm những người chân chính học ở Pháp về đều có tư tưởng bài Pháp thực dân... nó thực dân sợ tờ báo cười tung trời sẽ làm đảo lộn cả trật tự của cái xã hội thối nát mà chúng nó duy trì để dễ cai trị. Nhưng anh Tam không chịu bó tay. Vẫn lời Tú Mỡ, anh Tam đâu có chịu bó tay. Anh xoay và xoay rất cừ. Bấy giờ, nhân có tờ báo của anh Phạm Hữu Ninh... anh Tam đề nghị... nhường lại cho mình làm

chủ bút, chỉ cần mất chút tiền thuê báo. Người viết, bài vở lúc đó cũng đã sẵn sàng.

Sự kỳ ngộ may mắn trong lịch sử văn học, dưới sự chỉ dẫn và tổ chức của Nhất Linh, đã tạo nên một nhóm cây viết, một văn đàn gắn bó với nhau, tiến tới một trào lưu văn hoá độc đáo. Ngay trong nhà đã có ba cây viết rồi, cộng với Tú Mỡ là bốn, lại vừa kéo thêm được một tài năng nữa, đó là Khái Hưng. Cuộc đời của Khái Hưng cũng có thể gọi là kỳ lạ. Anh đã đậu Tú Tài ban Triết Học - độ ấy rất hiếm - nhưng không ra làm quan hay công chức gì. Nhà văn sĩ lãng mạn tương lai quay ra đi... buôn, làm đại lý cho một hãng dầu, chắc muốn giàu to. Song óc nghệ sĩ của anh có lẽ không thích hợp với buôn bán quét quéo nên đã thua lỗ rồi từ Ninh Giang lên Hà Nội, Trần Khánh Giu (tên thật) vào làm giáo sư trong trường tư thực Thăng Long. Ngay hồi đó, anh đã viết cho tờ báo Duy Tân những truyện vui hay xã thuyết, cùng với mấy nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc và Tchya (tôi chẳng yêu ai?) Đái Đức Tuấn. Một số bài nữa đã đăng trên tờ Phong Hoá (cũ) và tờ Văn Học tạp chí của anh em Dương Bá Trạc. Nhất Linh sau đó lại vào dạy trường Thăng Long. Hai người rất tâm đắc, có cái nhìn chung về xã hội, về văn nghệ, và có chung hoài bão dùng ngòi bút của mình để canh tân văn nghệ cùng văn hoá đất nước.

Nhóm 5 người này quyết tâm sáng tạo một đường lối mới, cả về hình thức lẫn nội dung, mà họ tin chắc là sẽ thành công. Họ sẽ bỏ lối viết sáo rỗng, nặng nề, hay đạo mạo dậy đời, để dùng một lối văn trong sáng, bình dân hơn. Họ sẽ chống lại những thứ mà họ cho là xấu xa, rởm đời, hay lạc hậu, cổ hủ, họ sẽ dám phê phán cả chính sách quan liêu, bất công, bằng lời văn châm biếm sắc bén can đảm. Họ sẽ đưa một bầu không khí mới mẻ, tươi tắn, lạc quan vào trong

cái ao tù bảo thủ truyền thống vẫn đè nặng lên con người từ trước tới nay. Họ muốn thay đổi, cách tân. Họ có cái mà các nhóm khác thiếu sót - đó là cái lửa.

Không có cái lửa về muốn viết, về cải cách xã hội, về giúp ích cho dân chúng, thì không có Phong Hoá, Ngày Nay hay Tự lực văn đoàn.

Muốn ra được và duy trì một tạp chí, tất phải có số vốn. Mà anh em lúc đó toàn nghèo xơ, làm gì có đủ tiền? Chị tôi kể rằng ban đêm anh Tam cặm cùi viết bài, lại lo ế không bán được. Một hôm không biết đùa hay thực, anh đề nghị nếu báo ế thì bắt cả nhà vừa đi vừa rao bán sao cho kỳ hết. Mẹ tôi trả lời một cách thản nhiên: Khó gì mà phải lo! Bán không hết thì mang về cho anh ấy (tức chị Tam) gói cau càng tiện.

Nhưng, nhờ trời, số phận tờ Phong Hoá chưa đến nỗi khốn khổ như vậy.

Việc đầu tiên là phải quảng cáo cho mọi người biết đã. Theo tài liệu, Phong Hoá số 13 đề ngày 8-9-1932, có đăng:

Một cuộc hoán cải lớn trong báo Phong Hoá,
Một sự lạ trong là ng báo.

Một cái mới.

Đến ngày thứ năm 22-9-1932

Báo Phong Hoá sẽ ra số mới.

Bàn một cách vui vẻ về các vấn đề cần thiết,
xã hội, chính trị, kinh tế.

Nói rõ về hiện tượng trong nước.

Có 15 tranh vẽ, nhiều truyện vui.

Cần thiết

Hoạt động.

Vui về

...

Ai cần xem báo! Ai thích đọc báo!

Nên đọc Phong Hoá!

Chắc có nhiều người đón chờ cái sự lạ này xem ra thế nào.

Và đúng hạn, ngày 22-9-1932, tờ Phong Hoá bộ mới, số 14 đã ra mắt độc giả.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 5

Phong Hoá bộ mới ra đời -
Tôi rời trại Cẩm Giàng.

Đúng như nhà văn N.V đã kể lại trẻ con ôm báo để bán rong, vừa chạy vừa la inh ỏi, khắp cả phố phường Hà Nội. Thiên hạ tò mò xem, báo bán chạy như tôm tươi .

Số báo đầu Phong Hóa mới được đưa về Cẩm Giàng. Tôi cũng tò mò đọc. Tôi thấy, trước hết khác với những tờ báo đã có, tờ Phong Hoá là tờ đầu tiên đưa ra tôn chỉ rõ ràng, tỏ ra nhóm chủ trương có mục đích, đường lối đảng hoàng, như:

- Hăng hái theo con đường mới, tìm lý tưởng mới.
- Không chịu khuất phục thành kiến.
- Không làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào
- Lấy thành thực làm căn bản.
- Lấy trào phúng làm phương pháp

Giống như một tuyên ngôn, thể hiện ý chí tự lập, quật cường. Với tôn chỉ như thế, tất sẽ được độc giả mến phục, nhưng tất mình sẽ có những kẻ thù hận.

Mục từ nhỏ đến lớn ở trang 2, có những bài châm biếm những hiện tượng xấu xa, xu nịnh, quyền thế trong xã hội, bệnh vực cho công lý, cho những kẻ thấp cổ bé họng, là mục trụ cột của tờ báo.

Có những tên tác giả Nhất Linh, Nhị Linh (Khái Hưng), và Tú Ly (Hoàng Đạo sau này)... Tiếng cười ở đây có ý nghĩa, không giống như những tiếng cười thô tục, vô ý thức nhan nhản trên một số báo thời đó. Ngoài ra, những mục truyện ngắn, tiểu thuyết không những đưa ra sự thực, lột được những mâu thuẫn trong gia đình xã hội, giữa cái mới và cái cũ, giữa công lý và bất công, tả về những bi kịch của đời người, mà bằng một lối văn sáng sủa, trữ tình, dễ đi sâu vào lòng độc giả. Mặc dầu còn có những chỗ non sót, thiếu sót, nhưng người đọc quả đã thấy một cái gì mới lạ, tỏ ra những người viết này đã có lòng chân thành, tính can đảm, có đầu óc cao thượng hơn là viết để chỉ mua vui cho độc giả hay để sinh sống.

Ngay trong số đầu, nhóm Phong Hoá đã tỏ ra có chủ đích và rất tự tin trong ý muốn đưa lại một luồng sinh khí mới cho làng báo. Bài thơ sau đây đã tỏ ra có khí phách, khi đụng chạm tới hai nhân vật lão thành quyền uy. Một là Nguyễn Văn Vĩnh với tờ Trung Bắc Tân Văn và Đông dương tạp chí, hai là Phạm Quỳnh với tờ Nam Phong... Hai ông Vĩnh và Quỳnh quả thực có tài nhưng người ta đã thấy họ quá ư đạo mạo, cũ kỹ đối với lớp trẻ phóng khoáng hơn. Chủ trương chính trị trực trị của ông Vĩnh hay lập hiến của ông Quỳnh cũng chỉ là những biện pháp cải lương trong khuôn khổ thực dân. Người ta cần cái gì trẻ trung, mạnh bạo hơn.

Nước Nam có hai người tài.

Thứ nhất xừ ĩnh, thứ hai xừ Uỳnh.

Một xừ béo núng rung rinh,

Một xừ lều đều như hình cò hương

Không vốn liếng, chẳng ruộng nương.

Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu

Bây giờ đang xiả xói nhau

Người câu lập hiến, kẻ câu trực quyền.

Thưa các ngài, thực vi tiên.

Muốn xem chiến đấu, quăng tiền vào đây

Chế riều Vĩnh và Quỳnh bán buôn dư luận có thể hơi quá đáng, nhưng châm biếm các ông đó về quan niệm chính trị là đúng. Ông Vĩnh về sau qua đời còn Phạm Quỳnh tới 1933 thì được triệu vào làm Lại bộ Thượng Thư cho triều đình Bảo Đại, trong mắt những lớp người mới, không còn ai nhắc tới nữa.

Trên báo Phong Hoá, còn thêm mục phóng sự, tả thực về các hiện tượng xã hội đáng chú ý. Tôi nhớ có thiên Hà Nội ban đêm của Việt Sinh (Thạch lam) và Trường Khanh (một bạn viết). Trường Khanh ghi được nhiều tài liệu sống động của đời sống những giới sống về đêm... thuốc phiện, cờ bạc, ma cô, đĩ điểm... và Việt Sinh đã viết thành văn đã làm cho độc giả thấy được những bí ẩn, éo le, đau khổ của những hạng người đặc biệt ấy.

Những bài thơ châm biếm của Tú Mỡ lại là một đặc sắc khác của tờ báo, dễ đi vào trong các tầng lớp người đọc, và có vẻ Việt nam nhất, so với những truyện ngắn, thơ mới phảng phất có mùi vị Âu Tây.

Nghe nói báo bán rất chạy, rất được hoan nghênh, cả nhà bớt lo, không phải đưa báo ế về cho chị Tam gói cau nữa. Bà nội chúng tôi được đưa ra an táng tại mảnh đất do một thầy địa lý chọn ở gần gốc cây đa mâm xôi, cách mộ con trai bà không xa lắm. Đứng ở cổng trại nhà tôi, có thể nhìn thấy cây đa lớn ấy. Ban đêm, về khuya, có thể nhìn thấy những con ma chơi lấp loé bên gốc đa. Không biết trong đó có linh hồn bà tôi hay thầy tôi không? Và đến bây giờ, hai nắm mộ còn nằm nguyên ở chỗ cũ không?

Mấy tang tóc liên tiếp tại trại Cẩm Giàng - đưa con gái thứ hai của

anh chị Tam và đưa con gái của anh chị Hai đều bất hạnh qua đời, khiến tôi cảm thấy buồn thương vô hạn. Nhất là đến đêm, bóng tối đã trùm lên tất cả cánh đồng hiu quạnh, trong nhà chỉ còn mấy người cô đơn, càng thấy cô đơn.

Gia đình quyết định dọn lên Hà nội để, vả lại tôi cũng cần lên để soạn thi Tú Tài. Lần này, do các anh góp tiền, chúng tôi thuê được một căn nhà hai tầng, cao ráo, rộng rãi, có cổng sắt có đường lát sỏi hai bên trồng hoa, cùng na, ổi. Đây lại rất gần nhà báo Phong Hóa vì cùng một phố Quan Thánh.

Các anh Cả, Hai, Ba đã thành gia thất cả rồi. Tất nhiên phải đến lượt anh Tư (Long). Sau một thời gian mới manh, xem mặt (lại xem mặt!) một cô gái nhà con một, ông bố đã mất, chỉ có hai mẹ con ở với nhau. Dù sao cũng là dịp hay đối với tôi, vì nghỉ hè năm ấy, hai gia đình hẹn nhau ra tắm bể Sầm Sơn, một nơi nghỉ mát có tiếng ở Thanh Hoá.

Cùng với mẹ, chị Cả, anh Tư và chị Thế, đến Thanh Hoá rồi chúng tôi ngồi xe tới Sầm Sơn. Con đường rộng rãi, hai bên trồng những cây phi lao xanh rờn, gió biển từ xa thổi vào khiến người ta cảm thấy không khí tươi mát khác hẳn với thành phố.

Nhà gái có một biệt thự ở gần bờ bể, còn chúng tôi thì thuê một căn nhà hơi xa một chút. Đêm nằm nghe tiếng sóng đổ ầm không ngừng ở ngoài khơi, và gió thổi vi vu qua ngọn cây phi lao. Sáng sớm, ra bờ bể, đằng sau rặng cây, mặt biển mênh mang hiện ra, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ngoài xa, những cánh buồm nâu của dân chài. Tại một đầu bãi bể, một mỏm núi cao đứng chắn những làn sóng bạc xô đẩy nhau từ xa vào bờ.

Chỗ này do người Pháp khai thác, những biệt thự đẹp toàn là của Pháp hay một số ít người Việt giàu có. Du khách đa số mượn phòng

hay thuê ngay những nhà lều dựng trên bãi cát. Chiều hôm đó, chúng tôi ra bãi biển. Đã có không ít nam nữ mặc áo tắm chạy tung tăng hay đương bơi rồn dưới nước. Chị Long tương lai là một thiếu nữ cao, hơi gầy, trắng trẻo. Mới đầu còn hơi ngượng ngùng, ít nói nhưng không bao lâu sau, do không khí vui vẻ chung quanh, tất cả đã thành ra như quen thuộc từ lâu. Chúng tôi chạy trên bãi cát, đuổi theo những chùm cỏ rối bay theo gió, hay rình bắt những con dạ tràng nhỏ xíu mỗi khi nước biển rút ra lại nhô lên để xe cát - một công việc không bao giờ ngừng.

Buổi sáng, là lúc dân chài kéo lưới lên bắt cá. Đứng xa, nhìn hình tượng những người cời trần giống như những bức tượng đồng vạm vỡ dưới nắng sớm. Có lẽ nhân vật Vội trong một truyện của Khái Hưng là do đi tắm bể mà nên - nhưng đời sống cực nhọc, kham khổ thực của người dân chài quanh năm vật lộn với sóng gió có nhiều thứ đáng tả hơn là một mối tình lãng mạn miễn cưỡng giữa những lớp người khác nhau. Vụ đi tắm bể Sầm Sơn đã đưa lại kết quả tốt đẹp, một đám cưới vui tươi. Vì cô dâu là con một, anh Tư bằng lòng ở gửi rể, tại căn nhà ở phố Hàng Vôi, xé cửa với trường tiểu học cũ tôi học.

- Chú xem, đầu đề tờ báo viết thế này có được không?

Anh Nguyễn Kim Hoàn, lúc ấy giữ việc quản lý trong ban trị sự nhà báo, đưa một xếp giấy hỏi tôi. Một điều ít người biết, là anh rất thích làm báo, và thích có riêng một tờ của mình. Tờ này, anh cùng một người bạn cộng tác, nội dung gồm vấn đề xã hội, văn hoá, thông tin, khổ nhỏ, độ tám trang. Tôi sẵn lòng giúp về trình bày, và viết một bài tạp ký - lúc đó tôi đã bắt đầu viết trong báo Phong Hoá. Tên tờ báo tôi còn nhớ, và về sau, nó cũng chết yểu vì thiếu vốn và cũng thiếu bài nữa.

Nhưng sau, anh trở thành anh rể tôi. Sau khi anh Tư kết hôn, mẹ tôi đã trở về ở Cẩm Giàng. Hai vợ chồng chị Năm và anh Sáu dọn đi, thuê một căn nhà ở bên đê Yên Phụ. Đây là một căn nhà vuông vắn, nằm dưới bờ đê, bên một lạch nước và nhìn ra đình làng Yên Phụ, và qua đình làng lên mặt nước Hồ Tây rung rinh mỗi khi trời nắng. Cảnh hồ nên thơ, thêm vào đó, hoa đào thường nở rộ về mùa xuân trong làng Yên Phụ, Cũng khiến cho người ta quên một phần nào cảnh nghèo nàn trong đời sống.

Từ đó, chúng tôi kết duyên với làng Yên Phụ và Hồ Tây cho tới mãi mười mấy năm sau, khi thời thế chuyển động kinh hoàng.

Tây Hồ có danh sĩ,
Nhà thì ở nhà tranh (Huyền Kiều)

Mái nhà tranh này, tới nay cũng vẫn không mờ trong ký ức tôi. Vì nó liên hệ tới bao nhiêu kỷ niệm vui buồn trong đời sống gia đình, và riêng trong đời sống của tôi. Danh sĩ kể trên là anh Sáu - Thạch Lam. Không biết từ ngày nào, anh ra ở riêng, mà anh lấy vợ lúc nào tôi cũng không nhớ. Không giống nhiều gia đình cổ truyền, anh em chúng tôi ít khi chú ý đến việc riêng của mỗi người. Một mái nhà tranh ngay đầu làng Yên Phụ, bên bờ Hồ Tây, từ đê xuống rẽ vào con đường gạch, qua đình làng là tới. Căn nhà nhỏ nên thơ, nấp đằng sau hàng rào tre, có cổng gỗ ra vào. Nhà ba gian, cũng cao ráo, sáng sủa. Có thềm rộng trông ra mặt hồ. Ngồi trên đó nhấp chén trà, nhìn xuống mặt hồ mênh mông, với trước mặt là trường Bưởi, bên trái là con đường Cổ Ngư, nghe nước vỗ nhẹ vào bờ dưới chân, thì cảm giác như ở xa trần tục.

Chị Sáu là một người đàn bà hiền hậu, chất phác, rất niềm nở đối

với các bạn văn chương của chồng, thường hay đến tụ họp uống trà hay cà phê, có người đến học bơi hay bơi thuyền. Đời sống chị Năm hay anh Sáu cũng thanh đạm như nhau, vì lương rất ít. Lương ở toà báo chỉ đủ để duy trì quần áo tối thiểu, ngày hai bữa cơm với rau đậu, với ít thịt cá dành cho các con nhỏ. Chỉ có khi nào xuất bản một cuốn sách, đời sống mới được đầy đủ hơn một chút.

Đến đây, tất có bạn hỏi, thế thì còn rút lại người em út thân phận ra sao? Tôi còn nhỏ tuổi, lại đương đi học, tất nhiên là độc thân rồi. Không có chỗ ở nhất định, cố nhiên là phải đánh du kích, nay nhờ nhà này, mai nhà kia. Nhiều khi không tiện, thì đi ở trọ. Một lối sống thông thường cho học sinh thời ấy, tuy có vẻ kém nền nếp và lông bông dưới con mắt của một số người. Mẹ tôi có vẻ dễ dãi hơn:

- Mẹ về Cẩm Giàng rồi, con muốn ở đâu cho tiện học là được.

Bà có vẻ tin tưởng ở tôi sẽ không hư hỏng. Còn các anh tôi theo thói quen, chẳng ai đã động gì.

Tôi đến ở với một số bạn, xem ra toàn là đồ quý sứ cả, tứ chiếng giang hồ - nghĩa là ở mấy nơi khác tới. Năm đó, thi bằng Tú Tài phần thứ nhất, tôi đã trượt vỏ chuối tuy đã cuốc bở hơi tai trước kỳ thi. Nguyên nhân là khi khẩu thí, gặp ông giám khảo hắc búa, bắt tôi đọc một đoạn truyện David Copperfield của Dickens. Tôi gân cổ đọc, còn ông chỉ ngồi cười. Sau tôi mới hiểu, vì ông chẳng nghe hiểu gì hết với cái tiếng Anh lạ tai của tôi. Tất nhiên là trượt, về nhà học lại. Được tin tôi trượt, gặp tại nhà báo, anh Tam vỗ vai tôi an ủi:

- Thắng bại là sự thường cho nhà binh. Sang năm, tôi tin chắc chú sẽ thành công!

Một điều an ủi cho tôi là, trong số anh em cùng trọ, không chỉ có tôi đã trượt vỏ chuối, mà phần lớn cũng chung một số phận. Một chàng tên là Nhung, trước ngày thi, chắc mắt lần này sẽ đỗ bằng Thành

Chung, sẽ về quê vinh quy bái tổ và cưới vợ ngay, nhưng lúc treo bảng lại không thấy tên mình, tuyệt vọng, về nhà bỏ cả bữa cơm và nằm lì suốt hai ngày không nói năng. Một chàng nữa, thi Tú Tài bản xứ phần thứ hai, cũng bị đánh rớt, nhưng vẫn thản nhiên, tối đến cùng mấy bạn xuống phố Khâm Thiên để giải sầu. Xin nói rõ là trong bọn đó không có tôi, vì còn quá nhỏ tuổi, chưa đủ tư cách. Thế là lại phải cuốc một năm nữa. Phải nhai lại những bài cũ nhất là tiếng Anh khô khan. Cũng may, năm ấy, tôi bắt đầu bước vào nghề viết báo, làm thơ, nên thì giờ cũng dễ trôi qua. Một cách chật vật, tôi cũng qua được phần thứ nhất bằng Tú Tài Tây, nhờ ông giáo chấm tiếng Anh dễ dãi, cho một điểm không đến nỗi quá thấp. Nhưng, phải đối diện với phần thứ hai, làm sao đây? Theo ý kiến của các bạn, muốn ăn chắc, nên xin vào học trong trường Trung Học Albert Sanaut. Đây là một trường quý tộc hơn, nhưng gia đình cũng đồng ý cho tôi vào học, dù tiền học phí hơi cao. Mùi thực dân của trường này tất sẽ nặng nề, nhưng đành phải chịu.

Nằm ở trên mạn Cửa Bắc và gần phủ Toàn Quyền trường này trông cao ráo, lịch sự hơn trường Bưởi nhiều. Mấy toà nhà ba tầng vây chung quanh một sân rộng rãi sỏi. Học sinh có người Pháp, nhưng đa số vẫn là người Việt. Lớp Triết học của tôi có một điểm lạ là có năm nữ sinh người Pháp, trông cũng dễ coi, nên đỡ buồn tẻ. Có cái là mấy cô đều có vẻ lạnh nhạt, nếu không nói là khinh người. Lạ nhất là trong bọn, một cô xinh đẹp nhất, đôi mắt xanh trong, má hồng, thân hình như một cô đào xi-nê trên màn ảnh Mỹ dạo đó - mà chắc các chàng trai trong lớp đều thầm yêu- lại có vẻ hoà nhã và dễ dàng nói chuyện nhất. Điều này có người làm chứng: một bạn học cùng lớp may mắn sống đến tận ngày hôm nay, anh Trần Trung Dung. Quả đất nhất định là không to lắm, và chắc con Tào xoay vẫn,

nên qua 60 năm sau, anh Trần và tôi lại gặp nhau tại quận Cam, Hoa Kỳ, và cùng uống cà phê tại nhà một bạn già ở Huntington Beach. Mỗi người một cảnh ngộ, nhưng đường nào cũng đưa tới quận Cam, và chắc đều còn nhớ tới cô bạn học hoa khôi thuở còn trẻ. Anh Trần Trung Dung nay đã ra người thiên cổ, anh mất và an táng tại quận Cam, miền nam California, Hoa Kỳ.

Đáp lại thái độ của mấy cô đầm, chúng tôi chỉ giữ một thứ im lặng cao ngạo. Vì chúng tôi có cách trả thù dân tộc bằng chiếm ưu thế trong việc học. Thành tích của các cô lạc hậu khá xa. Vì trước kia, tôi đã ưa đọc những sách triết học, nên được ông giáo sư dạy môn Triết mền, những tác văn của tôi thường thường ông chỉ sửa chữa rất ít và khuyến khích. Việc này giúp cho tôi rèn luyện lối suy nghĩ khoa học và đào sâu vào mọi vấn đề

Một ông giáo nữa, cũng đáng ghi nhớ đối với tôi, là giáo sư Lê Thành ý. Ông Lê dạy Việt Văn, và ông hay theo dõi báo chí và văn chương thời đó. Có một lần, ông hỏi tôi, không phải về bài học, mà là về tình hình tờ Phong Hoá, và khuyến khích tôi nên cố gắng viết nhiều hơn nữa. Người cao lớn, bệ vệ, nhưng giọng nói ông lại rất ôn tồn.

Cuối năm, dù không dốc hết sức để ôn tập các bài vở, nhưng may mắn tôi cũng được giải nhất trong lớp và tương đối dễ dàng qua được phần thứ hai bằng Tú Tài, trước vẻ hân hoan của mọi người.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 6

Toà báo Phong Hóa: Anh Khái Hưng, Máy họa sĩ Nguyễn Gia Trí,
Trần Bình lặc, lemur

Vào cuối năm 1932, tôi đến thăm toà báo Phong Hoá.

Toà nhà có thể gọi là lịch sử này cả về mặt văn hoá lẫn chính trị, đã chứng kiến bao sự kiện đã từng xảy ra trong mười lăm năm. 80, phố Quan Thánh, ngay góc đường Quan Thánh và Hàng Bún. Có hàng rào sắt, có cổng lớn ra vào. Máy cây bàng cao trồng hai bên đường, mùa thu tới, lá bàng đỏ thường rụng và bay vào trong sân. Con đường xe điện Bưởi chạy ngang trước cổng.

Một toà nhà hai tầng, có sân rộng bao bọc. ở giữa, bước lên thêm, là phòng trị sự và nhà in: Muốn lên toà soạn ở trên gác, thường rẽ sang bên cạnh, qua một khóm tre Đằng Ngà thân màu vàng. Chỗ này, mọi người lúc rỗi thường bắc ghế ngồi chuyện trò, hay đánh bóng bàn.

Đằng sau có thang lên gác, bên trái là phòng của hai vợ chồng Khái Hưng, còn ở giữa là toà soạn. Gian giữa để làm việc, gian bên là phòng khách. Trong cùng, còn có hai buồng nhỏ để tài liệu, máy móc cần thiết.

Tôi chưa gặp Khái Hưng bao giờ. Nên khi bước vào phòng khách, một người thấp nhỏ, da mặt ngăm ngăm đen quay ra, tôi ngờ ngờ không biết có phải là anh không. Khi có một anh giới thiệu, chúng tôi bắt tay nhau. Trong lúc bắt tay rất chặt, không hời hợt như một số

bạn khác, tôi cảm thấy anh là người rất nhiệt tình, dù đối với một người trẻ như tôi. Đôi mắt anh lạnh lợi, đôi môi hơi trễ xuống, nhưng cười nói rất có duyên, nhanh nhẩu. Vì gầy nhỏ, môi lại hơi thâm, nên có người nói anh nghiện thuốc phiện, thực ra oan cho anh. Từ lúc đầu, thái độ anh rất chân thành, coi tôi như người bạn và cũng là em út trong nhóm, không hề lên mặt người lớn. Thành ra, tôi cảm thấy dễ chịu như trong anh em một nhà. Hôm đó, Thạch Lam có mặt, Khái Hưng nhanh nhẩu tự pha cà phê cho chúng tôi uống. Thứ cà phê đen đặc, vị rất nồng. Truyện trò một lúc, mấy người giờ bàn cờ tướng ra. Khái Hưng hỏi tôi có thích đánh cờ tướng không.

- Cứ thử xem, anh cho với nó một ván đi. - Thạch Lam gợi ý.

Khái Hưng xem ra có vẻ khinh địch, bày cờ xong thì vừa đi nước vừa gật gù truyện gẫu. Nhưng đi năm nước rồi mới biết mình hồ, lâm vào thế yếu, sau khó nhọc lắm mới gỡ hoà cờ.

- Hậu sinh khả úy- anh nói.

Anh không biết tuy còn ít tuổi tôi cũng đã đọc qua cuốn quất trung bí. Ván sau, chơi với Thạch Lam, anh lại phải chịu thua. Một đặc điểm chung cho Khái Hưng, Thạch Lam hay Tú Mỡ, Thế Lữ, như Nguyễn Tuân thường đùa, là đều có bộ ngực Omega cả, có nghĩa là lép kẹp như chiếc đồng hồ đeo tay mỏng dính. Song điểm này chẳng phải là độc quyền của các anh, mà như Vũ Trọng Phụng, Vũ Hoàng Chương mấy anh khác cũng vậy. Đủ rõ đời sống của họ thời ấy ra sao.

Vì ở luôn trong tòa báo, nên Khái Hưng có thể coi như Tổng thư ký tòa soạn. Thạch Lam cũng thường xuyên ở đó và kiêm những bài phóng sự. Nhất Linh xử lý công việc chung và xếp đặt kế hoạch nội dung mỗi số. Còn Hoàng Đạo vì bận đi làm nên buổi tối hay ngày nghỉ mới tới. Nhiều khi anh em phải làm việc tới khuya mới ra kịp

báo. Một điểm mà Phong Hóa chú trọng nhiều là những tranh vẽ, hoạt họa, khiến cho tờ báo linh động hơn và hấp dẫn hơn.

Lúc đầu, người vẽ chính là Nhất Linh - ta còn nhớ anh đã học tại trường Mỹ Thuật. Sau đó, mời thêm một số họa sĩ giúp việc.

Có người đưa ra ý kiến, làm một số Xuân đặc biệt, với bìa màu, nhiều tranh vẽ. Người vẽ tranh bìa là họa sĩ Trần Bình Lộc. Gặp anh lần đầu, tôi rất có cảm tình với nhà họa sĩ thấy lùn nhưng vui tính, hay nói đùa. Còn nhớ, tranh bìa năm ấy vẽ hai thiếu nữ áo dài thướt tha, yếu điệu, đứng bên gốc mai hái hoa bỏ vào lẵng. Thực tình, bức tranh chưa có trình độ nghệ thuật cao, nhưng vì mới mẻ nên nhiều người thích. Dưới bức tranh, có bài thơ cảm đề của Thạch Lam, bài Ngày Xuân hái hoa:

Ngày xuân, chị em đi hái hoa,
Rừng mai, đứng dưới gốc mai già...
Hoa mai trắng xóa trong xuân tươi,
Một chị một em xuân mấy mươi
Gió xuân! dịu dàng tà áo lay,
Gió xuân! hoa mai tan tác bay!
Em tay nâng gió chị vin cành
Bẻ đóa hoa mai với lá xanh
Ngày xuân cánh hoa đượm hạt móc
Hái hoa, hoa rơi vương mái tóc
Tiếc hoa nên hái giỏ hoa đầy
Một giỏ hoa xuân nặng trĩu tay
Người về tiếc xuân biết còn ai?
Còn lại trong vườn xuân với mai.

Tranh và thơ đều nhuốm vẻ êm đềm, dịu dàng, trữ tình hợp với tâm

tình của những thanh niên - hay không thanh niên- ở các thành phố. Số báo xuân bán rất chạy. Sau đó nhiều báo cũng ra số xuân, có thơ, có tranh thiếu nữ - thành một thứ mốt còn truyền đến tận bây giờ, nửa thế kỷ sau.

Rất tiếc là về sau, Trần Bình Lộc mất quá sớm. Nhưng có mấy anh Tô Ngọc Vân, Cát Tường (tức Lemur - tiếng Pháp là bức tường) Nguyễn Gia Trí giúp việc.

Tô Ngọc Vân, chuyên về tranh sơn dầu, là một trong những họa sĩ tài năng nhất. Anh người còn bé nhỏ hơn cả Trần Bình Lộc, tính tình điềm đạm dễ thương.

Lemur là một chàng dong dỏng cao, nhanh nhẹn, vui vẻ. Anh khét tiếng không vì tài họa của anh, mà vì anh đã nghĩ ra những mẫu kiểu áo tân thời cho phụ nữ, gọi là kiểu áo Lemur. Hoàn cảnh xã hội đã thay đổi, tương đối yên ổn. Nên các thứ vui chơi, thể dục, văn nghệ có môi trường để phát triển. Tại các thành phố, nhất là tại Hà Nội ngàn năm văn vật đất Thăng Long, giới trung lưu có những nhu cầu riêng. Phụ nữ có nhiều dịp để phô trương sắc đẹp, quần áo kiểu cũ- áo cánh trắng, quần lĩnh đen đã lỗi thời. Tại các phố hàng Ngang, hàng Đào, Tràng Tiền tới đến tập nập thanh niên đi dạo phố.

Mình ơi, có đi bờ Hồ,
Cùng ta ăn kem kẹo dừa,
Cứ đi đi mình nhé...

Câu Lưu Thủy Hành Vân này rất thịnh hành lúc đó. Lại cần có quần áo lộng lẫy hơn khi đi xem hát, xem điện ảnh
Thương nữ bất tri vong quốc hận...
Chắc nhiều người sống ở thời ấy đã biết kiểu áo Lemur là thế nào.

Đó là một thứ quần, áo dài Việt nam đôi kiêu, phồng theo lối đầm. Ai đã xem qua phim Số Đỏ thì cũng rõ. Mới thì mới thực, nhưng quá lai căng, rườm rà, như cổ áo quá cao, vai bông, eo lưng quá thắt, lại thêm viền đăng ten diêm dúa, làm mất vẻ đẹp tự nhiên của chiếc áo dài Việt nam. Nên không bao lâu sau, nó đã thành ra cổ lỗ hơn cả những kiểu áo cũ.

Một lần, Lemur, Thế Lữ và tôi, cùng một thiếu nữ đi chầy hội chùa Hương, với mục đích làm một bài phóng sự. Lemur bận vẽ vẽ phác cảnh núi rừng, còn chúng tôi về ngắm cảnh thiên nhiên, chùa, động. Khi ngồi nghỉ ở chùa ngoài, Thế Lữ tò mò hỏi cô bạn về cái kiểu áo Lemur, thì không ngờ cô bịa môi một cách tinh nghịch:

- Những mẫu áo ấy à? Thì anh ấy có biếu em, em cũng không mặc. Lemur ngồi im, không nói gì. Và chính anh sau đó, cũng gác các kiểu áo anh vẽ vào tủ.

Còn anh Nguyễn Gia Trí thì lại khác hẳn. Thoạt mới gặp, thực khó nghĩ đây là một nghệ sĩ tài hoa. Tướng anh rất đặc biệt. Tôi liên tưởng đến Trương Phi. Người cũng thấp, tóc bờm sòm, lông mày rậm, bộ râu quai nón lồm xồm chung quanh đôi môi hơi dày. Đôi mắt anh cũng khác người, màu xanh biếc và long lanh như mắt mèo. Nhưng biết anh rồi, mới rõ bản tính hiền lương và khiêm tốn của anh. Anh ít nói, càng ít tranh chấp hay kể gì về mình.

Lúc trước anh vẽ sơn dầu, sau đổi sang chuyên vẽ sơn mài, và anh đã thành công vượt bậc. Một lần, tôi đến thăm xưởng vẽ của anh ở chân đê Thụy Khê. Xưởng vẽ thực là lộn xộn, vô trật tự. Những bức tranh, bình phong vẽ chưa xong để bừa bãi khắp nơi trên mặt bàn, đất, đủ các thứ bút, giấy, các thứ màu để vẽ vàng, bạc thực và rất nhiều vỏ trứng vứt lung tung. Nên nhớ, đối sơn mài, vỏ trứng là một vật liệu rất quan trọng.

Hôm ấy, chúng tôi gặp một cô người mẫu, coi có vẻ đồng ruộng nhưng cũng mảnh khảnh, yếu điệu... có lẽ vì thế mà những nhân vật trong tranh của anh phần lớn là những thiếu nữ bay bướm tung tăng, hay những nàng tiên múa trong mây. Hình tượng Lý Toét đầu tiên do Nhất Linh vẽ, sau đó do Gia Trí sửa đổi đôi chút. Còn Xã Xệ và Bang Bạnh thì do anh Gia Trí nghĩ kiểu. Nhiều độc giả lúc đó thích vì chê cười những cái ngờ nghếch, ấu trĩ, nhà quê hay hống hách, quan dạng. Nhưng cũng có người cho rằng không nên chế diễu quá đáng, những thứ ngớ ngẩn, ấu trĩ không phải là lỗi ở nông dân bản thân mà do xã hội, chế độ thực dân kìm hãm trong tình trạng lạc hậu mà ra. Bang Bạnh quả thực nên chế diễu. ý thức nhạo báng những cái gọi là nhà quê, xét cho kỹ, cũng là nhận xét thiên lệch của những tầng lớp ở thành thị đối với những người thôn quê.

Tờ Phong Hoá được hoan nghênh về tinh thần sáng tạo, cái cách, và tiến bộ, và đồng thời về giá trị văn chương cao, về những tác phẩm xuất chúng. Nhiều ưu điểm hợp lại, lại là một tập hợp của nhiều tác giả tài hoa đã khiến cho nhóm này trở thành đại biểu cho cả một trào lưu văn nghệ mới.

Nhưng ngược lại, cũng có một số người khư khư ôm lấy quá khứ nên bức dọc, bất mãn, ngoài ra còn một số ghen ghét, ganh tị. Có người vỗ ngực than thân Ôi! Phong Hóa suy đồi! (Tờ Phong Hoá phá hoại phong hóa). Cái đó cũng tự nhiên thôi.

Nói cho khách quan một chút, Phong Hoá và Tự lực văn đoàn ra đời vào một thời điểm đặc biệt trong lịch sử Việt nam dưới thời thực dân. Nhưng năm 1927 cho tới 1932, nhiều cơn gió bão đã đưa tới xáo trộn nặng nề trong xã hội, mà cao điểm là cuộc khởi nghĩa của Việt nam Quốc Dân đảng năm 1930 và những vận động của nông

dân tại Nghệ Tĩnh do đảng cộng sản Đông dương thúc đẩy. Cả hai phía đều bị thực dân Pháp đàn áp tàn ác với bao nhiêu bản án tử hình, khổ sai chung thân và trại tập trung. Tình thế ổn định tiếp theo sau là ổn định dựng trên khủng bố, một thứ ổn định bề mặt.

Chính bọn thống trị người Pháp cũng cảm thấy như thế, nên đổi sang dùng sách lược an dân để xoa dịu bất mãn và lôi kéo dân chúng sang những hoạt động vô hại. Chúng đưa vua Bảo Đại về hồi loan và reo rắc những hy vọng duy tân lừa gạt vào nhà vua trẻ này cùng với sử dụng học giả Phạm Quỳnh làm bung xung. Một mặt, chúng hô hào những phong trào thể thao hấp dẫn như thi đua xe đạp suốt Đông dương hay những cuộc đua quần vợt với Chim-Giao. Ngoài ra, còn phong trào ăn chơi, mặc quần áo đẹp, nhây đầm, bầu hoa khô. Phong trào quần áo kiểu Lemur cũng bắt nguồn từ đó. Lại còn phong trào đua đi nghỉ mát, lên núi, đi tắm biển Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cap Saint Jacques... Những tiệm nhảy, chơi cô đầu, thậm chí tiệm thuốc phiện, sòng bạc mọc ra nhan nhản. Tại đất ngàn năm văn vật, thanh niên kéo nhau tới những chỗ tên tuổi như Khâm Thiên, Ngã Tư Sở, Bạch Mai và những ngõ hẻm giữa thành phố. Các rạp điện ảnh cũng chật ních người háo hức xem những phim hiệp sĩ, cao bồi miền Tây Hoa Kỳ hay những phim lãng mạn với những cô đào Mỹ, Pháp tuyệt sắc.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 7

Gặp Tú Mỡ Thế kỷ -

Tôi bước Vào làm báo, viết thơ.

Nhớ tới Bằng Bá lân - Vũ Ngọc Phan.

Dạo đó, nhà anh Tú Mỡ ở bên đê, không rõ gần Ô Cầu Giấy hay Láng. Một hôm, ngày nghỉ, anh rủ các anh em đến thăm nhà anh. Chưa bao giờ, tôi thấy sốt ruột như thế, vì anh đạp xe một cách quá ư từ tốn, như đi dạo mát, làm cho mọi người thường phải dừng lại để đợi.

- Anh đạp nhanh hơn một chút có được không?- Gia Trí hỏi gắt.

- Việc gì mà vội? - Tú Mỡ điềm nhiên đáp - Sắp tới rồi. Đạp nhanh quá, nhớ có hòn đá nào trên đường mà vấp vào thì chết...

Mọi người đều phải cười.

- Cẩn thận vô áy náy- Khái Hưng xuề xòa, tỏ vẻ đồng tình.

Cuối cùng, rồi cũng tới đích. Một căn nhà nhỏ, cũ kỹ, nhưng thoáng mát. Chung quanh có đất trồng cây. Trong nhà đồ đạc đơn sơ. Đời sống nhà thơ nghèo, thanh đạm quá. Số lương thấp, tiền nhuận bút cũng không được bao nhiêu. Nhưng anh thấy là đầy đủ: gia đình êm ấm, thơ được nhiều người yêu chuộng.

Tú Mỡ là một nhân vật đặt biệt. Trông bề ngoài, không ai nghĩ một ông phán bình thường Sáng vác ô đi, tối vác về lại có tài viết thơ châm biếm như thế. Vả lại, tính tình anh hiền lành, khiêm tốn, ít nói.

Bữa cơm gia đình khiêm tốn, chỉ có thịt lợn luộc, lòng heo, đậu rán

chấm tương. Thêm vào, một ly bia Hommel hay rượu Văn Điển. Sau cà phê đen là tới món thuốc Lào quốc hồn quốc túy. Nhìn anh, thực gầy như con hạc. Vì thế, vấn đề biệt hiệu Tú Mỡ của anh vẫn được người ta băn khoăn. Nghe nói, trước khi lấy tên này, anh cũng đã nghĩ đi nghĩ lại. Tú thì được rồi, nhưng Tú gì mới được chứ?

- Có Tú Xương rồi, hay ta lấy chữ Tú Mỡ để đổi lại, người ta dễ nhớ

- Khái Hưng gợi ý.

- Tú Mỡ à? Nghe không ổn lắm.

Thạch Lam cho rằng chữ Tú Mỡ kém bề thanh nhã. Người gầy, mặt xương xương, bộ ngực lép, không hợp lắm.

Nhưng sau rồi, anh Hiếu cũng chọn tên Tú Mỡ, để khiến người đọc chú ý.

Tuy bận học thi, tôi cũng thấy ngứa tay, muốn thử viết. Mới đầu là mấy bài bàn luận ngắn về hiện tượng xã hội, và phóng sự ngắn về đời sống dân nghèo, hoặc về những nơi hội hè, du lịch. Rồi, tôi cũng bước vào làng thơ mới.

Thơ mới xuất hiện chậm hơn đối với các thể văn khác. Trước 1930, là thiên hạ của thể thơ Đường, hay thơ lục bát với nội dung nhạt nhẽo, không làm ai rung động. Những bài thơ lãng mạn, tình cảm, như Lamartine khóc cho Graziella, hay Beaudelaire, Verlaine ủ rũ.

Tôi đi theo gió xấu, đưa tôi đi đây đi đó, giống như chiếc lá khô... (tạm dịch từ Pháp văn).

Hay thì hay nhưng quả thực ủy mị quá, không thích hợp cho lắm đối với những thanh niên Việt đương sống cuộc đời nô lệ dưới ách thực dân và còn bao nhiêu những cùng khổ. Nhưng tại các tầng lớp thành thị, trong hoàn cảnh tương đối yên ổn, những văn thơ lãng mạn, than khóc đã tìm được thị trường.

Xe chạy tới ga Lăng Cô, câu thơ nào đó của Phan Khôi, thực ra nó

ngộ nghĩnh, và chưa là mới lắm, chỉ mới thoát khỏi quy luật cũ. Một số nhà thơ bỏ Đường Luật, làm theo lối tám chữ một câu - thể Sonnet của Pháp, dễ diễn đạt tư tưởng, không gò bó. Sau này là thể dùng nhiều nhất cho thơ mới.

Tôi gặp Thế Lữ lần đầu tiên cũng ở toà soạn, cũng đương ngồi đánh cờ. Người không cao, mặt hơi vuông, cũng gầy, miệng cười rất có duyên. Tuy gầy, nhưng cái bắt tay của anh rất chặt, tỏ ra anh rất nhiệt tình. Giống như Khái Hưng, anh mặc bộ âu phục màu xám, đội mũ dạ, ăn nói nho nhã, chậm rãi. Vì thân hình gầy ốm, vì nước da xám xám, nên nhiều người cho anh là nghiện thuốc phiện - việc này có thực, nhưng lúc đó anh đã cai được.

Do việc gửi mấy bài thơ đến báo Phong Hoá, Nhất Linh đã hẹn anh đến toà báo. Gặp mấy anh Khái Hưng, Tứ Ly (Hoàng Đạo) anh được cổ vũ vì thái độ nhiệt thành của các anh em. Về sau, Nhất Linh đã nhiệt liệt giới thiệu Thế Lữ trong bài Nguyễn Thế Lữ, một nhân vật mới trong làng thơ mới

Bài thơ đầu tiên đáng chú ý của anh là Con người vợ vẫn trên báo số Tết. Cùng trong số đó, có bài Thiên Thai của anh, một bài nữa, đầu đề là Cảnh đào Xuân - tôi làm, ký tên Trường Bách, và còn bài của vài nhà thơ khác.

Thế Lữ, cả về nội dung và hình thức đều mang lại một luồng gió mới cho làng thơ. Hồi đó, làm thơ còn có Phạm Huy Thông, Bàng Bá Lân, và vài thi sĩ khác.

Chính tôi cũng không hiểu tại sao lại thích làm thơ mới.

Đúng ra thì đối với tôi, văn xuôi thích hợp hơn. Lúc còn bé tôi đã từng viết truyện ngắn, và lúc đầu, trên tờ Phong Hoá, tôi cũng đã góp ít bài vào mục Từ nhỏ đến lớn, mục Hạt đậu dón. Có lẽ lúc đó có dịch thơ -dịch đây có nghĩa là một bệnh dịch - theo sau dịch làm

báo, dịch viết văn... và sau những ngày gay go, căng thẳng mấy năm vừa qua, đầu óc người ta, nhất là thanh niên các thành thị, đã lãng mạn hoá. Người ta thích ngắm trăng và mây, tả hoa và nước, tình cảm nam nữ trước đây bị trói buộc, nay đã được dễ dàng đưa lên trên mặt giấy. Người ta, đặc biệt giới đẹp, biến thành đa sầu đa cảm. Cho nên thi sĩ cũng đua nhau ra đời.

Phan Khôi, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư... rồi có Phạm Huy Thông, sau đó một tụi nhỏ hơn, đồng thời là Tường Bách, Bằng Bá Lân, Trần văn Kiện- thơ hay nhưng đòi thơ quá ngắn ngủi. Riêng đối với tôi chẳng có ai cổ vũ, hay hướng dẫn tôi trong nghề văn thơ. Có người nghĩ rằng, trong gia đình Nguyễn Tường, chắc là do Nhất Linh dìu dắt, chỉ bảo các em mà thành tài. Sự thực không đúng như vậy.

Nhất Linh là người đi tiên phong, có óc sáng tạo và dám làm, dám nêu ra những ý kiến cải cách, đồng thời lại có óc tổ chức. Nhưng về tư tưởng cải cách, về đường hướng văn nghệ, theo chỗ tôi biết, thì các anh em cũng đều có ý nghĩ chung. Về lối viết thì hoàn toàn mỗi người có một sắc thái riêng. Cá tính tôi lúc đó không thiên về những thứ tình cảm cá nhân, cho nên thơ đều tả về cảnh thiên nhiên. Bài đầu, tôi nhớ mang máng lấy tên là Cánh đào đầu xuân nói về hoa lá, cảnh trời đất trong lúc đi xuân. Không ngờ lại được một số người để ý. Họa sĩ Cát Tường cho là trong có nhiều hình tượng đẹp và do đó, về sau anh vẽ một bức họa đầu xuân.

Hậu sinh khả ứ, một lần tại toà soạn, Khái Hưng phát biểu ý kiến. Anh không ngờ tôi lại biết làm thơ mới... Còn Thế Lữ thì lúc nào cũng xuề xòa, mỉm cười rất có duyên, anh không sợ cạnh tranh.

Việc học hành quá bận, nên sau đó tôi chỉ sáng tác thêm mấy bài, trong đó có bài Nắng trưa hè, tả về cánh đồng làng quê dưới ánh nắng buổi trưa mùa hạ. Ngày đó, bài này rất được chú ý, vì ít nhà

thơ nào chuyên về ca tụng tự nhiên. Phạm Huy Thông có viết bài về thơ tả tự nhiên và dần dần, có độc giả gọi tôi là tiểu Leconte de Lisle một nhà thơ Pháp xuất chúng.

Tiếc rằng đời sáng tác thơ mới của tôi cũng quá ngắn ngủi, phần vì bận rộn, phần vì đã hết hồn thơ, đầu óc trống rỗng, khô khan - không đúng như lời Đinh Hùng đã viết: là một trong ba tiểu quỷ - Huyền Kiêu, Đinh Hùng, Tường Bách tuy học bác sĩ nhưng có óc nghệ sĩ không kém các anh em. Tuy về sau, tôi có viết vài truyện ngắn và phóng sự, nhưng đời sáng tác văn nghệ đã phải đứt đoạn theo biến chuyển của tình thế. Và từ đầu thập niên 40 trở đi, đã đổi sang viết bình luận xã hội, chính trị, tuy trong thâm tâm tôi vẫn thích viết thơ văn. Trong cuộc đời lặn lội và sóng gió, đó là phần nuôi tiếc nhất. Có lẽ chính vì tôi đã chót chọn nghề y, một nghề đòi hỏi quá nhiều thì giờ và quá vật chất...

Sau khi ra số Xuân, mấy anh em, trong đó có Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, họa sĩ Lemur -người vẽ tranh trong số này- kéo nhau đi dạo phố, rồi rẽ sang đường Cổ Ngư dưới hai rặng cây xanh qua đền Quan Thánh, chùa Trấn Quốc. Một bên là hồ Trúc Bạch xinh xắn, một bên là hồ Tây mênh mang.

Từ trên đê Yên Phụ nhìn xuống, những ngôi nhà nhỏ nằm giữa làn nước long lanh và những vườn hoa đủ màu sắc. Mùa xuân, trăm hoa đua nở. Vào sâu trong làng, vườn nào cũng trồng đào, màu đỏ hay hồng nổi lên trong màu xanh lá cây. Ngoài ra, còn đủ màu cúc, thược dược, hoa mai...

- Đây thức là một Đào Nguyên- Thế Lữ nói.

- Đẹp thực. Nhiều hình tượng, nhiều màu sắc, giống như trong mấy bài thơ. - Lemur chỉ vào mấy luống hoa bên đường, bảo tôi.

Chắc là chột nhớ tới một bài thơ, Khái Hưng gợi ý:

- Nhưng tiếc là chỉ thấy hoa, mà không thấy người, chưa đủ, Rồi, như muốn thử kiến thức của Lemur, anh đọc hai câu thơ, khi chúng tôi ngồi nghỉ bên bờ hồ.

Trước sau nào thấy bóng người.

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

- Ai viết ra câu thơ này? - anh hỏi.

Ai cũng đều biết cả chỉ có nhà họa sĩ đồng ý là có bóng người thì tuyệt, để thêm vào tranh vẽ, nhưng anh chịu không biết ai là tác giả. Cả đến thơ Kiều anh cũng không thuộc.

Lúc đó, trên Hồ Tây phẳng lặng, mặt nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, chỉ có mấy chiếc buồm phát phơ ngoài xa. Thế Lữ vẫn là người trầm lặng nhất, ngồi trông ra cảnh thiên nhiên trước mặt. Những phút đó, có lẽ là những phút êm đềm, trong lòng nhẹ nhàng nhất của chúng tôi, vì ít phiền não nhất. Tôi còn nhớ mang máng hai câu thơ của anh:

Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận,

Một áng hương đưa, khói toả mờ.

Không biết có phải bắt nguồn từ lúc này không?

Số phận long đong của văn nghệ sĩ thời ấy, một phần vì suốt đời phải đi ở thuê. Thế Lữ cũng kiếm nhà ở ngoại thành, vì rẻ hơn và tĩnh hơn. Còn nhớ, căn nhà nhỏ của anh thuê ở ngay đường cái, xé trước áp Thái Hà và gò Đống Đa có đường xe điện Hà Nội - Hà Đông ngang qua cửa. Nhà cũng thoáng mát.

Đồ đạc cũng đơn sơ. Phòng ngoài, một tấm phản lớn để tiếp khách, một bàn làm việc, mấy chiếc ghế gỗ.

Nghèo, nghèo thực. Còn nghèo hơn cả nhà Tú Mỡ. Đó là chỗ ở của hai danh sĩ một thời. Thế Lữ và Song Kim, nhà kịch sĩ có tiếng. Nhà Thạch Lam, nhà chị Thế tôi cũng nghèo, có khi còn nghèo hơn.

Riêng tôi thì cũng quen với cảnh nghèo, trong cuộc đời ở trọ nay đây mai đó. Nhưng tôi vẫn thấy ái ngại về hoàn cảnh thiếu thốn của các anh em. Và, với Vũ Trọng Phụng hay Nguyên Hồng, tình trạng cũng gần như thế và còn hơn nữa. ấy là chưa kể tới một số nhạc sĩ, họa sĩ tài năng nhưng suốt đời sống trong cảnh thiếu thốn.

Có hiểu biết những tình trạng thực tế như trên, thì mới hiểu được sự cố gắng vượt bực của văn nghệ sĩ thời đó, và đánh giá chính xác về tác phẩm và tác giả.

Không phải là một người đẹp, nhưng chị Song Kim có đôi mắt to, rất niềm nở, cởi mở. Tuy một chân hơi thọt, nhưng chị vẫn đóng được nhiều vai trong nhiều vở kịch, và đóng rất giỏi. Chẳng ai rõ Thế Lữ - Song Kim chung sống từ bao giờ, và không ai hỏi đến. Cuộc tình duyên trước sau kể cũng éo le. Dù thế nào, không có Song Kim thì đã không có ban kịch Thế Lữ, và cuộc tình duyên của hai người thế mà cũng đã đi vào lịch sử văn nghệ, tuy khó tránh được dị nghị của những người khó tính.

Một hôm, nhân tiện, chúng tôi đến thăm Thế Lữ rồi kéo sang ấp Thái Hà đến thăm nhà anh Vũ Ngọc Phan, anh Phan có nhã ý mời tới ăn cơm trưa. Chị Phan sẽ làm món ốc hấp tuyệt diệu để thết chúng tôi. Qua những bậc gạch, chúng tôi trèo lên gò Đống Đa. Gió thổi mạnh trên những ngọn cây, xì xào như tiếng than thở của những vong hồn chôn ở dưới chân. Lịch sử như sống lại sau hơn thế kỷ đã qua. Chung quanh, đồng ruộng gần xa vẫn im lặng. Dưới chân, những mái nhà trong ấp Thái Hà thấp thoáng giữa rừng cây, bên lạch nước trắng. Yên tĩnh, như một nơi ẩn dật.

Qua cổng gỗ, vào một sân nhỏ, trồng nhiều cây, có cau, bưởi, mít. Căn nhà không lớn, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Vũ Ngọc Phan, người nhỏ nhắn, nho nhã. Mới trông cũng đoán được là một học giả.

Độ ấy, anh đã viết bài phê bình văn chương: Cái đó ai cũng biết. Nhưng có một điều mà tới nay, tôi vẫn không quên: đó là một món ốc hấp do chị làm, với lá gừng. Trái với tôi nghĩ, ốc rất mềm, không dai, vị ngọt và thơm. Về sau, không bao giờ tôi được nếm một món ốc ngon như thế nữa. Cũng không được gặp lại anh chị Phan nữa.

Trong làng thơ hồi ấy, tôi không được quen anh Phạm Huy Thông cùng anh Lưu Trọng Lư. Nhưng trong ký ức bề bộn, tôi không thể quên để mấy giòng nhắc tới một người bạn trẻ, bạn thơ thân thiết - anh Bàng Bá Lân. Vì hoàn cảnh khác nhau, chúng tôi đã không liên lạc được. 40 năm sau, khi đã sang Hoa Kỳ ngụ cư, mới có người cho biết anh vẫn ở Sài Gòn. Song đáng buồn là anh bị bệnh nặng phải nằm liệt trên giường. Anh có gởi cho tôi hai bức thư rất chân tình, đầy cảm xúc. Hai người bạn trẻ xưa nay đã đầu bạc. Cảm thư anh, bất giác tôi nghĩ đến câu thơ Đường tả cảnh tiễn bạn già trên con sông Dương Tử:

Sóng bạc đầu quanh khách bạc đầu

Thực là thương cảm. Nhưng sóng đây lại là sóng Thái Bình Dương. Rồi về sau, lại nghe tin anh mất. Một người bạn cố tri, một thi tài đất nước đã ra đi. Tôi may mắn vẫn còn ở trên đời, nhưng biết bao nhiêu người thân, bao nhiêu tài hoa, xuất chúng mà tôi đã có dịp gặp nay đã đều vĩnh viễn ra đi. Đau thương ngày càng đè nặng lên những người còn sống.

Ngàn năm bạc mệnh, một đời tài hoa...

Câu Kiều đó lại vắng bên tai.

Mấy ngày tôi gặp anh lần cuối cùng là ở ga Kép, Bắc Giang. Anh mời tôi lên chơi. Nhà anh cao ráo, lại có cửa tiệm ăn trông ra đường phố ga.

Phố này ngày phiên chợ đông đúc, đủ cả người Kinh, người Thổ, đủ các màu sắc rực rỡ trên quần áo những cô gái dân tộc thiểu số. Anh Lân thết chúng tôi một chầu phở đặc biệt, ở dưới vùng xuôi không có, là phở xá xíu, ăn lạ miệng. Nhà anh có vườn cam Bồ Hạ gần đó. Vườn rất rộng, nằm trên sườn đồi. Từ xa đã thấy vàng óng cả một vùng. Đi trong các vườn cam, không khí thoáng mát, đượm mùi thơm dịu của cam. Cắt mấy quả cam, vừa ăn vừa nhìn ra đồng, núi xa xa. Màu cam rất đẹp, nhưng tiếc là hơi chua, không ngọt như cam Xã Đoài.

Trở về nhà, anh bảo tôi đi cưỡi ngựa. Tôi vừa thích vừa run, lo gặp một con ngựa bất kham thì rầy rà. Người ta bắt đến một con ngựa thấp bé hiền lành, có vẻ dễ thương nữa. Tôi yên lòng, nhảy lên yên, bỏ lỏng cương. Thì nó cũng từ tốn bước đi nhưng mà quá từ tốn, thúc thế nào nó cũng không đi nhanh. Rồi nó tự rẽ vào một cổng chùa bên đường, và ung dung cúi xuống gặm cỏ, mặc tôi muốn dật cương hay thúc chân, nó vẫn đứng lì. Cuối cùng, anh Lân phải đến lôi nó đi, cứu tôi ra khỏi cảnh bê bối đó. Tôi bèn liêu nhảy xuống đất, thoát nạn. Từ đó, tôi không dám cỡi ngựa nữa.

Đến bây giờ, những kỷ niệm êm đềm trên vẫn còn phảng phất trước mắt tôi, với hình ảnh anh Bàng Bá Lân đứng dưới gốc cam, sáu mươi năm về trước.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 8

Thăm chùa cổ Bắc Ninh - Tự lự c Văn Đoàn

Một ngày trong năm 1933. Vừa đến toà soạn chơi, Khái Hưng đã hỏi tôi.

- Tuần này anh có rỗi không?

- Có việc gì, anh?- Tôi hỏi lại. Kỳ thực, lúc nào tôi cũng bận và cũng rỗi cả, vì tự học một mình.

- Đi lễ chùa, ở Bắc Ninh. - Anh cười.

Lễ chùa? Xưa nay, Khái Hưng đâu phải là một Phật tử nhiệt tâm. Vì mấy anh em dự định đi thăm phong cảnh Bắc Ninh và đặc biệt là mấy ngôi chùa cổ có tiếng như Bút Tháp, Phật Tích.

Hôm đó, có Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Gia Trí và tôi. rước hết, chúng tôi đáp xe hỏa đến một ga gần chùa Bút rhaps. Đây là một ngôi chùa cổ, có tháp cao cổ kính nhiều tầng. Rồi thuê một chiếc thuyền rộng, xuôi giòng sông đào tới miền đồi Lim.

Cảnh thực nên thơ. Chiếc thuyền lướt nhẹ trên mặt nước chảy êm, giữa hai cánh đồng dâu biển biệt. Xa xa là những rặng đồi núi thấp. Chung quanh im vắng, thỉnh thoảng mới có một chiếc thuyền nhà chài vớt lưới bên bờ. Cảnh đồng quê Việt nam sao mà êm đềm thế, hình như ngủ im đã hàng thế kỷ.

Mọi người ngồi yên, ngắm cảnh. Không có nước trà, nhưng có nước vối rất hợp vị.

- Giá lúc này, có ai làm một bài thơ tả cảnh sông nước thì hay.- Anh Gia Trí đang ngồi ở một đầu thuyền, hí hoáy phác những nét chì, đề nghị. Không ai tức cảnh làm thơ cả. Khái Hưng bèn đọc hai câu thơ của Lý Bạch:

Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường giang thiên tải lưu

- Nhưng đó là thơ Đường, mà đây đâu phải Trường Giang?- Nhất Linh nói.

Thế Lữ ngẫm nghĩ một lát, rồi nhỏ nhẹ nói:

- Trước đây, lâu lắm, tôi có làm một bài, xin đọc để các anh nghe, được không?

Mọi người hoan nghênh. Anh từ tốn ngâm một bài thơ tám câu, trong đó tôi chỉ còn nhớ bốn câu sau cùng:

Trời lặng, én nghe chèo vỗ nước.

Nhớ nhung, ai tiếc cánh buồm xa.

Cô hàng đâu biết ta buồn nhĩ.

Đón đả ra chào hỏi khách qua.

Chùa Phật Tích nằm trên một sườn đồi. Một ngôi chùa nóc, tường rêu phủ. Đằng sau chùa, rải rác nhiều tháp lớn nhỏ, chứng tỏ đã bao đời nhà sư đã tu hành ở nơi vắng lặng này. Đứng trên đồi, dưới gốc thông reo, nhìn xuống những xóm làng nhỏ bé núp sau lũy tre, cảm giác lâng lâng như đương lui về quá khứ.

Rời chùa Phật Tích, theo con đường nhỏ, chúng tôi rẽ sang chùa Bách Môn gần đồi Lim... Cũng nằm trên sườn đồi, có đường rộng dẫn vào, chùa Bách Môn kém bề cổ kính, có nhiều cửa to nhỏ ra

vào, nhưng đếm đi đếm lại cũng không đủ một trăm.

Song, ngôi chùa này đã được Khái Hưng để ý và chọn làm nơi chàng trai trẻ Ngọc đã gặp chú tiểu Lan trong mối tình của cuốn tiểu thuyết đầu tay. Liên tưởng đến truyện ngày xưa, Lê Thánh Tôn đã gặp một nàng tiên tại một ngôi chùa nào đó. Câu thơ được truyền tụng tới nay:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Vì đó mới có cuốn tiểu thuyết Hồn bướm mơ tiên, hiện đại hoá và lãng mạn hoá cuộc gặp gỡ kể trên. Truyện viết thì hay thực. Nhưng đối với tôi, thì cảnh đồng quê, sông núi, chùa chiền cổ kính, và tất cả những con người đã sống âm thầm trên mảnh đất quê hương này, bên gốc thông reo vi vút - giang sơn Việt nam yêu mến mới thực gây xúc động sâu xa trong tâm khảm tôi như một phần của linh hồn đất nước, chưa có một ngòi bút nào tả nổi.

Hồn bướm mơ tiên là cuốn tiểu thuyết in ra đầu tiên của Tự lực văn đoàn. Cùng một hoài bão về văn hoá và cải cách xã hội, mấy anh đã tổ chức một tập hợp trên chủ trương tự lực, cả về tinh thần lẫn vật chất, không ỷ lại, không khuất tất. Có chí hướng cao thượng, lại tập hợp được những nhân tài xuất chúng, đó là nguyên nhân tại sao Tự lực văn đoàn đã thành công và gây được ảnh hưởng sâu xa trong xã hội Việt nam.

Lúc đó, còn là học sinh mới mười bảy tuổi, tôi phải chuyên chú về thi cử. Tự lực văn đoàn gồm sáu người tức Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Thạch Lam, Thế Lữ - Anh Gia Trí không ở trong văn đoàn, tuy góp nhiều về tranh vẽ và ý kiến. Sau này cũng chỉ thêm một thành viên là Xuân Diệu, cộng thành Thất tinh hay Thất

hiền.

Một điều đặc biệt trong Văn đoàn là tất cả đều như anh em một nhà, gần bó và nâng đỡ lẫn nhau, không hề có xích mích, ganh tị. Tôi chưa thấy giữa các anh em có cãi cọ, to tiếng bao giờ, cũng không có tranh chấp về tiền tài. Tài năng đa dạng của nhóm đã làm thoả mãn mong muốn của phần đông độc giả các giới.

Dưới đây kể lại mấy điều kinh nghiệm trong làm báo, làm văn: Muốn được vui vẻ, khoan khoái thì có những bài trào phúng, hoạt hoạ sống động Muốn có truyện ngắn, truyện dài để xem thì có đầy đủ, và viết rất hấp dẫn.

Muốn thấy phê bình, đả kích những cái bất công, xấu xa, rởm đời thì có nhiều mục châm biếm. Có nhân vật như Bang Bạnh, Sa tiền (Thống sứ Chatel)

Mục Bùn lầy nước đọng bày tỏ những khốn khổ của dân nghèo. Mười điều tâm niệm đưa ra một quan niệm về công bằng xã hội, đạo lý làm người.

Hạt đậu dạn phơi bày những thứ cầu thả trong văn chương, những thứ kỳ cục.

Chọn vài đoạn tiêu biểu:

Trong một truyện đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy, có đoạn.

Từ lúc gặp Liễu Dương (sic), Hùng Phong chợt thấy trái tim mình, trái tim từ trước vẫn câm lặng, bắt đầu ú ớ chẳng khác một đứa trẻ bập bẹ lời nói đầu tiên.

P.H bình: Thế thì trái tim ấy nó sắp sửa vùi vò kẻo ấy.

Một đoạn nữa:

Nàng chưa bị tiếng sét của tình yêu đánh cháy lòng

P.H bình: Văn kêu như sét. Nàng chưa bị chết cháy.

Một đoạn văn của nhà lý thuyết Trương Tửu:

Khi mảnh yếm rơi xuống

Thì người đàn bà phải thay nó bằng cái coóc xê!

Mảnh yếm là của thời đại cũ. Cái coóc xê là của thời đại mới...
và sau đó.

Khi mảnh yếm rơi xuống,

thì người đàn bà không mặc được nó lên ngực nữa

P.H bình: Còn chúng tôi, đọc hết dòng này, quăng sách và ôm nhau
cười.

Tự lực văn đoàn có can đảm chỉ trích cả giới thực dân: Toàn Quyền,
Thống đốc, Đốc Lý và giới triều đình: nhà vua, Hoàng Trọng Phu,
Phạm Quỳnh. Phê bình những chủ trương thoả hiệp với nhà nước
Bảo Hộ. Tất nhiên, những chỉ trích ấy không thể trực tiếp, rõ ràng
dưới chế độ chuyên chế. Vậy mà Phong Hoá, Ngày Nay đã nhiều
lần bị kiểm duyệt, cảnh cáo, bị treo giò... anh em mấy lần bắt buộc
phải đi nghỉ mát. Một lần, Ngày Nay ra một số đặc biệt. Tranh bìa,
anh Gia Trí vẽ cảnh một túp lều lụp xụp, rách nát, ngoài cửa, một
người đàn bà lam lũ, mấy đứa nhỏ gầy đét, ổng bụng đương bò lên.
Dưới đề một câu là (tôi chỉ nhớ có một câu) Bố cu mẹ đĩ rúc vào
nằm

Phòng kiểm duyệt rất nhanh kết tội nói xấu chính phủ Bảo hộ, báo
phải đình bản ba tháng và định truy cứu Nhất Linh ra toà, nhưng sau
đổi ra cảnh cáo nặng.

Vẫn không chừa, mấy tháng sau, người ta lại bàn tán về một hoạt
họa trên báo, vẽ Lý Toét từ nhà quê ôm một con gà mái đưa biếu
ông Sa tiền (Thống sứ). Gà mái, dịch ra tiếng Pháp có nghĩa bóng là

kỹ nữ. Ông Thống sứ này có tiếng là hiếu sắc. Song chắc cũng không muốn làm to truyện, ông ta đành lờ đi.

Cách châm biếm, hài hước nhiều khi rất tài tình. Như ông Bùi X.H. chủ nhiệm tờ Hà Thanh Ngọ báo, tới một nơi hội họp, bị người ta cản lại hỏi. Ông cáu sừng vì bị coi rẻ, bèn lớn tiếng bằng Pháp văn Je suis quelqu'un (ý nói ta là một người có tên tuổi đây) Phong Hoa khi nhắc lại truyện này, bèn nhại tiếng quelqu'un đổi sang Je suis King Kong (gần đồng âm), King Kong là tên con khỉ đột khổng lồ trong một phim ảnh nổi tiếng mà ai cũng biết.

Vì vậy Tự lực văn đoàn đã gặp khó dễ, công kích, chê bai từ mọi phía, cũng không có gì lạ. Theo chỗ bản thân tôi thấy thì Phong Hoá, Ngày Nay có khi chủ quan, lầm lẫn, hay châm chọc hơi quá đáng, nhưng không có ác ý, không muốn dìm ai xuống để tranh giành cái gì. Bản tính các anh em là vô tư, hiền hậu, đồng thời cũng kiên quyết trong việc bênh vực công lý, chống đối bất công, xấu xa. Tôi thấy, nếu không có tâm hồn như vậy, thì không có Tự lực văn đoàn.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 9

Trường Trung Học AlbeRt Sarraut -
Báo Ngày nay tranh ảnh

Ngày ngày đạp xe tới trường Albert Sarraut, cũng phải đi qua phố Cửa Bắc, chứng kiến dấu vết đạn đế quốc Pháp bắn vào cửa thành. Tôi không khỏi thắc mắc, dù có súng thần công và lưới lê, làm sao trước đây Francis Gamier hay Henri Rivière, hai võ quan Pháp với độ 2-3 trăm quân mà có thể thắng được một đạo quân hàng mấy nghìn người Việt? Tại sao không thể đánh lối du kích, tĩa dần hay bao vây thì quân giặc chóng chầy cũng phải rút chạy?

Toán quân Cờ đen chẳng đã lừa được Henri Rivière vào chỗ phục kích và diệt được hẳn? Và tại sao cả một nước lại không mua nổi ít súng ống, huấn luyện một quân đội có sức chiến đấu? Tại sao triều đình Huế lại không học hỏi tại người Nhật dưới thời Minh Trị, biết canh tân để tự cường?

Cùng với văn chương, hội họa, nền âm nhạc mới cũng bắt đầu nảy nở.

Chúng tôi đều ưa thích nhạc Tây Phương, thích hơn những âm điệu cải lương Nam Kỳ, và những điệu ca Huế nghe buồn ủ rũ như tiếng khóc mất nước của Chiêm Thành. Chúng tôi đều là nhạc sĩ tài tử cả. Mỗi người đều chơi đàn theo lối mình thích, không cần đúng nét hay đúng điệu. Âm nhạc Tây Phương lúc đó rất thịnh hành với Mozart, Schubert, Schumann, Toselli hay điệu valse của Strauss.

Tay nghề nhất lại là Nhất Linh, với cái hắc quản (clarinette) không biết học thổi từ bao giờ. Nhưng xem ra cũng khá thành thạo. Ngay đến mười lăm năm sau, khi phải lánh sang Quảng Châu, anh bắc ghế trước cửa nhà, chiều tới hấp dẫn không ít người đến ngồi nghe. Nhân dịp, ở đây, cũng phải nhắc tới anh Đỗ Đình Đạo thổi clarinette hay saxophone còn giỏi hơn anh Tam, còn được nhiều người hoan nghênh hơn. Anh em anh Đạo rất có khiếu về âm nhạc.

Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo cũng đều chơi măng-đô-lin (mandoline) hay băng-giô (banjô). Cao hứng lên, chúng tôi vác đàn ra họa với nhau, với những bài hát thịnh hành hồi ấy, như Serenata, L Paloma, Cest à Capri, bài Jai deux amous (tôi có hai mối tình, quê tôi và Pans), hay những bài hát của Tino Rossi v.v... Chắc chắn là lạc điệu, hỗn loạn nhưng ai cũng gật gù khen hay.

Nền âm nhạc đã bắt đầu đổi mới với anh Nguyễn Xuân Khoát. Bây giờ, tôi chỉ còn nhớ anh là một người tầm thước, hơi gầy hiên lành. Tôi được xem tác phẩm đầu tiên của anh, phổ nhạc Tây Phương vào những bài hát ả đào. Rồi sau đó, đã nảy nở nhiều tài năng xuất sắc như Đặng Thế Phong, Văn Cao, Lê Thương Những bài ca như Thiên Thai, Con thuyền không bến, Biệt ly, Quê nhà tôi, Giọt mưa thu v.v... đã đạt tới một mực cao. Báo Phong Hoá vẫn bán rất chạy, nhưng vì thế nguy cơ bị đình bản càng gần. Đã mấy lần bị treo giò tạm thời rồi, nếu không chừng ông kiểm duyệt tất sẽ ra tay.

Đã đến lúc thấy cần ra một tờ báo khác để thay vào trong trường hợp bị treo giò lâu hơn. Tờ này tất phải có một vẻ mặt hiên lành hơn, với thể tài và nhân sự hơi khác đôi chút. Vừa đúng lúc đó, anh Hai Cẩm- vì lý do sức khỏe đã về Hà Nội nghỉ. Và tuy đương bận học, tôi cũng bị các anh gọi tới bàn soạn công việc. Mọi người đồng ý nên bỏ bớt phần trào phúng, châm biếm, và chuyên về bình luận

xã hội, phóng sự cùng một phần tiểu thuyết, thơ ca, để tạm hoà hoãn. Dựa vào một mô thức như tờ Match của Pháp, có tranh ảnh, bài viết ngắn gọn. Chắc chắn là tốn kém hơn, nhưng cứ thử đã xem sao.

Tờ này được đặt tên là Ngày Nay. Chủ nhiệm là anh Cẩm, ngoài Thạch Lam và tôi, còn tìm được mấy ký giả trợ giúp như Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng. Cách làm việc thay đổi theo nhu cầu mới. Phải bỏ lối ngồi bàn giấy vắt óc nặn ra bài, đổi sang cách bước xuống đường, vào xã hội, đi phỏng vấn, làm phóng sự các nơi.

Muốn có tranh ảnh, phải tự vác lấy máy ảnh đi chụp. Nhà báo mua máy ảnh, và cả một bộ máy rửa ảnh, rồi xếp đặt một phòng tối riêng ở dưới nhà: Thế là chúng tôi lại kiêm cả nghề thợ ảnh nữa. Tối đến, thường thường phải cặm cụi tới nửa đêm. Tuy vậy, cũng tốt, vì nếu lâm vào thất nghiệp, thì ra mở cửa tiệm chụp ảnh cũng kiếm ăn được.

Vả lại, vác máy ảnh đi khắp nơi cũng là một thú vị. Thành thị, thôn quê, từng núi, đâu có việc là đi. Có những cảnh vui như hội hè, đình đám, người đọc cũng chú ý đến những bài phóng sự về tình trạng nghèo khổ của dân quê, của các xóm thợ thuyền. Từ tính chất giải trí, nội dung tờ báo chuyển sang tính chất xã hội.

Thực ra, từ 1935-36 trở đi, tình hình thế giới đã có biến chuyển mạnh với những trào lưu chính trị mới ở Pháp, Anh. Sự quật khởi của phong trào phát xít hay quân phiệt ở Ý, Đức, Nhật cùng lúc với sự lan tràn của chủ nghĩa quốc tế cộng sản. Một mặt, xã hội Việt nam cũng đã thay đổi, dưới ảnh hưởng của tình hình thế giới, người dân chú ý tới những vấn đề xã hội, dân tộc cấp thiết hơn là những éo le trong gia đình hay tình yêu nam nữ.

Cái gì phải đến đã đến. Báo Phong Hoá bị đình bản, vì mấy bài đã

động tới chính phủ Bảo hộ và viên Tổng đốc Hoàng Trọng Phu. Lần này bị treo giò sáu tháng. Không ai ngạc nhiên nhiều.

Sau đó không lâu, Ngày Nay tranh ảnh cũng tạm đình, vì vốn in quá cao, lại trở về lối thường. Anh Cẩm lại trở về Sài Gòn. Còn tôi, lại bận thi Tú Tài phần thứ hai. Máy ảnh phải tạm gác một xó.

Xuân Diệu có dáng dấp một thi sĩ hơn là Huy Cận. Một chàng trai trẻ, tóc bờm xờm, mặt tròn trặn, ăn nói cũng nhỏ nhẹ. Còn Huy Cận thì cũng thấp, nhưng to ngang hơn, vẻ mặt hơi thô, thoạt trông không có vẻ gì là nhà thơ, cũng không có vẻ học trò.

Xuân Diệu có nguồn cảm xúc khác với Thế Lữ, anh đi sâu vào thế giới cảm tình, tình yêu hơn. Huy Cận có sắc thái khác, nghiêng về xúc cảm trước thiên nhiên nhiều hơn. Hai nhà thơ khác mà tôi gặp, không nhớ rõ là bao giờ, nhưng sau đã trở thành bạn thân, đó là Huyền Kiêu và Đình Hùng. Tôi chỉ biết tên thật Huyền Kiêu là Kiêu. Anh chàng làm thơ này có dáng vóc một lực sĩ, khác hẳn với cốt cách tiên hạc của các nhà văn khác. Cao lớn, mặt hồng hào, hay nói to, nhưng tính tình hiền hậu. Ngược lại, Đình Hùng đứng bên cạnh anh thì trông như một cậu bé. Nhỏ con, gầy gò, tóc dài để tới gáy, quần áo xốc xếch. Ngực kiêu Omega, dáng như nghiện, đó là đặc điểm của nhà văn thời đại.

Trong cuốn Đốt lò hương cũ Đình Hùng có kể lại những buổi tụ họp tại nhà anh Thạch Lam, bàn truyện văn chương, đánh bài, uống trà. Đôi khi có đồ nhậu, uống rượu say mềm, lăn cả ra đất mà ngủ. Đối với những anh lớn hơn như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, thì chúng tôi là ba tiểu quỷ

Ngồi trên thềm nhà, nhìn ra mặt hồ, thì một cốc cà phê, một đĩa hạt dưa, vài chiếc kẹo dừa cũng đủ gợi hứng. Tất cả đều nghèo, nhưng đôi khi trong túi có chút tiền, thì ở lại tối, thêm đĩa thịt heo luộc hay

lòng heo, giàu chút nữa, thêm được con gà luộc chấm muối chanh. Lần mà Đình Hùng nói là cả bọn kéo nhau đi Khâm Thiên, tôi không nhớ là ai khởi xướng. Chắc là Khải Hưng, người có chút kinh nghiệm. Đi hát ả đào hồi đó đã từ một thú vui thanh nhã đổi dần sang tục tằn hơn.

Khâm Thiên, một xóm ăn chơi lớn nhất Hà Nội. Ngoài đi cô đầu ra, còn có nhiều tiệm nhảy, tùy ý khách lựa chọn. Thanh niên thì thích đi nhảy hơn, nhưng nhảy xong kéo sang nghỉ ngơi bên nhà cô đầu cũng rất tiện, nếu trong túi đầy một chút. Một số nhà văn hồi ấy sống một cách phóng đãng, nhưng chúng tôi cũng có thể liệt vào hạng đứng đắn cả, tuy không phải là mẫu mực. Các anh Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Nhất Linh xem ra quy củ hơn cả.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 10

Đời Sống Y Khoa - Đoạn Tuyệt.
Đoàn ánh Sáng

Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò thực không ngoa. Nhưng đúng ra, học trò bao giờ cũng là nhất. Vì có ai gặp ma hay quỷ thực bao giờ đâu? Mà học trò lại ở trọ lại càng quỷ hơn cả. Chỉ có mấy tay trời đánh với nhau không có ai dòm ngó, kể cả gia đình. Tha hồ mà nói truyện, truyện gì cũng có thể được. Tha hồ đi chơi, đi dạo phố, có đêm trời lạnh, ngồi trùm chăn đọc sách, hay đánh tam cúc, đánh bài, mà có tiếng rao mía nóng, lục tàu xá (chè đỗ xanh), hay xôi lạp sường thì tuyệt. Những thứ quà đủ ngon và hợp với túi tiền của học sinh.

Thỉnh thoảng, nếu ai có vợ từ xa hay bạn gái tới thăm, thì mọi người rất tự giác bỏ ra đi, không cần nhắc nhở.

Một nan đề đứng trước mặt tôi, một lựa chọn khó khăn. Sau khi đỗ Tú Tài phần thứ hai, tôi sẽ tìm việc làm hay lên học Đại Học? Mà nếu đi học, thì học môn gì?

Phi Cao đẳng bắt thành phu phụ, nếu lên học được thì sẽ có nghề nghiệp vững vàng và... dễ lấy vợ hơn. Học Luật, thì chỉ cần ba năm, không khó nhọc lắm, nhưng ra làm ông tham cạo giấy hay nhảy vào quan trường thì không thích hợp với cá tính tôi. Vậy chỉ còn con đường học Thuốc, ra làm một chân đốc tờ xem ra tốt hơn cả. Nghe nói học khá chật vật, sáu bảy năm, mà quá ư duy vật, không nên thơ

chút nào cả. Tôi không khỏi do dự. Nhưng sau rốt cũng phải nhắm mắt đưa chân. Triết lý thực dụng cho tôi biết trên đời không có gì là hoàn mỹ. Tôi đã chọn đúng, vì nghề bác sĩ về sau này đã giúp tôi vượt qua khó khăn bất ngờ - đúng là cần câu cơm, như người ta thường nói.

Ai đã học qua tại trường Cao đẳng Hà Nội cũng còn nhớ những con đường rộng ở khu phố Tây, hai bên đều trồng cây um tùm, những mùa thi đầy hoa phượng đỏ rụng trên mặt đất, và toà nhà chính của trường với nhà lầu nguy nga ở giữa, đồ sộ nhưng lại mỏng manh. L'Université Indochinoise n'a que la facade - trường Đại Học Đông dương chỉ có bề mặt - tới nay tôi vẫn còn nhớ câu nói đó.

Lớp tôi lúc bắt đầu có độ hơn ba mươi người - lớp P.C.B (sinh lý, hoá học, vật lý), đủ các hạng người, đủ các nơi Nam Bắc, Lào, Mên. Nhưng tiếc rằng không có một phái đẹp nào. Nhìn đi ngoảnh lại, cũng chỉ thấy bóng dáng kiều diễm của một bạn học - cô J. O. người Nam Kỳ- nhưng lại ở lớp trên, không thể không cảm thấy buồn tẻ.

Cả toàn bộ Đông dương mới có mấy lớp sinh viên như vậy, nên chúng tôi cũng tự coi là may mắn quá rồi. Bảy năm sau, khi tốt nghiệp ra, chỉ còn vền vẹn có mười mấy người mà thôi. Có bạn đã bỏ học, có bạn đã qua đời. Trong số bạn đã tốt nghiệp, nay đã có bốn người sang sống ở Hoa Kỳ. Một điều dù nằm mê cũng khó tưởng tượng được lại gặp nhau ở bên kia bờ Thái Bình Dương, và mỗi người một cảnh ngộ ly kỳ.

Thực ra đầu óc những người sinh viên trường Thuộc không đến nỗi quá vật chất và khô héo như người ta tưởng. Họ có cảm tình, có xúc động, mà nhiều khi còn sâu đậm hơn những người khác. Vì họ đã phải đứng trước nhiều cảnh bệnh tật, đau khổ, tuyệt vọng, tang tóc, chia ly - những cảnh thương tâm nhất trong đời người. Những cảm

thụ ấy ăn sâu vào trong tim óc. Cho nên, trong lịch sử các nước, trong giới bác sĩ đã nảy nở ra nhiều nhà văn xuất chúng, hay những nhà cách mạng kiên cường, cũng không có gì là lạ.

Thời kỳ này, có thể gọi là đỉnh cao của Tự lực văn đoàn với nhiều tác phẩm phong phú và đa dạng. Cuốn *Nửa Chừng Xuân* có thể gọi là sáng tác tiêu biểu của Khái Hưng, và về sau, với *Những Ngày Vui, Thoát Ly, Gia Đình...* Khái Hưng là người sáng tác tiểu thuyết phong phú nhất, được độc giả, đặc biệt phái nữ, yêu chuộng.

Song, tác phẩm gây ảnh hưởng sôi động nhất, tiêu biểu cho quan niệm xã hội của cả nhóm, có lẽ là cuốn *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh. Trong cuốn *Nửa Chừng Xuân*, mâu thuẫn mới chỉ được đưa ra và giải quyết nửa chừng. Đến cuốn *Đoạn Tuyệt*, thì mới thực là đoạn tuyệt. Nhất Linh có đầu óc quyết liệt với cái cũ hơn Khái Hưng. Bì kịch trong cuộc hôn nhân Loan-Thân là sản phẩm tất nhiên của đầu óc đó. Nhiều người cũng thấy xung đột giữa các thế hệ giữa mẹ chồng nàng dâu, là do quan niệm quân thần phụ tử và tam tòng tứ đức, một quan niệm bóp nghẹt quyền tự do được sống, được phát triển của con người, và nhất là đối với phụ nữ, ép buộc họ phải chịu đựng đau khổ trong một khuôn khổ cổ hủ mà có người cho là đạo lý, luân thường bất khả di dịch. *Đoạn Tuyệt* bản thân là một bản tuyên ngôn ly kỳ, lại thêm một mối tình dang dở lãng mạn với một nhân vật cách mạng nên được người ta chú ý hơn. Một nhân vật chính trong *Nửa Chừng Xuân - Lộc* lại là một quan huyện, nên có người không ưa lắm, mặc dầu nhân vật Dũng trong *Đoạn Tuyệt* hoạt động có vẻ tài tử giang hồ hơn là một chiến sĩ cách mạng thực sự, nhưng có vẻ hợp thời hơn.

Tất nhiên, cũng gặp nhiều người công kích, cho là phá hoại truyền thống, phá hoại tôn ti trật tự. Những công kích đó không những đến

tự những người già nua, mà còn cả đến một số người tự cho là tiến bộ như Trương Tửu, hay Nguyễn Công Hoan.

Chỗ đặc biệt của Nhất Linh là nhạy cảm trước những biến chuyển của thời đại, và muốn đưa ra những ý kiến về cải cách xã hội. Nhưng đó cũng là chỗ yếu của cuốn Đoạn Tuyệt, vì có lúc phải uốn nắn đời sống để cho thích hợp với luận đề đã đặt ra, trong truyện không tránh được những đoạn kém tự nhiên. Ngược lại, những tác phẩm của Tự lực văn đoàn lại bị soi xét dưới một con mắt khác bởi những người Mác-xít. Họ gán nhãn hiệu lãng mạn, ủy mị tiểu tư sản, xa rời quần chúng và đưa quần chúng vào con đường xa lánh đấu tranh. Người cộng sản có cái nhìn cực đoan, phủ định tất cả các thứ văn chương không đúng với đường lối đấu tranh giai cấp như họ muốn, nên đã phủ định giá trị nhân bản, tiến bộ và giá trị văn học của Tự lực văn đoàn, nhất là về sau này, khi một số trong nhóm gia nhập những đảng phái quốc gia.

Các nhà văn không thể thoát ra khỏi khuôn cảnh đời sống thực tế của mình. Phần lớn văn nghệ sĩ hồi ấy đều xuất thân từ những gia đình nghèo hay trung lưu. Và nhiều người bản thân nghèo, hay rất nghèo túng. Suy nghĩ về anh em chúng tôi và các văn nghệ sĩ khác, đời sống có ảnh hưởng trực tiếp tới nội dung các tác phẩm. Nếu Vũ Trọng Phụng viết được những sách như Số Đỏ, có thể cũng vì anh nghèo xác xơ, tiếp xúc với những hạng người ở dưới đáy xã hội.

Lấy thí dụ nữa với Thạch Lam. Từ nhỏ, hoàn cảnh nghèo, sa sút của gia đình đã gây ấn tượng sâu xa trong tâm hồn anh em, và chúng tôi cũng thường tiếp xúc với cảnh nghèo khổ chung quanh. Trưởng thành, Thạch Lam cũng đã sống một đời nghèo túng khó khăn, và sẵn có lòng nhạy cảm đối với những cảnh ngộ đáng thương trong xã hội. Nếu có gì là đặc sắc trong tác phẩm của anh,

thì phải nói là tấm lòng trắc ẩn đối với con người.

Nếu để ý, thì sẽ thấy những nhân vật chính trong tác phẩm của Thạch Lam rất ít có những cụ Thượng, ông Tuần, quan Huyện, hay ông Nghị, ông Tham đầy rẫy trong những tác phẩm của nhiều tác giả khác, ngay cả trong Tự lực văn đoàn. Một tác phẩm đáng quý là ở chỗ có những cảm thụ chân thành, sâu xa đối với những đau thương, những bất hạnh, bất công trong đời sống. Tính chất này ít hay nhiều, bàng bạc trong sáng tác của Tự lực văn đoàn, cho nên được độc giả yêu chuộng.

Riêng chỗ tôi thấy, dù mỗi người đều có thiếu sót, các anh em trong nhóm đều là những người bản tính hiền hậu, hoà nhã, giàu lòng thương người, không tham danh tham lợi. Tôi chưa thấy bao giờ to tiếng cãi cọ, cũng không ai áp đặt ý kiến mình lên người khác. Tất cả đều mang hoài bão làm được một cái gì có ích cho đồng bào, đều ghét những tệ đoan, bất công trong xã hội. Khi xảy ra ý kiến khác nhau về công việc, thì bàn luận với nhau để giải quyết. ý kiến của Nhất Linh thường được chú ý hơn cả.

Đoàn ánh Sáng ra đời cũng vì tâm trạng trên. Ai đã đọc Người Quay Tơ của Nhất Linh chắc cũng biết truyện Giấc Mơng Từ Lâm trong đó tả một nơi sống mơ tưởng. Với ý tốt muốn đưa người dân ra khỏi chỗ tối tăm bùn lầy nước đọng và ổ chuột, các anh em đưa ra ý kiến trước hết hãy góp sức, cổ động các giới giúp xây dựng những khu nhà ánh Sáng để làm gương mẫu, bắt đầu cho một phong trào rộng lớn. Theo ý định của Nhất Linh, đây không chỉ là xây dựng mấy căn nhà, mà là khởi đầu phong trào cải cách, để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nghèo khó... Phong trào được nhiều bạn hưởng ứng, như kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện, Hoàng Như Tiếp, Vũ Đình Hoà, Tôn Thất Bình, Phạm Văn Bính (từ Thái

Bình lên). Anh Hoàng Đạo viết bài mô tả khu ánh Sáng tương lai. Chính Huỳnh Tấn Phát sau này cũng phải công nhận là phòng kiến trúc Luyện - Tiếp - Đức đã đưa ra kiểu nhà ánh Sáng bền chắc, rẻ tiền, văn minh hợp vệ sinh... được dư luận đồng tình và báo chí giới thiệu rộng rãi, gây nên tiếng vang lớn trong nước và ở một số nước Châu Phi.

Dù kết quả thực tế không nhiều, dựng được mấy khu nhà ở bãi Phúc Xá, bờ sông Hà Nội, rồi sau phong trào tắt dần, nhưng cũng đã là một việc có ích. Ai cũng biết là, muốn giải quyết vấn đề nghèo khó, thì cần phải trừ bỏ ách thực dân và do người Việt tự quản lý đất nước. Phong trào ánh Sáng trên tính chất, chỉ là một việc trên ngọn. Trong buổi trình diễn tại nhà Hát Lớn thành phố, tôi và mấy bạn có đến dự. Nhưng khi mục kích tay Thống sứ Bắc Kỳ tiền hô hậu ủng, khệnh khạng bước lên chỗ ngồi, rồi tất cả đều đứng nghiêm để nghe bài quốc ca Pháp - La Marseillaise - thì chúng tôi thấy lợm giọng, bấm nhau bỏ ra ngoài. Miã mai nhất là bài La Marseillaise hô hào bảo vệ tổ quốc - lại tấu lên cho những kẻ bị thống trị nghe? Trong lúc đó, những nữ sinh diêm dúa bắt đầu cầm những rổ hoa đi lần lượt bán cho các quan khách Pháp, Việt, để mong họ bớt ít của cho những dân nghèo... Tôi cảm thấy đó không phải là con đường chính để đi.

Tuy vậy, phong trào ánh Sáng cũng đã đánh dấu một giai đoạn mới, không toàn ở giá trị bản thân, mà chính ở chỗ nhóm Ngày Nay. Tự lực văn đoàn đã từ địa hạt thuần túy văn chương, bước vào hành động. Với thời cục chuyển động, từ 1937 trở đi, dù muốn hay không, công việc sáng tác, làm báo đã dần dần đi xuống. Một giai đoạn khác sẽ bắt đầu.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 11

trường Thuốc - Tình thế chuyển động
Việt nam quốc dân đảng Tại hải ngoại

Trong đời tôi, có lẽ một sự lầm lẫn trong nhiều lầm lẫn khác, là việc vào học y khoa. Lấy nó làm một cái cần câu cơm hạng tốt, không hơn không kém. Vì tôi cũng như một số bạn hữu khác, lúc mới vào học, rất ít nghĩ đến tính chất cứu nhân độ thế hay là những câu châm ngôn của Hippocrate.

Chế độ học Y là một chế độ tàn nhẫn, nhất là của Pháp. Ai đời mới lên học năm thứ nhất, chân ướt chân ráo chưa biết gì mà sáng nào từ 7 giờ cũng đã phải đạp xe tới bệnh viện để kiến tập. Nếu đi nhà thương Phủ Doãn thì còn khá, nhưng nếu phải đi đến tận nhà thương Bạch Mai thì khổ, nhất là khi trời nắng chang chang hay mưa rét cóng cả người. Ở đó, cho tới mười hai giờ trưa mới nghỉ, chỉ đủ thì giờ để nuốt một bát cơm hay một ổ bánh mì, vì tới một giờ đã phải vội vã cuộc đi Viện giải phẫu ở tận vùng Hàm Long, gần Đồn Thủy. Viện giải phẫu trông bề ngoài không có gì khủng bố lắm. Nhưng đã bước vào trong thì ai cũng phải mất hết hứng thú về cuộc đời.

Tầng dưới là nhà xác thành phố, lạnh lẽo, âm u. Những tấm đá dài nằm song song, trên nằm đủ các thầy người vô thừa nhận, da trắng bệch, hay tím bầm, xám xịt, đầu tóc rũ rượi hay lởm chởm, nằm thẳng cẳng hay co quắp đủ các hình trạng. Có người mắt còn mở

trường trường như muốn nhìn vào những kẻ ra vào.

Còn tầng trên là nơi học giải phẫu, một môn học cơ sở. Nghe giảng bài xong, sinh viên khoác áo dài, lấy túi dụng cụ mổ rồi bước vào gian phòng giải phẫu rộng lớn. Cảnh tượng ở đây vừa khủng bố vừa hỗn độn. Vì đây xác không thành xác nữa, xác người đã thành ra những con vật kỳ lạ. Xác đã tiêm thuốc vào mạch máu rồi nên khô đét như mắm, da đen xám lại. Mặt đã co rúm. Có vài cái xác còn nguyên mới mang lên, nhưng phần nhiều đã bị tiả mổ, cắt xén, chỉ còn lại xương sọ lủng củng, những sợi gân lòng thông, những cánh chân cánh tay vô trật tự, những đầu lâu trơ trọi. Ôi! con người sao đến nỗi thế này?

Trong lúc các bạn chia nhau từng tốp để mổ xẻ, thì tôi thấy khựng lại. Một cảm giác lạ lùng bỗng nhói trong ngực. Tôi tránh không nhìn vào hai lỗ mắt sâu trũng, không còn con người nữa, nhưng tôi cảm thấy rõ ràng là người chết này như đang muốn nói chuyện gì với mình. Mà đây là ai? đã sống ra sao? và tại sao lại nằm chết khô ở đây?

Nhưng chung quanh, vẫn thấy tiếng cười nói rộn rã, tiếng dao kéo vô tình chạm với nhau leng keng. Trong đó, tiếng cười lạnh lạnh của cô bạn học quý phái nổi bật lên, lạc loài trong bầu không khí âm u, trong mùi hăng hắc của thuốc trừ trùng. Bốn giờ chiều, lại phải đạp vội về trường học để nghe giảng, may mà trường cũng gần. Nhiều khi mệt, buồn ngủ dúi cả mắt. Bảy giờ, cuốc về đến nhà thì trời đã tối, nằm lăn ra giường, không buồn ăn uống gì. Những ngày tháng trôi qua trong các bệnh viện -những phòng bệnh làm phức tạp, những giường sắt lạnh lẽo, những người bệnh già trẻ nằm ngòai buồn bã, mùi thuốc tỏa ra khắp phòng... Những cảnh u buồn, tuyệt vọng... Nhưng thôi, rồi cũng quen đi, cũng phải chịu đựng.

Nghĩ cho cùng, đây cũng là một dịp rèn luyện con người cho thích hợp với đời sống phức tạp, khó khăn.

Trong khối sinh viên, có lẽ sinh viên trường Thuốc là miệt mài hơn cả về học hành, và cũng ít thì giờ để quan tâm đến những việc khác. Nhưng, đứng trước tình hình khẩn trương trên thế giới và trong nước, người sinh viên hay người trí thức nói chung không khỏi bị ảnh hưởng và bắt buộc phải suy nghĩ. Hoạt động chính trị đã sôi nổi tại Việt nam với sự thắng thế của mặt trận Bình Dân ở Pháp đưa lại một chút cỏi trời tại Đông dương.

Tại Nam Kỳ, tự do báo chí, tự do kết hội được cho phép trong giới hạn, tại miền Bắc và Trung thì rất ít thay đổi. Một số đảng phái được phép hoạt động, đảng cộng sản Đông dương ngấm ngấm thúc đẩy một Đông dương Đại hội để đòi hỏi cải cách về mặt lao công. Song việc này lại gặp sự phân đối của phái Đệ Tứ Trotsky, vốn không chủ trương liên kết với giai cấp tư sản, và chỉ tiến hành cái mà họ gọi là cách mệnh vô sản thường trực, bất kể dân tộc có độc lập hay không và do ai thống trị.

Tại miền Bắc, không cho phép đảng phái hoạt động, nhưng trên báo chí đã có thể đưa ra những ý kiến yêu cầu cải cách nhẹ nhàng, đối đãi tốt hơn với người bản xứ, cải thiện chế độ lao công. Việc này đã dẫn đến một cuộc đình công của thợ thuyền nhà máy dệt Nam Định. Thừa cơ hội, trên tờ Ngày Nay, cũng đưa ra một số bài nghiên cứu về xã hội, chính trị nhẹ nhàng.

Nhìn trên thế giới, khuynh hướng phát xít ở ý với Mussolini, và quốc xã tại Đức với Hitler, đã lên rất mạnh, đã bắt đầu uy hiếp tới sự sinh tồn của chế độ dân chủ Tây Phương. Từ 1937, sau khi chiếm đóng Mãn Châu trước sự bất lực của hội Quốc Liên, đế quốc Nhật tấn công thẳng vào lục địa Trung Hoa và uy hiếp cả vùng Đông Nam á,

ngay cả đến những thuộc địa của Mỹ (Phi Luật Tân), Hồng Kông và Đông dương. Nguy cơ chiến tranh đã tới gần. Đế quốc Pháp sẽ đi tới đâu? Không ai bảo ai, nhưng đều mơ hồ cảm thấy một vận hội mới sẽ đến với đất nước. Cuộc cách mạng dân tộc sẽ có cơ thành công. Đối với Nhật bản, vì cùng là da vàng mũi tẹt, nên có người từng đợi họ đến giải phóng cho mình, và chủ trương nên dựa vào Nhật để đánh đuổi người Pháp trước đã. Cũng có những nhóm, chói mắt trước sự hùng cường của Đức Nhật, tán đồng một chủ trương độc tài, để lãnh đạo dân chúng theo ý muốn của mình. Đảng cộng sản, thì nhất định phải theo đường lối chống phát xít của Đệ Tam Quốc tế, của Liên Xô, rồi sau này theo con đường Đồng minh với các nước dân chủ tự sản.

Các đảng phái quốc gia lúc đó, không có một đảng nào hoạt động công khai trong nước. Các đảng viên Việt nam Quốc Dân đảng vẫn chỉ nằm trong bí mật, nhưng đã bắt đầu có liên lạc với những phần tử cách mạng lưu vong ở Trung quốc, ở Nhật và ở Thái. Tại Trung quốc, Việt nam Quốc Dân đảng, Phục Quốc đồng minh hội đương cố gắng chinh đốn lại tổ chức trong trường hợp khó khăn. Nhật quân đã tiến xuống miền Hoa Nam, đây là bước sửa soạn cho một trận tuyển kết hợp những nhà ái quốc tại ngoài nước - Việt nam cách mệnh đồng minh hội.

Nhưng, trong hàng ngũ người Việt chủ trương giải phóng dân tộc giành độc lập, đã có những chia rẽ sâu xa về ý thức hệ, về sách lược và đường lối hoạt động, mà tuyệt đại đa số người dân chưa cảm giác thấy.

ở ngoài nước, từ năm 1944, đã có một tập hợp các anh em ở hải ngoại, với sự khởi xướng của mấy vị như Nguyễn Hải Thần, Hồ Học Lãm, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, một số nhân vật các nhóm

khác, và lấy tên là Việt nam Độc lập đồng minh hội (tên này sau đó bị đảng cộng sản sử dụng viết tắt là Việt minh vào năm 1941).

Không bao lâu sau, trong đó, một số đảng viên cộng sản trá hình định dẫn tổ chức sang khuynh hướng cộng sản, nên sự tập hợp này đã tự giải tán. Tiếp theo, Việt nam Quốc Dân đảng tại Côn Minh thành lập Hải ngoại chấp hành ủy viên Hội, với những người cầm đầu Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Chu Bá Phượng, Lê Khang... Chu Bá Phượng được phái về quốc nội hoạt động.

Vì Việt nam quốc dân đảng chưa gây lại một hệ thống đảng chặt chẽ ở trong nước, và không có nỗ lực tuyên truyền để ảnh hưởng tới quần chúng, nên đồng bào tuy vẫn mến mộ danh nghĩa của đảng, song thấy cần phải có tổ chức khác để cổ động dân chúng đứng lên hành động. Đó là nguyên do của sự nảy nở một số đảng phái bí mật trong nước bắt đầu từ 1938 trở đi. Nhiều phần tử trí thức và sinh viên, bị thôi thúc bởi lòng yêu nước, sẽ kế tiếp nhau tham dự vào những phong trào chống Pháp, hoặc cộng sản hoặc không cộng sản. Có những bạn cùng đường, cùng một lớp, ngay trong cả một nhóm văn nghệ, một văn đoàn sẽ tham gia vào những khuynh hướng khác nhau, thậm chí sẽ trở thành thù địch trong những ngày khó quên mấy năm sau.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 12

Ngày Tết quê hương - Xem mặt.
Thi sĩ đua ăn bánh trưng

Chuyến xe hoả Hà Nội - Hải Dương dần dần chạy chậm lại, qua con cầu bắc trên sông Sen quen thuộc, rồi từ từ vào trong ga Cẩm Giàng.

Đã lâu lắm tôi chưa về quê. Năm nay phải về ăn tết. Vẫn cái nhà ga nhỏ, xám. Những người gồng gánh lên xuống. Sau ga, con đường lát đá gồ ghề, mấy hàng quán lèo tèo. Tôi bước trên con đường sắt thẳng tắp đi về chân trời, bên phải vẫn là cây đa mâm xôi. Chỗ bà nội tôi yên nghỉ ở gần đó. Chung quanh, những xóm làng lũy tre bao bọc không khác gì xưa.

Bước vào trong cổng nhà, cây cối đã mọc nhiều, um tùm trong vườn. Có rặng chuối, có mấy cây ổi, còn cả cây na. Những luống tóc tiên đã bõm xòm, vì thiếu người cắt xén. Cây mít trước gian nhà gạch cũng đã lớn nhiều, quâ dính vào thân cây: Chân tường nhiều rêu phong hơn trước. Mái ngói đã đổi màu. Ít người sống ở đây, nên cảm giác có vẻ hiu quạnh cô đơn giữa cánh đồng không. Không biết tại sao tôi cảm thấy xa lạ, hình như có dấu hiệu báo trước sẽ có gì thay đổi đối với cái trại Cẩm Giàng này.

Chỉ có mẹ tôi ngồi trên phản, trong buồng khách. Hình như có điều gì chịu đựng trong đôi mắt, trên khuôn mặt đã nhiều nếp nhăn của bà. Con cái đã trưởng thành cả, đỗ đạt, làm nên, thành công, tuy phần

nhieu vẫn nghèo. Nhưng ai nấy đều bận rộn, và ít khi về thăm nhà. Bà chỉ còn hy vọng vào mấy ngày Tết, giỗ. Ngay đứa con út là tôi, đã hơn hai mươi tuổi đầu, nhưng vẫn lông bông, làm những cái gì bà cũng chẳng biết. Trong lúc ngồi ăn cơm, tôi cảm thấy mình ích kỷ, ít khi nghĩ đến mẹ. Và tôi không khỏi cười một mình, nghĩ đến những lúc bà muốn dạm vợ cho tôi. Nào cô này xinh và hiền hậu lắm, cô khác cũng coi được, phúc đức và là con một, nhà có hai trăm mẫu ruộng... Kể thì hấp dẫn thực, nhưng khổ nỗi tôi chưa thấy hứng thú trong việc lấy vợ. Một lần, còn nhớ, bị mẹ thúc dục quá, nhờ trung gian của một bà bạn, tôi phải đi xem mặt một cô gái! Đến tận nay, tôi vẫn không hiểu tại sao mình lại đi làm một việc vô ý thức như vậy, cho tới nay, tôi vẫn trách mình. Vào một căn nhà ở phố hàng Tre, tôi được bà chị cô gái tiếp đãi khá niềm nở, khiến tôi thấy ngượng ngập. Song vì người ta biết mình cũng là nhà báo, nên cũng cố đối đáp trôi chảy được những câu hỏi khó trả lời. Hàn huyên xong, tôi bị dẫn xuống nhà ngang, và lại phải đối diện với cô gái một cách gượng gạo. Trò chuyện một vài câu nhát gừng, cô cứ ngồi cúi mặt xuống. Cô ta không đẹp lắm, nhưng cũng dễ thương, rất có thể là một người vợ hiền, nếu chính tôi đã muốn cưới vợ...

Cơm trưa xong, tôi vượt qua đường sắt, qua con đường đất quen thuộc, đi giữa đồng ruộng còn trơ gốc rạ. Nơi này có bao nhiêu kỷ niệm. Những đứa trẻ chạy tung tăng trên bờ ruộng, hái những cánh hoa cúc vàng dại, cùng những hoa thài lài màu xám lơ, rồi đánh cỏ gà. Khi mệt, cùng ngồi nghỉ trên rễ cây đa, nhìn ra con sông nhỏ chảy xuôi.

Mộ bà tôi vẫn nằm gần đấy, hướng về Đông Nam, như mộ con trai bà. Một cuộc đời đã tắt trong cô đơn, im vắng, như một định mệnh. Trên gò Phụng, mộ thầy tôi, mấy ngọn cỏ may vẫn lay lắt theo gió.

Vẫn ngôi chùa cổ kính rêu phong, con đường nhỏ không một bóng người. Gió thổi lạnh qua những cành tre xao xác, bên những nhà tranh buồn tẻ. Tôi ngồi bên cạnh ngôi mộ, mộ người cha mà tôi chưa bao giờ trông thấy mặt. Thời gian đọng lại như lui về dĩ vãng. Bao nhiêu thế hệ đã qua, đã sống trên đồng ruộng hiu quạnh, đã nằm xuống ở mảnh đất này? Tiếng thân tre kéo kết khi chạm vào nhau đôi khi tới nay vẫn còn văng vẳng bên tai tôi.

Hai hôm sau, cảnh tượng trong nhà rộn rịp hẳn lên. Mấy người em họ từ trong ga ra chơi. Chuyến xe trưa lại đưa xuống một số anh em văn báo, đã hẹn trước năm nay cùng về đây ăn Tết cho vui.

Ra ga đón có cả Khái Hưng, Thế Lữ, Xuân Diệu, và hai bạn nổi khổ, Huyền Kiều và Đình Hùng. Trong nhà có Nhất Linh, vợ chồng chị Thế, Thạch Lam và tôi, đủ mặt anh tài. Mọi người chia nhau đi tham quan vườn nhà, những người trẻ thì chạy ra đồng, ngắm cảnh đồng quê, rồi theo con đê đi mãi tới bờ con sông Sen. Già hơn một chút, thì ngồi nhấp nước trà, với mứt và kẹo vùng.

Đã lâu, không được nhìn lại ánh đèn trắng mằng xông chiếu sáng khắp nhà trong cảnh ba mươi tết. Trên bàn thờ, khói nến sáng choang, mùi hương ngậy ngát lẫn với màu hồng của hoa đào, làm tăng thêm không khí ấm cúng trong nhà. Thêm vào đó một mâm cơm cỗ bát cũng khá đầy đủ, suốt năm mới được ăn một hai lần. ăn xong, mấy anh lớn tuổi ngồi lại đánh bài, sát phạt lẫn nhau để đợi tới phút giao thừa. Bọn trẻ chúng tôi xuống nhà bếp, để giúp nấu bánh trưng. Hai thùng sắt đầy ắp bánh. Công việc chúng tôi là thêm củi hay thêm rơm vào lò để duy trì lửa đủ mạnh. Trời rét, ở ngoài mưa phùn nhẹ, gió bắc thổi qua phen liếp, nhưng ở trong ấm áp, lửa chiếu vào mặt ai cũng đỏ hồng. Đây là những phút cuối năm thú vị nhất, vừa đun bánh, vừa ngồi cắn hạt dưa, bàn đủ mọi truyện Đông

Tây, kim cổ. Vừa đến nửa đêm thì bánh vừa chín tới. Mùi thơm bánh chín toả ra khắp buồng. Ai cũng mong chóng tới giao thừa, đợi cúng xong sẽ được ăn bánh. Cuối cùng thì giờ đó cũng tới. Một tràng pháo nổ lên. Tất cả đều chạy lên nhà trên, làm lễ trước bàn thờ. Rồi đến chúc tuổi bà mẹ. Tôi còn nhớ anh Khái Hưng, người nhiều tuổi nhất, thay mặt các bạn nâng cốc rượu hồng - độ ấy có những thứ rượu ngọt đủ màu sắc- để mừng tuổi, rồi đến các con, cháu. Mỗi người đều được một phong bao nhỏ... để tiêu Tết, đủ để ban ngày chơi đánh đáo.

Cỗ giao thừa được bày ra, món chính là bánh trưng chín tới, vừa cắt ra còn bốc khói, màu xanh mơn, dậy mùi tiêu. Đương đói, ai cũng ngốn ngiến, không làm khách. Nhưng phải kể riêng về hai kiện tướng: Huyền Kiều và Xuân Diệu. Lực sĩ Huyền Kiều thực là kinh người nuốt hết miếng này tới miếng khác dưới sự cổ động của mọi người. Sau rốt, lực sĩ cũng phải bỏ cuộc, đầu hàng, chỉ còn thi sĩ tiếp lên chiến đấu, đoạt giải quán quân. Song, thực ra, cũng không đến bốn chiếc bánh như người ta kể trong truyền thuyết.

Hôm sau, mọi người lục tục cáo biệt trại Cẩm Giàng ra về, tiếp nối công việc hàng ngày. Riêng tôi, lại trở về nhà trọ và trường học.

Một hôm, chúng tôi đáp xe điện đi thăm đôi bạn Thế Lữ - Song Kim ở ngoại thành. Thế Lữ đã bắt đầu tổ chức một ban bầu kịch. Và Song Kim là một phụ tá đắc lực, kiêm một diễn viên chính.

ở đây, tập hợp một số người trẻ, nam có nữ có. Tất cả đều hăng hái tập dượt, bầu không khí phấn chấn, vui vẻ. Họ diễn kịch, ngâm thơ, đàn hát. Tuy kịch nói, kịch thơ lúc đó chưa thịnh hành, nhưng các anh em đều rất nỗ lực, và tin tưởng rằng sẽ có thành tích trong một lĩnh vực văn nghệ mới.

Tại sao anh Thế Lữ lại chọn nghề làm kịch? Tôi cũng không rõ lắm.

Có thể vì đến lúc đó nguồn thơ đã cạn dần với những bài như cảm đề truyện Đoạn Tuyệt. Nàng Thơ đã dần dần lui xa... Sau tập Mấy Vần Thơ, không thấy ra một tập thơ nào khác. Và cũng có thể là ảnh hưởng của Song Kim, không rõ chị đóng kịch từ hồi nào.

Trước kia, trên sân khấu, được quần chúng thích nhất là hát tuồng - những tuồng cổ theo lối kịch Bắc Kinh hay Quảng Đông, thương diễn trên sân khấu rạp Quảng Lạc. Thuở nhỏ, tôi thường trốn mắt nhìn những ông tướng đầu đội mũ cắm lông dài, vai cắm những lá cờ ngũ sắc múa may, tay cầm một thứ roi giả vì làm ngựa cưỡi, trong trống kèn inh ỏi đình tai nhức óc. Những thứ tuồng cổ ấy về sau bị gọi chung một tên là tuồng Quảng Lạc.

Rồi xuất hiện kịch hát cải lương, hình như lan từ trong Nam ra nghe hay và dễ hiểu hơn tuồng, có vẻ tân thời hơn, với những tên tuổi như Năm Châu, Phùng Há, ái Liên. Nhưng dù sao, cũng vẫn có vẻ tuồng... cải lương. Kịch nói sinh sau đẻ muộn, mô phỏng theo kịch nói Tây Phương, với những đề tài hiện đại, xã hội, hay lịch sử. Ban kịch Thế Lữ đã đưa ngành kịch Việt nam vào một giai đoạn mới.

Nói về nguồn thơ, thì không những Thế Lữ mà không lâu, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận xem ra cũng cạn dần. Sau này, cũng thêm được Tế Hanh, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Hồ Dzếnh, Vũ Hoàng Chương... Thi sĩ Huyền Kiêu sau khi đi lấy vợ - tôi có hân hạnh được làm phù rể- nghe như đã tắt cảm hứng.

Chỉ còn nhà thơ Đinh Hùng viết vài bài nào nọ. Thời thế không hợp với thứ văn thơ sướt mướt nữa, nhưng nhà thơ cũng vẫn cố gắng sướt mướt. Điều trên cũng có thể áp dụng đến trào lưu sáng tác văn xuôi kể cả Tự lực văn đoàn.

Sau cuốn Đoạn Tuyệt, cuốn Lạnh Lùng của Nhất Linh cũng gây ra nhiều luồng dư luận. Lần này là câu truyện của một thiếu phụ ở goá

bị dằn vặt giữa quan niệm phụ nữ đấu tranh lấy quyền sống tự do và hạnh phúc cho mình. Lại có một số người lên tiếng chỉ trích -trong đó lại có ông Trương Tửu- là phá hoại luân thường đạo đức. Nhưng Nhất Linh được phe phụ nữ và giới trẻ ủng hộ. Họ chống đối truyền thống phu quyền, hỏi tại sao đàn ông goá vợ lại có thể tái kết hôn mà đàn bà lại phải thủ tiết vô lý. Xã hội vẫn tiến lên, và về sau đàn bà goá đi lấy chồng đã thành sự thường.

Trong Đôi Bạn, hai nhân vật chính vẫn là tài tử giai nhân, lần này Dũng tuy là con một ông Tuần, nhưng đã tham gia vào hàng ngũ cách mạng dân tộc, nên hai người bắt buộc phải xa nhau. Ở đây, rõ rệt tư tưởng dân tộc đã ảnh hưởng đến tác giả. Và vì thế, không giống như các nhà văn khác, Nhất Linh đã sẵn sàng từ tiểu thuyết bước vào hành động. Khác với Nhất Linh, Khái Hưng chuyên tâm viết về những mâu thuẫn xã hội, và sáng tác nhiều hơn với những cuốn Gia đình, Thoát ly, Bần khổn v.v.. Ngoài ra còn viết kịch thơ Tục lụy. Chủ trương của Khái Hưng, Hoàng Đạo vẫn là những tác giả có khuynh hướng cải cách xã hội. Họ cũng thấm nhuần quan niệm dân tộc và dân chủ trong khi hấp thụ những giá trị tinh thần từ xã hội Tây Phương, và từ lịch sử đấu tranh chống thực dân của các bậc tiền bối. Cho nên, bước đường đi về sau của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng và cả của Nguyễn Gia Trí, người ta đã có thể mừng tượng ngay từ lúc này.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 13

Những ngày êm ấm trước khi gió bão
Tổng hội sinh viên

Sống ở nhà trọ thì tự do thực, nhưng nhiều khi cũng buồn. Ngày nghỉ, lắm lúc không biết đi đâu. Muốn đi chơi, đi xem điện ảnh, nhưng bạn nào cũng bận, người thì về với vợ, người thì đi du lịch. Một chiều thứ bảy, ăn cơm xong, không còn ai ở lại. May mà vừa có một người bạn, anh Thành ghé qua. Thấy tôi ngồi một mình ở dưới nhà, vỗ vai hỏi tôi:

Làm gì mà ngồi thừ ra đó? Sao hôm nay lại ngoan ngoãn thế?

Thực ra, lúc đó tôi cũng chưa biết đi đâu.

- Chẳng tính đi đâu cả, ngồi đọc sách thôi! - tôi đáp.

- Tối thứ bảy mà ngồi một mình à? Thành tỏ vẻ ái ngại, rủ tôi - Hay là đến nhà tao chơi đi. Tối nay, cùng đi xem chớp bóng. Muốn đi không mày?

Chúng tôi thường gọi nhau bằng mày tao.

- Phim gì?

- Phim Đường Tơ Chưa Dứt hay lắm. - Thành đáp.

Đường Tơ Chưa Dứt. Nghe cũng hấp dẫn. Có bản nhạc hoà tấu của Schubert lại thêm tài tử duyên dáng Martha Eggerth trong câu truyện bi ai. Thấy tôi ngần ngại, anh tiếp:

- Nhà tao chỉ có mấy người, không phiền gì đâu. Cùng đi cho vui.

Chúng tôi đạp xe về nhà anh ở phố Cửa Bắc. Một ngôi nhà xinh xắn

hai tầng, có hàng rào sắt, có con đường lát sỏi, hai bên trồng hoa. Trong nhà, có bà mẹ, em trai và em gái Thành. Cả nhà rất nhiệt tình. Em trai Thành còn bé, còn cô em gái - được giới thiệu tên là Vân - mới mười sáu tuổi, đôi mắt mở to hơi ngơ ngác, miệng cười chúm chím trên khuôn mặt tròn trĩnh, đúng còn là một cô học trò Trung Học ngây thơ. Chúng tôi ngồi xe điện cho thoải mái, cái xe điện cổ điển từ tốn của Hà Nội. Phim Đường Tơ Chưa Dứt thực là cảm người. Mỗi tình trong trắng giữa ông giáo dạy âm nhạc và cô học nhạc quý tộc đã phải đứt duyên vì gia đình phong kiến phản đối. Trong đau khổ, nhạc sĩ đã sáng tác ra bản nhạc bất hủ Ave Maria. Bất giác, tôi nhìn sang Vân, đôi mắt trẻ thơ của Vân long lanh nước mắt. Một tuần sau, tôi được mời tới nhà Thành dự buổi mừng sinh nhật bà mẹ. Xong tiệc, vừa định cáo từ, thì Thành giữ lại dự khiêu vũ gia đình. Mới tập tễnh vào làng nhảy, tôi định xin kiếu, nhưng trước đôi mắt khuyến khích của Vân, tôi thấy không thể khước từ. Rồi, từ đó, tôi trở thành một thành viên trong lứa trẻ ấy. Lúc thì đi chèo thuyền, đi bơi, lúc thì đạp xe ra ngoài thành phố ngắm cảnh đồng quê, đồi núi. Một ngày hè, chúng tôi cùng ra Sầm Sơn tắm bể. Mặc các bạn vẫy vùng dưới nước, Vân kéo tôi chạy trên bãi cát, rồi theo dạng phi lao dài, cứ đi mãi cho tới cửa sông Mã mênh mông, nước chảy cuộn cuộn. Nắng rất đỏ cả lưng, chúng tôi ngồi dưới gốc thông, cùng nhìn những cánh buồm nâu lơ lửng ngoài khơi. Một lần, ngồi trên bờ cỏ, nhìn ra mặt hồ rung rinh dưới nắng, hai người không nói gì hết, và cũng không thấy cần nói gì hết, không tính toán gì hết, không nghĩ về quá khứ cũng như về tương lai. Đây có phải là một mối tình duyên không lời, trong cái buổi ban đầu lưu luyến ấy không? Chỉ có một lần, Vân ngược mắt lên, như muốn nói cái gì, nhưng rồi lại thôi. Đôi mắt to và đen gần, gần quá, trông rõ

hàng mi mắt trên dài và cong. Tôi đánh bạo đặt một nụ hôn nhẹ trên trán cô, Vân vẫn ngồi yên. Lúc đứng dậy ra về, sắp tới nhà, Vân vội ấn vào trong tay tôi một chiếc khăn tay trắng, rồi chạy vụt đi.

Truyện đến đây chỉ có thế, và về sau cũng chỉ có thế mà thôi. Hai người tiếp tục phải đi học. Mỗi người một hoàn cảnh. Thời thế biến chuyển không ngờ. Tôi bận quá nhiều việc. Vân thì còn bé quá. Có những thứ vô hình ngăn cách. Bèo nước tương phùng.

Tôi không còn rỗi để đến chơi nhà Thành nữa, không biết Vân có giận không? Ngẫu nhiên, có lần đạp xe, tự nhiên đi tới con phố vắng trống cây gần trường nữ trung. Tôi đột nhiên dừng xe lại, bóng Vân cắp sách cùng mấy cô bạn học đương bước trên hè: Vân vẫn hồn nhiên cười nói, giọng cười nói quen thuộc ngày nào: Tôi chỉ còn cách né vào đằng sau một gốc cây sấu, nhìn Vân dần dần khuất đi.

Người ta thường dễ quên, nên vài năm sau, trong những ngày kỳ lạ, gian nan, người ta không có cả thì giờ để thở nữa, ngẫu nhiên chúng tôi lại gặp nhau trong thoáng giây. Đôi mắt Vân vẫn mở to, nhưng không biết có nhận được ra tôi không, lúc đó tóc bờm sòm không cắt, râu mọc xồm xoàm. Còn cô thì cao hơn, lớn hơn, con gái hơn, mặt bầu bĩnh hơn. Tuy không ai nói năng gì, nhưng chắc trong ánh mắt, cả hai đều đã nhìn thấy quá khứ.

Nhưng, quá khứ đã qua, thì cứ để cho nó đi qua. Bây giờ khói lửa, loạn lạc. Vân, nay ở đâu?

Ai đã từng là sinh viên hội ấy, tất cũng nhớ tới mỗi năm một lần, có đại hội sinh viên, với một buổi diễn kịch, mấy hôm hội chợ và có năm, đoàn xe hoa riễu trong thành phố. Theo quy định, những hoạt động ấy chỉ có mục đích mua vui, giải trí và gây quỹ cho Tổng Hội Sinh Viên. Buổi diễn kịch có thể gọi là long trọng và hấp dẫn, nhiều người mong đợi, nhất là nam thanh nữ tử Hà Thành và cả từ các

thành phố khác tới. Người ta thích những kịch cổ điển như Đường Quý Phi, Đường Minh Hoàng, Tây Thi Phạm Lãi,... sau đó hình như còn có My Châu Trọng Thủy. Trong một bầu không khí quý phái, nhất định phải có mấy vị tai to mặt lớn nhà nước Bảo hộ, và phải có những nữ sinh xinh xắn đi bán hoa.

Ca nhạc mới cũng bắt đầu xuất hiện và được hoan nghênh. Không nhớ rõ năm nào, một bài ca đã làm thính giả rung động, đó là bài Con Thuyền Không Bến của Đặng Thế Phong, do một thiếu nữ hát. Người nghe tựa như cùng tiếng ca trôi với chiếc thuyền cô đơn trên con sông Thương nước chảy đôi giòng.

Đặng Thế Phong là một kỳ tài âm nhạc, cùng với Văn Cao, Lê Thương. Tôi không được gặp nhạc sĩ, nhưng khi nghe tin nhạc sĩ chết yểu vì bệnh, tôi thấy cảm thương sâu xa, cũng như trước sự ra đi của Vũ Trọng Phụng, Hàn Mặc Tử... nhiều tài năng xuất chúng đã sớm đi vì nghèo, vì yếu, trong cuộc sống khó khăn.

Những bài ca như Con Thuyền Không bến, Thiên Thai, Gọt Mưa Thu, Biệt Ly v.v... đã đánh dấu một thời kỳ phồn thịnh của ca nhạc Việt nam, với âm nhạc Tây Phương thay vào những điệu khúc dân gian cũ. Sự dung hợp của nền văn hóa dân tộc với những nét tinh hoa từ thế giới đến đã gây thành một trào lưu văn hóa đặc biệt có một không hai trong lịch sử đất nước.

Điều này chứng tỏ sức sống mãnh liệt của văn hóa, dù ngay ở trong hoàn cảnh ác liệt, bị kìm hãm như dưới ách thực dân thời đó. Một năm nào đó, khi bầu lại ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên, không rõ tại sao tôi và anh Vũ Văn C... được anh em đề cử vào. Thực ra, tôi cũng đã làm gì nhiều cho hội đâu? Và tôi cũng không rõ lắm về nhiệm vụ, tôn chỉ của Tổng Hội. Nếu chỉ có tổ chức diễn kịch, chợ phiên để mua vui thì cũng không có giá trị gì nhiều. Nhưng đã bị cử

ra, thì cũng phải làm một cái gì đó.

Hội ban chấp hành để phân công, anh Th... ở trường Luật được bầu làm chủ tịch, vì lẽ giản dị là sinh viên trường Luật rồi rã hơn trường Thuốc nhiều và... mồm mép hơn. Thí dụ như Phan Anh, Dương Đức Hiền, những nhân vật hoạt động chính trị sau này, đều tốt nghiệp trường Luật ra cả.

Anhem định giao cho tôi nhiệm vụ văn hoá, làm tờ đặc san của Hội: Song viết bằng tiếng Pháp, lại bị giới hạn không được đề cập đến các vấn đề chính trị, xã hội nhạy cảm, mất nhiều công mà ảnh hưởng sẽ rất ít, ăn nói gì đây? nên tôi không nhận lời. Tuy thế, mấy anh em cũng dự định cải cách công việc của hội, tăng thêm những điều có ích cho xã hội.

Ảnh hưởng của thời cục cũng phản ảnh vào nội dung các hoạt động của sinh viên. Thí dụ như có lần, ban chấp hành quyết định bỏ vở kịch Dương Quý Phi, soạn một vở kịch lấy tên là Người thanh niên Việt nam qua lịch sử, trong đó có màn về hai bà Trưng, vua Quang Trung, cổ vũ người thanh niên rút bỏ lối sống cá nhân, ủy mị hay lảng mạn để học ý chí quật cường của các tiền bối. Không trực tiếp nói lên được, thì mượn lịch sử để diễn đạt một cách gián tiếp, bọn thực dân tuy biết nhưng cũng không làm gì được.

Trong các chợ phiên, ngoài những gian bày trò chơi ra, thì tổ chức thêm những buổi nói chuyện về thường thức y học, về vấn đề xã hội, có khi mạnh dạn nói về ý thức dân tộc. Ngoài ra, còn anh em phát truyền đơn, đi ra các làng xóm ngoại thành để nói chuyện về vệ sinh thường thức, khám bệnh miễn phí, phổ cập về pháp luật... Nhiều anh em rất hăng hái trong những việc công ích, khác với nhiều sinh viên khác chỉ miệt mài về học hành, thi cử.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 14

**Bước Vào Con đường hoạt động cách mạng - Đại Việt Dân chính -
Quân Nhật**

Dù muốn hay không, bánh xe lịch sử cũng phải chuyển động và lôi cuốn con người vào trong những cơn gió lốc không ngờ. Thời thế tạo anh hùng câu nói này chỉ có ý nghĩa là hoàn cảnh khách quan chi phối vận mệnh con người.

Bất phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao (Kiều)

Những năm 1938-39 là những năm đã quyết định vận mệnh của nhiều người Việt, trong đó có chúng tôi.

Thế giới chiến tranh bùng nổ với việc quân Đức quốc xã xâm chiếm Tiệp Khắc, rồi Ba Lan. Cùng lúc, quân Nga Xô cũng tiến vào Ba Lan, chiếm một nửa phía Đông nước này. Dân Ba Lan khốn khổ phải sống dưới hai tròng tàn bạo. Dân Do Thái tại các nước này bị tàn sát, khủng bố dã man. Cuộc diệt chủng đã làm kinh hồn cả thế giới. Hai nước Anh, Pháp sau khi đã thoả hiệp với Đức để Đức dễ dàng xâm lăng Tiệp, Ba Lan, áo, nay thấy không thể lui được nữa, buộc lòng phải tuyên chiến với Đức. Nhưng quân Đức quá mạnh, không bao lâu sau đã chọc thủng phòng tuyến Maginot, tiến vào miền Đông Bắc Pháp, uy hiếp Paris và cả nước Anh.

Phát xít thắng lợi không phải là điều tốt. Nhưng Anh, Pháp thua kém có thể đưa lại cơ hội hiếm có cho những nước bị thực dân thống trị. Tại Việt nam, một số nhân vật có ý thức dân tộc mạnh mẽ, có ý chí quật cường, thấy thời cơ đã đến, thành lập những tổ chức cách mạng để lãnh đạo phong trào. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một trong những người đi tiên phong, cùng với Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Long và một số bạn thân khác, bí mật bàn thảo việc tổ chức. Một ngày cuối năm, anh rủ tôi ra nói chuyện ở ngoài sân nhà báo, bày tỏ ý kiến muốn thành lập một đảng với mục đích đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, đánh đuổi giặc Pháp, phế bỏ chế độ vua quan dựng nên một nước Việt nam cộng hoà, tiến tới dân giàu nước mạnh.

Thực ra, tuy chưa nói lên trước đây, nhưng mọi anh em đều có sẵn tinh thần yêu nước, nay chỉ cần bước vào hành động trực tiếp và cụ thể. Tôi ngổ ý tán thành và tham gia vào công việc, cả hai đều biết rõ rằng sẽ khó khăn và nguy hiểm. Cương lĩnh chính trị nhấn mạnh vào việc toàn dân đoàn kết để giành độc lập, nhưng không đề cập nhiều đến vấn đề tự do dân chủ, có lẽ vì chịu ảnh hưởng của sức mạnh bề mặt của các nước phát xít và Nhật bản. Về đường lối đấu tranh, do lối nhìn hạn chế, thiếu chính sách cụ thể về các tầng lớp xã hội và về vấn đề quốc tế. Khuynh hướng dựa vào Nhật bản lúc đó cũng ảnh hưởng tới đường lối hành động của đảng, vì chưa trông rõ tương quan lực lượng giữa Trục Đức-ý-Nhật và Đồng minh, cũng chưa nhận thấy rõ bản chất của khối Trục. Do trên, Đại việt dân chính về sau chỉ phát triển được trong giai tầng trí thức, công chức, giáo viên, và tại thành phố, thiếu sự tham gia tích cực của các lớp thợ thuyền nông dân. Các anh em đều nhiệt tình, hăng hái, sẵn lòng hy sinh, nhưng phải công nhận là thiếu kinh nghiệm về hoạt

động cách mạng, và thiếu học hỏi nghiên cứu về hiện tình thế giới, thiếu huấn luyện cho đảng viên. Anh em cảm thấy khó khăn trong việc dấy động dân chúng để chuẩn bị một cuộc nổi dậy, mà không mắc vào người thiếu sót của những cuộc cách mạng trước đây. Tôi được giao việc phát triển tổ chức trong tầng lớp sinh viên Đại Học. Chi bộ toà soạn gồm có Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và tôi - Tú Mỡ. Thế Lữ, vì không muốn tham dự hoạt động chính trị, nên không gia nhập. Thạch Lam cũng vậy

Ngoài Đại Việt dân chính ra, cùng thời được tổ chức bí mật có Phục Quốc đồng minh hội, Đại Việt Quốc Dân đảng, Đại Việt Quốc xã, và Đại Việt duy dân. Đại Việt Quốc Dân đảng với người sáng lập - Trương Tử Anh và chủ thuyết Dân tộc sinh tồn, phát triển nhiều hơn cả trong trường Đại Học. Tại trường Thuộc, có anh Nguyễn Sỹ Dinh, bạn cùng lớp và bạn thân với tôi - và mấy người học lớp dưới, anh Nguyễn Tiến Hỷ tức Phan Trâm- sau này có đạo giữ chức Tổng thư ký Quốc dân đảng Việt nam, anh Nguyễn Tôn Hoàn, và Đặng Văn Sung. Ngoài ra còn có anh Bùi Diễm. Những người này về sau đều đã đóng vai trò quan trọng trong chính trường Việt nam. Anh Đặng Văn Sung nay đã qua đời. Về phần Việt nam quốc dân đảng, các anh em quốc nội bắt đầu khôi phục tổ chức bí mật, và do Chu Bá Phương, Lê Khang, nối lại liên lạc với Hải ngoại bộ ở ngoài nước. Các đảng phái quốc gia tuy nhiều, nhưng nói chung, vì thiếu tuyên truyền về cương lĩnh, đường lối, quá chú trọng về bí mật, nên ảnh hưởng tới quần chúng không rộng. Và cũng chưa kết hợp được thành một lực lượng đủ lớn mạnh để vận dụng thời cơ

Nói tóm lại, thời kỳ 1938-39 đánh dấu cho sự xuất hiện những phong trào chống thực dân Pháp cả ở trong và ngoài nước, báo hiệu cho một thời kỳ đấu tranh lớn và gay go sắp tới trong khung

cảnh chiến tranh thế giới mở rộng đến toàn cầu. Phong trào cách mạng này không những đối với người Pháp, mà còn để chống đối với những nhóm người Việt thân Pháp, những nhóm chủ trương thoả hiệp với mục đích duy trì chế độ thuộc địa, và những mưa mê lôi cuốn dân Việt vào con đường phi chính trị, hưởng lạc, miệt mài về những hoạt động thể dục, vui chơi, hay văn chương đòi trụ. Ngọn lửa đấu tranh dân tộc từ đó được nuôi dưỡng âm ỷ trong lòng các tầng lớp dân chúng từ Bắc chí Nam.

Những chuyển động trong xã hội Việt nam và trên thế giới cũng có trực tiếp ảnh hưởng đến sinh hoạt văn nghệ nói chung và của nhóm Ngày Nay -Tự lực văn đoàn nói riêng. Sẽ không còn là thời kỳ tương đối êm đềm, lãng mạn sáu bảy năm vừa qua. Vai trò của văn nghệ sẽ dần dần phai nhạt trong những giờ phút gay cấn, hoang mang. Chính trong hàng ngũ văn nghệ sĩ cũng sẽ xuất hiện sự phân hoá tất nhiên không thể tránh được, Tự lực văn đoàn cũng vậy.

Cục thế biến chuyển nhanh hơn người ta tưởng.

Tại Trung quốc, quân Nhật đã chiếm miền Hoa Nam, rồi đảo Hải Nam ở ngay bên cạnh Việt nam, uy hiếp tỉnh Quảng Tây. Quân đội Trung Hoa vì yếu kém, phải rút về gần biên giới Việt Trung. Quân Pháp ở Đông dương cảm thấy uy hiếp tới gần. Tưởng Giới Thạch rút về phía Tây, đóng đô ở Trùng Khánh. Còn Hồng Quân Trung Hoa, sau cuộc chạy dài Vạn Lý Trường Chinh, đã tới chiếm căn cứ Diên An tại Thiểm Tây. Một số đảng viên đảng cộng sản Đông dương từng đã lánh sang vùng này để học tập, chuẩn bị trở về nước hoạt động.

1940. Quân Hitler tiến vào thủ đô Pháp, Paris. Một chính phủ bù nhìn với thống chế Pétain đứng đầu được thành lập. Ngay sau đó, phong trào kháng chiến Pháp nổi lên, tướng De Gaulle thành lập

chính phủ lưu vong Pháp tại Luân Đôn. Mặc dầu chính phủ Pétain tuyên bố vẫn có quyền quản hạt đối với các thuộc địa, nhiều người Pháp sống ở các thuộc địa cũng bí mật theo phe kháng chiến, một số chạy trốn sang các nước khác. Có tin đồn quân Nhật sắp đánh vào Đông dương. Có một phần người Việt cảm thấy cổ võ, vì tin rằng quân Pháp nhất định sẽ bại. Ít nhất, ách thống trị thực dân sẽ sụp đổ. Dù người Nhật nắm quyền, ta cũng được hả dạ vì được thấy bọn da trắng hung hăng sẽ phải cúi đầu khúm núm trước người da vàng. Có người tin rằng Nhật bản tuy là quân phiệt, nhưng có thể giúp cho ta độc lập: bao nhiêu chí sĩ Việt nam chẳng đã từng lánh sang Nhật bản, và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để chẳng vẫn còn ở Đông Kinh?

Dù sao, người Việt cũng phải chuẩn bị để ứng phó với thời thế. Một buổi tối, tôi từ trường học đạp thẳng lên toà báo. Hoàng Đạo, Khái Hưng và một bạn nữa, anh Ph... đương ngồi đánh bài. Khái Hưng nhanh nhẹn lấy bánh mì và một đĩa thịt mỡ để trên bàn, rồi bảo:

- Đói quá rồi, tạm ăn thế này cho đủ sức mà bàn chuyện.

Bánh và thịt thường mua ngay ở một hiệu tạp hoá Khách xé cửa toà báo, là chỗ chúng tôi hay sang nghỉ ngơi và uống bia sau giờ làm việc.

Mỗi người thêm một cốc bia, rồi sang buồng nhỏ bên cạnh.

Thay mặt bộ chỉ huy, Hoàng Đạo truyền đạt ý kiến ở trên và cho biết tin đặc biệt quân Nhật từ đất Quảng Tây đã chia mấy ngả tiến về phía Lạng Sơn. Dân ở thị xã rất hoang mang, nhiều người sửa soạn lánh ra ngoài.

Phải đặt vấn đề: ngay trước đây Nhật - Pháp vừa ký với nhau một bản thoả thuận, sao bây giờ lại xung đột? Hoàng Đạo giải thích: Có thoả thuận thực, nhưng tướng Nishihara tới Hà Nội tuần qua chỉ để

yêu cầu việc đình chỉ giao thông từ Bắc Việt tới Vân Nam, chặn đường tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch.

Mọi người suy đoán, quân Nhật một mặt thương thảo thoả thuận, một mặt gây áp lực bằng quân sự, bắt buộc đương cục ở Hà Nội phải tiếp nhận những điều kiện nặng nề hơn. Nếu xảy ra chiến tranh, tất cả đều phải chuẩn bị ứng phó và khai thác tình hình.

Hôm sau, được biết một tin quan trọng là một toán quân của Phục Quốc Quân - thuộc Việt nam Phục Quốc đồng minh hội vẫn hoạt động tại biên giới Trung Việt trước đó - cũng đã tiến vào địa phận Lạng Sơn. Chúng tôi rất phấn khởi, vì đây là một toán quân của người Việt mình. Nếu mà chiếm được Lạng Sơn- dù với sự hỗ trợ của quân Nhật- cũng sẽ gây được một tiếng vang lớn, lôi cuốn được sự hưởng ứng từ nhiều nơi trong tình cảnh nao núng của quân Pháp.

Từ lâu, nay mới có một cơ hội tốt đẹp như vậy. Tôi lại chợt nhớ tới những ngày tráng liệt đời xưa, phong trào Cần Vương Đề Thám, Việt nam quốc dân đảng. Trước mặt, còn bao nhiêu gian nan, nhưng cũng tràn trề hy vọng, vì Pháp nay đã suy yếu. Nhưng sẽ phải làm gì, mà phải làm gấp... Các anh em được thông báo, chờ lệnh hành động.

Phần lớn dân chúng tại Hà Nội vẫn có thái độ chờ đợi, e ngại. Chiến tranh sẽ gây ra xáo loạn, rủi ro cho cuộc sống. Có người e quân Nhật quá tàn bạo... Nghe nói có nhiều vụ tàn sát người Trung quốc tại Nam Kinh, tại Hồng Kông. Hình ảnh võ quan Nhật cưỡi ngựa, đeo kiếm dài bên hông và chém người như ngóe thực ra rất khủng bố. Tránh được bao lại gặp phải hổ. Số phận những dân tộc yếu ớt trước bạo lực thực đáng thương..

Nghĩ lại hồi đó, dân tộc Việt nam lại gặp cảnh bi đát, lại thêm một

kinh nghiệm đau thương. Hai đế quốc cầu kết với nhau để cầu xé người dân vô tội. Chỉ hai hôm sau, Nhật và Pháp lại ký kết một thoả hiệp nữa. Lần này, Pháp bằng lòng chịu để quân Nhật đến đồn trú tại Đông dương và được tự do vận chuyển -có nghĩa là trên thực tế, Nhật đã chiếm đóng đất này, với điều kiện là để Pháp toàn quyền quản lý nội bộ- có nghĩa là sẽ vẫn đàn áp mọi sự phản kháng của các dân tộc Đông dương.

Sau đó, tức khắc việc gì phải đến đã đến. Nhật rút ra khỏi Lạng Sơn, và nhường cho quân Pháp bao vây, tấn công rồi tiêu diệt toàn Cách mạng Phục Quốc Quân. Vì thiếu súng đạn, mấy trăm chiến sĩ không chống cự nổi. Hai vị lãnh tụ là Trần Trung Lập, Đoàn Kiềm Diễm và một số anh em bị sát hại. Đại đa số bị bắt. Số còn lại chạy thoát khỏi vòng vây, sang Trung quốc. Đó là một thảm kịch bi ai trong lịch sử chiến đấu của người Việt bất khuất, một thảm kịch đầy nước mắt và máu. Cho đến tận nay, mỗi khi nhớ lại đoạn sử đó, tôi không khỏi ngậm ngùi, thương tiếc những người đi trước. Bao nhiêu người con ưu tú của dân tộc đã bắt hạnh ra đi. Là một thanh niên còn có tâm hồn, không thể không xúc động mạnh, không thể không vừa ngậm ngùi vừa căm phẫn trước mọi tàn bạo, mọi bất công. Người thanh niên ấy đứng trước những đau khổ, éo le của con người, của nhân loại, không thể không suy nghĩ về nguyên nhân sâu xa, những quy luật trong lịch trình triền miên mà nhân loại phải đi, để tìm thấy một con đường hành động. Trong trường đại học và ngoài xã hội, nhiều người hoang mang. Anh em Đại Việt dân chính cũng bối rối. Trong một buổi họp ngắn ngủi của chi bộ, ý kiến ở bộ chỉ huy xuống là: mọi người hãy tạm ngừng hoạt động để tránh bất trắc. Hồi đó tôi ở chỗ gác trọ trong ngõ Chân Hưng, gần ga Hàng Cỏ Chỗ này cũng gần ngay Sở Mật Thám Hà Nội. Trừ đi học ra, tôi tránh không gặp mấy

anh em sinh viên đã vào đảng, cũng không đến toà báo nữa.

Nhưng, nhanh hơn chúng tôi đoán, tai họa đã đến ngay. Một hôm, vừa ăn cơm chiều xong, thì bỗng có người gọi tôi xuống đường, ra chỗ vắng, và báo tin là Pháp đã bắt đầu khủng bố. Ba anh Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí đã bị bắt. Về anh Nhất Linh, thì không có tin tức gì, cũng không biết ở đâu. Lúc đó, chỉ biết tin có thêm vài anh em bị bắt. Mọi người cần tạm lánh đi nơi nào kín đáo, rồi sẽ tìm cách liên lạc sau. Qua một đêm không ngủ, sáng sau tôi không đến bệnh viện tập sự nữa -bệnh viện Phủ Doãn- mà đi liên lạc xem tình thế xác thực ra sao. Cũng mừng, là vì một số lớn đảng viên trí thức, công chức hay sinh viên vẫn chưa việc gì.

Bọn mật vụ có tới khám xét tòa báo, nhưng ở đó không có tài liệu nào về tổ chức bí mật. Báo tất nhiên phải đình chỉ. Công việc nhà xuất bản, nhà in do anh Thạch Lam điều hành. Anh không dính dấp gì tới công việc chính trị, nên cũng không lo ngại lắm.

Dựa trên tin tức lượm được, và phán đoán trên tình thế, chúng tôi cho rằng tuy bọn Pháp trong tay có tài liệu, nhưng cũng không muốn làm to truyện quá, không có lợi khi quân Nhật vừa tới, nên chỉ bắt mấy người xuất đầu lộ diện để dẹp phong trào và ngăn ngừa người Việt nam tiếp xúc với Nhật.

Tuy vậy, tình hình vẫn cấp bách. Tôi lánh đi ra ngoại thành, tạm trú ở nhà một người bạn, trong một làng nhỏ gần Đại Từ trên con đường đi Văn Điển. Ngày ngày chỉ có việc đọc tiểu thuyết cùng đánh cờ tướng với ông cụ thân sinh anh bạn. Không thấy có gì lạ sau một thời gian, tôi lại trở về nhà trọ. Một buổi sáng, tôi đến nhà thương, bị mọi người xúm xít hỏi vì sao mất tích mấy hôm. Có cô y tá hóm hỉnh hỏi: Nghe nói, quan về nhà quê cưới vợ, phải không? Nghe tiếng gọi quan, đương buồn bực, tôi cũng phải bật cười, cố đáp:

- Quan muốn lấy vợ lắm, nhưng tiếc rằng chẳng có ai muốn lấy cả. Một buổi tối sau, có người lên gác trọ tìm tôi. Nhìn rõ, mới biết là anh Dương Đức Hiền. Chúng tôi vui mừng xiết tay nhau. Hiền, ngăm ngăm đen, rất tráng kiện, cứng cáp, tính tình thẳng thắn, được bạn hữu mến. Cả hai đều chưa bị khó dễ. Anh Tam vẫn mất tích. Sau có tin báo là anh đã trốn ra ngoài nước, đi Quảng Châu. Hai chúng tôi đồng ý tạm thời hãy nằm im, xem tình thế biến chuyển ra sao.

Tình thế hầu như tuyệt vọng. Tổ chức gần như tan rã. Song chúng tôi cũng vẫn cố gắng giữ những đường giây liên lạc bí mật. Sự kiện này đã dạy cho chúng tôi một bài học đáng cay, và cũng mở mắt cho những người chỉ trông mong vào ngoại bang, nhất là vào một đế quốc quân phiệt. Một kinh nghiệm xương máu. Đối với tôi, đây là kỷ ước thấm thía đầu tiên, không bao giờ quên. Tôi mang máng thấy rằng, một sự nghiệp lớn không thể chỉ có sốt sắng và dấn thân mà có thể làm thành. Cách mạng là cả một khoa học, và cần học hỏi không ngừng nếu không muốn thất bại.

Một sự bất ngờ nữa, sáng hôm sau, đợi tôi ngay cửa phòng cấp cứu bệnh viện Phủ Doãn. Theo tin riêng, chúng tôi đã biết tình hình của anh Long anh Khái Hưng và anh Gia Trí, bị giam trong sở Mật Thám. Các anh bị tra tấn tàn nhẫn, kể cả bằng roi điện. Tìm cách lung lạc mấy tên mật thám người Việt, nhưng không ảnh hưởng nổi mấy tay mật thám đầu sỏ Pháp để cứu các anh em.

Tôi vừa mặc áo khoác, đến cửa phòng cứu cấp thì thấy hai người y tá đẩy một xe cáng tới, trên nằm một người bệnh không trông rõ mặt... Nhưng một điểm khiến tôi chú ý, là đi sau xe cáng, có hai người đàn ông mặc quần áo thường đi kèm sát tù nhân? Bất giác, tôi đi theo xe vào trong phòng. Đầu tóc bệnh nhân cắt ngắn, lờm chờm. Tôi bỗng rợn mình. Bác sĩ thường trực đã đến khám. Người

bệnh quay mặt lại. Hai luồng mắt người đó và của tôi chạm nhau. Lại là tôi còn tự kiềm chế được, không thốt lên tiếng nào, vì đó chính là anh Gia Trí! Dù có thay đổi thế nào, tôi cũng nhận được ra anh, tóc lờm chờm, bộ râu quai nón. Đôi mắt trong và xanh như mắt mèo của anh nay lờ mờ, mệt mỏi như mắt hờn. Tôi nén sự xúc động của mình, cố giữ tự nhiên, giúp bác sĩ, xem những vết thương do tra tấn của anh. Bề ngoài, những vết thương ấy không sâu, nhưng vết thương do điện thực ra ảnh hưởng sâu xa tới thần kinh và tinh thần của kẻ bị hại. Mỗi khi bị tra tấn, tù nhân buốt rùng khắp mình, đầu óc đau rức, mắt choáng lên một cách ghê sợ, rú lên một cách thê thảm. Cũng may, hai tay hộ tống không biết tôi là ai, và cũng không ngờ vực gì. Bác sĩ bảo tôi băng bó. Đây là một dịp tốt vô cùng, có thể trao đổi bằng ám hiệu. Rất mừng là thấy anh tinh thần vẫn còn vững.

Lần sau, anh tới băng bó, thừa dịp, anh dứt nhanh cho tôi một mảnh giấy mỏng. Nhờ đó, ở ngoài chúng tôi biết rõ tình hình các anh em ở trong, và ngược lại.

Ít lâu sau, chúng tôi được tin một số anh em, trong đó có Hoàng Đạo, Khái Hưng, Gia Trí đã bị giải đi tập trung tại Hoà Bình, cùng với một số người trong các tổ chức khác. Một nhiệm vụ khó khăn đè nặng trên vai chúng tôi là vận động để các anh em được chóng tha về.

Tôi và anh N.L đảm nhiệm việc tiếp xúc với đại diện của Nhật bản ở Hà Nội. Viên Công sứ Nhật này đóng ở ngay Viện Nghiên cứu quang tuyến phóng xạ (radium) bên phố Trường Thi. N.L biết tiếng Nhật và quen thuộc với một số người Nhật trong đó. Ngồi đợi một lúc, thì được đưa vào bàn giấy ở trong. Viên Công sứ độ khoảng năm mươi tuổi, để râu mép -nhiều người Nhật để râu lối ấy- và cũng

như nhiều người Nhật, quần áo âu phục nhưng xấu sếch, lồi thối. Bề ngoài thì hẳn ta cũng chăm chú nghe nói, nhưng thỉnh thoảng lại đứng lên, đi tới một cái lồng chim treo bên cửa sổ, ngắm nhìn hai con bạch yến nhảy đi nhảy lại. Sau rốt, hẳn hẹn sẽ nghiên cứu và tìm cách giúp đỡ các người bị bắt.

Lúc ra ngoài, N.L. và tôi nhìn nhau, nhếch mép cười. Ấn tượng sâu sắc nhất của chúng tôi về buổi gặp mặt đó có lẽ là hai con chim ở trong lồng. Và kết luận không ai nói ra, là chỉ nên trông mong ở mình mà thôi. Cứu tinh Nhật bản miệng nói lớn giúp đỡ các dân tộc bị trị á Châu, nhưng mặc nhiên để cho đế quốc Pháp tiêu diệt khủng bố những người yêu nước Việt nam. Đó là thực tế.

Khỏi cần nói, một bầu không khí lo buồn trùm lên gia đình. Vì mấy anh bị bắt, anh Tam đã lưu vong, bốn ba nơi hải ngoại, biết ngày nào mới trở về? Anh em còn lại, toà báo, đều bị mật thám theo dõi gắt gao.

Duy trì nhà báo và nhà xuất bản, do anh Thạch Lam gánh vác: anh Hoàn giúp việc quản trị. Thạch Lam là một nhà văn giàu tình cảm, nhưng không phải là một nhà kinh doanh tháo vát. Anh Tú Mỡ, Thế Lữ và tôi cố hỗ trợ phần nào. Không còn tờ báo nữa, thì xuất bản sách cũ hay nhận in sách mới để duy trì cơ sở và đồng lương tối thiểu cho các nhân viên.

Lúc này, trên thế giới, cuộc đại chiến đã bước vào một giai đoạn gay go và tàn khốc, Anh, Pháp, Liên Xô đã kết đồng minh với nhau để chống lại tử thù Đức, ý đương hung hăng. Quân Đức đã tiến sâu vào nội địa Liên Xô, uy hiếp thành phố Stalingrad, và bao vây Mạc Tư Khoa, Leningrad. Quân Nhật đã tiến xuống miền Đông Nam á, rồi tấn công Cảng Trân Châu, tại Hawaii, Hoa Kỳ, và do đó, Mỹ bắt buộc phải tuyên chiến với Nhật. Khói lửa tung trời đã lan đến chung

quanh Việt nam. Mệnh vận của toàn nhân loại sẽ ra sao? và của các dân tộc nhỏ yếu ở Đông dương sẽ ra sao? Quân Nhật và quân Đồng minh có sẽ xâu xé nhau trên ngay cõi đất này không? Máy bay Hoa Kỳ chẳng đã bắt đầu bay lượn trên bầu trời Hà Nội?

Nhưng trên đường phố Hà Nội, bên cạnh mấy tên cảnh sát Pháp, và thỉnh thoảng vài tên lính Nhật ngạo nghễ, người dân Việt vẫn phải làm ăn, sinh sống. Hàng Đào, hàng Ngang vẫn còn tấp nập người đi dạo vỉa hè, trên bờ hồ Gươm, những cô gái yếu điệu vẫn đơn đả chào mời khách qua đường ghé vào ăn kem.

Trong tâm lý hoang mang trước tình thế, người Việt nam sẽ phản ứng ra sao?

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 15

Thạch Lam qua đời

Mỗi lần về sau, có dịp rẽ xuống con đường gạch đưa vào làng Yên Phụ, là mỗi lần bóng dáng người anh cao, gầy trong bộ âu Phục cũ, với cái mũ dạ xám bốn mùa, từ tốn bước chân lại hiện ra trước mắt. Nếu so về thông minh và tài hoa thì có lẽ anh hơn cả mọi người trong gia đình. Nhưng nếu về sức khỏe thì từ ngày làm báo trở đi, mỗi ngày một sút kém. Có người cho rằng, khác với anh em, anh đã bước vào một cuộc sống lãng mạn, phóng túng hơn, ra ngoài quy củ thường tình, cũng giống như một số văn nghệ sĩ thời ấy. Có thể anh đã tiếp xúc với nhiều tầng lớp, nhất là tầng lớp dưới trong xã hội. Đáng buồn nhất là anh đã mắc nghiện thuốc phiện.

Có lẽ chính vì thế mà anh có những cảm xúc riêng, và tác phẩm của anh có một phong cách riêng, bình dân, giản dị và đầy lòng trắc ẩn, đồng tình với những con người nghèo khổ hơn là những truyền của Nhất Linh, Khái Hưng. Mai hay Lộc trong Nửa Chừng Xuân hay Loan, Dũng trong Đoạn Tuyệt, dù sao cũng là con cái những gia đình khá giả, hay quan lại. Nhưng nhân vật người phu xe già trong một truyện ngắn của Thạch Lam làm cho người ta rung động sâu xa, thấm thía hơn. Và ngay trong phóng sự Hà Nội ban đêm cùng viết với Trường Khanh, tình trạng chân thực của những kẻ bất hạnh, sa ngã, trụy lạc đã làm cho độc giả thông cảm và đồng tình dưới ngòi

bút đầy tình cảm. Tôi còn nhớ hai câu Kiều lấy trong đó:

Liều bỏ nắp bóng cây tùng,

Thuyền quyền còn đợi anh hùng... lĩnh lương

Đời sống gia đình anh thực là thanh bạch, anh vẫn giữ được phẩm cách không màng danh mang lợi chung của gia đình. Vài tấm phản, mấy chiếc ghế đơn sơ, một bàn làm việc là tất cả gia sản của nhà văn.

1941, gia đình, anh em tan tác. Chỉ có bên anh Cả là yên ổn một chút, nhưng lại quá đông con, cũng vất vả. Anh Hai vẫn làm tại nông trường ở Bolovens, bên Lào. Đôi khi, chúng tôi lên biệt thự Hồ Tây để mượn rượu giải sầu, và riêng tôi cũng để né mắt bọn mật thám.

Bạn rượu thường xuyên nhất là Đình Hùng, Huyền Kiều và tôi. Nếu trong túi có được ít tiền, thì mua ít đồ nhắm lên theo. Song Đình Hùng lúc nào cũng thấy nghèo kiệt xác xơ, Huyền Kiều may mắn thỉnh thoảng được gia đình tiếp tế. Thịnh soạn nhất là khi nào chị Thạch Lam tìm được con cá chắm tươi vừa đánh lên, hay một khúc thịt cày, thêm vào có bia, hay chút rượu Văn Điển. Nấu xong, mấy anh em ngồi vừa nốc rượu vừa ngâm thơ để chờ trăng lên, nhìn ánh trăng xen qua lá liễu chiếu xuống mặt nước. Tuy không đến nỗi say túy lúy nhưng cũng ngây ngất, mặt Đình Hùng thì tái xanh, mà Huyền Kiều thì mặt đỏ hơn gấc, chưa uống cũng đã phải chịu phạt rồi. Thạch Lam thì không dám uống nhiều, mà tôi cũng vậy. Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng theo chị tôi kể. Tết năm đó, trời lạnh, anh về tới Cẩm Giàng là cần ngay một hỏa lò than hồng để sưởi. Có chăn và nệm hần hơi mà anh vẫn kêu rét. Sau phải đốt một đồng củi lớn ở giữa nhà, trải ổ rơm chung quanh, mọi người ngồi đánh bắt đề đợi giao thừa. Khi cả nhà ngồi vào mâm để uống rượu mừng năm

mới, anh có vẻ buồn, lặng lẽ ngồi nhìn khói trầm tỏa lên cao. Đó là cái Tết cuối cùng của anh.

Những giây phút như thế cũng không kéo dài được bao lâu. Căn bệnh phổi quái ác đã dần dần gặm nát cơ thể anh. Tôi giục anh đi khám bệnh và chụp lại phổi. Tấm ảnh quang tuyến X của anh khiến tôi và người bạn cùng lớp, anh Đ. phải giật mình. Nhưng thời đó chưa phát minh được thuốc chữa bệnh lao có hiệu quả. Muốn đưa anh đi Đà Lạt dưỡng bệnh, nhưng ông giáo sư khoa truyền nhiễm không đồng ý, sợ bệnh tăng kịch. Ông khuyên nên tĩnh dưỡng và cai nghiện, uống thuốc. Bắt buộc, tôi phải thay anh trông nom việc xuất bản dù còn đương đi học, và luôn luôn đến thăm anh. Chị Sáu lại có mang đứa con thứ ba. Mặc dầu mọi người trong gia đình tận lòng săn sóc, bệnh tình của anh cứ nặng dần. Sang giữa năm sau, đã có lúc anh không đủ sức trở dậy, ra ngồi bên thềm nữa. Mẹ tôi từ quê lên cùng chị Thế giúp săn sóc hai đứa trẻ thơ. Tình trạng ngày càng xuống. Anh đã bắt đầu tức thở, thường thường phải ngồi dậy, dựa vào mấy chồng gối. Một hôm anh hỏi tôi:

- Tôi hút thuốc lại có được không, chú! - Tôi chỉ im lặng gật đầu, rồi quay mặt đi.

Đến một ngày tháng 7 năm 1942, hơi thở của anh lả dần, đôi mắt đã hơi lờ mờ. Mẹ tôi, vợ con anh, anh Cả, chị Năm và tôi đều đứng chung quanh giường. Đến gần trưa, anh vẫn tỉnh táo nhưng không nói ra được tiếng nữa. Anh tự biết sắp đi đến tận cùng con đường mình đi. Ai nấy đều muốn khóc, nhưng không ai khóc ra tiếng. Run tay, tôi tiêm một ống thuốc cường tâm cuối cùng, thì anh bỗng mở to mắt ra hiệu cho mọi người đỡ anh ngồi dậy. Mẹ tôi ngồi đằng sau đỡ anh lên. Nhưng không còn ảo tưởng gì nữa. Thấy vợ khóc, theo lời chị tôi thuật anh còn đủ sức nói anh đã chết đâu mà khóc. Nhưng

lúc đó, thú thực, tôi cũng không nghe thấy gì. Không bao giờ tôi quên được Cảnh tượng lâm chung của người anh ruột thân yêu đồng thời cũng là người anh trong sự nghiệp văn bút.

Anh đưa mắt lơ đãng nhìn mọi người như muốn nói lên một điều gì trước khi từ biệt. Hình như anh gọi tên tôi, tôi nghe không rõ. Bỗng anh nấc lên một tiếng, lên cơn suyễn rồi hai mắt nhắm lại. Hơi thở cuối cùng của nhà văn Thạch Lam đã dứt. Anh ngã về đằng sau, rồi dưới sự nâng đỡ của mẹ và vợ, anh nằm xuống giường, hai chân đã duỗi thẳng. Người anh thân yêu đã vĩnh viễn bỏ cuộc đời khi mới ba mươi ba tuổi. Trong những tiếng khóc thê thảm chung quanh, muốn tránh nhìn lại anh, tôi vội bước ra ngoài cửa, mặc hai giòng nước mắt tuôn trên hai má. Chưa bao giờ tôi khóc nhiều như hôm ấy. Vài hôm sau, chúng tôi im lặng đi sau xe tang, đưa anh đến nghĩa địa Hợp Thiện, gần Ô Đống Mác, nơi đã chôn chị Cả đầu tiên và những người trong họ. Mọi người đã ra về, tôi còn ngồi lặng bên mộ anh rất lâu, dưới rặng cây âm u, nhưng nỗi thương cảm về cái chết đầu tiên trong anh em bấy người, cũng như về bao xa cách, biệt ly - làm sao có thể khuây khoả được. Anh là nhà văn giàu tình cảm nhất trong giòng họ Nguyễn Tường, nhưng lúc nào anh cũng cố gắng để vượt qua mọi khó khăn. Trong một cuốn sách tặng anh, nhà văn Lê Văn Trương có đề Tặng anh Thạch Lam, một nghị lực phi thường trong một thân thể còm cõi.

Tôi tin chắc rằng Thạch Lam đã được người đời chấp nhận và đã có một vị thế xứng đáng trong lịch sử văn học Việt nam, sau một cuộc đời quá ngắn ngủi và đầy thương cảm. Trong những ngày khó khăn, tan rã, cái chết của Thạch Lam đã để lại một vết thương không gì hàn gắn nổi. Trong lo buồn, tôi đứng ra làm giám đốc nhà xuất bản Đời Nay, lại vừa tiếp tục đi học năm thứ năm trường Thuộc. Ngoài

ra, còn phải lo việc trong nội bộ tổ chức chưa bị phá vỡ liên lạc với ngoài nước. Thi cử đối với chúng tôi, đã không phải là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Với thời cục chuyển biến mạnh mẽ, phe Đức ý bắt đầu suy thoái ở Âu Châu, quân Nhật gặp nhiều khó khăn tại Trung quốc và Á châu. Máy bay Mỹ luôn luôn đe dọa bầu trời Việt nam. Người Việt cảm thấy không chóng thì chày sẽ bị cuốn vào trong một luồng thác lũ.

Những đợt sóng kinh hoàng sẽ đến sớm hơn là người ta tưởng. Do biệt ly, tang tóc, thời đại hoàng kim của nhóm Tự lực văn đoàn - Ngày Nay, và do thời thế đã khác nên đã đi qua rồi, không bao giờ trở lại nữa. Các nhóm văn nghệ khác cũng dần dần suy đồi theo thời gian.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 16

Trước cơn bão táp - Giai Phẩm

1943, đời sinh viên của tôi sắp kết thúc, nhưng kết thúc trong bị thương, lo buồn. Các bạn học của tôi miệt mài ứng phó thi cử, tôi cũng miễn cưỡng quá quan, thành tích không mấy đẹp đẻ. Các bạn đều thông cảm với tôi, giúp cho tôi thêm can đảm để bước lên con đường đã chọn.

Lớp học của tôi, từ hơn ba mươi người nay chỉ còn mười mấy người. Một tổ đã bỏ học. Có hai bạn đã sớm qua đời, mà lạ, cả hai đều vì chết đuối. Anh X. thì tại Hồ Tây, do từ thuyền bơi nhảy xuống hồ bơi, bất hạnh chìm xuống dưới mắt của ngay người em ruột. Anh rất xuề xòa, vui tính, và rất thích nói chuyện với tôi. Tôi còn nhớ ngày hôm qua, lúc buổi sáng hôm đó, sau khi được vớt lên, anh nằm trên bãi cỏ xanh, mặt ngửa như nhìn lên trên trời, ngay trước cổng đền Quan Thánh. Tôi đứng lặng bên anh, rất lâu, nghĩ tới những người thân của anh từ miền Trung ra. Rồi, sau đó, tất cả đều lặng lẽ đi sau quan tài, đưa anh tới nơi yên nghỉ cuối cùng.

Gần đến tốt nghiệp, lại thêm một bạn học, anh Bửu... đáp tàu thủy không may, tàu đắm. Từ đó, không bao giờ tôi gặp lại mặt anh nữa, một người bạn thẳng thắn, hiền hậu.

Trong thời kỳ tạm coi nhà xuất bản, chúng tôi cho in ra mấy cuốn sách mới. Cuốn Bạch Tuyết và bảy thằng lùn do Tú Mỡ soạn bằng

thơ, in màu rất đẹp, là một cuốn có giá trị nghệ thuật.

Ngoài ra, một số sách Hồng cho trẻ em đọc. Còn có thơ của Hồ Dzếnh và Vũ Hoàng Chương:

Tôi còn nhớ mấy câu thơ của Hồ Dzếnh:

Trời đẹp như trời mới tráng gương,
Chân sim bóng nắng rợn ven đường.
C6 ai bên cửa ngời hong tóc,
Cho chảy lan thành một suối hương.

Và tôi cũng xúc động trước hai câu của Vũ Hoàng Chương, trong một bài bát cú:

Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết?
Một ván cờ thua, ngả cuộc đời.

Nhưng chưa bao giờ tôi hỏi anh viết hai câu đó có phải để khóc Thạch Lam không? Vũ Hoàng Chương, một người cao, gầy, nho nhã trong bộ áo dài Việt nam, hôm đó đến gặp tôi ở toà báo. Anh đưa tôi bản thảo cuốn Mây và muốn tôi cho ý kiến.

Sau đó, nhà xuất bản đồng ý in ra cuốn ấy.

Bây giờ, cũng như Thạch Lam, Bằng Bá Lân sau này, và Đinh Hùng, Thế Lữ, Xuân Diệu, anh cũng đã thua ván cờ của anh trong những trường hợp bi ai.

Ồi! những bạn văn thơ thương mến của tôi, nay ở đâu? Cũng vì ý kiến của anh, cùng với các anh Thế Lữ, Nguyễn Tuân, mà chúng tôi thấy nên cho ra đời một tuyển tập gồm sáng tác của những nhà văn hồi đó. Tập này, như nhiều người biết, đặt tên là Giai Phẩm, có đủ thơ, truyện ngắn, bình luận. Tôi có viết một tuyển ngắn trong đó, đầu đề là Tha hương miêu tả về cảnh ngộ phúc tạp giữa cái sống và cái

chết tại một bệnh viện, và ảnh hưởng tới tâm tư của người sinh viên. Vì quá bận rộn, bôn ba và đầu óc đã khô héo, chính tôi cũng quên bằng mắt. Điều không ngờ là hơn bốn mươi năm sau, khi đã di dân sang Hoa Kỳ, còn có nhiều bạn tôi chưa hằng quen biết, lại nhắc tôi truyện đó, nhắc tới triết lý về nhân sinh bằng bạc trong đó. Các bạn đó cũng tiếc cho tôi không viết nhiều hơn.

Nhiều anh em muốn theo đuổi sự nghiệp văn chương đến cùng. Song hoàn ảnh không cho phép ngồi yên, cũng không còn tâm hồn thanh thoi để sáng tác nữa. Về sau, nếu có viết, thì lại chuyển sang mặt khác: viết bình luận xã hội, chính trị, vì nhiệm vụ, và chính tôi, nhiều lúc nghĩ lại, cũng thấy tiếc.

Nguồn thơ của Thế Lữ có lẽ đã gần cạn. Anh quay sang nghề kịch. Thế Lữ có tài đa dạng: làm thơ, viết truyện, viết báo, làm kịch. Với sự cộng tác của một số nghệ sĩ trẻ, anh lập ra ban kịch Thế Lữ. Ban kịch dọn tới bên cạnh đầm Sét, thuê một căn nhà gỗ năm gian cao ráo, trước sau đều có đất rộng rãi. Trụ sở ban kịch lại thành ra chỗ tập hợp của nhiều văn nghệ sĩ. Đặc biệt là sau khi quân Mỹ bắt đầu phái máy bay đến oanh tạc Hà Nội, lại càng nhiều người kéo nhau xuống tránh nạn. Có thể đạp xe, hay đi xe điện, rồi đi bộ tới đầm Sét. Đầm này rất dài, có thuyền chở vào trong, giữa hai rặng cây và những mái nhà thấp thoáng, rất nên thơ. Tránh bom ở đây, lại được xem các kịch sĩ luyện tập. Máy vở kịch đóng xong như Kinh Kha, hay Tục Lụy -truyện nàng tiên xuống trần gian- do Khái Hưng soạn thơ, sau này diễn tại nhà Hát Lớn, rất được hoan nghênh.

Mỗi khi có báo động, mọi người đều chạy ra vườn ngắm nhìn máy bay tới. Một cảm giác hiếm có trong đời là khi nằm ở đằng sau nhà, giữa những gốc dâu thưa, ngửa mặt nhìn lên bầu trời xanh ngắt. Một lúc, tiếng vang ầm ầm, mấy chiếc oanh tạc lớn từ từ bay ngang

trên đầu, chung quanh nhào lộn những chiếc chiến đấu cơ nhỏ nhanh như con cắt. Chúng tôi ai nấy đều nín thở, nhưng mãi khi máy bay tiến tới thành phố mới nghe tiếng pháo cao xạ nổi lên, đạn nổ như những bông hoa trắng chung quanh máy bay. Sau đó, là tiếng bom nổ ầm ầm trong thành phố, mang đến tử thương cho người dân vô tội, nhưng thường không gây thiệt hại gì nặng cho quân Nhật. Chiến tranh, ly loạn, nhưng người ta vẫn phải sống, vẫn phải làm ăn, yêu đương. Bệnh viện buồn tẻ thực, nhất là về đêm. Song lại là nơi xe mỗi tình duyên của nhiều đôi lứa. Không nói đâu xa, ngay trong lớp học chúng tôi, ít ra cũng có hai bạn đã tìm thấy hạnh phúc. Một là anh Đ., anh chàng người miền Trung, trắng trẻo đẹp trai lại học giỏi, một sinh viên mẫu mực. Và một là anh C., chăm chỉ, học giỏi, sốt sắng về công việc chung. Cả hai đều có tài năng, sau này đều giữ chức vụ cao trong ngành y tế chỉ khác là một ở miền Nam cộng hoà, một ở miền Bắc cộng sản, và giống nhau ở chỗ đều có bạn trăm năm cùng trong nghề. Anh Đ. nay sống ở Hoa Kỳ, nhưng anh C. đã ra người thiên cổ.

Còn câu chuyện của tôi lại khác. Tôi không phải là một sinh viên mẫu mực, cũng sống một cuộc đời hơi khác. Và cuộc gặp gỡ giữa tôi và Liên cũng hơi đặc biệt. Một hôm, tại nhà thương Phủ Doãn, khi đi theo giáo sư khám các phòng, tôi bỗng để ý tới giữa đám sinh viên, một cô gái nhỏ nhắn, mặt tròn trĩnh với đôi mắt ngây thơ. Tuy cũng mặc áo khoác trắng, nhưng xem ra cô chỉ độ hơn mười lăm tuổi. Làm gì có sinh viên nhỏ tuổi như vậy? Mà xem ra, cô rất tự nhiên, hình như quen thuộc với cả mọi người ở đây.

Sau tôi mới biết cô là con một gia đình Hoa Kiều, bố là người Hoa, mẹ người Việt. Mẹ cô mắc bệnh nằm nhà thương khá lâu, cô thành ra một người khách đặc biệt. Với tính tình hồn nhiên còn trẻ con,

mọi người đều coi cô như em gái nhỏ, đặc biệt sau khi bà mẹ từ trần. Hai người thân nhất trong đời cô là bà ngoại và mẹ đã kế tiếp nhau ra đi, ông bố lại ở xa, nên cô học trò trường trung Học Trung Hoa thường chạy vào nhà thương chơi, có khi theo bác sĩ đi vào các phòng bệnh. Rất tự nhiên, có lẽ vì tính tình cởi mở giống nhau, chúng tôi thích nói chuyện với nhau, rồi trở nên bạn thân. Liên coi tôi như người anh lớn thông cảm với cô trong tình trạng cô đơn. Gia cảnh đau buồn khiến cô có những ý tưởng mới về vai trò bình đẳng tự lập của phụ nữ.

Với tư tưởng ái quốc, trong tuổi còn nhỏ, cô dấn thân vào phong trào học sinh Hoa kiều chống Nhật bản xâm lược, và đã bị quân Nhật bắt giam cùng với một số thanh niên khác. Trong hoàn cảnh tù tội ác liệt, lại bị tra vấn nghiêm ngặt, qua một thời gian cô mới được thả ra nhờ vận động của các giới. Cùng ở trong cảnh ngộ, để tìm khuây khoả, tôi và những bạn học của cô thường đưa cô đi những nơi thắng cảnh, như chùa Hương, chùa Trầm, Phật Tích. Không rõ từ lúc nào, tình bạn hay tình anh em đã đổi thành cảm tình khăng khít, mặc dầu có những cách biệt về bối cảnh xã hội. Chúng tôi cảm thấy không thể rời xa nhau được nữa, tuy tương lai vẫn còn bất định. Không nói ra, nhưng chúng tôi đã ngầm ước hẹn sẽ chung sống với nhau mãi mãi.

Liên lại là một người cộng tác đắc lực trong việc làm báo Bình Minh, báo Ngày Nay bộ mới sau này, sau khi Nhật bản đảo chính quân Pháp, về việc thu lượm tin tức các nơi và thông dịch tài liệu cần thiết. Trong lúc đó, cô vẫn sống rự lập bằng nghề dạy học. Nhưng, dù có giàu tưởng tượng thế nào đi nữa, cô cũng không thể biết trước vận mệnh sẽ lôi cuốn mình vào một con đường kỳ lạ không ai nghĩ tới.

Cho tới về sau này, tới những ngày nguy nan, những ngày lưu vong đầy khó khăn, trắc trở, chúng tôi bao giờ cũng vẫn là bạn đồng hành cùng chung chí hướng, khuyến khích lẫn nhau vượt qua mọi sóng gió.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 17

Bắt đầu nổi g1ó

Hoàng đạo, Khái Hưng, gia Trí được thả.

Việc kết hợp giữa Việt nam quốc dân đảng và Đại Việt dân chính

Nếu Cho rằng những ngày tháng 8-1945 đã quyết định mệnh vận Việt nam trong nửa thế kỷ sau, thì cũng nên nhận rằng những ngày từ 1940-1945 đã có ảnh hưởng rất lớn. Vì chính trong thời kỳ này, không những cục thế toàn cầu đã thay đổi mà xã hội Việt nam cũng đã biến hoá. Hai đế quốc, Pháp và Nhật vẫn còn đó, còn cấu kết với nhau, nhưng nội bộ hàng ngũ đấu tranh cho độc lập dân tộc đã dần dần chia thành hai phe khác nhau, và đối địch lẫn nhau. Một tiến trình, mà ngày nay xét lại, không thể đảo ngược được.

Hồi tưởng lại những năm đó, nhiều thanh niên đầy nhiệt huyết nhưng chưa đủ khả năng nhìn rõ sự thực, đã bị lôi cuốn vào trong giòng thác lũ như những chiếc lá rơi, mà không biết sẽ đi tới đâu

Mấy anh Hoàng Đạo, Khái Hưng, Gia Trí vẫn còn bị tập trung tại Vụ Bản, Hoà Bình. Theo tin tức nhận được, anh Tam đã qua Hồng Kông rồi đến Quảng Châu. ở đây, anh được mục kích những cảnh tàn bạo do Hoàng Quân Nhật gây ra đối với dân chúng. Anh hiểu rằng Nhật không có thực tâm giúp đỡ các nước á Châu độc lập, mà chỉ lợi dụng họ để giành thắng lợi trong chiến tranh và mở rộng phạm vi quyền lực của đế quốc. Do đó, anh và anh em quyết tâm dùng phương pháp quyết liệt, thoát khỏi sự kiềm chế của Nhật bản

và tay sai. Anh em rời Quảng Châu chạy tới Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Chỗ này quân của Tưởng Giới Thạch còn giữ được. Tưởng chỉ huy ở đây là Trương Phát Khuê, tư lệnh chiến khu số bốn, Trương được chỉ định nắm việc liên lạc, tiếp xúc với những nhà cách mạng Việt nam, với sự phụ tá của tướng Tiêu Văn, chủ nhiệm bộ chính trị quân khu. Trương và Tiêu là hai nhân vật có ảnh hưởng mạnh tới cục thế Đông dương.

Nhưng, vừa sang tới đó, vì từ khu Nhật chiếm đến, anh bị hoài nghi là phản tử thân Nhật, nên bị tổng giam vào ngục. Liễu Châu lúc đó cũng là nơi tập trung của nhiều người Việt đấu tranh Việt nam. Tháng 10 năm 1942, một tổ chức kết hợp người Việt lấy tên là Việt nam cách mệnh đồng minh hội được thành lập, với đại diện của Việt nam quốc dân đảng, Phục Quốc, Việt nam Độc lập đồng minh hội (Việt minh), và một số không đảng phái. Chủ nhiệm lúc đầu là Trương Bội Công, và sau đó do Nguyễn Hải Thần thay thế. Anh Tam lúc này lấy tên là Nguyễn Tường Dũng (đúng như tên anh chàng Dũng trong truyện Đoạn Tuyệt, bị giam vào một hang đá gần Liễu Châu...

Một ngẫu nhiên kỳ lạ là trong hang đá ấy, còn một người Việt bị giam nữa, với cái tên là Hồ Chí Minh.

đồng minh hội cử hai anh Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ đến thăm Nguyễn Tường Tam để hiểu rõ lai do. Về sau Hội quyết định yêu cầu tướng Trương Phát Khuê trả tự do cho anh Tam, và cả người Việt cùng bị giam, Hồ Chí Minh, vì đều là người Việt yêu nước phải lựa vong tới đây. Cả hai đều được đưa về hội quán, nhưng không ai rõ Hồ Chí Minh tức là Nguyễn ái Quốc.

Trước đây, Nguyễn ái Quốc đã từng hoạt động ở Quảng Đông dưới tên là Lý Thụy, trợ tá cho Borodine, cố vấn Liên Xô cho đảng cộng

sản Trung quốc trước và sau công xã Quảng Châu. Vào năm 1944 Việt nam cách mệnh đồng minh hội đặt kế hoạch hoạt động trong nước, phái cán bộ về với một số tiền hoạt động, Hồ Chí Minh chủ động nhận nhiệm vụ, lãnh người và tiền về nước, hoạt động ở biên giới Cao Bằng, tiến tới lập căn cứ sau này.

Còn Nguyễn Tường Tam cũng rời Liễu Châu đi Côn Minh, sau khi bộ Tư Lệnh Quân khu 4 phải rút về gần biên giới Việt nam. Tại đó, anh bắt đầu hợp tác với Vũ Hồng Khanh cùng Hải ngoại bộ Việt nam quốc dân đảng, cùng liên lạc với trong nước. Một hôm, tại địa điểm liên lạc bí mật, một anh em ở ngoài về đưa cho tôi một lá thư nhỏ viết trên giấy mỏng. Đúng là chữ của Nhất Linh, những chữ viết lăn tăn nhỏ tí như dính với nhau. Trong thư chỉ có mấy hàng, anh vẫn được yên ổn khoẻ mạnh, buôn bán làm ăn khá hơn trước, đừng lo. Nhưng thế là đủ rồi, sau khi biệt tích hơn hai năm. Mọi người trong gia đình, các bạn hữu đều vui mừng khi biết anh còn yên ổn. Lúc ấy, lại thêm một tin mừng: các anh Long, Khái Hưng, Gia Trí và một số anh em khác được thả về, nhưng bị quản thúc. Có lẽ bọn Pháp thấy không nên quá ư hà khắc, cần phải lấy lòng giới trí thức người Việt. Tuy trông gầy yếu và xanh xao, nhưng cũng còn đều khoẻ mạnh. Bộ râu rậm của anh Gia Trí đã mọc tua tủa hơn trước.

Nghỉ ngơi một thời gian, anh em lại bắt tay vào việc. Anh Khái Hưng chuyên trông coi nhà xuất bản, nhà in. Còn anh Hoàng Đạo và tôi kiêm về việc liên lạc trong, ngoài.

Một sự kiện quan trọng khiến chúng tôi phấn khởi, đó là việc kết hợp giữa Đại việt dân chính đảng và Việt nam quốc dân đảng. Tại Côn Minh, Nguyễn Tường Tam đã thoả thuận cùng Vũ Hồng Khanh về việc này. Hải ngoại bộ Việt nam quốc dân đảng đã đồng ý. Anh em ở ngoài đều chấp thuận việc bỏ danh xưng Đại việt dân chính, có

nghĩa là chỉ dùng tên Việt nam quốc dân đảng.

Chỉ còn cần ý kiến của đảng bộ trong nước. Quyết nghị được do một anh em theo đường Hà Giang qua biên giới, về tới Hà Nội giao cho chúng tôi. Trong một buổi họp giới hạn, toàn thể chúng tôi chấp thuận. Từ đó, không còn danh xưng Đại việt dân chính nữa. Về sau, có nhiều sách ghi chú tới năm 45, có đại diện Đại việt dân chính trong các hội nghị đảng phái hay trong Chính phủ là không đúng sự thực, có thể vì việc kết hợp này không tuyên bố công khai.

Các anh em dân chính tán thành việc này, một phần cho rằng Việt nam quốc dân đảng có chính danh và uy tín để lãnh đạo quốc dân hơn, một phần chủ trương đi với Đồng minh, với phe các nước dân chủ là chính xác. Nhật bản không có thành ý giúp đỡ công cuộc độc lập của Việt nam, và cũng đương thất bại trên mặt chiến trường.

Trên thực tế, tại quốc nội, các anh phụ trách Việt nam quốc dân đảng như Chu Bá Phương, Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Xuân Tùng cũng đồng ý thực hiện việc hợp nhất. Một bộ chỉ huy được thành lập. Song các chi bộ ở dưới vẫn hoạt động riêng trong phạm vi của mình. Công việc chung là đưa một số cán bộ trẻ sang Trung quốc huấn luyện, thiết lập mấy khu bí mật tại biên giới và tại Bắc Giang, Đông Triều, nhưng chưa thành căn cứ võ trang củng cố. Một công tác quan trọng, là tuyên truyền, dấy động quần chúng vẫn chưa được thúc đẩy mạnh, trong khi Việt nam Độc lập Đồng minh hội (tức Việt minh) do đảng cộng sản thành lập đã bắt đầu khai triển tuyên truyền chủ trương chống Pháp, chống Nhật và đặt căn cứ ở Cao Bằng, Bắc Cạn. Sự kết hợp giữa Đại việt dân chính và Việt nam quốc dân đảng là một bước đầu đáng kể, vì Việt nam cách mệnh đồng minh hội chỉ có danh mà không có thực, lại thiếu lãnh đạo. Vấn đề đoàn kết giữa các lực lượng quốc gia từ trước tới nay vẫn là một

vấn đề nan giải. Năm 1944, đứng trước tình thế cấp bách và những hoạt động của Việt minh, các anh em ở hải ngoại có thảo ra một văn kiện nói về việc thống nhất gửi về trong nước, vừa để báo cáo vừa để yêu cầu quốc nội tích cực hành động (nguyên văn đăng ở sau).

Bản này do các vị Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Lý Đông A và một vị nữa không rõ là ai, ký tên, do anh Tam chính tay viết. Về phần cương lĩnh thống nhất các đảng phái, bản văn đưa ra khẩu hiệu một chủ nghĩa, một chỉ buy, và đối ngoại thì muôn mặt

- Một chủ nghĩa, lấy Duy dân chủ nghĩa của Phan Bội Châu (đổi mới).

- Một chỉ huy, một tổ chức.

- Ngoại giao muôn mặt, tùy tiện lợi mà lấy tên riêng, như Việt nam quốc dân đảng ở hải ngoại, Đại việt quốc dân đảng đối với dân chúng trong nước.

- Một lá cờ, một đảng ca.

Về hành động, đề nghị trong nước lập ngay ban Chấp Hành Trung ương, lập các tỉnh đảng bộ, các trạm giao thông, tổ chức một đội cách mệnh nhà nghề v.v.

Bản văn kêu gọi Ngày giờ đã khẩn cấp! Mau lên mới kịp đối phó. Chiến tranh thế giới sắp tới hồi quyết định, sự hưng vong của nòi giống Đại việt ta là ở lúc này đây.

Câu cuối cùng trong bức thư, anh Tam viết: ở ngoài, ở trong cùng hết sức để rồi có ngày kia bắt tay nhau ở đất nước nhà, trong cái không khí tưng bừng của ngày Quốc Hội, ngày đầu tiên của nước Đại việt độc lập. Bức thư này ký tên ngày 12 tháng 1 năm 1945.

Không phải là anh em trong nước không nghĩ đến việc kết hợp thành một trận tuyến chung. Năm 1944, một mặt trận lấy tên là Đại

Việt Quốc gia Liên minh gồm có đại diện Tân Việt nam quốc dân đảng, Đại Việt quốc xã, Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc dân đảng được thành lập. Căn cứ trên tình hình đặc biệt trong nước, Liên minh này có khuynh hướng dựa vào thế lực của Nhật để đánh đổ sự thống trị của Pháp trước đã. Nhưng lúc đó, muốn lợi dụng thế lực của ngoại quốc, trước hết bản thân mình phải có tổ chức chặt chẽ và có lực lượng thích ứng. Các đảng phái quốc gia tuy nhiều, nhưng lực lượng không mạnh, chỉ huy không nhất trí, thiếu sách lược cụ thể và quyết đoán khi thời cơ tới, nên đã bỏ lỡ nhiều cơ hội hiếm có, khiến đảng cộng sản Đông dương, với Mặt Trận Việt minh thống nhất hơn, có hệ thống hơn, đã nắm được thời cơ. Đây là một bài học đáng cay và bi đát không bao giờ có thể quên. Đại Việt Quốc gia Liên minh lại thiếu tuyên truyền mạnh, không ảnh hưởng sâu vào quần chúng.

Đảng cộng sản có nhiều thủ đoạn tuyên truyền để lôi kéo quần chúng. Họ cũng học được một số kinh nghiệm về hoạt động đảng vụ do Liên Xô, Đệ Tam Quốc tế, và Trung Cộng truyền cho. Những người quốc gia hồi ấy đã đánh giá quá thấp đảng cộng sản và thiếu biện pháp để đánh bật ảnh hưởng của đối phương. Trước dân chúng hồ hởi và dễ tin, Việt minh tung ra khẩu hiệu Chống Pháp, chống Nhật có vẻ quyết liệt, hấp dẫn, tung ra tin có Đồng minh ủng hộ, tin đã chiếm được bảy tỉnh miền Tây Bắc, tin nông dân đói nổi lên khởi nghĩa, diệt bọn cường hào ác bá tích trữ lúa gạo... Đồng thời, lại tung ra những lời vu cáo các phái quốc gia, Đại Việt, toàn là thân Nhật, phản động, khiến dân chúng có ấn tượng xấu. Nhiều thanh niên, trí thức đã tham gia vào hàng ngũ Việt minh. Xuân Diệu, Huy cận... trong nhóm Ngày Nay, Tự lực văn đoàn, và ngay Dương Đức Hiền đã trở thành một lãnh tụ đảng Dân chủ, một đảng bung

sung trong Việt minh. Một đảng khác, trong Việt minh, đảng Xã Hội, cũng do một số trí thức, chuyên môn thành lập.. Trong những dịp tiếp xúc bí mật, tôi còn nhớ những khuôn mặt lãnh đạo các đảng phái khác, đặc biệt là của Việt nam quốc dân đảng và Đại việt quốc dân đảng lúc đó còn hoạt động riêng.

Lần đầu tiên, gặp mấy anh em Việt Quốc tại một ngôi nhà nhỏ trong làng Nghi Tàm, nằm bên bờ đê và mặt trông ra một góc Hồ Tây. Nghi Tàm, một nơi quen thuộc đối với thanh niên nam nữ Hà Nội, hay tới đó bơi lội. Trong số anh em đó, một người trạc bốn mươi tuổi, hơi thấp, mặt tròn, để râu mép, đôi mắt rất thông minh, ăn nói chậm rãi, mới trông thoát như một ông thầu khoán, đó là anh Chu Bá Phượng. Anh Phượng trước đã từng làm cho công ty Hỏa xa Vân Nam, giữ việc liên hệ giữa trong và ngoài nước. Tính tình điềm đạm, nhưng bàn luận rất mạch lạc, rất thực tế.

Chúng tôi bàn luận về việc cộng tác và hợp nhất, và đồng ý do anh Phượng phụ trách công tác tổ chức chung. Từ đó, trên thực tế, anh Phượng là nhân vật trọng yếu nhất về nội vụ trong Việt nam quốc dân đảng. Anh Hoàng Đạo chủ yếu nắm công tác đối ngoại và tuyên truyền, vì có uy tín cao trong xã hội. Tôi cũng được may mắn gặp anh em Đại việt quốc dân đảng, đứng đầu là anh Trương Tử Anh, trong một buổi họp cấp cao, tại một căn nhà gần phố chợ Hôm. Anh là một người có dáng vóc trung bình, khuôn mặt vuông, người rắn chắc, đôi mắt đầy vẻ cương nghị và tự tin. Anh nói không nhiều, nhưng mỗi câu đều chắc nịch, có sức thuyết phục. Hai bên đồng ý trên nguyên tắc về việc cộng tác, nhưng chưa đề cập tới việc kết hợp hẳn, vì còn đợi ý kiến của cả quốc ngoại. Một phái đoàn ngoại giao dự bị đi Trung quốc vào đầu năm 1945. Một nhân vật Đại việt quốc dân đảng rất tích cực lúc đó, anh Nguyễn Tiến Hỷ, tự Phan

Trâm, bạn học dưới tôi một lớp, chuẩn bị cầm đầu phái đoàn. Và trong phái đoàn, còn có anh Nguyễn Sĩ Dinh, cùng học một lớp với tôi.

Ngoài ra, còn có mấy anh Nguyễn Tôn Hoàn, Đặng Văn Sung, Phạm Khải Hoàn tức Hy Tống. Nguyễn Tôn Hoàn, Đặng Văn Sung đều là sinh viên y khoa, cùng lớp với Phan Trâm.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 18

Thế Chiến thứ hai sắp chấm dứt

Nạn đói tại Việt nam

Ngày 9 tháng 3, 1945

BÁO Ngày Nay bộ mới

Tin quân Đồng minh đại thắng tại Âu Châu, phát xít ý bị 1 diệt, Đức quốc xã bị dồn vào bản thổ, Bá Linh bị Hồng Quân bao vây, Nhật bản đã mất Phi Luật Tân, và Okinawa bị uy hiếp mạnh- đưa lại một tình trạng phức tạp chưa biết sẽ kết cục ra sao.

Nếu thời cục đưa lại hy vọng cho người Pháp ở Đông dương, trước sự bại trận chắc chắn sẽ tới của quân Nhật, thì người Việt nam đứng trước khó khăn. Pháp nhất định sẽ nắm vững quyền lực, không để cho hỗn loạn xảy ra. Đồng minh có muốn can thiệp cho tự do, độc lập của các nước Đông dương cũng khó vì Pháp lại là một trong Đồng Minh. Nghĩ cho kỹ, tình hình cũng không lạc quan lắm.

Còn người Nhật cũng đứng trước cảnh hầu như tuyệt vọng, vừa sợ Đồng minh tấn công vừa lo quân Pháp thừa cơ lật mặt. Song họ còn ngoan cố, chưa chịu bó tay, tiếp tục kháng cự, với hy vọng là điều đình, giữ lại một phần đất đai đã chiếm được. Bất thành lĩnh, sau một tối hậu thư của tướng Matsumoto gửi cho viên Toàn quyền Decoux, yêu cầu lực lượng Pháp phải chịu sự chỉ huy của quân đội Nhật, ngay tối hôm mùng 9 tháng 3 quân Nhật mở cuộc tấn công cấp tốc vào các cơ sở quân sự của Pháp ở khắp Đông dương.

Hôm đó, tôi ở phố hàng Bè, Hà Nội. Gần nửa đêm bỗng nghe thấy tiếng súng nổ vang, hình như ở phía Cột Cờ, ở chỗ trại lính phố Cửa Bắc đưa tới, rồi dần dần lan ra chung quanh. Không ai dám ra ngoài, đường phố vắng ngắt. Không một bóng người. Nhưng tất cả đều cũng đoán được sự gì đã xảy ra. Gần sáng, tiếng súng đã tắt hẳn. Từ cửa sổ trông ra, đầu đường đã có mấy tên lính Nhật tuốt lưỡi lê đứng canh. Sau đó, họ rút về trại. Sự phản kháng yếu ớt của Pháp đã bị đàn áp rất nhanh. Xem ra người Pháp cũng không đại gì chống cự kịch liệt vô ích, chỉ thêm thiệt hại nhiều, trong khi chỉ cần chờ đợi một thời gian nào đó thôi là Nhật tất sẽ bại.

Mọi công việc làm ăn vẫn tiếp tục như thường. Thành phố rất nhanh trở lại yên tĩnh, chỉ có khác là trên đường phố chỉ thấy bóng lính Nhật, không thấy bóng dáng của người Pháp nữa. Bây giờ, Nhật bản trực tiếp thống trị, và tuyên bố long trọng trao trả độc lập cho Việt nam, Nhật bản không có tham vọng gì về Đông dương. Chính phủ Bảo Đại thực ra không có quyền hành gì, trừ việc quản lý nội bộ. Dù sao, đây cũng là một cơ hội có một không hai trong lịch sử, vì nền đô hộ của Pháp đã sụp đổ. Ít ra, tạm thời cũng thoát được một ách gông cùm. Dân chúng hồ hởi về những vụ reo hò độc lập, hạ cờ Pháp, lật đổ tượng Paul Bert tại vườn hoa, đổi tên đường phố, và một số chính trị phạm được tha về. Nhưng những người có nhiệm vụ, cần phải nhìn xa, trông rộng hơn, Cần phải tiên đoán... Thời thế bắt đầu có, nhưng anh hùng cũng có thể tạo thêm thời thế.

Mục tiêu của người Việt lúc này là tích sức lực lượng để khi quân Nhật thất bại, thừa cơ nắm lấy chính quyền trước khi người Pháp có thể trở lại. Trông mong vào Bảo Đại không phải là một phương thức tốt, tuy rằng cũng là một yếu tố quan trọng nếu triều đình Huế nắm được lực lượng và tích cực chống Pháp. Trong lúc thúc đẩy việc

chỉnh đốn các đảng bộ địa phương ở miền Bắc và miền Trung, theo đề nghị trước đây của anh em hải ngoại, do các anh em bên Đại Việt quốc dân đảng tổ chức phái đoàn ngoại giao, trong đó có anh Nguyễn Tiến Hỷ, Phạm Khải Hoàn, Nguyễn Sĩ Dinh v.v. theo đường Lao Cai tiến sang Trung quốc. Tới Côn Minh, các anh em đó hợp với một số anh em Việt nam quốc dân đảng Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Lê Khang, thành một phái đoàn thống nhất của người Việt nam quốc gia. Các anh em còn có nhiệm vụ thảo luận về việc đoàn kết, thống nhất các lực lượng quốc gia.

Để tranh thủ dân chúng, lợi dụng tình thế đặc biệt, chúng tôi quyết định tăng cường việc tuyên truyền cho công cuộc giành độc lập của dân tộc. Lúc đầu, qua tờ Bình Minh, rồi sau đó, cho tái bản tờ Ngày Nay, với mục đích truyền bá tư tưởng ái quốc, dân chủ và cải cách xã hội. Tất nhiên, lúc này, không thể công khai đả động tới người Nhật hay chính phủ Huế. Các anh em cử tôi làm giám đốc tờ báo, anh Khái Hưng phụ trách toà soạn, anh Nguyễn Trọng Trạc, một đảng viên đảng Xã hội Pháp, giữ việc trị sự. Nội dung tờ báo khác trước ở chỗ thiên về bình luận chính trị, xã hội, văn hoá, có tính chất hướng dẫn và xây dựng. Lúc này không còn là lúc làm thơ văn khóc sụt mướt, đầy tình cảm lãng mạn nữa, mà là lúc đánh thức, dấy động lòng yêu nước, ý chí đấu tranh của mọi tầng lớp. Quần chúng trong thời kỳ chuyển tiếp này, cũng mong muốn được nghe những tiếng nói có tính chất cổ vũ và chỉ đường.

Chủ trương của Ngày Nay bộ mới phù hợp với nhiều tầng lớp trong xã hội. Những bài xã luận có tính chất hô hào, những phân tích về tình hình trong ngoài, hay phóng sự về những vấn đề sôi nổi làm cho độc giả cảm thấy mới lạ, nên được hoan nghênh. Tôi còn nhớ khi ra số đầu tiên, ngay trên bìa vẽ tranh về thời sự, phần trên vẽ

mấy người giơ tay hoan hô Độc lập! Độc lập phần dưới lại vẽ những người chết đói ngắc ngoải với đầu đề Đói! Đói! bộc lộ thực trạng cay đắng trước mắt độc giả. Bức tranh đó được nhiều người tán thưởng. Với sự cố gắng và tinh thần làm việc của các anh em, báo bán rất chạy, quá sự mong muốn của chúng tôi, in ra tới số kỷ lục từ trước tới nay-- hơn mười ngàn số một kỳ.

Những ngày đầu năm 1945, một năm trọng đại trong lịch sử nước ta và cả thế giới, sự thống khổ của dân ta dưới hai tròng áp bức và bóc lột đã lên tới tột điểm, nhưng lại thêm tai họa mới: nạn chết đói khủng khiếp ở miền bắc Việt nam. Ai đã từng sống những ngày đó tại Bắc Việt đều chắc không bao giờ quên cảnh trạng có một không hai ấy. Cảnh này cũng đã có nhiều người, nhiều sách tường thuật rồi.

Tôi còn nhớ như in những xác chết nằm còng queo tại gầm cầu Hà Nội, tại bờ sông, gần các chợ và trong những ngõ hẻm, hay rải rác trên ven những đường từ ngoại thành vào. Cũng không quên được những xác sống đủ già, trẻ, lớn, bé, mắt hõm sâu tay chân chỉ còn là mấy ống xương, nằm dụi vào nhau tại vỉa hè hay đi lờn vờn gần những gánh hàng ăn. Những người đáng thương ấy nhiều khi liều mạng cướp giật chiếc bánh hay đồ ăn trong tay người khác rồi chạy đi, không rõ có sức mạnh gì khiến họ còn làm nổi việc ấy. Tội phạm trong vụ làm người chết đói tới hàng triệu này không ai khác là bọn Pháp, bọn Nhật cưỡng bách mua thu hết với giá giết người, gạo để trong kho và cung cấp xuất khẩu, và còn bọn gian thương, một số địa chủ cũng thừa cơ tích trữ gạo để bán ra với giá cắt cổ. Chết đói nhiều nhất tất là nông dân, điều này giải thích tại sao nông dân đã nổi lên tại nhiều nơi để tìm đường sống.

Thảm trạng nạn chết đói càng làm cho nhiều người hiểu rằng không

giải trừ được nạn ngoại quốc thống trị thì dân tộc còn phải chịu nhiều đau thương. Lòng căm phẫn trước khổ nạn là một nguyên do khiến muôn ngàn người đã dấn thân vào cách mạng giải phóng dân tộc, không cần rõ là do ai lãnh đạo.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 19

QUan hệ giữa các đảng phái Việt nam
trước tháng 8-1945

Một hôm, vào tháng 6, tôi đang ngồi sửa bài tại tòa soạn thì ở dưới đưa lên một người lạ mặt. Anh ta bảo có thư riêng của một người bạn thân nhờ đưa đến. Rồi anh rút từ ống giày ra một tờ giấy mỏng. Dưới ký tên một người mà tôi cũng không ngờ đến: Anh Dương Đức Hiền. Đã hơn một năm, tôi không được nghe tin tức gì về anh. Rất mừng, tôi vội hỏi:

- Anh Hiền hiện nay ở đâu? Có thể cho biết không?

- Địa chỉ anh ấy ở đâu tôi không rõ lắm. Chỉ biết anh ấy lên miền Bắc đã lâu, nhưng gần đây thì đã về Hà Đông. Anh cứ theo đúng ngày giờ và địa điểm, nhất định sẽ gặp.

Mừng vì có tin tức của bạn trong đảng ngày trước, nhưng lại e ngại vì trong thư nói anh đại diện cho Việt minh để bàn luận về việc cộng tác trong công cuộc chung.

Lúc đó, anh Long vắng mặt, nên anh em cử tôi và anh Khái Hưng đi gặp Dương Đức Hiền. Chỗ hẹn là một nơi ở cách Hà Đông độ năm cây số. Chúng tôi đạp xe, gần đến Hà Đông thì rẽ vào một con đường nhỏ, lầy lội, có khúc phải vác cả xe lên vai, lội bùn mà đi. Gần đến bờ sông Nhuệ, tới một tòa miếu cổ, thì thấy một người mặc quần áo nâu ra đứng đợi. Tuy quần áo khác, nhưng vẫn nhận ra được anh Hiền, gầy hơn, mặt đen sạm, nhưng hai hàm răng lại quá

trắng, chẳng cần phải là mật thám cũng biết đây là một nông dân giả hiệu.

Chúng tôi ngồi trên thềm miếu, nhìn xuống giòng sông Nhuệ nhỏ nước chảy êm đềm, trông hao hao giống con sông Sen ở quê nhà. Chung quanh vắng không có bóng người, chỉ có một người ngồi sau niếu, có lẽ là một tay súng hộ vệ. Sau vài lời hàn huyên, anh cho biết là đã gia nhập vào Việt Minh, với tư cách lãnh đạo đảng Dân chủ, và khuyên chúng tôi cùng các anh em Dân chính khác cũng nên tham gia Việt minh, không nên đứng lừng khừng nữa. Anh cầm tờ Ngày Nay trong tay, phê bình chủ trương của nó không triệt để, không cách mạng theo đường lối công nông. Anh nói Việt minh nay đã phát triển mạnh, có căn cứ quân sự, được Đồng minh ủng hộ. Như vậy, tôi biết anh chưa rõ về việc Đại việt dân chính đã hợp nhất với Việt nam quốc dân đảng, và cũng đã đứng về phía Đồng minh. Vì nguyên tắc bí mật, chúng tôi chỉ nghe, không giải thích gì. Có lẽ vì thế mà anh thất vọng, rần giọng nói:

- Nếu các anh cứ lừng khừng như thế mãi, thì có ngày Nhật sẽ beng đầu các anh, mà nếu không thì cách mạng sẽ beng đầu các anh!

Đó là nguyên văn lời nói. Chúng tôi hơi ngạc nhiên, vì lại chính do một đồng chí cũ đưa ra. Tôi và Khái Hưng chỉ cười, đưa mắt nhìn nhau: tuyên truyền anh em cũ vào tổ chức mình mà lại dùng cách đe dọa thì thực là hạ sách. Và lối nói tự kiêu, chỉ có mình mới là cách mạng thì thực là chủ quan, và tỏ ra rằng anh cũng không biết gì về hoạt động của các đảng phái quốc gia. Tôi đáp lời:

- Cách mạng Việt nam thì có nhiều con đường để đi, không nhất định là phải tham gia vào Việt minh. Song về việc hợp tác, chúng tôi sẽ về bàn với các anh em rồi sẽ trả lời sau.

Kết cục, hẹn một tuần sau sẽ gặp lại. Nhưng sau đó, lại nhận được

thư của anh Hiền, nói là phải đi lên miền trên có việc cần và sẽ liên lạc sau. Từ đó, không được tin tức của anh nữa, và mấy tháng sau, không ngờ lại gặp anh trong một buổi họp các đảng phái, mà từ bạn hữu đã trở nên đối địch. ầu cũng là định mệnh. Chúng tôi cũng muốn hợp tác vì công cuộc chung, góp sức với nhau để đuổi quân xâm lăng ra khỏi nước. Song, thực ra, hai bên có thể chân thành cộng tác với nhau không, lại là một vấn đề khó giải.

Qua cuộc gặp gỡ trên, có những điều, mà nếu lúc đó phe quốc gia phân tích và suy xét kỹ, thì cũng có thể giúp ích trong công việc. Một là, Việt minh không biết rõ lắm về hoạt động của Đại Việt Dân chính và Việt nam quốc dân đảng, cùng Đại Việt quốc dân đảng, điều này chứng tỏ việc tuyên truyền của đảng phái quốc gia không được mạnh. Hai là, Việt minh đương sửa soạn một cuộc hội nghị quan trọng ở Tân Trào, Thái Nguyên, mà tình báo của Việt nam quốc dân đảng chưa biết tới. Theo chỗ tôi thấy, vì tổ chức nội bộ chưa được kiện toàn nên việc tình báo đối địch và đối với những nhóm người Việt khác cũng chưa có kế hoạch cụ thể, lại không có một sách lược toàn diện về mọi mặt nội, ngoại, và nhiều khi phải ứng phó, nước đến chân mới nhảy. Đây cũng là một kinh nghiệm quan trọng mà người đấu tranh cần phải rút ra qua những thất bại đắng cay. Thất bại tuy không phải là điều mình mong muốn, song đáng sợ nhất là thất bại mà không biết sửa đổi, mà vẫn tự cho mình là thiên hạ đệ nhất.

Một lý do khiến cho các đảng phái quốc gia không nắm được thời cơ đúng lúc, là tin rằng Nhật bản còn đủ sức để chống cự một thời gian dài nữa, nên không cấp tốc chuẩn bị một cuộc tổng hành động hay một cuộc đảo chính khi cơ hội tới.

Phái đoàn ngoại giao từ trong nước ra họp với anh em ở hải ngoại

tại Côn Minh và Trùng Khánh. Tất cả đồng ý trên nguyên tắc thống nhất tổ chức. Còn danh xưng thì ở trong lấy tên Đại Việt quốc dân đảng, ở ngoài lấy tên Việt Nam quốc dân đảng. Song nguyên tắc ấy, theo chỗ tôi thấy, chưa được thực hiện trên thực tế và chỉ được biết trong vòng một số người cầm đầu.

Chiến tranh tại Âu Châu đã kết thúc. Hitler và vợ đã tự sát. Chỉ còn lại đế quốc Nhật có quân tác chiến, tứ bề thù địch. Những binh lính Thiên Hoàng hiện không còn có vẻ uy phong lẫm lẫm như trước nữa.

Hội nghị Potsdam đưa ra cảnh cáo, yêu cầu Nhật bản đầu hàng vô điều kiện, đồng thời cũng có quyết nghị về vấn đề độc lập hay tự trị của các nước bị đô hộ, và phân công trong việc tiếp quản các nơi bị Nhật chiếm đóng khi Nhật đầu hàng. Viễn ảnh quân Đồng minh sẽ nhập Việt đã mang đến hy vọng cho người Việt, nếu sau này quân Trung Hoa tiến vào thay quân Pháp. Dù thất bại dồn dập, quân Nhật vẫn ngoan cố kháng cự. Tháng 7-1945, sau những trận đánh khốc liệt, toàn bộ toán quân tử thủ đảo Okinawa đã trận vong. Bom Mỹ ném xuống như mưa tại các thành phố Nhật, gồm cả Đông Kinh, uy hiếp đến tính mệnh của Nhật Hoàng và đến Chính phủ Đông Triều.

Tại Trung Quốc, tại Đông Nam Á, quân Trung Hoa, quân Anh mở cuộc phản công dữ dội, quân Liên Xô tấn công Mông Cổ, trực tiếp uy hiếp đến Mãn Châu, bản doanh của đội quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật.

Đây thực là tứ bề Sở ca như Hạng Vũ bị vây khốn cùng Ngưu Cơ tại Cai Hạ trước khi nhảy xuống sông Ô Giang tự vẫn.

Nhưng bọn quân phiệt Nhật vẫn chưa chịu bỏ súng. Thà chết chứ không đầu hàng, là một khẩu hiệu lưu truyền trong các doanh trại Nhật. Đông Triều cự tuyệt lời hô hào của Đồng minh, quyết tâm ngọc

đá cũng tan.

Hàng triệu người dân trên thế giới, gồm người Việt nam, hồi hộp đợi chờ tình hình chuyển động. Nếu Nhật chịu đầu hàng, thì sẽ tránh được tai nạn, nhưng nếu ngược lại, thì sẽ có đổ máu, phá hoại khủng khiếp tại á Châu, và ngay tại Đông dương. Tai họa ghê gớm sẽ rơi xuống đầu bao người dân vô tội.

Vận mệnh dân tộc Việt nam sẽ ra sao trong giờ phút lịch sử quyết liệt này. Và vận mệnh của mỗi người cũng sẽ ra sao? Đó là vấn đề cấp thiết mà người dân Việt, đặc biệt là những đảng phái Việt nam lúc đó, không thể không đối phó.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 20

Những ngày tháng Tám 1945

Nhật bản đầu hàng

Để tiện làm việc, tôi đã dọn nhà tới ngõ Châu Long, ở phố Đỗ Hữu Vị, một căn nhà hai tầng, có cổng bên, có sân ở đằng sau. Tôi ở trên gác, còn dưới nhà là anh Nguyễn Gia Trí, và anh Phan Huy Đán. Cả ba người đều không ít truyện, nhưng thôi, khi nào có dịp sẽ kể sau. Đứng ở trên gác, nhìn qua bên kia ngõ, là trường học Hữu Vị, lúc đó bị quân Nhật chiếm đóng. Có thể trông thấy rõ ràng lính Nhật ra vào trong trường, một toán bộ binh, nhưng không hiểu nhiệm vụ của chúng là gì. Một anh lính gác trẻ thường vác súng đi lại từ cổng trường sang đến ngõ chúng tôi ở. Trông anh ta còn trẻ măng, chỉ độ mười bảy, mười tám tuổi, dáng điệu không dữ dằn như những tên lính khác.

Một hôm, Liên đến nhà, lên gác, nhân có một cái đàn dương cầm cũ, bèn học dạo vài bài cổ điển nhẹ nhàng, mà học sinh thường biết. Không ngờ anh lính Nhật từ dưới vẫy tay, tươi cười. Tuy ngôn ngữ không thông, nhưng cũng hiểu anh muốn lên chơi. Chúng tôi mời anh ta lên, anh gác súng một bên, rồi đánh một ca khúc Nhật bản. Điệu ca buồn và vẻ mặt trầm ngâm của anh chắc hẳn biểu lộ tâm tình nhớ quê hương, xa người thân.

Chúng tôi cũng ngồi im lắng nghe. Người lính trẻ này cũng chỉ là một trong trăm ngàn thanh niên Nhật bị bọn quân phiệt xô đẩy vào một

cuộc chiến xâm lược. Thần chết lúc nào cũng sẵn sàng đợi anh...

Mãi làm báo và ứng phó với công việc, tôi cũng ít khi để ý tới gia đình. Chỉ biết mẹ tôi vẫn ở trại Cẩm Giàng, và có chị Thạch Lam cùng mấy cháu bé về ở cùng cho đỡ cô quạnh. Bà và ông em, cậu Cả tôi, đều hay đi lễ chùa, và có ý muốn tu tại gia. Sau này, hình như ông cậu tôi đi tu ở ngôi chùa rhiên Thai, thuộc Bắc Ninh, mà trong những ngày nắng ráo, đứng ở Cẩm Giàng có thể trông thấy ngọn đồi ấy. Anh cả tôi đã giữ chức giám đốc nha Bưu Chính Hà Nội, đời sống vẫn như thường không có gì thay đổi. Anh Hai vẫn làm ở nông trường gần Sài Gòn. Chị Tam vẫn giữ nghề buôn cau khô, nuôi mấy đứa con ăn học. Chị Thế dọn đến ở nhà Thạch Lam ở cũ và anh Hoàn cũng vẫn làm tại tòa báo. Vì thời thế, nên đã làm chúng tôi cũng không có liên lạc với hai anh Tú Mỡ, Thế Lữ.

Cuối tháng 7, anh Hoàng Đạo bồng nhiên mắc bệnh thương hàn, phải vào nằm bệnh viện, trong lúc thời cục đương chuyển biến mau chóng. Gánh nặng gia đình do chị Long cáng đáng. Công việc báo chí và chính trị, vì vắng mặt anh, cũng gặp nhiều khó khăn, trách nhiệm đè lên đầu tôi và anh Khái Hưng. Trước đó, Phan Kế Toại được triều đình Huế cử làm Khâm Sai Bắc Việt, cùng với Nguyễn Văn Sâm, làm Khâm Sai Nam Việt. Vì miền Bắc là nơi hoạt động chính trị quan trọng nhất, nên Huế lại mời thêm ba nhân vật là Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Tường Long, Đặng Thái Mai hợp thành một Hội đồng Cố Vấn, đồng thời lại phong cho một số người là thanh niên ưu tú mong giúp vào việc xây dựng đất nước. Lạ nhất là tôi cũng có tên trong số ưu tú ấy, tới nay tôi vẫn chưa hiểu vì có gì về sau, lại đổi là ủy ban giám đốc chính trị miền Bắc để nắm quyền lãnh đạo thay vào viên Khâm Sai, gồm có 5 người: Nguyễn Xuân Chữ, Phan Kế Toại, Trần Văn Lai, Nguyễn Tường Long, Đặng Thái

Mai. Song Đặng Thái Mai không hề tới dự - Đặng có quan hệ mật thiết với Việt minh, Trần Văn Lai bận về công việc thị trưởng Hà Nội, Phan Kế Toại có thái độ lừng khừng, còn anh Nguyễn Tường Long thì lại ốm nặng. Bác sĩ Chử tuy được cử làm chủ tịch, nhưng không nắm được thực quyền.

Anh Hoàng Đạo mắc bệnh lúc đó là một sự đáng tiếc, vì nếu cộng tác được với Nguyễn Xuân Chử, và lấy sức mạnh đảng phái quốc gia làm hậu thuẫn, thì có khả năng nắm được thực quyền, nắm được đội Bảo an binh ở Hà Nội và các tỉnh, và cuộc đảo chính của Việt minh sẽ không thể thành công. Nhưng đó chỉ là nếu. Nhiều cái nếu quá, bây giờ nghĩ lại thì quá muộn. Nếu các đảng phái quốc gia mạnh hơn, có chiến lược và chiến thuật chính xác hơn, nếu biết mạnh dạn và kịp thời hành động, nếu không y lại quá đáng vào Đồng Mtnh sẽ tới giúp mình chống cộng sản, nếu...

Anh em có họp vài lần để thảo luận về tình hình. Song tiếc rằng chưa đi tới một quyết định rõ rệt, ngoài việc gọi một số người các nơi về tập trung ở Hà Nội, phái người đi thuyết phục Bảo an binh, và liên lạc với anh em ở Vân Nam.

Thời thế biến chuyển nhanh hơn là người ta tưởng.

Đầu tháng 8, 1945. Chúng tôi vẫn miệt mài làm báo. Từ Ngày Nay vẫn bán rất chạy, tuy những tin tức dồn dập khiến mọi người hoang mang.

Một buổi chiều, công việc xong, tôi đương ngồi uống cà phê, bỗng thấy Khái Hưng từ ngoài vội vã bước vào trong tòa soạn:

- Mỹ ném bom nguyên tử! - anh nói.

- Xuống đâu? - tôi vội hỏi

- Hiroshima... mấy mươi vạn người đã ra tro.

Về những vũ khí tân tiến như phi cơ, hỏa tiễn V2, đã nghe đến

nhieu, nhưng chưa bao giờ nghe tới bom nguyên tử. Tôi không khỏi rung mình trước sức tàn phá ghê gớm của nó. Ai cũng xôn xao, hồi hộp để đợi một sự kiện gì nghiêm trọng sẽ đến. Nếu Nhật thua thì Việt nam sẽ ra sao? Đại đa số dân chúng chỉ có ước vọng là Tổ quốc sẽ được độc lập, dân tộc sẽ được tự do, có một chính phủ dân chủ, mọi người sẽ xây dựng một quốc gia giàu mạnh, đời sống sẽ tươi đẹp hơn. Nhưng làm thế nào để thực hiện ước vọng ấy? Ngồi yên đợi quân Đồng minh tới tiếp thu, rồi vẫn do chính phủ Bảo Đại cầm quyền? Hay là đảng phái nào lên nắm quyền lực lúc đó? Và quân Pháp còn có thể trở lại không?

Ngày nay, nhìn lại những giờ phút ấy, người ta mới thấy rõ những yếu tố sâu xa của những sự việc đã xảy ra sau đó. Đó chính là sự đối chọi quyết liệt giữa những thế lực khác nhau trong nội bộ dân tộc trong bối cảnh quốc tế đầy rẫy những âm mưu đặt lại ách thực dân hay ách thống trị của những thế lực đen tối.

Dân Việt nam nói chung, và người quốc gia nói riêng, đã không chú trọng đúng mức đến nguy cơ người Pháp sẽ trở lại Đông dương với sự hỗ trợ của Đồng minh, cũng như tới nguy cơ người Cộng sản, dưới chiêu bài giải phóng dân tộc, sẽ mang nền chuyên chính vô sản áp đặt trên đầu người dân. Dân Nhật chưa hoàn toàn thì quả bom nguyên tử thứ hai đã rơi xuống Nagasaki. Quân đội Liên xô tiến công vào Mãn Châu. Hạm đội Mỹ đã gần tới bờ biển Nhật, sửa soạn đổ bộ. Đế quốc Nhật đã lâm vào đường cùng.

Rồi, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Thiên Hoàng Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Quân Nhật tại khắp các nơi đều phải hạ khí giới. Thế chiến thứ hai chính thức hạ màn. Nhưng chiến tranh khác tại nhiều nơi lúc này mới bắt đầu.

Không biết nên vui hay nên buồn. Bất giác, tôi nhìn sang trại quân

Nhật bên cạnh. Toàn trại im lặng như tờ. Sau đó, họ làm lễ để tang. Treo nhiều phướn trắng trên cửa, trên một góc phố... Còn đâu là vẻ hung hăng ngạo mạn trước đây? Nhưng đáng thương nhất là anh lính Nhật trẻ. Chiều hôm ấy, anh lại lên gác nghe đánh đàn dương cầm, rơm rớm nước mắt. Anh mượn bút giấy viết mấy chữ Hán Ngã bại ngã sầu bi. Không biết anh khóc cho thân phận mình hay là cho những người thân đã bỏ mình dưới bom đạn. Anh cũng chỉ là nạn nhân, một con tốt của bọn đế quốc quân phiệt.

Nhật đã đầu hàng. Lịch sử Việt nam đã bước sang một trang hoàn toàn mới. Tất cả các thế lực ở trong cũng như ở ngoài, sẽ chạm trán với nhau trên đất nước này. Từ đó cuộc đời của tôi, của gia đình, cũng bước vào một giai đoạn khác hẳn, giai đoạn đấu tranh chính trị, vật lộn và lưu vong, tang tóc.

15 tháng 8, 1945: Với trang sử mới đã lật, thời kỳ làm báo, làm văn từ 20 năm nay đã coi như là kết thúc, với sự đình bản tự nguyện trước thời thế của tờ Ngày Nay vào hôm sau.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 21

Những giờ phút quyết liệt
Việt minh cướp chính quyền
Tình thế khó khăn của phe quốc gia

Ngày hôm sau, 16 tháng 8, 1945. Chín giờ sáng, tôi đạp xe từ nhà đến tòa báo. Mọi người đều có vẻ phấn khởi, đồng thời cũng tỏ ra thắc mắc về tương lai. Pháp đã chạy, Nhật đầu hàng. Vậy thì, cục thế sẽ đi tới đâu?

Lên trên gác, hai anh Khái Hưng và Nguyễn Trọng Trạc đã ngồi ở tòa soạn, vẽ mặt bần khoăn. Song Khái Hưng cũng đứng dậy, lấy cốc rót rượu ngọt màu hồng -thứ rượu nhẹ chuyên dùng vào những ngày lễ tiết - đưa cho tôi và anh Trạc: - Chúng ta mừng quân Nhật đã bại, phải đầu hàng. Bây giờ ta đã thực sự độc lập... anh nâng cốc. Chúng tôi cùng cạn cốc

- Nhưng, chính phủ Trần Trọng Kim đã từ chức. Trạc nói. Nhật hạ khí giới, nhưng Triều Đình Bảo Đại, không ai tin tưởng rằng có thể lãnh đạo đất nước trong những ngày giờ khó khăn, bối rối này.

Và cả ba đều bất giác nghĩ đến việc quân Pháp có thể trở lại cùng với quân Đồng minh đổ bộ lên Đông dương nay mai.

Ai cũng biết, Pháp là một thành viên trong khối Đồng minh, với chính phủ lưu vong De Gaulle.

- Bọn Việt minh gần đây hoạt động mạnh- Trạc tiếp.

Thực vậy, khẩu hiệu Chống Pháp, chống Nhật, giành độc lập của

Việt minh được tung ra ở nhiều nơi, tỏ ra rằng họ chỉ coi triều đình Huế là bù nhìn của Pháp, rồi của Nhật, và chỉ có họ mới có tư cách giành độc lập cho dân tộc mà thôi.

Khái Hưng và tôi đưa mắt nhìn nhau. Nguyễn Trọng Trạc một người thuộc đảng xã hội Pháp (S.F.I.O), anh không phải không theo rõ tình thế. Anh lo ngại về mặt Việt minh không phải là vô căn cứ. Và câu nói này cũng tỏ ra anh không am hiểu về tình hình các đảng phái khác.

Tôi cảm thấy việc tuyên truyền của các đảng phái quốc gia trong quần chúng thực là yếu kém. Không mấy những ai hiểu rõ Việt nam quốc dân đảng, Đại việt quốc dân đảng hay Đại việt dân chính đương làm những việc gì, chủ trương ra sao mà chỉ nghe thấy đồn Đại việt Quốc gia Liên minh hợp tác với Nhật. Không ít người, dưới sự xuyên tạc của Việt minh, cho là Đại việt đồng nghĩa với thân Nhật, thân phát xít. Nhớ tới việc Việt minh triệu tập hội nghị ở Thái Nguyên với kế hoạch lập một ủy ban nhân dân cứu quốc, chúng tôi càng sốt ruột. Lời hiệu triệu đầy mạnh công tác từ hải ngoại gửi về chưa được hưởng ứng mạnh mẽ. Một số thành viên cũ của các đảng phái quốc gia nay đã hoạt động trong Việt minh, mà đại đa số người dân không hiểu Việt minh là do đảng cộng sản chi phối, hay dù biết, cũng cho là người cộng sản cũng thành thực muốn tự do độc lập. Việc tuyên truyền Việt minh đã có chiến khu trên bảy tỉnh Việt Bắc càng mang tính chất thần bí lại càng có vẻ hấp dẫn, coi Việt minh là tổ chức duy nhất có thể cứu nước.

Mãi tới tối hôm ấy mới có một anh em trong đảng đến liên lạc, do anh Chu Bá Phượng phái tới. Vì anh Hoàng Đạo vẫn còn bệnh, và chúng tôi là biệt phái ra làm báo, nên chỉ biết là các anh em sắp tập hợp chuẩn bị hành động, và kế hoạch chủ yếu sẽ là hợp tác với

Phan Kế Toại - Nguyễn Xuân Chữ, để tăng cường chính quyền hiện hữu. Đây là giờ phút nghiêm trọng nhất, gấp bách nhất trong thời vận định đoạt số phận của cả một dân tộc. Lúc này, từng giờ, từng phút, cần phải có sự quyết đoán kiên cường và hợp thời của những người cầm đầu của đảng phái. Chỉ sai đi, chậm đi một vài giờ cũng làm mất cơ hội lịch sử ngàn năm mới có một lần.

Và làm mất cơ hội lịch sử đó, đã khiến cho các anh em quốc gia lâm vào một cảnh khó khăn, gian hiểm vô chừng, rồi đưa đến thất bại, hy sinh, lưu vong, đưa đến chỗ cả dân tộc rơi vào ách chuyên chế, làm than cộng sản, đưa đến một cuộc kháng chiến đẫm máu, kéo dài, cộng với cảnh nòi da xáo thịt khủng khiếp.

Trong hai ngày 17 và 18 kế sau, những tin tức dồn dập và hỗn loạn tràn ngập cả nước và ngay ở Hà Nội càng làm cho chúng tôi nóng ruột, ăn ngủ không yên. Trước hết là tin một cuộc biểu tình tại Nhà hát lớn, nghe nói là do các công chức tổ chức để chúc mừng độc lập và chống việc Pháp quay trở lại, cùng ủng hộ một bức thông điệp của vua Bảo Đại gửi cho chính phủ các nước lớn trên thế giới. Song trong cuộc biểu tình này, cán bộ Việt minh đã xuất hiện với cờ đỏ sao vàng và hô hào dân chúng ủng hộ.

ý đồ vận động quần chúng để cướp chính quyền tại Hà Nội của Việt minh đã rõ ràng. Một mặt Việt minh cũng đã cho người đến vận động khâm sai Phan Kế Toại, và bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ, lúc đó đã thay Phan Kế Toại vào quản trị công việc ở Bắc Bộ Phủ. Đồng thời, họ cũng đã dụ được đa số Bảo An Binh theo lời họ. Dưới mắt đa số người dân lúc đó, họ chỉ thấy Việt minh là một tổ chức cách mạng có tiếng tăm, có hoạt động. Trong khi ấy, các đảng phái quốc gia cũng có hợp khẩn cấp, với đại diện của Đại Việt Quốc gia Liên minh, của Việt nam quốc dân đảng và Đại Việt quốc dân đảng (hai tổ chức này

đã kết hợp dưới danh nghĩa Mặt Trận quốc dân đảng). Nhưng ý kiến phân vân, không đi tới được một quyết định chung. Người thì chủ trương lợi dụng quân đội Nhật để nắm quyền ngay. Người thì phản đối vì sợ như vậy sẽ bị Đồng minh nghi ngờ, không thừa nhận. Người thì tin rằng Phan Kế Toại, Nguyễn Xuân Chữ sẽ nắm vững được quyền lực và Việt minh không đủ sức để đảo chính. Có người lạc quan, cho là dù Việt minh có cướp được quyền cũng không thành vấn đề lớn vì lực lượng không có bao nhiêu, nếu họ làm sai trái, ta sẽ vận động nhân dân để truất họ đi. Vả lại quân Trưng Hoa sắp tới tiếp thu đầu hàng của Nhật. Một số nhỏ anh em thì kiên quyết chủ trương hành động để nắm ngay lấy chính quyền trước khi người cộng sản ra tay, có chính quyền, có quân đội trong tay thì không sợ Việt minh đảo chính. Nếu để cộng sản nắm lấy quyền lực thì tất nhiên sẽ gặp khủng bố và tiêu diệt, tai họa vô chừng.

Lấy danh nghĩa của đảng, anh Phan Trâm có tới giao thiệp với nhóm Bảo An Bình, nhưng Việt minh đã nhanh tay hơn. Kết cục là các đảng phái quốc gia không có hành động cương quyết và kịp thời, để lỡ mất cơ hội ngàn vàng, giành đủ thì giờ cho Việt minh lợi dụng lòng tin của dân chúng và thái độ thụ động của chính phủ Bảo Đại, phát động cuộc biểu tình và tuần hành ngày 19 tháng 8 để cướp chính quyền - sự kiện mà họ vẫn gọi là Cách mạng tháng tám. Việc phát động cuộc biểu tình này một cách nhanh chóng và có hiệu quả, theo chỗ tôi thấy, thực là bất ngờ và ra ngoài dự tính của chính phủ lúc đó và của các đảng phái quốc gia, cũng như của quân đội Nhật bản.

Sáng hôm ấy, chưa được ý kiến gì mới từ các anh em, tôi vẫn theo lệ thường tới toà báo để đợi tin tức, vả lại số báo Ngày Nay cuối cùng vẫn đương in. Anh Khái Hưng đã ngồi đợi sẵn ở phòng khách.

Hai chúng tôi không nói năng gì, đều cảm thấy nặng nề, mà không biết vì cái gì. Anh lặng lẽ pha cà phê, đặt cốc cà phê đen nóng trước mặt tôi:

- Anh có thêm tin tức gì không?- Anh hỏi tôi.

- Cũng chưa có tin tức gì mới. - Ngừng một phút, tôi tiếp- à! Chắc anh cũng biết, hôm qua biểu tình ở Nhà hát Tây, có cờ đỏ sao vàng...

Đó chính là điều mà chúng tôi thắc mắc nhất. Việt minh đã có hoạt động công khai ở đây. Mục đích họ là gì? Tuy bắn khoăn nhưng thú thực, lúc đó chúng tôi cũng chưa lo lắng gì nhiều, vẫn nghĩ rằng tình thế chưa có biến đổi nhanh, chính phủ Trần Trọng Kim vẫn sẽ như một nội các gác cửa, đợi quân Đồng minh kéo tới mới sẽ ngã ngũ. Các anh em ở ngoài về lập chính phủ khác, do Trung quốc quốc dân đảng hỗ trợ. Và như thế, sẽ ngăn cản được mưa mô trở lại của Pháp. Nhưng, chính trong lúc này, những tiếng ồn ào trong thành phố từ xa vắng đến tai chúng tôi. Khái Hưng đứng dậy, mở cửa sổ, tiếng động càng ngày càng gần. Nhìn xuống phố Quan Thánh, đã thấy nhiều người tập hợp, qua mặt tòa báo, dồn về phía vườn hoa hàng Đậu. Có người cầm cờ đỏ nhỏ bằng giấy, có người hô khẩu hiệu ủng hộ độc lập, đã đảo thực dân Pháp. Thỉnh thoảng có vài người đi kèm, họ chia nhau rẽ vào các nhà bên đường xua người ra phố tham dự biểu tình. Vì vậy, người xuống đường càng ngày càng đông, nam nữ, già trẻ đều có, vì nếu không hồ hởi để đi biểu tình, cũng khó mà từ chối không dự vào một hoạt động để ủng hộ độc lập. Lần đầu tiên, chúng tôi thấy đông người xuống đường như thế, đó là sức mạnh quần chúng.

Lúc đó, Khái Hưng chắc cũng cùng một cảm nghĩ với tôi: cuộc biểu tình đông đảo, nhưng lại là do Việt minh tổ chức, không phải do các

đảng phái bên mình. Đang bối rối, thì ở dưới cổng, có hai người bước vào toà báo, yêu cầu mọi người tham gia. Cũng có một số nhân viên ở tầng dưới theo ra phố.

Hai người đó chỉ tỏ, hình như định lên trên gác. Nếu họ lên thực thì thực là khó nghĩ đối với chúng tôi, không biết nên xử trí ra sao... Nhưng may, không hiểu vì sao không có ai lên gác. Dù sao, trong lúc này, chúng tôi cũng cảm thấy cô độc. Nếu Việt minh thắng thế, nắm được chính quyền thì sẽ gây khó khăn cho các phái khác. Tuy chưa hẳn là đối địch, theo quan niệm của chúng tôi, nhưng lối tuyên truyền của Việt minh vu cáo chúng tôi là thân Nhật đã làm cho một số dân chúng có ác cảm.

Mãi tới trưa, mới được tin Việt minh đã tiến chiếm Bắc Bộ Phủ. Bác sĩ Chữ bắt buộc phải trao quyền. Còn có tin khi đoàn biểu tình tới bao vây Bảo an binh tại phố Đồng Khánh, thì gặp một toán quân Nhật án ngữ. Sau một hồi giao thiệp, quân Nhật cho là việc nội bộ của người Việt, không ảnh hưởng gì tới vị thế của họ cùng tới việc trị an của thành phố, nên tự động mở đường. Trong Bảo an binh, đã sẵn có tay trong, nên đều phục tùng sự chỉ huy của Việt minh. Đại diện của Quốc dân Đảng phái đi du thuyết quân Bảo An đã không thuyết phục nổi ai.

Thế chính trị cùng thế võ trang đều đã mất, các đảng phái quốc gia lâm vào một bước khó khăn nghiêm trọng, đành tạm nằm im đợi thời cơ, để đảng cộng sản tung hoành tại thủ đô và các tỉnh. Chỉ có một số anh em có võ trang, dưới sự chỉ huy của anh Lê Khang, kéo lên Vĩnh Yên, phối hợp được với anh Đỗ Đình Đạo, thu phục được số Bảo an binh ở đó, đuổi được cán bộ Việt minh đi và thành lập chính quyền, làm cơ sở tiên phong cho Đệ Tam Chiến Khu của quốc dân đảng sau này. Trong lúc hỗn loạn, để tránh nguy hiểm có thể

xảy ra, và để xem tình hình ở ngoài thực sự ra sao, tôi và anh Khái Hưng lấy xe đạp ra ngoài phố. Trên đường, vẫn còn rớt những người đi tuần hành về, có người tay còn cầm cờ đỏ. Tới một làng phía Đại Từ, định nghỉ chân ở nhà người quen Khái Hưng, nhưng sau lại thấy có người ra vào dòm ngó, không ổn, nên chúng tôi lại trở về thành.

- Đâu cũng là Việt minh cả...

Anh Khái Hưng lắc đầu, chép miệng nói, trên con đường trở về.

Cảnh tượng rộn rịp ở trên đường phố, chưa bao giờ có một số người đông đảo như thế đổ ra biểu tình, tuần hành, chính phủ đương triều phải nhường bước cho một đảng phái chính trị lên nắm quyền, thực là một sự kiện lớn, hãn hữu trong lịch sử đất nước.

Nhưng thực chất sự kiện này là gì? Có phải là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giành được độc lập trong tay hai đế quốc Pháp - Nhật, gọi là cách mạng tháng tám như đảng cộng sản vẫn lớn tiếng tuyên truyền từ trước tới nay hay không? Đứng trên khách quan lịch sử, gạt bỏ lối nhìn đảng phái thiên kiến mà nhận xét, thì cái gọi là cách mạng tháng 8 bất quá chỉ là một cuộc đảo chính, và cuộc đảo chính này đã đưa đến một chế độ chuyên chế tai nạn cho dân tộc, một thời kỳ bi đát hàng nửa thế kỷ, tới nay chưa kết thúc. Đó không phải là một cuộc cách mạng giành được độc lập, vì lúc đó, Pháp đã bỏ chạy, Nhật đã đầu hàng, chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim là cơ cấu quản trị đất nước, dân tộc Việt nam đã độc lập thực sự. Không phải vì Việt minh cướp được quyền lực trong tay Phan Kế Toại: Nguyễn Xuân Chữ mà Việt nam mới có độc lập, người ta có thể cho rằng Bảo Đại - Trần Trọng Kim vốn là bù nhìn của Pháp, của Nhật, nhưng lúc Nhật đầu hàng, chính phủ đó có tự do hành động, có quân đội dù nhỏ trong tay. Chỉ vì tự cho mình là yếu kém nên mới

khiep đảm mà nhường quyền lực cho Việt minh. Ngày nay, nhìn trở lại thời kỳ quyết định ấy, cộng sản Việt nam nhanh chân nắm được chính quyền, mà không gặp trở ngại lớn, một nguyên nhân quan trọng chính là ở chỗ thiếu quyết tâm, thiếu tổ chức và lực lượng nhất trí của người Việt không cộng sản.

Xét trên lịch sử của các nước Đông Nam á vào thời kỳ Nhật đầu hàng, thì hầu hết các nước ấy đều lần lượt giành được độc lập mà không rơi vào cùm kẹp cộng sản. Như tại Nam Dương, lúc đầu chống lại việc quân Anh nâng đỡ quân đội Hoà Lan trở lại tái xâm chiếm - là lực lượng dân tộc, trong đó có nhiều thành viên, do Sukarno đứng đầu. Sau đó, đảng cộng sản Nam Dương cũng có lực lượng võ trang tham dự chống Hoà Lan, song không đáng kể, và còn quấy phá hàng ngũ dân tộc nên thất bại. Quân Hoà Lan cuối cùng phải rút và một chính phủ quốc gia được thành lập.

Cần phải khách quan để rút kinh nghiệm về những bài học lịch sử. Lực lượng các đảng phái quốc gia Việt nam thiếu tổ chức có hệ thống chặt chẽ, thiếu lãnh đạo sáng suốt, thiếu võ trang, tuyên truyền trong quần chúng, thiếu khu căn cứ, tới ngày quyết liệt lại không mạnh dạn cướp lấy thời cơ trăm năm có một, kết quả lâm vào thế bị động và nguy nan. Có anh em lại chủ trương không nên xung đột với Việt minh, gây đổ máu giữa người Việt với nhau vô ích, đợi cộng sản lên cầm quyền rồi dần dần nó sẽ lộ chân tướng, và tất sẽ bị nhân dân lật đổ. Một chủ trương quá lý tưởng và quá tin ở người khác. Vì không nghiên cứu kỹ càng về sách lược, chiến thuật, nên không hiểu gì về câu châm ngôn của cộng sản tất cả vì chính quyền - Có chính quyền là có tất cả. Đến bây giờ, người cộng sản cũng vẫn coi trọng câu châm ngôn ấy, bám chặt chính quyền là vấn đề số 1 đối với họ.

Nếu trước kia, các đảng phái quốc gia biết cách hợp tác với chính quyền Bảo Đại, dựng một chính phủ vững mạnh, thì không những ngăn ngừa được nền chuyên chính của cộng sản, mà còn có thể lãnh đạo toàn dân chống đế quốc Pháp quay trở lại.

Bất cứ một chính phủ dân tộc nào lúc đó cũng có khả năng chỉ huy cuộc kháng chiến, cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới. Việc đảng cộng sản Việt nam ngụy biện là đã đánh đuổi được hai đế quốc Pháp - Nhật, giải phóng cho dân tộc lúc ấy, chỉ là một thứ tuyên truyền vô căn cứ, để mê hoặc dân chúng. Dựa vào lập luận ngụy biện này, đảng cộng sản đã có thể lôi kéo dân chúng đi theo con đường tai họa xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Thực ra, lúc này, Pháp đã bị Nhật tước quyền rồi, mà Nhật lại đã đầu hàng.

Ngày 19 tháng 8, 1945, đích xác là một ngày tối quan trọng đối với tương lai của toàn dân Việt nam. Những ngày 54 hay 75 sau này, trên thực chất, chỉ là kết quả và tiếp tục của việc đảng cộng sản Đông dương cướp chính quyền trong ngày đó.

Tuyệt đại đa số những người dự vào cuộc biểu tình đều thực lòng tin rằng Việt minh là một mặt trận ái quốc, tranh đấu cho độc lập tự do của dân tộc, và sự kéo tới Bắc Bộ Phủ, Bảo An Bình (trại lính khổ xanh tại đường Đồng Khánh) để cướp quyền là giành được độc lập từ trong tay Nhật, Pháp. Không ít người thực sự hân hoan, phấn khởi.

Lực lượng của quốc dân đảng đã tập hợp ở Hà Nội trong mấy ngày đó, vì không nhận được mệnh lệnh về hành động nên đã lục tục rút về các địa phương. Chúng tôi cũng chỉ được tin ở trên bản xuống, là trong tình hình đặc biệt, cứ vẫn tiến hành việc báo như trước, để đợi tình thế ngã ngũ, sẽ có chỉ thị sau.

Khái Hưng và tôi trở lại toà báo làm việc. Còn có anh Nguyễn Gia Trí, vừa ốm khỏi, thỉnh thoảng cũng tới bàn luận về thời cục nhh hnh chung quanh vẫn yên tĩnh. Một thông cáo của ủy ban cách mạng nhân dân thành phố hô hào mọi người ủng hộ, tuân theo mệnh lệnh của ủy ban, đề phòng mọi bọn phản động và phá hoại.

Tâm tình chúng tôi lúc đó thực mâu thuẫn. Vì nay quyền lực đã ở trong tay một đảng khác. Mặc dầu, chưa có cảm giác là đối địch hẳn, vả lại hai bên đều cùng một mục đích chống Pháp, giành độc lập, lúc này chưa phải là lúc quyết liệt với nhau... Nhưng chúng tôi lại nhớ tới câu nói của Dương Đức Hiền, cảnh cáo đồng chí cũ của anh:

Nếu các anh cứ lừng khừng như thế mãi, thì có ngày Nhật sẽ beng đầu các anh, mà nếu không thì cách mạng sẽ beng đầu các anh!

Cảnh cáo của anh, chúng tôi không cần nghe, nhưng tự xưng mình là cách mạng độc tôn rõ ràng là bản chất của người cộng sản mà Dương đã học được, nhưng chỉ hơn mười năm sau, dưới mắt cộng sản Việt nam, anh không còn là cách mạng nữa.

Vài ngày sau, lại một thông cáo nữa của Việt minh, đại ý nói các nơi đều phục tùng cách mạng cả, chỉ có một vài địa phương một số thổ phỉ đã nổi lên làm loạn. Một vài địa phương đây chỉ vào Vĩnh Yên, hay Hà Giang mà lực lượng vũ trang quốc gia đã chiếm cứ được.

Gọi các lực lượng quốc gia là thổ phỉ cũng chưa đủ, cuối cùng thông cáo còn thêm một câu chiêu hồi: mong những kẻ đã đi làm đường sớm tỉnh ngộ và quay về với tổ quốc.

Cho những đảng phái khác với mình là đi làm đường và tự cho mình là tổ quốc, tỏ rõ rằng Việt minh đã có thái độ độc tôn thế nào ngay lúc mới lên. Song những câu nói như vậy, làm sao các đảng phái khác có thể chấp nhận được? Về sau này, mới càng rõ những đảng

cộng sản cầm quyền nào cũng tự hoá mình với tổ quốc, dân tộc. Các đảng phái quốc gia rút vào bí mật, với mục đích là chinh đồn lại hàng ngũ, củng cố một số chiến khu, và đợi quân đội Tnmg Hoa nhập Việt tiếp quản phần Bắc Việt nam từ vĩ tuyến 17 trở lên. Các thành phần lưu vong tại hải ngoại cũng lục tục trở về nước để hoạt động.

Thừa lúc không có ai chống đối mạnh, Việt minh ngay từ vài hôm sau đã tổ chức một số nhân vật, trí thức, sinh viên đánh điện vào Huế yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị, nhường chỗ cho một chính phủ cách mạng.

Như vào chỗ không người, đảng cộng sản đã thực hiện được mục đích nắm quyền trên toàn quốc, tiến tới thành lập một chính phủ lâm thời.

Bức màn đen tối đã rủ lên đầu dân tộc, lên đất nước Việt nam thân yêu từ đó. Những phút tương bưng, phấn khởi, đầy hy vọng vừa qua đã biến thành những giờ phút đau thương với chuyên chế, khủng bố, chiến tranh triền miên. Đó là chuyện về sau.

Trong lúc chuyển tiếp, Khái Hưng, Gia Trí và tôi đồng ý đình bản tờ Ngày Nay và thay vào đó, ra một tờ báo hàng ngày trung dung hơn, làm cơ sở cho công việc tuyên truyền sau này. Đó là tờ Việt nam Thời Báo do Nguyễn Trọng Trạc làm chủ nhiệm.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 22

Sóng ngầm

Anh Khái Hưng trở lại toà báo. Còn tôi về nhà ở phố Đỗ Hữu Vị. Suốt đêm ấy, tôi trần trọc không ngủ. Tình thế khó lường được. Trong thành phố, toàn cờ đỏ sao vàng. Các anh em đã rút vào bí mật, tạm mất liên lạc. Hai hôm sau, ủy ban cách mệnh Nhân Dân thành phố Hà Nội của Việt minh tuyên bố thành lập Việc đầu tiên của họ là đưa ra một số khẩu hiệu về độc lập tự do chống Pháp, bắt các nhà trong Hà Nội đều phải giăng, dán biểu ngữ ủng hộ cách mệnh.

Khái Hưng và tôi trở lại toà soạn làm Việc. Anh em trong toà báo cũng giăng một số biểu ngữ trên đầu đường Quan Thánh về ủng hộ độc lập, tự do chống Pháp. Không khí nói chung có vẻ phấn khởi, vì lúc đó đại đa số không ai nghĩ tới tính chất cộng sản của Việt minh. Nhưng chúng tôi phải giấu nỗi lo âu. Một chính quyền như thế, chóng chầy cũng sẽ làm khó dễ cho mình, mặc dầu chưa xảy ra việc công khai đàn áp. Dù có mục tiêu chung về dân tộc độc lập, chúng tôi vẫn cảm thấy khác thường vì từ trước tới nay Việt Minh, để bài bác các đảng phái quốc gia, đã gán cho các đảng phái này cái mũ thân Nhật - với tiếng gọi chung là Đại Việt thân Nhật, Nhật bản lúc đó là một đế quốc quân phệt xâm lược, chống với Đồng minh. Làm cho chúng tôi đỡ lo ngại là niềm hy vọng vào chỗ Đồng minh -

đặc biệt là Trung Hoa - sẽ giúp cho phe quốc gia. Quân Trung Hoa sẽ tiến vào Việt nam nay mai để tước khí giới Nhật. Thừa thắng tại Hà Nội, Việt minh liên tục cướp được chính quyền ở hầu hết khắp nơi, mà không gặp những sự kháng cự đáng kể.

Chỉ có tại tỉnh Hà Đông, vị chỉ huy Bảo An Bình là Quản D dưỡng đã ngăn chặn được cuộc biểu tình của Việt minh. Nhưng sau đó, cán bộ Việt minh uy hiếp Tổng Đốc Hà Đông nhường vị, để thành lập ủy ban cách mệnh. Quản D dưỡng bị cô lập trước tình thế, định rút lui khỏi tỉnh lỵ nhưng không may bị Việt minh cản trở và sau bị tổng giam và bị xử bắn. Người chiến sĩ kiên cường này đã tử ra bất khuất trước bạo ngược.

Ngày 22 tháng 8, anh Lê Khang cùng một số anh em Việt nam quốc dân đảng lên Vĩnh Yên, hợp sức với anh Đỗ Đình Đạo, tranh thủ được Bảo An Bình ủng hộ, đuổi được cán bộ Việt minh ra khỏi tỉnh lỵ lập nên chính quyền quân sự đầu tiên, cùng với tỉnh lỵ Hà Giang - ở khu vực lớn từ Vĩnh Yên lên tới Lào Cai, sau này gọi là Đệ Tam Chiến Khu của quốc dân đảng Việt nam. Trên thực tế, cứ điểm Vĩnh Yên vẫn bị cô lập.

Tại Hà Nội, cộng sản cũng bắt được Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, gán cho tội phản động và thân Nhật, rồi đem thủ tiêu, đồng thời cũng lừa bắt một số lãnh tụ quốc gia khác, nhưng không đạt tới mục đích.

Đồng thời, trên mặt báo cờ giải phóng của Việt minh, đăng lên bài hiệu triệu đoàn kết, nhưng lại khuyên các đảng phái đi lạc đường hãy mau quay về với Tổ Quốc, rõ ràng tỏ ra chỉ có Việt minh mới là đại biểu cho tổ quốc, cho cách mệnh, còn tất cả những đảng phái quốc gia, những người yêu nước không cộng sản là đã đi lạc vào con đường phản bội! Thái độ độc tôn của cộng sản Việt nam đã rõ

ràng. Dù muốn đoàn kết dân tộc để chống Pháp, giành độc lập, các đảng phái quốc gia nhất định không thể chấp nhận được những lời lẽ ngang ngược ấy.

Cầm tờ báo trên tay, Khái Hưng, Gia Trí và tôi đưa mắt nhìn nhau, tức giận. Theo thói quen, Khái Hưng hất tay lên, giận dữ nói:

- Bọn chúng huênh hoang quá!

Cả ba đều cảm thấy bối rối, vì chưa thấy chỉ thị ở trên xuống nên đối phó ra sao. Nhưng cũng đều biết rằng nên kiên nhẫn, đợi các anh em ở hải ngoại về để tập hợp lại, và chờ quân Trung Hoa tới tiếp quân, lúc đó sẽ có hành động chung. Bàn luận một hồi, chúng tôi thấy phải đình bản tờ Ngày Nay, vì trong tình thế Việt minh thống trị, không thể viết như mình muốn được. Song nhà xuất bản và nhà in thì vẫn duy trì, để mấy chục nhân viên còn giữ được sinh kế.

Các anh em trong toà trị sự và ở nhà in, tuy vậy, vẫn tỏ ra bình tĩnh và vẫn làm việc như thường.

Tuy chính phủ Huế lúc đó vẫn còn nguyên vẹn, và nghe nói được quân đội Nhật ngỏ ý ủng hộ, nhưng đứng trước khí thế Việt minh đã lập được ủy Ban cách mệnh tại nhiều nơi, trước một số thanh niên đã biểu tình ngay tại Huế đòi phế bỏ Triều Đình, trước cảnh các triều thần đã bỏ đi gần hết, Bảo Đại đã phải chấp nhận thoái vị.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Bảo Đại trình trọng trao quốc ấn, quốc kiếm cho đại biểu của Việt minh là Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận. Hoàng đế Bảo Đại đã trở thành Công dân Vĩnh Thụy. Thế là kết thúc chế độ quân chủ của hoàng triều nhà Nguyễn!

Không còn một trở lực lớn nào từ Bắc chí Nam, và trước nguy cơ quân Đồng minh sẽ nhập Việt, Việt minh ráo riết và cấp tốc chuẩn bị thành lập một chính phủ lâm thời, với mục đích củng cố quyền lực, có quyền ăn nói đối với quốc tế và đặt Đồng minh dù là Tàu, Mỹ, hay

là Anh trước một sự đã rồi. Mấy hôm sau, có tin đồn đội quân Giải Phóng từ Việt Bắc về sẽ tiến vào thành phố. Dân chúng nhiều người hiếu kỳ muốn nhìn rõ những toán quân cách mạng đã từng đánh du kích trên các chiến khu miền rừng núi, đượm một vẻ thần bí. Mà đây có thể gọi là đội quân đầu tiên của người Việt, mặc dầu không thể gọi là mạnh.

Sáng hôm ấy, chúng tôi cũng ra phố đầu Cầu, thì vừa gặp một toán quân từ trên cầu Long Biên đi xuống. Toán này chừng năm chục người, mặc quân phục vàng, quần ngắn, không oai phong lắm nhưng cũng khá chỉnh tề. Xem ra hành quân đã lâu nên ai nấy đều gầy đen, trông có vẻ răn rỏi. Vũ khí đơn sơ với súng trường và một khẩu súng máy nhẹ. Hồi đó, có một toán quân mấy chục tay súng không phải là dễ dàng.

Báo chí, truyền đơn hô hào dân chúng đi dự lễ tuyên thệ của Chính phủ lâm thời vào ngày 2 tháng 9, tại quảng trường Ba Đình. Hồ Chí Minh - tức Nguyễn ái Quốc, tuyên đọc bản Tuyên ngôn Độc lập.

Ai cũng biết, bản tuyên ngôn đó dựa trên bản tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ hai thế kỷ trước đây, với những khẩu hiệu độc lập, bình đẳng, tự do, nhấn mạnh về quyền của con người. Vấn đề là ở chỗ khi đọc tuyên ngôn đó, Hồ Chí Minh đã rập tâm tiêu diệt tất cả mọi phái đối lập hay bất đồng ý kiến, để tiến tới một chế độ vô sản chuyên chính theo đúng giáo điều Mác Lê và chỉ thị của Stalin với Đệ Tam Quốc tế, cùng tư tưởng Mao Trạch Đông vạch ra trong cuốn Luận chủ nghĩa tân dân chủ.

Sự thực, rất đông người đã đi dự buổi lễ đó, và đã hoan hô chính phủ mới. Trên cơ sở võ trang toàn quốc và cơ sở quần chúng ủng hộ, Việt minh đã tiến được một bước lớn trước khi phải ứng phó với quân Đồng minh tiến vào và quân Pháp chắc chắn sẽ quay trở lại,

cùng với sự đe dọa của các phe quốc gia lúc đó nhất định sẽ trỗi dậy chống đối.

Nhiều người quốc gia tin tưởng vào chỗ Việt minh cộng sản tất sẽ không thể đứng vững được sau khi quân Đồng minh tiến vào. Niềm tin tưởng đượm màu vọng ngoại này đã khiến cho họ không cố gắng phát triển tổ chức và vũ trang bản thân, quên mất rằng tuy ngoại viện quan trọng, nhưng yếu tố quyết định vẫn là lực lượng của mình. Hai nữa, người ta quên rằng đằng sau cộng sản Việt nam có Liên Xô hùng mạnh, một trong những nước chiến thắng, và Trung Cộng, mà ảnh hưởng, lực lượng đã tăng trưởng rất nhanh sau thế chiến.

Một số cán bộ cộng sản Việt nam đã từng được Trung Cộng giúp đỡ và huấn luyện.

Tình hình chung mấy ngày đó, trên bề mặt, tạm thời có vẻ ổn định. Nhưng chẳng bao lâu, những đợt sóng ngầm sẽ nổi lên, đẩy toàn đất nước vào một cơn bão táp chưa từng thấy.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 23

Chuyển động đầu tiên

Đời sống dân chúng sau ngày Việt minh cướp chính quyền không có gì thay đổi nhiều, vì không có chiến tranh hay hỗn loạn, trừ một vài vụ xung đột nhỏ.

Gia đình chúng tôi vẫn ai ở nhà nấy. Anh Cả, Nguyễn Tường Thụy vẫn làm tại sở Bưu chính Hà Nội. Anh Hai, Nguyễn Tường Cẩm, làm việc và lấy vợ tại Sài Gòn. Anh Tam ở bên Vân Nam, nghe tin nói sắp về cùng quân Hoa nhập Việt. Anh Long ở một nơi ngoại thành, chị Thế vẫn ở ngôi nhà nhỏ bên bờ Hồ Tây.

Mọi người đều chờ đợi quân Đồng minh tới tước khí giới quân Nhật. Thái độ họ sẽ ra sao? Họ sẽ làm gì và ở lại bao lâu? Họ có can thiệp vào nội bộ của Việt nam không? Trước những câu hỏi ấy, mỗi phe phái đều có dự đoán và ước vọng riêng của mình. Ai cũng hy vọng rằng Đồng minh sẽ giữ lời hứa, sẽ tôn trọng nền độc lập của các dân tộc bị trị, và sẽ giúp đỡ chúng ta thực hiện độc lập tự do.

Tại miền Bắc, có vẻ lạc quan hơn vì quân Trung Hoa tuyên bố không có tham vọng gì về lãnh thổ cả. Nhưng, cùng lúc, họ lại là Đồng minh của Pháp. Họ sẽ có thái độ thế nào nếu quân Pháp lại đổ bộ lên Đông dương? Quân Anh sẽ vào miền Nam. Anh và Pháp cùng là đế quốc kỳ cựu, cùng là Đồng minh. Việc quân Anh sẽ hỗ trợ Pháp tái chiếm Việt nam chắc chắn sẽ xảy ra.

Cả Hà Nội đương xôn xao về tin tổ đại biểu Đồng minh đầu tiên sẽ nhẩy dù xuống. Tổ này là tổ người Mỹ, đại diện cho Đồng minh. Tin này ít nhiều cũng làm phấn khởi phe quốc gia, dù có tin phao ra trước đây là Việt minh được sự trợ giúp của Hoa Kỳ tại chiến khu.

Hai hôm sau, đương ngồi tại toà soạn, ở dưới toà trị sự lên báo cho tôi là có một người Pháp muốn gặp. Điều này hơi ngạc nhiên đối với chúng tôi. Một người Pháp đến tìm vì lẽ gì? Người này trạc hơn 40 tuổi, tự xưng là thuộc đảng Xã hội Pháp, chi nhánh Đông dương. Ông nói:

- Tôi có một bức thư của anh ông, ông Nguyễn Tường Tam, từ Côn Minh đưa về, do đại úy Patterson nhờ chúng tôi chuyển cho ông.

Thư của anh Tam? Nhìn vào mấy chữ trên phong bì, không thể làm được.

- Đại úy muốn gặp ông để nói chuyện.

Tôi cảm ơn ông ta. Nội dung bức thư đại ý nói quân đội Trung Hoa sắp tiến vào Bắc Việt và nhiều anh em sẽ cùng đi về nước. Bên trong cần chuẩn bị để đón tiếp. Vì còn bận mấy việc quan trọng, anh Tam cần ở lại Côn Minh một thời gian, rồi sẽ về sau.

Tại một toà nhà rộng, hai tầng ở phố hàng Trống, mặt trông ra hồ Hoàn Kiếm, tôi gặp ông Patterson, một người còn trẻ, hoà nhã, vui tính, nói tiếng Pháp rất thạo. Chúng tôi ngồi nói chuyện, trong khi dưới đường, có nhiều toán mang cờ đỏ, hô khẩu hiệu đương đi diễu qua. Không biết là tình cờ, hay hữu ý để biểu dương lực lượng dân chúng ủng hộ cho đại biểu Đồng minh xem. Patterson nói anh Tam vẫn khỏe mạnh, và quân Đồng minh sẽ giúp đỡ cho Việt nam được độc lập, nhưng nhiệm vụ của toán ông chỉ là liên lạc và xếp đặt việc thu khí giới của Nhật, cùng xem tình hình chung ra sao. Những việc khác sẽ do quân Trung Hoa và quân Anh xử lý. Tạm thời, Đồng

minh chưa có ý công nhận chính phủ nào ở Đông dương, kể cả chính phủ Hồ Chí Minh.

Cuối cùng, ông đưa tôi ra cửa sổ, trở tay xuống đường, mới một cách thâm trầm bằng tiếng Pháp: Tout est rouge. (Cái gì cũng đỏ cả). Chúng tôi nhìn nhau. Không cần nói năng gì. Để đối phó với tình thế, quốc dân đảng mở cuộc hội họp lâm thời cấp Trung ương. Do tình hình đặc biệt, chỉ có một số người đến họp, trong đó có anh Trương Tử Anh, Phan Trâm Nguyễn Tiến Hỷ, anh Chu Bá Phượng, Nguyễn Văn Chấn (Chấn đen), Hoàng Đạo, Xuân Tùng và tôi. Trong cuộc họp, việc chính là bàn về vấn đề có nên hợp tác với Việt minh hay không, vì Tổng Bộ Việt minh có ngỏ ý muốn gặp gỡ để thảo luận về việc cộng tác chống Pháp tái xâm lăng. Lúc đó do quân Anh giúp đỡ, toán quân Pháp do Cédille chỉ huy cùng đổ bộ lên Sài Gòn đã bắt đầu hành động, với cái gọi là khôi phục lại trật tự hạn chế mọi hành động của người Việt và chuẩn bị tước khí giới của các nhóm tự vệ.

Nguy cơ Pháp tái xâm lăng đã rõ ràng. Một thiểu số anh em tán thành đoàn kết dân tộc, cộng tác với Việt minh để chống Pháp trước đã, nhưng đa số e ngại nếu hợp tác thì kết quả chỉ có thể là đầu hàng hay sẽ bị tiêu diệt vì thế mình quá yếu. Cuối cùng, đi tới một kết luận tạm thời là trên mặt giữ liên lạc với Việt minh, tiếp tục hoạt động bí mật, chờ Đồng minh tới và các anh em ở hải ngoại về sẽ ra hoạt động công khai. Hội nghị không đưa ra một chương trình hành động cụ thể và thực tế, để tăng cường nội bộ hay gây ảnh hưởng trong quần chúng.

Lúc đó, vấn đề nội bộ, theo chỗ tôi thấy, rất quan trọng song không được chú ý, đó là việc làm sao có một cương lĩnh chính trị thống nhất. Mặc dầu một số người lãnh đạo trong Việt nam quốc dân

đảng, Đại việt quốc dân đảng và Đại việt dân chính đã đồng ý hợp nhất dưới danh xưng Quốc Dân đảng, nhưng điều này không được truyền đạt tới các cấp đảng viên. Cho nên, đảng viên Việt nam quốc dân đảng đa số vẫn tin vào chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên, đảng viên Đại việt vào chủ nghĩa Dân Tộc sinh tồn do anh Trương Tử Anh đề xướng, còn anh em Đại việt dân chính thì đa số tin ở một thứ dân chủ xã hội không độc tài. Tuy vậy, tất cả đều đứng dưới một ngọn cờ quốc gia, không chấp nhận độc tài cộng sản. Nhưng yếu tố thất bại đã nẩy mầm, từ chỗ thiếu cương lĩnh chính trị thống nhất để hiệu triệu và tổ chức quần chúng, lại thiếu chương trình thực tế để đương đầu với Việt minh đương lợi dụng chiêu bài kháng chiến, thiếu sự kiên quyết gia cường lực lượng của mình mà quá ỷ lại vào người ngoài, không nhìn rõ được bản chất của các nước Đồng minh dù sao cũng vì lợi ích bản thân của họ trước hết. Riêng về các đảng viên Đại việt dân chính cũ, tôi thấy có một điều đáng buồn là số còn hoạt động Việt nam quốc dân đảng rất ít, một phần nằm im, một phần đã chạy sang với Việt minh, có người đã tham gia vào nội các Hồ Chí Minh.

Về mặt công khai, từ Ngày Nay đã đình bản, Hoàng Đạo, tôi và Khái Hưng thương lượng ra một tờ báo hàng ngày. Lần này cử anh Nguyễn Trọng Trạc làm giám đốc, Khái Hưng và tôi phụ trách biên soạn. Mục đích là duy trì một cơ cấu ngôn luận của mình, nhưng dưới bề mặt trung dung, chỉ đăng tin tức và hô hào bảo vệ độc lập, tự do.

Quân Anh tới Sài Gòn rất nhanh, nhưng quân Trung Hoa ở ngay bên cạnh lại rất chậm chạp... người ta không hiểu. Giữa những tay quân phiệt Trung quốc thường có nhiều âm mưu quỷ kế. Tưởng Giới Thạch muốn nhân cơ hội này điều quân Vân Nam sang Việt

nam rồi sau đó điểu đi Đông Bắc chống quân Trung Cộng, quân đội Nam Kinh thừa cơ khổng chế Vân Nam. Song, nghe nói Long Vân làm phản, nên trước hết phải giải quyết Long Vân. Vì thế, mãi tới gần tháng 10, quân Lữ Hán mới qua đường Lào Cai, Hà Giang nhập Việt, đồng thời quân của Trương Phát Khuê từ Đệ Tứ chiến khu Quảng Tây tiến tới Lạng Sơn.

Thú thực, ấn tượng của tôi đối với quân đội Trung Hoa không lấy gì làm tốt đẹp lắm. Ngẫu nhiên, trên con đường Gambetta, tôi gặp một đạo quân Hoa từ ga Hàng Cỏ tiến tới. Tuy cũng khá đông, song không kèn không trống, đội ngũ kém chỉnh tề, kém oai phong, quần áo xộc xệch. Vũ khí mang theo chỉ có súng trường và ít súng máy. Không có xe cơ giới lớn nào. Chỉ có mấy xe Jeep của mấy ông tướng. Sau rốt, là bộ phận cấp dưỡng với gồng gánh, nồi niêu trông càng luộm thuộm. Người Việt đứng xem với con mắt hoài nghi. Song, nhiều khi sẽ làm nếu chỉ nhìn bề ngoài. Có những đội quân đánh du kích, tác chiến rất cừ. Như tại mấy tháng sau, khi có vụ chạm trán với quân Pháp tại Hà Nội, đội quân Cảnh Bị đã lanh lẹ chiếm những vị trí cần thiết trên mái nhà, sau gốc cây, và uy hiếp quân Pháp có xe thiết giáp trợ lực phải rút lui có trật tự.

Quân đội Trung Hoa tiến vào Việt nam với nhiệm vụ là tiếp thu khí giới của Nhật, giữ gìn trật tự không để xảy ra hỗn loạn, nhưng không can thiệp trực tiếp vào nội bộ Việt nam. Họ đứng trước vấn đề đối xử với Chính phủ Hồ Chí Minh như một thực thể hiện hữu. Mặc dầu không công nhận nó, họ cũng không thể giải tán nó nếu không có hỗn loạn xảy ra uy hiếp đến trật tự

Một mặt, vấn đề Đông dương tất nhiên phải có ảnh hưởng của Pháp, vốn vẫn tuyên bố là có chủ quyền. Dù trên bề mặt, Trung quốc không thể không tuyên bố ủng hộ nền độc lập, tự trị của các

thuộc địa cũ, nhưng cùng là Đồng minh, chắc chắn đã có Hiệp Định ngầm với Pháp về vận mệnh Đông dương, tuy rằng họ không muốn Pháp toàn quyền thống trị như trước kia. Nam Kinh thừa biết chính phủ Hồ Chí Minh thực chất là cộng sản. Hồ Chí Minh, tức Nguyễn ái Quốc là một thành viên trong Quốc tế cộng sản, đã từng hoạt động tại Trung Quốc nhiều lần. Nhưng họ cần đến chính phủ sẵn có này để cung cấp lương thực và vật liệu cần thiết, rồi mau chóng rút về, đưa quân lên Đông Bắc.

Bài học quan trọng lúc này là các đảng phái quốc gia người Việt đã không ý thức rõ rệt về tính chất phức tạp của tình hình quốc nội và quốc tế, nên đã không có một đối sách hữu hiệu, và lâm vào cảnh bị động.

Cần công nhận rằng sách lược của Việt minh tỏ ra mềm dẻo và khôn khéo, dùng đủ mọi cách để lách được con thuyền vượt qua thác ghềnh liên tiếp đổ tới.

Ngày nay, nghĩ lại những bài học ấy vẫn còn thấm thía. Một chính đảng hay một con người, nếu chỉ biết chủ quan, tự đại, không nghiêm khắc với mình, không biết tự kiểm thảo, cùng chỉ cho mọi lời phê bình là nói xấu mình, thì nhất định sẽ lạc hậu và thất bại mãi mãi.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 24

Những nhân vật hải ngoại về nước: Nguyễn hải Thần, Vũ Hồng
Khánh công khai chống Việt minh
Tờ Việt nam ra đời

Những ngày đầu tháng mười năm 1945, một sự kiện đặc biệt làm người Hà Nội chú ý. Tại một toà nhà góc đường Quan Thánh và phố hàng Bún, xế cửa tòa báo Ngày Nay trước đây một cái loa lớn ngày nào cũng ra rả lớn tiếng hô hào độc lập tự do dân chủ, chỉ trích chính sách độc tôn của chính phủ Hồ Chí Minh. Nó hấp dẫn được một số có khi rất đông đứng trên hè nghe, đa số là công chức, trí thức, giới trung lưu hay những kẻ hiếu kỳ.

Toà nhà đó lại có những vệ binh mặc quần áo màu đen, trong đó có cả nữ binh lạ mắt.

Đó là trụ sở của Việt nam cách mệnh đồng minh hội - gọi tắt là Việt cách - một tổ chức do người Việt lưu vong thành lập tại Quảng Tây, nay đã trở về nước hoạt động, sau khi bốn ba nơi hải ngoại đã nhiều năm trôi.

Việt cách lúc thành lập, bao gồm rất nhiều đảng phái và nhân sĩ, trong đó có cả Hồ Chí Minh. Nhưng sau đó, Hồ Chí Minh đã mang một số cán bộ và tiền, lãnh sự mạng của Hội để về nước hoạt động. Hồ và đảng cộng sản đã hoạt động riêng rẽ, lập ra Việt nam Độc lập đồng minh hội (gọi tắt Việt minh) -thực ra cái tên này đã sẵn có từ trước.

Chủ tịch Việt cách là cụ Nguyễn Hải Thần, với một số cán bộ như Tạ Nguyên Hối, Bồ Xuân Luật, lại có Nhưộng Tống, Nguyễn Triệu Luật gia nhập góp sức. Về mặt quân sự, có đạo quân Vũ Kim Thành, nhưng đóng ở miền Quảng Yên và Hải Ninh.

Ngoài ra, các anh em Phục Quốc cũng gia nhập Việt cách. Trên danh nghĩa, Việt nam quốc dân đảng cũng là một thành viên của Việt cách, song trên thực tế quốc dân đảng là một phái lớn mạnh nhất, vẫn có hoạt động riêng của mình. Trong một buổi họp nội bộ, lần đầu tiên tôi được gặp cụ Nguyễn Hải Thần, một nhà cách mạng lão thành đã lưu vong ở hải ngoại gần 40 năm, đã từng làm giáo viên tại trường võ bị Hoàng Phố ở Quảng Châu, một trường đã đào tạo ra nhiều nhân vật cách mạng Trung quốc. Cụ đã già, mắt đeo kính, trông dáng mặt thì biết là một người đã từng trải, chịu nhiều phong sương. Là một hậu sinh trong số các anh em Việt Quốc, Phục Quốc, và cả Đại việt Quốc xã, tôi cố ý quan sát nhà lãnh đạo có tiếng này. Trong khi bàn luận vấn đề thời cuộc, thú thực tôi cảm thấy bối rối, và hơi thất vọng, vì cụ nói tiếng khó nghe hiểu và chậm chạp, và không được nghe cụ đưa ra những nhận xét hay phân tích sâu sắc hay đề ra một đường lối hành động có kế hoạch để hướng dẫn mọi người.

Lúc đó, chúng tôi cần nhất là được hiểu rõ thêm về tình thế quốc tế liên quan tới Việt nam, và một sách lược đối nội, đối ngoại sao cho thích ứng với hoàn cảnh khó khăn của phe quốc gia đứng trước sự đe dọa lớn lao của cả hai phe Việt minh và Pháp. Tuy cụ không phải là một chiến lược gia giỏi, nhưng cụ có lập trường vững và khí tiết trong việc phê bình những sai lầm của cộng sản.

Trong lúc này, tại toà báo, tự nhiên một hôm có một vị khách không ngờ: Xuân Diệu. Đã lâu không gặp, trông anh ta đã già hơn trước,

nhưng bộ tóc vẫn còn để bông bênh.

- Sao hôm nay rỗng đến nhà tôm vậy?- Tôi vừa cười vừa hỏi.

- Các anh mới là rỗng chứ! - Xuân Diệu trả lời, vừa nhìn vào bản bài báo maquette - Làm báo thì phải học các anh thôi!

Truyện trò băng quơ một lát, Xuân Diệu cáo từ. Chúng tôi hỏi qua về Huy Cận, thì anh lắc đầu bảo Huy Cận bận nhiều công tác quá tuy chỉ giữ chức Bộ trưởng không có bộ. Không biết Xuân Diệu có mục đích gì khác không. Song một tuần sau, một số người cầm đầu bên Việt minh có mời anh em bên này đến dự tiệc trà đoàn kết cùng một số nhân vật trí thức trong xã hội. Tiệc này, vì có việc bận cần đi xa nên tôi không đến dự được, nghe nói, mấy vị bên Việt minh tỏ ý rất lấy làm tiếc, trong đó có cả Võ Nguyên Giáp.

Các anh em quốc dân đảng đã đặt một trụ sở ở trường Tiểu Học Đỗ Hữu Vị -trước là một nơi đóng binh của Nhật- cách nhà chúng tôi ở một ngõ hẹp. Thực là tiện để hoạt động. Tuy có trụ sở nhưng chỉ có các đảng viên Việt nam quốc dân đảng (kể cả chúng tôi đã gia nhập) ra vào, với mấy anh Trung ương như Chu Bá Phượng, Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Xuân Tùng, Phạm Văn Hễ, Hoàng Đạo và tôi. Trong trường, độ ba chục anh em làm việc, và có một toán vệ sĩ mang súng trường cùng súng ngắn. Toán vệ sĩ này còn bảo vệ cả toà báo, nhất là về sau này, tờ báo Việt nam Thời Báo đã bị đảo chính thành tờ Việt nam, cơ quan ngôn luận của Việt nam quốc dân đảng.

Tới chỗ này, cần phải nói rõ mấy điểm. Tuy trên từng lớp Trung ương, đại diện ba đảng VQ, Đại việt quốc dân đảng và Đại việt dân chính đã đồng ý tại quốc nội lấy danh xưng chung là quốc dân đảng, nhưng các anh em Đại việt quốc dân đảng từ anh Trương Tử Anh trở đi vẫn chưa ra công khai ở Hà Nội, và rất ít khi tới trụ sở Đỗ Hữu Vị. Nếu cần họp chung thì tìm địa điểm khác bí mật hơn.

Tờ báo Việt nam cũng lấy danh nghĩa là cơ quan của Việt nam quốc dân đảng. Các đảng bộ địa phương cũng lấy danh nghĩa Việt Quốc, song trong sinh hoạt, các thành phần vẫn lấy danh xưng riêng.

Giữa tháng mười năm 46, anh Vũ Hồng Khanh cùng một số cán bộ mới trở về tới Hà Nội. Sở dĩ chậm trễ là vì khi tới Lào Cai, anh em bị quân Trung Hoa, nhận một số vàng hối lộ của Việt minh, làm khó dễ, bị trở ngại tới một tháng. Việc về tới Hà Nội của nhóm cán bộ hải ngoại làm tăng sự phấn khởi và lòng tin tưởng của anh em trong nước. Trên đường về, anh em đã giành được từ trong tay Việt minh mấy địa điểm để làm căn cứ như Lào Cai, Yên Bái, Việt Trì, đặt cơ sở cho Đệ Tam Chiến Khu sau này từ Vĩnh Yên lên tới Hà Giang, dưới sự hỗ trợ của quân đội Trung Hoa.

Ngày đó, hai anh Tam và Nghiêm Kế Tổ vẫn chưa về được. Tại trụ sở, đặt một bữa tiệc nhỏ để đón mừng anh Vũ và các anh em mới. Được nghe nói tới anh Vũ đã lâu, bây giờ mới được gặp, Vũ Hồng Khanh, tức Giáo Giản, một chiến hữu cạnh liệt sĩ Nguyễn Thái Học, để phải lánh ra ngoài nước đúng mười lăm năm. Mười lăm năm gian truân, vất vả, đã từng bị tù tội ngay tại Vân Nam, nhưng vẫn kiên trì chiến đấu và duy trì được đảng bộ hải ngoại, không có nghị lực phi thường thì không làm nổi. Do anh Chu Bá Phượng giới thiệu, chúng tôi xiết chặt tay nhau. Người anh không cao, nhưng thân hình chắc nịch, đôi mắt hơi nhỏ song đầy vẻ rắn giỏi, tỏ ra là một người đã từng trải nhiều. Tôi cảm thấy anh là một người gan dạ, bình tĩnh. Hai hàng anh em trẻ ở ngoài về, mặc quân phục gọn ghẽ, đeo súng tay, diễu qua trước mặt chúng tôi. Rồi đồng thanh hát bài đảng ca trước bàn thờ Tổ Quốc nén hương nghi ngút. Tôi cảm thấy xúc động, nhưng đồng thời lại lo âu vì lực lượng còn quá nhỏ yếu, kể cả ở Hà Nội và ở những địa phương đã ra hoạt động công khai.

Mọi người mời anh Vũ phát biểu ý kiến. Tôi đợi anh phun châu nhả ngọc, nói ra những điều cao siêu, nhưng anh chỉ nói rất ngắn gọn mấy điều chung chung. Về sau, chúng tôi cũng rõ ràng về lý luận và nghiên cứu các vấn đề sách lược, anh cũng không đi sâu lắm, ngoài phạm vi của chủ nghĩa Tam Dân. Phải công nhận đây là sự thiếu sót chung của các phái quốc gia. Do số anh em phát triển, Việt Quốc lấy thêm Khu Ngũ Xã bên bờ hồ Trúc Bạch để làm chỗ trú ngụ và huấn luyện cho cán bộ.

Việc ra công khai của đảng tại Hà Nội và nhiều tỉnh đòi hỏi tăng cường công tác tuyên truyền. Ngoài việc truyền thanh và rải truyền đơn ra, cần phải có một tờ báo để phổ biến cương lĩnh chính trị và đường lối của đảng, cùng mọi tin tức về hoạt động các nơi. Đứng trước nhu cầu, sau khi bàn luận với anh Hoàng Đạo, tôi và Khái Hưng liền thực hành ngay một hành động rất cách mạng: đổi ngay tờ Việt nam Thời Báo sang tờ Việt nam, cơ quan ngôn luận của Việt nam quốc dân đảng mà không báo trước cho ông chủ nhiệm là Nguyễn Trọng Trạc biết, vì sợ nếu Trạc phản đối sẽ kéo dài thời giờ. Để bảo đảm cho tờ báo phát hành đều đặn, chúng tôi thực hành việc quản chế toà báo và nhà in, bằng cách đặt vệ binh gác cổng, không ai được ra ngoài nếu không có giấy phép. Thực là một tờ báo cách mạng đầu tiên của phe quốc gia, lại có binh gác.

Lẽ tất nhiên anh Trạc kháng nghị nghiêm trọng, và đòi bồi thường thiệt hại, do số vốn anh đã bỏ ra, nhưng tất cả đều biết kháng nghị lấy lệ, vì trong tay anh còn số tiền chục ngàn của nhà đại lý đặt báo trước đây.

Trung ương đặt tôi làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo, có nhiệm vụ giữ vững đường lối đấu tranh: bảo vệ độc lập, tự do, dân chủ, liên kết với các nước dân chủ, phê bình chính sách sai lầm của chính

phủ, Việt nam theo con đường cộng sản nhất định sẽ bị cô lập và có nguy cơ để quốc Pháp trở lại thống trị.

Đương nhiên, trái với quy định của Việt minh, chúng tôi ra báo không cần xin phép ai cả... Dù hai bên có đấu khẩu kịch liệt, chính phủ HCM cũng không thể ra lệnh cấm, vì vô ích. Họ bèn dùng một phương pháp bất lịch sự và nhỏ mọn là chuyên tịch thu báo của những đứa trẻ bán báo. Vì có nhiều người hiếu kỳ nên báo Việt nam cũng khá chạy, nên luôn luôn xảy ra xung đột giữa trẻ bán báo với cảnh sát hay những tay khủng bố.

Thực là một cảnh hiếm có trong đời làm báo của chúng tôi. Làm báo Việt nam, quả là một cuộc đấu chọi rất căng hàng ngày. Luôn luôn phải tìm ra những vấn đề gay go, phải công kích những luận điệu xuyên tạc của tờ Cờ Giải Phóng hay tờ Độc lập.

Toà báo hầu như trở thành một thành trì. Về ăn uống thì mọi nhân viên đều phải ăn lối cách mạng, toàn là rau với chút ít thịt cá, đậu phụ... trừ công nhân nhà in có thể tự do ăn uống do người nhà mang tới.

Có điều dù khát khe như vậy hầu hết đều tỏ ra nguyện ý ở lại làm việc. Chỉ có một người thừa cơ nhẩy qua hàng rào chạy đi.

Vì gần như bị giam lỏng ở đây, chẳng bao lâu ai nấy đầu tóc, râu ria đều mọc dài ra gần như Robinson Crusoe trong tiểu thuyết. Có lần về đến nhà, người nhà không nhận được ra là ai, và gọi ngay thợ húi tóc đến cắt tóc, cạo mặt cho nó sáng sủa một chút. Vì ít ngủ quá, nên tôi lăn ra giường làm một giấc no mãi tới trưa mới dậy.

Trông anh Khái Hưng gầy nhom, bây giờ lại càng gầy, đôi má hóp lại, nhưng anh có tài chịu đựng, viết lách và sửa bài in đêm nào cũng tới rất khuya. Thỉnh thoảng, chúng tôi tạm ngừng vài tiếng, làm cốc cà phê đen đặc và một ván cờ tướng. Chúng tôi làm báo khẩn

trường như vậy, trong một hoàn cảnh khủng bố bất ổn đặc biệt của thành phố Hà Nội thời bấy giờ. Đã có một số anh em phái quốc gia bị bắt cóc, hay đột nhiên mất tích. Thỉnh thoảng lại nghe có tiếng súng nổ ở xa. Nhưng chắc bên Việt minh cũng chịu cảm giác khủng bố không kém, vì quân Trung Hoa đã kéo đến nhiều, chia nhau chiếm các vị trí chủ chốt. Đồng thời, hoạt động của phe quốc gia cũng càng ngày càng nổi lên bề mặt. Việt minh tuy muốn trừ khử ngay nhưng chưa thể làm được.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 25

Gia đình
Tình thành đoàn kết
Tổng tuyển cử

Công việc bận rộn và gay cấn khiến cho chúng tôi không còn thì giờ để nghĩ tới gia đình. Liên vẫn đi dạy học ở trường Trung Hoa. Gia đình anh chị Cả vẫn sống bình yên. Chị Tam vẫn buôn cau. Chị Sáu (Thạch Lam) thì về ở trại Cẩm Giàng cùng với mẹ chồng, nhưng sau, thấy không ổn, mẹ tôi phải lánh vào một ngôi chùa ở, chúng tôi cũng không rõ là ở đâu.

Có khi ngồi nghĩ tới tình thế mọi người trong gia đình, tôi cảm thấy lo ngại. Vì thế nào Việt minh cũng sẽ làm khó dễ, mặc dầu chỉ là đàn bà, con trẻ. Nhất là tại các địa phương, có những tên lưu manh hay cực đoan, cái gì chúng cũng có thể hạ thủ được. Mẹ tôi và các chị sống trong sợ hãi, phải ẩn nấp, trốn tránh, nay đây mai đó, tuy rằng hoàn toàn không có liên quan gì đến công việc của chúng tôi.

Là những người thanh niên yêu nước, chúng tôi chỉ nghĩ tới làm sao cho dân tộc được độc lập, người dân được sinh sống trong tự do và góp sức vào việc tự tay mình xây dựng một đất nước hoà bình, giàu mạnh. Tôi không ngờ được rằng, vừa mới thoát khỏi ách đế quốc Pháp, Nhật lại rơi vào ngay cảnh cùng là đồng bào mà đã thành đối địch với nhau.

Đa số dân chúng hồi đó không có hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa

cộng sản, họ chỉ biết nay đã có một chính phủ cộng hoà trong độc lập và chính phủ đó tuyên bố chống Pháp bảo vệ độc lập, không theo chính phủ này thì theo ai? Nhiều nhà trí thức tham dự vào chính phủ Hồ Chí Minh cũng nghĩ như vậy, họ không phải là đi theo chủ nghĩa Mác, Lê. Có người tán thành chống tư bản bóc lột, giải phóng công nông, tiến tới một xã hội bình đẳng. Người ta chưa hiểu thấu gì về cái gọi là chuyên chính vô sản, cũng chưa hiểu thấu thế nào là dân chủ thực sự. Cho nên, đại đa số dân chúng ủng hộ Việt minh và cho các phe quốc gia là muốn tranh giành quyền vị, cũng là tự nhiên. Huống hồ, nắm chính quyền trong tay, Việt minh vận dụng bộ máy tuyên truyền chỗ nào cũng vu cáo phe quốc gia là thân Nhật, phản động, phá hoại an ninh, theo gót ngoại quốc... Việc hoạt động của các đảng phái quốc gia trong tình hình nguy hiểm khó khăn như thế khó mà phát triển thuận lợi. Quân Trung Hoa chỉ đóng ở một số nơi cần thiết, và sự giúp đỡ của họ cũng chỉ có hạn.

Những viên tướng Trung Hoa, theo lệnh của Nam Kinh, đứng ra hô hào các phe phái Việt nam đoàn kết hợp tác để thành lập một chính quyền thống nhất, có đủ danh nghĩa đối nội cũng như đối quốc tế và tạo nên một hoàn cảnh ổn định có lợi cho nhiệm vụ tiếp quản của họ. Họ chỉ có thể che chở cho phe quốc gia khỏi bị Việt minh thẳng tay đàn áp, nhưng, nếu như một số người mong muốn không thực tế lắm - mong họ dẹp được chính quyền Việt minh và đưa phe quốc gia lên cầm quyền thì không đúng với chủ trương của họ và cũng là một lối mong mỏi quá ỷ lại vào ngoại bang.

Người đứng ra dàn xếp là tướng Tiêu Văn, chủ nhiệm bộ chính trị của quân đoàn Đệ Tứ Chiến Khu do Trương Phát Khuê làm tư lệnh. Ông này là một nhân vật quen thuộc với các nhà cách mạng người Việt hải ngoại, và đã từng tham dự vào làm cố vấn cho Việt nam

Cách Mạng đồng minh hội ngay lúc bắt đầu thành lập tại Liễu Châu. Kể cả từ Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công cho tới Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Nguyễn Tường Tam, và Hồ Chí Minh.

Dù muốn hay không, các lãnh tụ người Việt cũng phải tham dự những cuộc đàm phán. Theo chỉ thị, trên tờ Việt nam cũng nhấn mạnh tới sự cần thiết của sự đoàn kết tất cả các đảng phái để nhất trí chống Pháp, bảo vệ độc lập. Đứng trên lập trường đoàn kết kháng chiến. Vì lúc đó, quân Pháp với sự giúp đỡ của quân Anh, đã chiếm đóng hầu hết những thành phố quan trọng tại miền Nam và cũng đã tiến vào miền Nam Trung kỳ. Những nhóm võ trang, gồm cả của Việt minh hay những phái quốc gia, đều phải rút lui về hậu phương.

Không phải là phe quốc gia không chú ý tới vấn đề nếu chịu ngồi thảo luận hợp tác với Việt minh, thì sẽ có lợi cho cộng sản, giúp cho chính phủ Hồ Chí Minh có danh nghĩa chính thức hơn. Nhưng một là lực lượng của mình so với Việt minh còn quá yếu kém, quân đội quá ít và vũ khí thiếu thốn, tổ chức ở các địa phương còn rời rạc, không phải là lúc ra mặt quyết liệt được, hai là áp lực của quân đội Trung Hoa rất mạnh, nên mọi người đồng ý cần đàm phán với Việt minh để tỏ thiện chí đoàn kết dân tộc trước quốc dân, và tranh thủ một thời gian hoà hoãn để tăng cường nội bộ nhất là tăng cường lực lượng võ trang, với mục đích có thể chống cự với Việt minh một khi quân Tưởng rút lui...

Có những người nghĩ rằng lúc đó phe quốc gia phải chống đối Việt minh đến cùng vì mình có đủ lực lượng và có quân Tưởng ủng hộ, điều đó chỉ là mong mỏi chủ quan và không thực tế. Vả lại, quân dân tại miền Nam thực đương kháng chiến và hy sinh, nếu không tán thành đoàn kết dân tộc tất nhiên sẽ bị quốc dân chỉ trích hay hoài

nghi, và các anh em ở các địa phương tất sẽ bị Việt minh lấy có để khùng bố mạnh. Một điều thiếu sót rõ rệt trong sách lược quốc dân đảng hồi đó là đã không chú ý tới đẩy mạnh phong trào tự động chống Pháp tại miền Nam. Tại đây có nhiều nhóm dân quân không chịu sự chỉ huy của Việt minh, trong đó Đệ Tam Sư Đoàn, do một đảng viên Việt nam quốc dân đảng -Nguyễn Hoà Hiệp chỉ huy, là một lực lượng đáng kể, và đã đối chọi trong nhiều trận đối quân Pháp. Những nhóm kháng chiến đó, vì thiếu lãnh đạo đúng mức và thiếu cộng tác trong hành động, nên đã suy yếu dần giữa sức ép của Pháp và của cộng sản. Đồng thời, đã không được các nhà lãnh đạo tại miền Bắc giúp đỡ tối thiểu về đường lối chính trị, sách lược cần thiết đối với thời cục phức tạp. Nếu có đường lối, sách lược đúng đắn để kết hợp thành một khối mạnh -mạnh hơn lực lượng quốc gia tại ngoài Bắc, vì số quân đội theo tài liệu hồi đó, có thể đạt tới 20.000-30.000 người- thì cả Việt minh lẫn Pháp đã không hoàn thành được như hồi ấy.

Những cuộc đàm phán tay ba bắt đầu. Những đại biểu chủ yếu bên phe quốc gia là Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Long, Chu Bá Phượng. Không có anh em Đại Việt tham gia, vì theo nguyên tắc chỉ có anh em Việt nam quốc dân đảng mới hoạt động bề nổi mà thôi.

Tôi được cử làm một đại biểu trong hội nghị liên tịch các đảng phái, gồm có đại diện của Tổng bộ Việt minh (người cộng sản), đảng Dân chủ (Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hoè, Đỗ Đức Dục..). Việt nam Cách Mạng đồng minh hội (Nguyễn Hải Thần, Tạ Quang Hối, Bô Xuân Luật) Việt nam quốc dân đảng (Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Long, Chu Bá Phượng, Nguyễn Tường Bách) -lúc đó anh Tam và anh Nghiêm Kế Tổ chưa về tới Hà Nội - Đại diện trung lập có Huỳnh

Thúc Kháng, Phan Anh. Trừ Hồ Chí Minh ra, những đại diện thường gặp là Phạm Văn Đồng, Trần Văn Giàu, Võ Nguyên Giáp...

Đầu tháng 11 năm 1945, người ta bỗng thấy một thông cáo trên mặt báo, nghe cũng giật gân: Đảng cộng sản Đông dương tự giải tán, lại thêm một đầu đề nhỏ nữa là Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác được thành lập. Nhưng cái trò này không lường gạt được ai tại trong nước cũng như trên quốc tế. Được tin, chúng tôi chỉ nhìn nhau, mỉm cười, Hôm sau, một bài bình luận, trào phúng và một bức tranh khôi hài xuất hiện trên tờ Việt nam.

Tất nhiên, phe bên kia cũng không chịu kém. Trên tờ Độc lập, một bức tranh hí họa vẽ mấy người nhô con đứng đằng sau một anh lính Trung Hoa, với cái tit: Cách mạng chân chính!

Cuộc đấu khẩu trên mặt báo càng ngày càng kịch liệt trong lúc các cuộc đàm phán vẫn kéo dài. Báo Việt nam kết án Việt minh là phát xít với hình ảnh thập tự quốc xã chồng lên ngôi sao vàng.

Nhưng, các cuộc đàm phán cũng có những phút đặc biệt. Một là những phút tranh luận gay cấn và hai, những bữa tiệc thịnh soạn.

Dự những bữa tiệc không những được ăn ngon, mà còn được hàn huyên với những tướng tá Trung Quốc. Tiêu Văn khổ người hơi thấp và mập, đôi mắt khá tinh nhanh và nói truyện rất hùng hồn -mặc dầu chúng tôi không nghe hiểu tiếng Tàu. Còn tướng Diệp, viên phó tư lệnh của đạo quân 52 hay 53 gì đó, thì điềm đạm, ít nói hơn.

Một lần, theo lối quen huân thị một viên tướng đứng dậy diễn thuyết. Ông cứ nhắc đi nhắc lại (có người làm thông dịch viên) mãi làm cách mạng rất khó khăn, gian khổ, phải đổ máu mới thành công giống như đàn bà đẻ con phải đau đớn, phải đổ máu mới sinh ra được. Điều này quá sáo, chúng tôi từng nghe đã nhiều, nên ông nói thì cứ nói, chúng tôi vẫn không quên gắp đồ ăn lia lịa, tuy hơi bất lịch

sự song nhìn chung quanh hầu hết ai cũng làm như mình.

Đại diện Việt minh - tôi không nhớ là ai, thường phát biểu hô hào đoàn kết dưới sự lãnh đạo của chính phủ kháng chiến và phê bình có những người gây trở ngại cho sự đoàn kết. Một lần, vì hơi nóng mặt trước những lời khiêu khích đó, tôi nói thẳng là nếu muốn đoàn kết thực thì trước hết Việt minh phải đình chỉ mọi sự khủng bố, đàn áp tại các địa phương, và phê bình chính sách chia rẽ ở miền Nam đã đưa tới chỗ quân Pháp xâm chiếm mau chóng.

Rút cục, cuối tháng 11, hai bên đồng ý cho ra một bản tuyên cáo chung với nhan đề Tinh Thành Đoàn Kết, đại ý nói các đảng phái, các tầng lớp nhân dân đều chân thành đoàn kết hợp tác để giữ vững độc lập tự do với sự bảo trợ của Đồng minh.

Bản tuyên cáo này được đăng lên tất cả các báo hồi đó. Xin thú thực, độ ấy trình độ Hán văn của tôi rất kém, nên văt óc cũng không hiểu ý nghĩa hai chữ tinh thành là thế nào?

Anh Gia Trí bình phẩm:

- Đoàn kết thì là tốt, nhưng sao lại phải tinh thành sao không nói nôm na là tinh thần đoàn kết cho có vẻ Việt nam và dễ hiểu hơn?

Phải công nhận là Hồ Chí Minh nói truyện giản dị và dễ hiểu, gọn ghẽ hơn. Còn Nguyễn Hải Thần thì dùng nhiều danh từ chữ Hán, nghe lạ tai và khó hiểu.

Trên thực tế, các phe phái có thực lòng tinh thành hay không, tất nhiên không do một bản tuyên cáo mà thành. Sự thực, đây chỉ là một kế hoãn binh. Nếu đoàn kết chân chính thực hiện, thì sẽ ngăn cản được quân Pháp tiến thêm và sẽ tránh được nội chiến sau này, tránh được bao nhiêu hy sinh đau khổ cho dân tộc. Bảo tất cả đều là giữ miếng, trong bụng đều một bồ dao găm thì cũng không đúng. Có rất nhiều người thành thực tin rằng phải đoàn kết chân thành để cứu

nước, và cũng tin rằng có thể đoàn kết với nhau, dù có chủ trương khác nhau. Vấn đề then chốt ở đây là có những người chủ trương độc tôn, độc tài, không thể dung thứ những ai thách thức quyền lực của họ. Bên Việt minh, họ vừa đàm phán vừa tổ chức những tuần lễ vàng vừa sửa soạn cho một cuộc tổng tuyển cử.

Ai cũng biết, lấy danh nghĩa mộ quyền cho cuộc kháng chiến thần thánh, chính phủ đã thu lượm được một số vàng và tiền khá lớn. Một phần số vàng đó, nghe nói đã dùng để hối lộ bọn tướng Tnmg Hoa, cầu nới tay... Do đó, mới có cái gọi là tinh thành đoàn kết ra đời.

Còn một việc nữa, tổ chức tổng tuyển cử với mục đích hợp pháp hoá, chính thức hoá chính quyền với bộ mặt dân chủ, tự do. Thực ra, nắm được quyền trong tay, kiểm soát được gần toàn bộ dân chúng, ứng cử viên đã do Việt minh tuyển lựa chu đáo, thì cuộc tổng tuyển cử cũng chỉ là một trò đã xếp đặt trước để bày hàng.

Vì vậy, các phe quốc gia đều phủ nhận tổng tuyển cử một chiều, cho là không có giá trị, đặc biệt là trong không khí khủng bố, những phe phái đối lập thì chỉ là phản dân chủ mà thôi. Trên mặt báo, chúng tôi tuyên bố không chấp nhận kết quả của cuộc tuyển cử và hô hào dân chúng tẩy chay.

Do sự phản đối nhiều mặt, Hồ Chí Minh phải nhượng bộ, và tuyên bố hoãn ngày tuyển cử cho đến tháng giêng năm 1946. Đàm phán và đối chọi, đó là đặc điểm của một thời kỳ giằng co giữa hai phái dưới sự bảo trợ của quân đội Trung Hoa.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 26

NgUYỄN Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ về tới Hà Nội
Tình hình chung của phe quốc gia
Mặt Trận quốc gia Thống Nhất

Anh Tam về nước hơi muộn, là vì còn mắc mấy việc, trong đó có vụ Ba Viên.

Ai cũng đã nghe qua vụ Ba Viên làm phản và sau đó bị Việt nam quốc dân đảng thi hành bản án tử hình.

Ba Viên vốn là một thiếu úy trong quân đội Pháp. Hồi quân Nhật đảo chính tháng 3-1945, Viên mang một toán quân chạy sang Vân Nam, trú ngụ ở Mông Tự trên đường xe lửa Côn Minh - Lào Cai. Muốn tăng thêm lực lượng quân sự, anh Tam thuyết phục Ba Viên mang quân về với Việt nam quốc dân đảng. Viên tình nguyện hợp tác và đưa toán binh sĩ của mình, có đủ khí giới do nhà chức trách Vân Nam trả lại, các anh em ở Hải Ngoại Bộ Côn Minh và ở Hà Giang tin rằng Viên thực lòng, muốn quy nhập nên đồng ý thương lượng với nhà chức trách cho phép toán quân đó trở về Hà Giang.

Nhưng Ba Viên theo mật lệnh của Pháp đã rắp tâm lợi dụng cơ hội để làm phản. Như mọi người đều biết, quân của Viên đột nhiên vây bắt những anh em, cán bộ đảng viên ở đó, rồi đón bộ đội cộng sản vào thành. Những anh em ấy sau đều bị cộng sản giết. Anh Tam đã rời khỏi Hà Giang trước khi xảy ra việc biến loạn, rồi về tới Hà Nội. Còn anh Nghiêm Kế Tổ về tới đích xác vào ngày nào, tôi không nhớ

rõ. Thế là hầu hết các nhân vật quan trọng tại hải ngoại đã trở về quê hương. Đã gần 5 năm rồi, tôi mới gặp lại anh Tam, cả nhà đều vui mừng, tất nhiên người vui nhất là chị Tam cùng các con và bà mẹ. Trong mấy năm vừa qua, anh quả đã trải nhiều gian truân trốn được khỏi bàn tay người Nhật tại Quảng Châu, nhưng lúc đến Liễu Châu lại bị quân Trung Hoa tổng giam vào ngục vì nghi là gián điệp của Nhật - đồng thời với Nguyễn ái Quốc - sau nhờ mấy nhà cách mạng lưu vong giao thiệp mới được thả ra, và đi Vân Nam. Chàng Dũng trong Đoàn Tuyệt này đã thành một chiến sĩ thực thụ bốn ba nơi hải ngoại. Chúng tôi mong có người anh trong đảng về chỉ dẫn hành động trong lúc khó khăn.

Trông anh cũng không khác trước mấy, hơi gầy và đen hơn, nhưng rắn giỏi, bớt vẻ thư sinh nho nhã trước kia. Điều mà anh khác trước kia là đã biết quay sang dựa vào Đồng minh và kết hợp với Việt nam quốc dân đảng.

Lúc đó, chúng tôi đứng trước hai vấn đề trọng yếu: Một là vấn đề chủ nghĩa và cương lĩnh chính trị chung cho toàn quốc dân đảng, hai là vấn đề đường lối và chương trình hành động trong cục thế hiện nay. Theo chỗ tôi biết, trong ban Trung ương, chưa có một lần nào thảo luận và quyết định cho triệt để về những vấn đề trên. Có thể cục thế quá gay go và nguy hiểm đã không cho phép làm như vậy, song chính vì thế mà trong hoạt động, đảng thiếu kế hoạch cụ thể để cứu nguy, đặc biệt về phương diện củng cố và phát triển hàng ngũ, tăng cường tính chiến đấu và kỷ luật không thể thiếu cho một tổ chức cách mạng trong nguy cơ bị tiêu diệt.

Đa số thành viên Việt nam quốc dân đảng vẫn tin tưởng ở chủ nghĩa Tam Dân, nhưng không được huấn luyện gì về mặt này, nhất là đối với những người mới vào. Chủ nghĩa dân tộc sinh tồn cũng vẫn ở

trong phạm vi những anh em Đại Việt, chưa thấy Trung ương phổ biến lý thuyết này trong toàn đảng. Trên thực tế, mấy phái trong quốc dân đảng đã có đồng thuận trên cơ sở độc lập, tự do, không cộng sản và một nền kinh tế tư hữu. Trước tình hình đó Trung ương có ủy thác ban tuyên huấn chúng tôi soạn thảo một cương lĩnh chính trị chung, do tôi, Khái Hưng phụ trách, anh Hoàng Đạo góp ý. Bản sơ thảo ấy được Trung ương chấp thuận và đưa ra toàn thể đảng viên góp ý kiến, và đã đăng trên mặt báo Việt nam, đồng thời cũng in thành văn bản phát cho đảng bộ các nơi.

Bản cương lĩnh này là một sản phẩm dung hòa giữa các chủ thuyết, với chủ điểm là dân tộc dân chủ, bỏ những chủ trương độc tài và bên cạnh phần đoàn kết toàn dân, giành độc lập hoàn toàn, chủ trương toàn dân bình đẳng, có đủ quyền tự do, bao gồm quyền tuyển cử quốc hội, chính phủ, tự do kinh tế, nhưng cũng chú trọng bảo đảm quyền lợi tất yếu của công nông. Trên tính chất, nó áp dụng những nguyên lý của nền dân chủ Tây Phương kết hợp với sắc thái dân tộc Việt.

Song, thực ra lúc đó không có đủ thời giờ và điều kiện để mở một cuộc thảo luận rộng rãi. Nhưng nguyên tắc dân tộc dân chủ đã hình thành từ lúc ấy, và trừ ngoại lệ, hầu hết các tổ chức quốc gia đều có cương lĩnh trong phạm trù dân tộc và dân chủ (cho tới tận nay, cuối thế kỷ -tác giả ghi nhận) Còn trên sách lược trước mắt, mọi người ý kiến có khác nhau, chủ yếu trong việc có nên hợp tác với Việt minh hay không?

Theo chỗ tôi biết, trong nội bộ Trung ương, không thấy ai công khai phản đối việc hợp tác, đoàn kết để chống Pháp tái xâm lăng, bảo vệ độc lập. Trong một buổi họp tháng 11, trong đó có cả các anh Trương Tử Anh, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tiến

Hỷ, Chu Bá Phượng, tôi, anh Xuân Tùng... có bàn về việc này, và về ý kiến của cụ Nguyễn Hải Thần đề nghị nên hợp tác. Cũng như đã thuật ở trên, dưới áp lực của các tướng Trung Hoa, áp lực của dư luận dân chúng muốn thấy các phái đoàn kết, và nguy cơ bị đàn áp trong khi chưa đủ lực lượng để tự vệ, ai cũng thấy cần phải hoãn binh. Khi tạm thời hòa hoãn được rồi, tạo được cơ hội cho các địa phương hoạt động.

Cái hại cho công cuộc là sự hợp tác sẽ mang một bộ mặt tốt đẹp hơn cho Hồ Chí Minh, để lung lạc quốc dân và quốc tế. Cân nhắc hai phía, hội nghị cuối cùng cũng đồng ý đoàn kết hợp tác, nhưng cần thận trọng, vận dụng cơ hội để tăng cường lực lượng rồi sau tùy cơ ứng biến. Theo tài liệu các nơi báo cáo về, tình hình phe quốc gia có thể tóm tắt như sau:

1. Phe quốc dân đảng nói chung, gồm Việt nam quốc dân đảng, và Đại việt quốc dân đảng. Phe Đại việt dân chính không còn tồn tại nữa, vì đã sát nhập hoàn toàn vào Việt nam quốc dân đảng. Việt nam quốc dân đảng và Đại việt quốc dân đảng tuy đã ước định lấy danh nghĩa chung là quốc dân đảng, và tại nhiều nơi, hai bên đã hoạt động hỗn hợp chung với nhau, nhưng tại những nơi khác và ngay trong những nơi hành động chung vẫn có hoạt động riêng rẽ hay bộ phận riêng rẽ. Riêng về những người nguyên là Đại việt dân chính chúng tôi thì không có thành kiến hay phân biệt đối đãi nào, coi Đại việt hay Việt nam cũng chỉ là một.

Vào thời kỳ tháng 11, sau khi Nguyễn Tường Tam và Nghiêm Kế Tổ đã về tới Hà Nội, một cuộc hội nghị khoáng đại đã được mở tại một địa điểm gần hồ Bảy Mẫu (không phải là Ôn Như Hầu) và đã cử ra một ban lãnh đạo Trung ương. Cuộc đề cử này do các anh Trương Tử Anh, Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam chủ tọa. Theo chỗ

tôi nhớ, thì tuy là khoáng đại nhưng vì tình thế khẩn trương, nên cán bộ tới họp chừng độ hơn 30 người, trong đó có một số cán bộ các tỉnh. Trong số 12 ủy viên Trung ương hôm ấy, tôi được anh em đề cử, và sau đó, được giao nhiệm vụ bộ trưởng bộ Tuyên Truyền. Ban thường vụ gồm có Trương Tử Anh (chủ tịch) Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tiến Hỷ, Chu Bá Phượng, Nguyễn Tường Long, Phạm Khải Hoàn.

Đăng ký, một lá cờ sao trắng, và đảng ca Việt nam minh châu trời đông cũng được xác nhận trong hội nghị. Tuy vậy một điều gây ra mâu thuẫn là, trên mặt công khai, vẫn dùng danh xưng Việt nam quốc dân đảng, và có nhiều địa phương vẫn dùng danh từ này, mà không dùng danh từ QĐ Đảng. Điều này tỏ ra về mặt tổ chức, quyết nghị từ trên chưa được thi hành triệt để, song trong thời kỳ đó, khó tránh được sự hỗn độn. Việc liên lạc với các tỉnh cũng rất khó khăn, liên lạc đối miền Nam lại càng thưa thớt. Một số đảng bộ ở miền trung đã được thành lập trong điều kiện gian nan.

2. Phe Việt nam Cách Mạng đồng minh hội: phe này do cụ Nguyễn Hải Thần đứng đầu, gồm có một số người trước đây ở Trung quốc về, đa số là anh em Phục Quốc đồng minh hội, có cơ sở tại vùng Lạng sơn. Ngoài ra còn nhóm Vũ Kim Thành và Vệ An Quốc đóng tại miền Hòn Gai, Tiên Yên, Móng Cái.

Việt nam cách mạng đồng minh hội hoạt động tại Hà Nội, còn có một số đảng viên. Đại việt Quốc xã cộng tác.

Nói chung, lực lượng Việt nam cách mạng đồng minh hội không nhiều và cũng thiếu lực lượng võ trang mạnh, và thiếu ảnh hưởng rộng trong dân chúng.

3- Đại việt duy dân đảng - với người sáng lập và lãnh tụ là Lý Đông A - còn có tên là Nguyễn Hữu Thanh - được thành lập năm 1942 lý

thuyết chính trị là chủ nghĩa duy dân, duy dân Đảng về sau phát triển ở trong nước, hoạt động bí mật. Đại Việt duy dân là một trong những chính đảng Việt nam ở hải ngoại đã hội họp với nhau năm 1943 và đồng ý đoàn kết hợp tác

4- Tân Việt nam quốc dân đảng và Đại Việt Quốc gia Liên minh thành lập vào năm 1944, vì thời cục đã biến chuyển mạnh, một phần vì nhiều thành viên bị Việt minh khủng bố, nên hầu như đã tan rã hay ngừng hoạt động, một số thành viên tham gia vào hàng ngũ Việt cách hay quốc dân đảng.

5. Tại miền Nam, để hoạt động độc lập với Việt minh, một Mặt Trận Đoàn Kết Quốc gia, kết hợp những lực lượng Cao Đài Hòa Hảo, Việt nam quốc dân đảng, Phục Quốc... có võ trang, và chiếm cứ một số vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, trong khi quân Pháp chiếm được Sài Gòn và những tỉnh lỵ. Trong những lực lượng dân quân kháng chiến, đáng kể nhất là Đệ Tam Sư Đoàn do Nguyễn Hoà Hiệp, một đảng viên Việt nam quốc dân đảng chỉ huy. Đệ Tam Sư Đoàn bị ép giữa hai thế lực Pháp và Cộng Sản, nên tuy cố gắng khai triển du kích chiến, nhưng cũng không phát triển được mạnh.

Có một điều đáng chú ý là, trong mặt Trận Quốc gia này, lại có những phần tử Đệ Tứ Quốc tế (trozkistes) tham gia hợp tác vì tuy là một hệ phái cộng sản, họ lại là tử địch của cộng sản Đệ Tam. Tạ Thu Thâu đã bị Việt minh bắt được và thủ tiêu... Tổ chức Đệ Tứ lực lượng không có mấy, lại không có võ trang. Tại Hà Nội, chỉ có một số nhỏ người hành động trong bí mật, nhưng có liên lạc với chúng tôi.

Đầu tháng 12 năm 1946, Trung ương quốc dân đảng, cụ Nguyễn Hải Thần và một số nhân sĩ vô đảng phái, qua một cuộc hội nghị, nhận thấy cần phải xúc tiến một trận tuyến quốc gia mới để tăng

cường ảnh hưởng và hiệu triệu dân chúng chống Pháp, chống độc tài.

Chúng tôi đưa ra đề nghị thành lập một tổ chức lấy tên Mặt Trận quốc gia Thống Nhất, đối chọi với Mặt Trận Việt minh, để có tính chất rộng rãi hơn, vì Việt cách lúc đó trên thực tế chỉ là một đoàn thể, và cái danh xưng ấy không còn thích hợp với thời thế.

Mặt Trận quốc gia Thống Nhất Việt nam ra đời. Trong nội bộ, vẫn đề cử Nguyễn Hải Thần làm chủ tịch, phó chủ tịch là Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam. Việc thành lập Mặt Trận Quốc gia được đăng trên báo Việt nam. Mặc dầu việc này không thúc đẩy được công việc nhiều, nhưng nó có ảnh hưởng tượng trưng. Đây là Mặt Trận Quốc gia Thống Nhất đầu tiên trong lịch sử Việt nam.

Với danh xưng này, Nghiêm Kế Tổ được cử làm ủy viên Ngoại giao, chuyên trách việc giao thiệp với các tướng Trung Hoa trong việc mong họ giúp đỡ thiết thực và cung cấp vũ khí cho mình.

Anh Tổ là một người vóc trung bình, dáng dấp có vẻ chững chạc, nói tiếng quan thoại rất lưu loát, và xem ra cũng mồm mép hơn anh Vũ. Tuy nhiên, đối với đảng vụ, về lý luận, kế hoạch, hay hành động cụ thể, không thấy anh đưa ra những ý kiến thiết thực. Có lần chính anh chép miệng nói với tôi, khi trao đổi ý kiến về việc hợp tác với Việt minh và đối sách của mình:

- Cũng phải hợp tác thôi. Nhưng chúng ta không có toàn bản kế hoạch để mà hành động...

- Vậy ý kiến anh thế nào, sao không đưa ra?- Tôi hỏi.

- Khó, khó lắm. - Anh lắc đầu, rơi im lặng, khiến tôi hơi thất vọng.

Hợp tác với Việt minh chỉ là một chiến thuật. Nhưng trong, và sau khi hợp tác toàn đảng cần làm thế nào? Quân Pháp tới, hay quân Tàu rút, thì ngay bây giờ cần phải chuẩn bị những gì? Làm thế nào

để xoay chuyển cục thế bị động của mình? Tất cả những vấn đề phức tạp và khẩn thiết này đều không được đưa ra để thảo luận và đi tới một chương trình rõ ràng.

Trung ương quốc dân đảng lúc đó quá chú trọng tới những công việc đàm phán. Huống hồ, chính trong Trung ương lại không được nhất trí. Công tác tuyên huấn của tôi nhiều khi gặp khó khăn và thiếu tài liệu để chuyển xuống đảng viên các nơi.

Đảng vụ không được kiện toàn, lại thiếu kinh phí. Chỉ trông mong vào đảng viên và vào một số nhỏ Mạnh thường Quân, làm sao cung cấp nổi cho mọi việc, đặc biệt là việc mua vũ khí tối thiểu. Các anh em ở Hà Nội chỉ có súng ngắn và một số tiểu liên (kiểu Thompson của Mỹ), và tại các chiến khu, thì thiếu súng máy. Súng cối và đạn cũng thiếu thốn.

Không trông rõ nguy cơ sẽ xảy ra khi quân Trung Hoa rút, là nguyên nhân sẽ trở tay không kịp ngay nửa năm sau.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 27

Đàm phán gay go Thoả thuận về một
Chính Phủ liên Hiệp lâm thời và về quốc Hội

Đã lâu không về căn nhà ở phố Châu Long. Lần này, bước lên thang gác, người bếp cũ vẫn còn ở đấy, lộ vẻ vui mừng thấy tôi về. Tôi ít khi về nhà, nhưng Liên vẫn thường tới, dọn dẹp đồ đạc, quần áo. Dưới nhà, hai anh bạn là Phan Huy Đán và Nguyễn Gia Trí vẫn còn ở.

Liên bảo, có khi anh Tam cũng đến đây nghỉ, vì ngay bên cạnh trụ sở quốc dân đảng. Chiều hôm ấy, tôi được hưởng một bữa cơm ngon miệng, tuy đơn sơ, khác hẳn với những món tại toà báo.

Có thịt gà luộc và Lạp xưởng. Do đương đàm phán tinh thành đoàn kết nên tình thế cũng tạm yên, ra ngoài đường không sợ bị bắt cóc.

Anh Đán và anh Gia Trí đều có vợ cả rồi, những truyện gia đình của các anh ấy tôi cũng không biết rõ, vì quá bận túi bụi. Tôi còn nhớ, hình như tôi có nhờ anh bếp cắt hộ tóc, vì đã quá dài, còn râu thì cũng nhân dịp rồi cạo cho nó nhẵn nhụi một chút.

Sáng hôm sau, cùng với anh Chu Bá Phụng, tôi tới Bắc bộ phủ để bàn về mấy vấn đề quan trọng. Trụ sở quốc dân đảng có hai chiếc xe hơi, chúng tôi ngồi một chiếc xe Ford màu đen chạy khá êm. Nên nhớ lúc đó ngồi xe nhà là một điều hiếm có. Ngồi trên xe, nhìn qua các đường phố, thấy có vẻ vắng im hơn trước, nhưng các cửa hàng đều vẫn mở tại hàng Ngang, hàng Đào. Qua vườn hoa Paul Bert cũ,

(tôi không nhớ lúc ấy đã đổi tên là gì) rẽ vào cổng lớn Bắc bộ phủ - tức phủ Thống Sứ cũ. Xế cửa, vẫn có nhà khách sạn Metropole sau đổi tên là khách sạn Thống Nhất - Xe chúng tôi vừa vào đến trong cổng thì trong có một chiếc xe chạy ra. Người ngồi trên vẫy tay, nhìn không rõ đó là Phạm Văn Đồng hay Võ Nguyên Giáp. Từ cửa bên, lên gác, vào một phòng khách rộng, giữa bày một bàn lớn. Hồ Chí Minh từ một phòng bên ra tiếp, vẫn mặc một bộ áo kaki vàng theo lối Trung Sơn cổ đứng, thái độ rất điềm đạm. Cùng với ông, có một cán bộ nữa, tôi không nhớ tên.

Lần thảo luận này chỉ có hai vấn đề: một là xếp đặt cho một cuộc họp rộng, thảo luận về thành lập Chính phủ Liên hiệp, hai là thảo một bản thông cáo chung, cho cả các tổ chức địa phương của hai bên, về thực thi việc đình chỉ công kích lẫn nhau về hành động cũng như về ngôn luận, cùng thành lập những ủy ban hỗn hợp của cả hai bên để duy trì trật tự.

Vấn đề thứ hai được giải quyết rất nhanh nhưng thực ra về sau có thực hiện hay không lại là một truyện khác. Còn vấn đề thứ nhất thì lại quá phức tạp và khó giải: nguyên tắc đoàn kết chung, thành phần trong chính phủ Liên hiệp, vấn đề quốc hội, quốc kỳ và quốc ca, vấn đề thống nhất quân đội. Nhiệm vụ của chúng tôi hôm ấy chỉ là đúc kết chi tiết cần thảo luận sau này, không phải là vì cách giải quyết, nên sau cũng kết thúc bằng một đề nghị về chương trình nghị sự.

Những cuộc hội họp diễn ra sau đó đưa tới thỏa thuận chính là thành lập một chính phủ kháng chiến lâm thời để tỏ quyết tâm tinh thành đoàn kết, hiệu triệu quốc dân nhất trí kháng Pháp, và cổ vũ tinh thần đồng bào đương chiến đấu tại Nam bộ.

Cuộc tổng tuyển cử được hoãn tới đầu tháng Giêng năm 1946. Do tình thế đặc biệt, phe quốc gia không đủ thời gian để chuẩn bị ứng

cử tại toàn quốc, nên Việt minh đề nghị giành 70 ghế trong Quốc Hội cho phe quốc gia, trong đó 50 ghế cho quốc dân đảng và 20 ghế cho Việt cách. Nhận thấy chưa đủ lực lượng và điều kiện để cản trở cuộc tuyển cử, phe quốc gia chấp nhận giải pháp này.

Việc lá cờ và quốc ca không thể thỏa thuận được. Vì nếu chấp nhận cờ đỏ sao vàng và bài Tiến Quân Ca thì cũng như đầu hàng rồi, mà Việt minh không thấy có lý do gì để thay đổi lá cờ và bài ca sẵn có.

Gay cấn nhất vẫn là việc thống nhất quân đội. Việt minh nhất định đòi quân đội phe quốc gia phải sát nhập vào Vệ Quốc quân.

Bên này thì đòi lấy tên Quốc Dân quân. Song dù lấy tên gì đi nữa, thì trên thực tế, số lượng quân đội của quốc dân đảng và của Việt cách rất nhỏ và yếu so với Việt minh có cả chính phủ trong tay, nếu sát nhập thì chẳng bao lâu sẽ tiêu vong.

Tuy đều biết việc đoàn kết chỉ là trên bề mặt, nhưng một chính phủ kháng chiến lâm thời đã được thành lập. Đây là chính phủ liên hiệp đầu tiên, vào đầu tháng 1-1940 chính phủ lâm thời này sẽ từ chức khi quốc hội họp, lúc đó một Chính Phủ Liên hiệp chính thức sẽ được ra đời.

Vấn đề cờ và quốc ca sẽ giao cho Quốc Hội quyết định. Việc thống nhất quân đội thì sẽ do một hội nghị liên tịch của đảng phái giải quyết sau. Tồn nhiều thì giờ nhất là việc phân chia các ghế bộ trưởng.

Tuy tôi không dự nhiều về những buổi cãi cọ ấy, song có lần, một đại biểu Việt minh đã phàn nàn thẳng thừng:

- Các anh có ít mà lại cứ đòi nhiều, vô lý!
- Nhưng vô lý hay không, nếu ai đòi được thì cứ đòi chứ.

Cuối cùng, danh sách các vị trong Chính Phủ Lâm Thời gồm có những nhân vật chính như sau (vì đã lâu quá mà thiếu tài liệu để

tham khảo, tôi chỉ nhớ được một số nhân vật) cũng không khác với Chính Phủ chính thức sau này mấy.

Chủ Tịch: Hồ Chí Minh

Phó Chủ Tịch: Nguyễn Hải Thần

Cố vấn tối cao: Vĩnh Thụy

Bộ trưởng bộ Nội Vụ: Huỳnh Thúc Kháng

Bộ trưởng bộ Ngoại Giao: Nguyễn Tường Tam

Bộ trưởng bộ Tài Chánh: Lê Văn Hiến

Bộ trưởng bộ Quốc Phòng: Phan Anh

Bộ trưởng bộ Kinh Tế: Nguyễn Tường Long

Bộ trưởng bộ Tư Pháp: Vũ Trọng Khánh

Bộ trưởng bộ Thanh niên: Dương Đức Hiền

Quốc Phòng ủy viên hội Chủ Tịch: Võ Nguyên Giáp

Quốc Phòng ủy viên Phó Chủ Tịch: Vũ Hồng Khanh.

Trên nguyên tắc, những bộ quan trọng chia đều cho các phe và những nhân vật không đảng phái.

Tôi được cử vào tiểu ban dự thảo bản Tuyên Ngôn của Chính Phủ Liên hiệp lâm thời. Không ngờ, trong buổi họp tại nhà Khai Trí Tiến Đức, tôi lại gặp lại anh Dương Đức Hiền. Đã hơn nửa năm rồi, hai người lại gặp nhau trong một trường hợp kỳ lạ, không thể ngờ tới.

Trông anh không có gì khác trước, chỉ bớt đen đi một chút. Anh rất ít nói, không biết có phải vì sự có mặt của tôi hay không? Hai người bạn, đồng chí thân thiết mấy năm trước đây, nay đã trở thành đối địch, trở thành phải e dè, giữ miếng với nhau. Tại sao cùng một chí hướng mà thành ra thế này? Chắc anh còn nhớ tới những ngày chạy tránh bọn Pháp, ngày anh tới thăm tôi một trên cái gác trọ ngõ Chân Hưng, ngày ngồi trên bờ sông Nhuệ anh khuyên tôi và Khái Hưng gia nhập Việt minh, nếu lừng khừng thì cách mạng sẽ beng

đầu các anh!. Quả nhiên hiệu nghiệm. Bây giờ anh đã thuộc phái cầm quyền, sức mạnh ở về phe anh...

Chắc anh không tin gì nhiều về cái đoàn kết trong một chính phủ... Tuy vậy, mọi người cũng cố gắng bàn cãi, cho tới khi bản tuyên ngôn đó ra đời, và được công bố trên toàn quốc.

Vì chính phủ lâm thời này chỉ là quá độ, nên không có tuyên truyền rùm beng, dân chúng cũng ít chú ý. Nhưng việc này phần nào cũng đưa tới hòa hoãn. Trong đầu năm, tại một số tỉnh như Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Nam định, Phát Diệm, Thanh Hoá và khu từ Thừa Thiên tới Quảng Nam, Phú Yên... tiếp tục thành lập đảng bộ Việt nam quốc dân đảng. Tại Đệ Tam Khu, tức từ Vĩnh Yên tới Lào Cai, các cơ sở sẵn có cũng được củng cố và tăng cường, mặc dầu vẫn bị phong toả.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 28

Quốc Hội Và Chính Phủ liên Hiệp Kháng Chiến

Thời kỳ hai tháng đầu năm 1946 rất phức tạp với sự đối chọi của nhiều thế lực. Phe quốc gia lúc đó giống như một con thuyền chênh vênh giữa sóng thác rập rình, mà hai bên lại là vách đá cheo leo. Chỗ dựa quốc tế duy nhất là Trung quốc, nhưng quân đội Tưởng không có ý muốn dẹp hẳn cộng sản Việt minh -mà dù có muốn cũng gặp nhiều trở ngại, nhất là về phía Liên Xô. Đồng thời, việc cấp thiết cho họ là nguy cơ quân Mao Trạch Đông đang tràn lấn khắp nơi, Tưởng không muốn sa lầy tại Việt nam, thà để cho Pháp chế ngự cộng sản Việt nam! Mà số khí giới họ giúp theo chỗ tôi biết, thì bất quá là vài trăm khẩu súng của Nhật hay của Pháp đã cũ, nhiều cây không dùng được và thiếu đạn dược... ứng phó thế nào khi quân Hoa rút? Phe Việt minh tuy nắm chính quyền, có số lính Bảo An, một số lính khổ đở, có vũ khí dồi dào hơn, và đương mộ binh riết để huấn luyện, nhưng hãy còn non nớt, thiếu vũ khí hạng lớn. Theo lời của mấy lãnh tụ cộng sản hồi đó, họ rất lo lắng vì bị kẹp giữa ba lực lượng: quân Hoa, phe quốc gia, và quân Pháp đang đe dọa đổ bộ lên miền Bắc. Sách lược của Hồ Chí Minh tất phải là tạm hoà hoãn để tránh xung đột với quân Tàu, đòi họ rút về nước rồi thừa cơ Pháp chưa chiếm vững, sẽ dốc lực lượng để tiêu diệt đội quân nhỏ yếu của người quốc gia. Sách lược này rõ ràng, rất nguy hiểm.

Và cũng rất rõ ràng, phe quốc gia chỉ có một con đường để thoát khỏi diệt vong, là cấp tốc tăng gia quân đội và mở rộng, củng cố chiến khu, lợi dụng mâu thuẫn trong quốc tế để duy trì và phát triển, lãnh đạo dân chúng chiến đấu. Phải kiên quyết hành động bằng mọi cách, trong một chương trình chung cho mọi đoàn thể.

Có lẽ một phần còn hy vọng việc kết hợp còn kéo dài được, một phần cho rằng trước sự đe dọa của quân xâm lăng Pháp, Việt minh chưa dám quyết liệt và còn e lòng dân phản đối, nên đa số các người cầm đầu phe quốc gia vẫn còn băn khoăn về việc tham gia Quốc Hội đề cử thành phần Hội đồng Bộ trưởng. Trung ương không phái cán bộ cao cấp tới các địa phương để lãnh đạo việc đảng. Mặt khác, một số thành phần trong đảng bất đồng ý kiến, đã có những hành động riêng rẽ, ảnh hưởng tới việc dốc sức vào gây dựng lực lượng chung. Còn có ít phần tử mới tham gia đảng vì thời cục xô đẩy, thiếu ý chí và thiếu kỷ luật

Tất cả những thiếu sót trên khiến phe quốc gia đã chưa xây dựng được lực lượng mạnh thống nhất, có sức chiến đấu để đương đầu với những ngày gay go về sau. Dù có những đánh phá, chỉ trích, cuộc tuyển cử vẫn cứ cử hành vào đầu tháng 1-1946. Vì có sửa soạn trước, đã chỉ định ứng cử viên, và đã lôi kéo người đi bầu theo lối xưa gà, lại cũng có kèn có trống nên tỉ lệ đi bầu cũng khả quan.

Ngày họp ở Nhà hát lớn thành phố, vào cuối tháng 2-46 tôi có đến xem tình hình như một ký giả, chứ không như một đại biểu, và rút lui rất nhanh. Trong bụng tôi nghĩ, chẳng qua cũng là một màn kịch đóng trò thống nhất, song đủ mặt anh tài.

Quốc hội kỳ ấy đã phê chuẩn danh sách chính phủ Liên hiệp kháng chiến, đã biểu quyết giữ lại cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ và bài Tiến quân ca làm quốc ca.

Thành phần của chính phủ này ai cũng đều biết, chỉ xin nhắc lại sau đây để tham khảo:

Chủ tịch chính phủ: Hồ Chí Minh

Phó Chủ tịch chính phủ: Nguyễn Hải Thần

Cố vấn chính phủ: Vĩnh Thụy

Bộ trưởng Nội Vụ: Huỳnh Thúc Kháng (trung lập)

Quốc Phòng: Phan Anh (trung lập)

Ngoại Giao: Nguyễn Tường Tam (quốc dân đảng)

Tài Chánh: Lê Văn Hiến (cộng sản)

Minh Tế: Chu Bá Phượng (quốc dân đảng)

Giáo dục: Đặng Thái Mai (cộng sản)

Tư Pháp: Vũ Đình Hoè (Dân Chủ Đảng)

Canh nông: Bồ Xuân Luật (Việt cách)

Công chính: Trần Đăng Khoa (Dân Chủ Đảng)

Y tế: Trương Đình Tri (Việt cách)

Ủy ban kháng chiến, chủ tịch: Võ Nguyên Giáp (cộng sản)

Phó chủ tịch: Vũ Hồng Khanh (quốc dân đảng)

Sau đó, chính phủ Liên hiệp đã ra mắt quốc dân trên bao lơn gác nhà Hát Lớn. Hồ Chí Minh tuyên bố vài câu về việc thành lập và cương lĩnh của chính phủ, sau tới lượt ông Nguyễn Hải Thần diễn thuyết. Nhưng có lẽ vì ở ngoài lâu quá, nên ông nói rất khó nghe và đệm nhiều chữ Hán, khiến người ta thất vọng.

Chính phủ này khi ra đời lập tức phải đương đầu với những khó khăn ghê gớm, đối nội cũng như đối ngoại.

Lúc đó, với một thỏa hiệp ngầm, Trung quốc đòi thỏa thuận với Pháp, sẽ rút đi bắt đầu ngày 28-2-46, Pháp có một số nhượng bộ cho Trung quốc về các tô giới, ngược lại Trung quốc đồng ý quân

Pháp sẽ thay thế mình tại Bắc Việt. Để thu xếp ổn thỏa việc này, tránh chiến tranh xảy ra. Trung quốc đã đồng ý thành phần của chính phủ Liên hiệp này, và khuyên Pháp-Việt hai bên nên thảo ra một bản hiệp định về quan hệ giữa hai nước.

Quan điểm của Pháp lúc đó là chỉ để cho Việt nam là một quốc gia tự do trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp. Mặc dầu muốn thỏa hiệp, Hồ Chí Minh cũng không thể chấp nhận quan điểm ấy vì bị nhiều phe, kể cả trong nội bộ đảng cộng sản, chống đối cho là đầu hàng, phản bội dân tộc và sẽ bị quốc dân nổi lên chống đối.

Cuộc thảo luận vì thế giằng co rất lâu và không dám đưa ra công khai. Trọng điểm ở chỗ Pháp nhìn nhận Việt nam là độc lập hay chỉ là tự do, có quyền thế nào về mặt quân sự và ngoại giao, quân Pháp sẽ đóng tại đây bao lâu mới rút, và Nam Kỳ có tự trị hay không?

Hắc búa nhất vẫn là tranh chấp về quân đội. Ai cũng hiểu một quốc gia chỉ có thể có một quân đội thống nhất, nếu không sẽ hỗn loạn, và lúc đó muốn đánh Pháp, cần thống nhất chỉ huy quân đội mọi phái. Nhưng võ trang lại là vấn đề sinh tử không còn võ trang thì chỉ ngày mai là sẽ phải đi chầu Diêm Vương thôi, ở trong một chế độ vô pháp vô thiên, giết người như ngoé.

Việt minh, căn cứ vào nguyên tắc thống nhất trong chính phủ liên hiệp, đòi tất cả các võ trang đều phải sát nhập vào Vệ Quốc Quân, bỏ danh nghĩa Quốc Dân Quân và đeo dấu hiệu cờ đỏ sao vàng. Điều này, không một cán bộ nào trong phái quốc gia có thể chấp nhận được. Nhìn trên lịch sử, những cuộc liên hợp Quốc-cộng đều kết thúc bằng sự đầu hàng của một bên nào đó, hay là chiến tranh trường kỳ.

Việt nam cũng không thể thoát ra khỏi quy luật này. Rút cục chống chày cũng sẽ đi tới bắn lẫn nhau thôi. Sau chiến tranh chống ngoại

xâm, bi kịch chung cho Việt nam và các nước cộng sản khác là nội chiến, tàn sát lẫn nhau. Kết quả tất nhiên của các chính sách chuyên chính cực đoan của đảng cộng sản - cũng như tại Trung Cộng, Bắc Hàn, Cuba. Không bao giờ có thể đoàn kết, hoà giải chân chính với người cộng sản, trừ phi họ không có vũ khí trong tay, đó là bài học kinh nghiệm lịch sử.

Vì anh Chu Bá Phượng được cử làm bộ trưởng bộ Kinh Tế thay anh Hoàng Đạo, Trung ương lại điều động tôi về bên trụ sở Tổng Bộ, giữ nhiệm vụ bộ tổ chức của đảng. Nhiệm vụ bộ tuyên truyền giao cho anh Khái Hưng giữ.

Đó là vào hồi tháng 2 năm 46. Mới có nửa năm qua đi, mà đã có bao nhiêu thay đổi. Chính phủ Hồ Chí Minh, Bảo Đại thoái vị, các anh em ở hải ngoại về. Quân Trung Hoa tới tiếp quản. Đảng vụ quốc dân đảng phát triển, một số nơi có đảng bộ, có võ trang. Việt minh khủng bố tàn ngược. Quân Pháp xâm chiếm miền nam, và nay lăm le đổ lên miền Bắc. Dân chúng hoang mang. Nhiều nơi vẫn còn nạn đói rớt lại.

Chưa bao giờ, chưa bao giờ chúng tôi - trước đây mấy năm chỉ là thư sinh, nhà văn nhà báo nho nhã - đứng trước một tình thế phức tạp, khẩn trương và nguy nan như vậy. Trước mặt toàn là những kẻ địch gian hiểm, tàn ác khó lường, mà trong đó trước đây đã có những bạn cùng chiến đấu cho dân tộc. Một điều không ngờ lại nghe nói rất nhiều về những chiến sĩ lưu vong ở hải ngoại, định ninh là có lực lượng mạnh và có tài kinh luân cái thế để giải phóng và xây dựng đất nước, song sự thực đã không được như thế. Phải kính phục tinh thần hy sinh, chịu đựng của các vị đó, song về mặt hoạt động thì lại kém nhóm cộng sản.

Đặt quá nhiều hy vọng vào quân Trung Hoa, song hy vọng nhiều thì

thất vọng cũng nhiều. Bảo là quân Trung Hoa không giúp được gì cho phái quốc gia thì cũng không đúng, không có quân Hoa yểm trợ thì đã không thể xây dựng được một số đảng bộ và khu căn cứ. Trung quốc có mục tiêu và lợi ích của nước họ. Không có ai làm cổ cho mình soi cả, mà phải tự mình kiếm gạo, kiếm thịt trước đã. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm lịch sử quá cay đắng.

Hôm đó, trời còn lạnh. Tôi đến toà báo lần cuối. Lá bàng vẫn rụng trên sân và trên hè đường. Bụi tre Đảng Ngà vẫn còn đứng tại một bên sân.

Lấy ít giấy má rồi, cùng anh Khái Hưng cáo biệt. Đến nay, hình ảnh nhà văn gầy nhỏ vẫn còn như trước mắt tôi, Qua mấy tháng làm việc ngày đêm, căng thẳng trong đấu tranh anh lại gầy thêm, thêm mấy nét răn trên trán. Cũng như tôi, anh bị lôi cuốn vào một cơn bão táp không biết bao giờ mới ngừng.

Nhưng anh vẫn lạc quan, đôi mắt anh vẫn sáng, vẫn hay pha trò.

Con người nhiều khi cũng kỳ lạ. Một nhà trí thức hiền từ đã biến thành một chiến sĩ kiên cường, bất khuất, chống đế quốc, chống độc tài.

Đối với tôi một người trẻ nhất trong các anh em, Khái Hưng như là một người anh lớn. Chỉ với sự hiện diện của anh với tinh thần chịu đựng của anh, cũng là một sự cổ vũ vô hình cho tôi. Và tờ Việt nam là thành quả lớn của sự cố gắng của anh cùng các anh em cộng sự. Thực tình, tôi không muốn rời toà nhà này, nơi mà tôi đã làm báo, viết văn, làm việc chung mười ba năm dài. Đã có biết bao vui buồn, thành công và thất bại ở đây. Dù sao, những tờ báo Phong Hoá, Ngày Nay, Tự lực Văn Đoàn, phong trào ánh Sáng, Đại việt dân chính, và bây giờ, 1946, tờ Việt nam cũng đã đi vào lịch sử. Và giá trị của toà nhà này cũng vì đã là một nơi tập hợp hiếm có cả về văn

hoá lẫn chính trị của bao nhiêu anh tài đất nước. Trong đó có một số người dù muốn dù không, trước và sau người ngày biến chuyển kinh thiên động địa, cũng đã tham gia vào sự nghiệp chung của đất nước trong khi một thời đại cũ biến đi, một thời đại mới bắt đầu.

Cùng anh Vương Các Đạo, một anh em trong nhóm cảnh vệ lúc đó, chúng tôi sang trụ sở Đỗ Hữu Vị, rất gần đây. Anh Vương Các Đạo, thân hình đặc biệt cao lớn, da ngăm ngăm đen, trước đây trong Bảo An Binh, một người rất thẳng thắn, trung hậu. Trong lúc nói chuyện, anh tỏ vẻ rất tin tưởng, tuy anh biết đương gặp nhiều khó khăn. Nhưng tôi cũng không muốn nói cho anh biết tình hình thực ra còn khó khăn hơn anh tưởng nhiều, và bao mối đe dọa đương ở trên đầu phe quốc gia.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 29

Tại Bộ Tổ Chức Việt nam quốc dân đảng - Tổ Chức biểu tình đòi
chính phủ không để Pháp đồ bộ
Quốc gia Thanh Niên Đoàn

Trụ sở Tổng Bộ Việt nam quốc dân đảng đặt tại trường tiểu học Đỗ Hữu Vị, vừa trước đây cũng là một trại binh của Nhật. Cũng như các trường học khác ở Hà Nội, trường có sân rất rộng, trồng nhiều cây bàng. Mỗi lần nhìn thấy cây bàng, lá bàng rụng trên sân, tôi không khỏi nhớ lại quãng đời học sinh thơ ấu và hồn nhiên. Tuy nói là bộ tổ chức, nhưng cũng chỉ có một phòng lớn ở ngoài và một gian nhỏ ở trong để họp bí mật. Hồ sơ các địa phương cũng rất ít vì lúc đó đa số phải tự lực cánh sinh, có khi phải trốn tránh không có chỗ trú nhất định. Anh em giao thông cũng hiếm, cần lắm mới phải dùng đến... Liên lạc không những khó khăn mà nguy hiểm. Chỉ có một số địa phương phái người lên xin ý kiến, trong đó có người đến rồi sau không về được nữa, hay là đã mất liên lạc với địa phương mình. Ngay tại Hà Nội, lực lượng đảng cũng rất thưa thớt. Chỉ có một số ít đảng viên Việt nam quốc dân đảng cũ trước kia nay lại bắt liên lạc. Phần lớn anh em Đại Việt dân chính cũ cũng nằm im, không Cộng tác với quốc dân đảng, một số đi với Việt minh. Bàn với anh Nguyễn Tường Long, anh cũng lắc đầu.

Tình hình nội vụ xem ra không lạc quan. Trung ương Việt nam quốc dân đảng quyết định tổ chức biểu tình ở các nơi để gây động quần

chúng. Khẩu hiệu được đưa ra là Chính phủ phải kháng chiến thực sự, Chống việc quân Pháp đổ bộ lên miền Bắc, Đoàn kết toàn dân, đình chỉ khủng bố

Tại Hà Nội, cuộc biểu tình thu hút được độ 2 ngàn người đi qua Bắc Bộ Phủ, bờ hồ Hoàn Kiếm, không được như ý muốn vì người dân còn sợ Việt minh khủng bố. Theo tin ở mấy nơi ở các địa phương, thì gặp rất nhiều trở ngại do Việt minh phá hoại, ngăn trở, nên đã không thành công mấy. Bên Việt minh có đoàn Thanh niên Cứu Quốc, lôi cuốn được nhiều học sinh, sinh viên tích cực. Bàn với Trung ương rồi, cùng với mấy anh em trẻ như anh Trần Văn Tuyên, Phan Kích Nam v.v.. từ miền Trung ra, tôi soạn thảo ra bản cương lĩnh và nội quy của một đoàn thanh niên, với mục đích đấu tranh cho dân tộc, thực hiện hoàn toàn độc lập, tiến tới xây dựng một tổ quốc giàu mạnh. Phản đối đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa cộng sản quốc tế

Đoàn Thanh niên này lấy tên là Quốc gia Thanh niên đoàn. Tôi làm Đoàn trưởng, hai phó đoàn trưởng là Trần Văn Tuyên, Phan Kích Nam, về sau khi tôi rời Hà Nội, lại thêm một phó đoàn trưởng là anh Mai Ngọc Liệu (hiện nay anh Liệu và một số anh em Quốc gia Thanh niên đoàn cũ đã sang sống tại Hoa kỳ). Sau đó ít lâu, tôi bận nhiều việc tại Trung ương, anh Tuyên bận việc Chánh văn phòng bộ Ngoại Giao với anh Tam, nên việc Đoàn thực tế do anh Phan Kích Nam (Phan Xuân Thiện), người Quảng Nam đảm nhiệm. Nam là một cán bộ rất sốt sắng và có tài tổ chức. Lấy danh nghĩa phe quốc gia để hiệu triệu, thanh niên đến tham dự cũng đông. Buổi lễ khai mạc khoá đầu tiên ở Ngũ Xã, tôi có đến nói truyện, và sau đó giữ mục Đường lối cách mạng Việt nam, theo đúng chủ trương dân tộc dân chủ và đoàn kết kháng chiến.

Không ngờ, người tham gia đoàn thanh niên này cũng khá đông, đủ các giai tầng, và gồm cả một số nữ thanh niên. Họ đều hăng hái, sốt sắng, tuy thiếu kinh nghiệm và không hiểu biết nhiều về chính trị. Đa số đều phản đối Việt minh, song cũng có một số tán thành mọi phái đều nên hợp tác để chống Pháp trước đã. Họ không ưa quân Trung Hoa, song họ lại mong Hoa quân trực tiếp giúp phe quốc gia để chống lại với Việt minh. Tình thế phức tạp và gay go lúc đó, chúng tôi chưa thể nói hết cho các anh em biết rõ. Vì chính chúng tôi cũng chưa biết sẽ biến chuyển ra sao. Vậy đối với thanh niên, lúc này trước hết cần huấn luyện riết về chính trị cũng như về quân sự tối thiểu, để có thể ứng phó với mọi thay đổi. Như vậy, sau này các đoàn viên quốc gia Thanh niên Đoàn đã đóng góp nhiều vào công việc, và khi lên chiến khu cũng đã thành những chiến sĩ thực sự không kém gì các anh em đảng viên.

Ngoài đoàn Thanh niên Quốc gia, tôi cùng với một số anh em tổ chức một đoàn tự vệ bí mật, để bảo vệ cho rrung ương và những cơ quan trọng yếu. Ngày đó, có thể nói chúng tôi hoạt động trong vòng khùng bố, lúc nào nguy hiểm cũng có thể xảy ra. Trong thành phố Hà Nội và nhiều nơi khác, thường thường xảy ra những vụ bắt cóc hay ám sát, đa số đối với những cán bộ trung cấp. Ra khỏi trụ sở là phải đi hai, ba người một tổp, có súng càng tốt. Buổi tối, nhất luật không được ra ngoài, trừ có việc cần thiết.

Các anh em không ai tỏ ra sợ hãi, phần lớn rất bình tĩnh như không có gì nguy hiểm. Nhưng dù sao, cũng vẫn ở trong một vị thế đối địch, luôn luôn khẩn trương. Mọi người đều nghĩ tới ngày quân Tàu sẽ rút lui, nhưng không ai công khai nói ra.

Điều kỳ lạ là, sau khi đất nước đã độc lập, mỗi đe dọa hàng ngày không phải từ người ngoại quốc tới, không phải từ quân Hoa, vì họ

sẽ rút đi, không phải từ người Pháp, vì họ chưa tới, mà dù có tới thì cũng chỉ là một trường chiến đấu, sống hay chết nào có quan hệ gì. Mà lại chính ngay từ người mình, cùng một dân tộc. Chúng tôi làm cách mạng để chống thực dân, chứ không phải để chống lại người Việt nam. Chúng tôi hoàn toàn thực lòng muốn hợp tác với tất cả các phe người Việt khác trong mục đích chung. Kể cả người cộng sản. Bi kịch của thời ấy là chính quyền không may đã rơi vào tay đảng cộng sản Việt nam, được thấm nhuần bởi lý thuyết Mác-Lê-Stalin, giai cấp đấu tranh và chuyên chính vô sản. Giành độc lập chỉ là một bước để thực hiện lý thuyết đó. Họ không thể chia quyền với các phái khác, và cái gọi là đoàn kết của họ chỉ là bắt mọi người đều phải phục tùng. Dù trên bề mặt, có đưa ra những khẩu hiệu Độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng, cốt lõi chính sách của họ vẫn là thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết. Tuy vậy, một mặt, cũng phải công nhận là đảng cộng sản Việt nam có đấu tranh chống thực dân Pháp, vì họ hiểu rằng Việt nam không độc lập thì không thực hiện được mục đích. Đó là chỗ chủ trương của họ khác với nhóm Đệ Tứ, nhóm này cho rằng giai cấp vô sản vẫn có thể đấu tranh dưới bất cứ kẻ thống trị nào, dân tộc hay ngoại bang. Vì nhóm Đệ Tứ đi ngược lại với chủ trương của họ, và Đệ Tứ lại là nhóm có khả năng đoạt quyền lãnh đạo của giai cấp thợ thuyền nhất, nên mấy lãnh tụ như Tạ Thu Thâu đã bị cộng sản thủ tiêu ngay trong những ngày đầu. Cũng như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn... hay Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi đã thành nạn nhân sớm nhất của cộng sản. Một phần đồng bào tin tưởng rằng Chính phủ Hồ Chí Minh thực sự kháng chiến, nên cho là người đảng phái quốc gia nhảy ra quấy rối, vì quyền lợi địa vị, lại dựa vào thế lực quân ngoại quốc. Dân chúng rất dễ tin những người bị bắt, bị thủ tiêu là phản động, cường hào ác

bá, là Việt gian. Phải công nhận thủ đoạn tuyên truyền và vu cáo của người cộng sản rất có mảnh lối. Trình độ hiểu biết của quần chúng chưa đủ để nhận ra, nhất là giới thanh niên bông bột. Thêm vào đó, việc tuyên truyền của phe quốc gia chỉ giới hạn vào những giai tầng trí thức, trung lưu, mà không đi vào sâu được những giới thợ thuyền, dân nghèo, nông dân nghèo khổ.

Những hoạt động của phe quốc gia không lôi cuốn được nhiều quần chúng cũng vì những lẽ trên. Ngay tại Đệ Tam Khu, tức là từ Vĩnh Yên cho tới Lào Cai, là nơi lực lượng quốc dân đảng tụ tập đông nhất, mạnh nhất, cũng có nhiều vấn đề rất đáng lo ngại. Nhìn vào những tài liệu anh Phụng để lại, và quan sát trên bản đồ Bắc Kỳ, thì việc đập ngay vào mắt tôi là những cứ điểm của quốc dân đảng giống như mấy cù lao nhỏ giữa đại dương Việt minh. Trừ khu Lào Cai - Bảo Hà chiếm được một mảnh địa bàn - khá rộng nhưng toàn rừng núi - tất cả đều chỉ là mấy thị xã tỉnh lỵ cô đơn. Mỗi chỗ chỉ có vài trăm anh em, và số súng trường mỗi nơi cũng không quá một trăm khẩu. Không cần phải học qua quân sự cũng hiểu rằng đây là một điều tối kỵ trong cách bố trí trận tuyến. Việt minh lúc nào cũng có thể tới quấy nhiễu, lại còn việc tiếp tế lương thực, đạn dược, lấy đâu ra?

Ngay tại Hà Nội, việc duy trì sinh hoạt tất yếu của ban Trung ương và các trụ sở cũng đang gặp khó khăn. Anh Chấn, phụ trách về tài chính, cho biết rằng nguồn thu nhập nay chỉ còn trông vào việc mộ quyền, và vài cơ sở kinh doanh cũng không thuận lợi lắm.

Chính Phủ Liên hiệp Kháng Chiến đã thành lập. Nhưng nguy cơ hỗn loạn không vì thế mà giảm đi, nguy cơ ngày càng gần.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 30

Đồng sàng dị mộng Hiệp Nghị Trung- Pháp
Hiệp định sơ bộ Pháp Việt 6-3-1946

Phe Việt minh và phe quốc gia tuy hợp tác trong một Chính Phủ Liên hiệp, nhưng đó chỉ là đồng sàng dị mộng. Mộng của Việt minh là mong cho các ông tướng Trung Hoa sớm rút đi để họ rảnh tay xử trí những kẻ đối địch làm gai trước mắt. Còn mộng của phe quốc gia là làm sao có được nhiều quân và súng, mở rộng được chiến khu, để có thể tự vệ sau này. Một số quân chúng tin tưởng ở tinh thành đoàn kết để kháng chiến, song giấc mộng trên đều là bí mật công khai đối với hai bên. Có thể ví như một cuộc chạy đua, và hiển nhiên phe quốc gia chậm chân và lép vế.

Về phần người Pháp thì mong đặt chân lên đất Bắc rồi đứng vững đã, đợi quân Tàu đi khỏi rồi muốn làm gì cũng không muộn. Tại miền Nam, họ đã dựng một chính quyền bù nhìn, hội đồng Tư Vấn Nam Kỳ. Dã tâm của Pháp vẫn là nuốt lại Đông dương trọn vẹn, dưới một hình thức tự trị nào đó. D'Argenlieu là một tay cứng rắn, hấn mong cho hai phe người Việt tàn sát lẫn nhau.

Một ngày hạ tuần tháng Hai, tôi và anh Xuân Tùng, anh Chấn đương ngồi trong phòng họp. Hai anh Khanh và Tổ ngồi xe ở ngoài về, vội chạy vào trong. Nét mặt hai anh tỏ vẻ giận dữ, lo âu rõ rệt.

- Thế nào, các anh?

Xuân Tùng chậm rãi hỏi, anh lúc nào cũng chậm rãi và lúc họp cũng

phải có một ống điều thuốc lờ trước mặt. Anh không phải là một người nổi bật lên, nhưng rất thực tế và chịu khó làm những việc khờ khan như tổng vụ, kinh tế.

Nghiêm Kế Tổ không nói gì. Vũ Hồng Khanh dẫn giọng nói:

- Tệ quá! không ngờ họ tệ đến thế!

- Ai?

Mọi người đều hỏi. Vì hôm nay, hai anh có nhiệm vụ tìm bộ Tư Lệnh Hoa để giao thiệp về sự giúp đỡ đã hứa.

- Máy tướng Tàu, chứ còn ai.

Anh Tổ tiếp lời, giải thích:

- Hôm nay đã gặp tướng Diệp, phó tư lệnh, và được Diệp cho biết Trùng Khánh cùng Pans đã thỏa thuận với nhau để nay mai quân Pháp đổ bộ lên miền Bắc thay vào quân Hoa. Cũng đã nghe tin đồn lâu, nhưng bây giờ họ mới cho mình biết, quá vội. Mà chưa thấy có gì cụ thể trong việc giúp đỡ phe quốc gia. Ngay việc cho biết tin để ứng phó cũng không làm. Lúc ấy, Vũ có tỏ ý kháng nghị và phẫn uất:

- Đối với người Việt chúng tôi, việc cho phép bọn thực dân đã thua trận bỏ đi nay lại trở lại thống trị, là không đúng với điều Đồng minh đã hứa. Chúng tôi không thể chấp nhận.

- Việc này không phải do chúng tôi, mà do cả Đồng minh quyết định.- Diệp đáp Chúng tôi chỉ thừa hành lệnh trên.

Dừng một giây, ông tiếp

- Chúng tôi rất đồng tình các ông, nhưng chỉ có thể làm trong phạm vi nào đó mà thôi.

Những lời nói đăi bôi, tuy Vũ và Nghiêm từng đã quen biết Diệp ở bên Tàu. Nhưng quen thuộc và tình nghĩa cách mạng đâu so được với những thứ khác mà phe quốc gia làm gì có để cung ứng.

Họ có hứa hẹn sẽ cấp cho 1000 khẩu súng, nhưng rút cục, thực tế

theo chỗ đã nhận được, chỉ có độ hai trăm khẩu súng trường cũ, mà phần lớn đã hoen rỉ, không dùng được. Vậy mà, anh Chấn nói, mình cũng đã tốn kém không ít.

Mấy hôm sau, tướng Tiêu Văn mời đại diện của Việt Quốc và Việt cách đến nói chuyện, chính thức thông cáo là ngày 28 tháng 2, hai chính phủ Trung-Pháp đã ký kết một hiệp ước: quân Trung Hoa rút về nước, nhường cho quân Pháp vào tiếp thay. Ngược lại, bên Pháp nhượng bộ một số quyền lợi kinh tế và trao trả lại các tô giới đương chiếm cho Trung quốc.

Đến nay, tôi còn nhớ bộ mặt tròn trĩnh, bảnh bao, cố làm ra nhiệt tình của Tiêu Văn. Ông nói:

- Các ông thấy, chúng tôi đã làm hết sức mình để giúp cho Việt nam. Các ông đã có một chính phủ đoàn kết..

Tiêu trầm ngâm một lát rồi tiếp:

- Tôi nghĩ, các ông nên chú ý xếp đặt công việc tương lai, và vận dụng được sự đoàn kết ấy trước người Pháp.

Cuối cùng, Tiêu nói nhỏ:

- Chúng tôi chỉ có thể làm đến thế, để giúp các ông. Đạo quân đến tiếp quản việc đầu hàng của quân Nhật không có quyền can thiệp vào nội bộ các nước.

Chúng tôi cũng chỉ biết nghe mà thôi. Mọi người đều đã tin tưởng quá đáng vào đội quân tiếp quản, vào Trung quốc quốc dân đảng. Nhưng nghĩ lại cho cùng, không nên trách ai cả và chỉ nên tự trách mình trước. Đã không biết gây dựng lực lượng của mình trước thời cơ, lại có óc ỷ lại thiếu tinh thần tự lập tự cường, thì dù có người giúp thế nào đi nữa cũng sẽ đi đến thất bại thôi.

Bài học này thấm thía cho đến tận ngày nay, khi cầm bút viết đoạn lịch sử bi đát nửa thế kỷ trước kia. Quân Tưởng sắp rút đi. Quân

Pháp sắp tới. Mỗi đe dọa của Việt minh càng ngày càng cảm thấy nặng nề, tuy đã liên hiệp. Những ngày đầu tháng 2 năm 1946 đòi hỏi một sự quyết định cấp tốc và chính xác ở phe quốc gia, để xoay đổi cục thế, thoát khỏi bị động. Cần phải có những hành động cách mạng phi thường. Nếu do dự, lừng khờ, thì tất sẽ bị luồng sóng thời cục lôi cuốn và sẽ trôi rạt hay chìm đắm. Tình thế tuy phức tạp, nhưng xét cho cùng, chỉ có hai con đường: chiến hay hoà, tùy ý chọn một.

Đúng theo lập trường cách mạng chống Pháp, thì khi Pháp tái xâm lăng, người Việt nam phải toàn thể đứng lên kháng chiến đến cùng. Lúc đó, nếu cả người quốc gia, cộng sản hợp tác nhất trí dẹp bỏ mọi thủ đoạn chia rẽ khủng bố, hiệu triệu toàn dân, thì dù vũ khí thô sơ kém quân Pháp, nhưng cả nước một lòng, lại có sự ủng hộ tinh thần của thế giới, thì chưa chắc Pháp đã thắng nổi.

Nếu người quốc gia bản thân chống lại chủ trương thỏa hiệp của cộng sản, can đảm đứng ra hô hào kiên quyết kháng chiến, thì rất có thể được dân chúng hưởng ứng, gây nên phong trào lớn, chuyển bị động sang chủ động, tránh được thế bị dồn vào góc tường.

Hai chủ trương trên đã không được bàn đến kỹ càng trong buổi họp Trung ương quốc dân đảng và buổi họp cùng với ban lãnh đạo Việt cách. Đa số các anh em, nhất là mấy người trong chính phủ, đều đương chú trọng vào những điều kiện được mang ra điều đình giữa Hồ Chí Minh và Sainteny, đại diện của D Argenlieu.

Sự thiếu sót của một đường lối hành động quả quyết và kịp thời lúc đó của phe quốc gia đã tạo cơ hội cho Việt minh nắm lấy, chọn con đường thỏa hiệp với Pháp, tìm cách hoãn binh, hy vọng vẫn duy trì được quyền tự trị nội bộ và thanh toán phe đối địch khi quân Tàu rút đi.

Trên thực tế, binh lực của Pháp lúc ấy quá mạnh, khó có lực lượng nào ngăn chặn được chúng đổ bộ. Hồ Chí Minh muốn tránh một sự đụng chạm rất có thể đưa tới sự tan rã của Việt minh. Đó là nguyên nhân tại sao Hồ Chí Minh vội vã tiếp nhận những điều kiện do Sainteny đưa ra, và chỉ trong một tuần sau, một Hiệp Định sơ bộ đã được ký kết với Pháp, ngày 6-3-1946. Hiệp định sơ bộ này rất quan trọng vì là hiệp ước đầu tiên giữa Việt nam và Pháp, theo đó Pháp công nhận Chính Phủ Liên hiệp Việt nam là một thực thể có chính quyền tự trị trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp... với một tư chế mỹ danh là tự do chứ không phải là độc lập như toàn dân mong muốn, Hiệp ước có điều khoản quân Pháp được đóng trên miền Bắc trong một thời hạn là năm năm.

Ký kết Hiệp Định này thực ra là một hành động rất mạo hiểm. Không có gì bảo đảm rằng quân Pháp không sẽ mượn cớ này cớ khác để dẹp hẳn quân lực Việt nam và đặt lại nền thống trị cũ như ở Nam Bộ: Trước sau, cũng vẫn sẽ là chiến tranh mà thôi. Mặt khác, việc ký kết không khỏi gặp sự phản đối của dân chúng, và bị kết tội là đầu hàng.

Hồ Chí Minh đã khôn khéo lôi kéo được Vũ Hồng Khanh cùng ký tên vào Hiệp Định ấy để chứng tỏ mọi phe phái đều đã đồng ý: Việc này đã gây ra tranh luận kịch liệt trong nội bộ các đảng phái quốc gia. (Lúc đó, Nguyễn Tường Tam đã gửi thư xin từ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao cho Hồ Chí Minh ngày 5- 3-46 và không có mặt tại Hà Nội. Bản sao bức thư in trong sách này. Tuy vậy, theo trí nhớ không rõ ràng của tác giả, Nguyễn Tường Tam sau đó có thể được Hội đồng Chính Phủ lưu nhiệm một thời gian).

Thiếu sót quan trọng trong việc ký kết là mấy đại diện trong chính phủ của Việt Quốc và Việt cách đã không đủ thận trọng trong một sự

kiện quan trọng như vậy, và đã không lấy ý kiến của Trung ương trước khi đề anh Vũ ký. Vũ Hồng Khanh cũng không bàn kỹ với các anh em, khi thấy đa số bộ trưởng trong chính phủ đồng ý ký kết. Việc này chứng tỏ phe quốc gia thiếu kinh nghiệm và thiếu thận trọng trong những việc có quan hệ trọng đại của đất nước.

Phản ứng của một số anh em trong Việt Quốc thực là kịch liệt ở trong, vừa triệu tập hội nghị Trung ương cấp thời, thì ở ngoài có tiếng ồn ào. Tôi vội chạy ra. Từ cửa lớn bước vào độ hai chục anh em, già có trẻ có, hô lên:

Phản đối hiệp định đầu hàng, phản đối quân Pháp đổ bộ!

Vài ủy viên Trung ương vừa giải thích là Trung ương đương họp hội đồng để bàn, thì hai người xua ngay tay: Hội đồng gì? Hội đồng chuột!...

Chưa bao giờ tôi thấy đảng viên quần chúng mà lại công kích Trung ương như vậy. Nhưng riêng tôi, tôi lại đồng ý với các anh em. Và ngay trong hội nghị Trung ương, đa số ủy viên cũng nghĩ như vậy. Song, chính đại diện của mình cũng đã ký tên vào rồi mà!

Mặc dầu vậy, ngay tối hôm ấy, mấy anh em trong Trung ương, cùng với tôi, cũng quyết định phát động và tổ chức một cuộc biểu tình, gồm những đảng viên các khu, đoàn viên Quốc gia Thanh niên Đoàn, kết hợp với quần chúng để chống đối hiệp định. Còn nhớ hôm ấy, tôi ngồi trong phòng giấy bộ Tổ Chức, cất đặt một số đảng viên và đoàn viên tham gia biểu tình, và luôn luôn nghe tin tức truyền về. Toán biểu tình gồm mấy trăm người vốn định tiến về Bắc Bộ Phủ, nhưng khi đi gần tới sở Cảnh Sát Hàng Đậu thì Việt minh đã cho cảnh sát dàn ngang trên phố, ngăn chặn và đòi giải tán.

Do đám biểu tình không nghe lời, rất nhanh xảy ra xô xát, xung đột. Năm người bị bắt, trong đó có ba đoàn viên Quốc gia Thanh niên

Đoàn, vì mấy đoàn viên hăng hái đi đầu và biện luận kịch liệt với cảnh sát. Biểu tình bị giải tán do bạo lực. Sau đó, toà án Hà Nội đưa mấy người bị bắt ra xử vì tội quấy rối trị an và xung đột với cảnh sát. Nhân danh đoàn trưởng, tôi có cho ra một bản tuyên cáo bênh vực hành động của anh em và yêu cầu trả tự do ngay. Song tòa án Việt minh vẫn cố tình kết án anh em mỗi người mấy tháng tù.

Cũng vì sự thiếu nhất trí trong nội bộ, nên phong trào chống đối không lan rộng được. Ngay trong chính phủ, ý kiến cũng xung đột lẫn nhau. Một lần, tới nhà Phan Anh, một số chúng tôi tỏ ý phản đối hiệp nghị, nhưng Phan Anh cho rằng chính phủ đã quyết định thì mọi người cần phải theo quyết nghị chung.

Triệu chứng phân biệt trong cái gọi là Tinh thần đoàn kết đã rõ ràng. Cùng lúc, viễn cảnh đội quân thiết giáp Leclercq đổ bộ nay mai không thể không ám ảnh đầu óc mọi người... ai cũng phải tìm một lối đi...

Nhưng, riêng đối phe quốc gia, lối đi sẽ như thế nào?

Quân Tưởng đã bắt đầu rút, quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng rồi sau tiến tới Hà Nội. Nhiều vụ đụng độ nhỏ đã xảy ra giữa quân Pháp và quân Tàu. Để quân địch lên đồn trú tại tận thủ đô quả là một thất sách lớn, một uy hiếp lớn lao. Người dân vẫn hô lớn những khẩu hiệu độc lập, nhưng tránh sao được lo âu khi thấy lính Pháp với đủ vũ khí hiện đại, ngang nhiên dậm trên đường phố. Một buổi tối, chính tôi đã phải rạt sang một bên vỉa đường, để tránh một xe thiết giáp khổng lồ, chạy ầm ầm trên phố. Tụi Pháp thường tỏ ý rằng họ không chỉ có ý đồn trú mà thôi, và họ mới chính là chủ nhân ông của đất này.

Nhưng cậy mạnh thì thường khinh địch. Quân Pháp đã gặp sự thách đố không ngờ của đạo quân 53 thuộc hệ phái Nam Kinh. Toán quân

này đã tỏ rất thiện chiến đối quân Nhật. Trong một cuộc đụng độ bất ngờ tại giữa Hà Nội, chỉ có vũ khí nhẹ, nhưng toán quân này đã mau lẹ chiếm những nóc nhà và nấp sau gốc cây lớn, giữ vị thế có lợi, khiến xe bọc sắt Pháp cũng phải ngừng lại, và rồi rút lui vì sợ bị bao vây.

Cục thế đã đến lúc quyết liệt. Việt Quốc cùng Việt cách hợp hội nghị liên tịch. Theo dự đoán tình thế, sau khi quân Tưởng rút hết, quân Pháp sẽ tiến công và chiếm cả Hà Nội. như thế ta sẽ phải lựa chọn: một là hợp tác hẳn với Việt minh để chống Pháp, hai là rút lui về những khu căn cứ để hành động riêng rẽ, và như vậy khả năng lớn nhất là Việt minh sẽ tấn công trong khi Pháp chưa đặt vững chân. Tình thế gian nan bày ngay trước mắt. Hợp tác hẳn với Việt minh thì không thể được, họ đòi phải thống hợp quân đội dưới sự chỉ huy duy nhất của bộ Quốc Phòng. Như thế, số quân quốc gia phải sát nhập vào biên chế Vệ Quốc Quân, sẽ hoàn toàn bị khống chế, thậm chí bị giải tán dần dần. Việt Quốc, Việt cách cũng sẽ thành ra những đảng bù nhìn.

Nhưng nếu tách ra khỏi chính phủ, thì lập tức sẽ bị tấn công với tội chống đối chính phủ, và các khu bộ địa phương tất bị khủng bố ngay.

Hội nghị liên tịch chưa đạt tới một quyết định thực tế nào. Trên thực tế, bên Việt cách không đưa ra một kế hoạch hợp tác cụ thể. Và sau đó, ông Nguyễn Hải Thần rút về biên giới lúc nào cũng không báo trước cho anh em Việt Quốc biết. Không lâu sau, đội quân Vũ Kim Thành cũng bỏ căn cứ rút về Quảng Tây, Trung Hoa, sau vài trận xung đột nhỏ với Việt minh.

Đã đến lúc chúng tôi phải định đoạt lấy vận mệnh của mình. Tình trạng lúc này cũng giống như bên Trung quốc, nhưng đảo ngược lại:

quân quốc dân đảng chiếm 9/10 đất đai, có 8 triệu quân (nhưng đa số ô hợp), Cộng quân của Mao Trạch Đông chiếm một vùng hẹp tại Tây Bắc và chỉ có độ một triệu quân, song có tinh thần chiến đấu vững, được rèn luyện trong chiến tranh du kích.

Binh lực Việt Quốc lúc này tập trung tại Đệ Tam Chiến Khu, gồm các tỉnh lỵ Vĩnh Yên, thị xã Việt Trì, Phú thọ, Yên Bái, và một phần tỉnh Lào Kai. Gọi là chiến khu, nhưng sự thực chỉ chiếm đóng được mấy thị xã cô lập, ngoài thị xã, nông thôn vẫn thuộc quyền kiểm soát của chính quyền Việt minh. Mỗi nơi đều có đảng bộ Việt Quốc, võ trang gồm có số Bảo An Binh cũ còn lại và một số anh em có súng tiểu liên nhỏ hay súng lục, con số tay súng mỗi nơi độ trên dưới năm, sáu chục người. Tại miền Lào Kai và lân cận Hà Giang, còn có một toán quân người Thổ do anh Triệu Quốc lộc chỉ huy.

Với một số lượng như vậy, và hạn hẹp về nguồn nhân sự, tài chánh, thuế má thu vào rất ít, không thể so sánh với lực lượng Việt minh. Họ có thể huy động binh lực các tỉnh chung quanh đến vây khốn rất dễ dàng.

Binh lực Việt Quốc, thực ra về huấn luyện quân sự cũng rất thiếu sót, chỉ biết giặc đến là bắn trả, không biết chủ động tiến ra ngoài chiếm lĩnh địa bàn, tuyên truyền và thu phục nhân tâm. Cũng không được học hỏi về chiến thuật du kích - chiến thuật của kẻ yếu đối kẻ mạnh, không biết dương đông kích tây, hay khi cần, phải bỏ một nơi cố định để vận chuyển linh hoạt hơn.

Có một lần, anh em ở Yên Bái đã chủ động mang quân tiến chiếm Nghĩa Lộ, một thung lũng trù phú. Nhưng sau, thiếu tiếp viện, nên lại rút về tỉnh lỵ và bị bao vây.

Tóm lại, lực lượng võ trang thừa thớt và bị động, lại phạm vào điều tối kỵ của binh pháp, là hoàn toàn cô lập với nhau, lúc cần đến khó

tiếp viện. Đã đến lúc phải thay đổi hẳn chiến lược và bố trí lại các đơn vị. Nhưng cần thừa nhận là hành động quá muộn và quá chậm từ trước thời cục, hãm vào cảnh nước đến chân mới nhảy, đưa tới hậu quả nghiêm trọng sau đó

Tháng 3-1946, trong khi anh Tam dẫn đầu một phái đoàn, cùng Võ Nguyên Giáp tới Đà Lạt để đàm phán về điều kiện cụ thể của Việt nam trong khối Liên hiệp Pháp, thì một hội nghị Trung ương của Việt Quốc lại họp suốt một ngày tại một căn phòng nhỏ ở Ngũ Xã. Buổi họp này, tôi còn nhớ có đủ mặt các anh Vũ Hồng Khanh, Chu Bá Phượng, anh Long, Chấn, Xuân Tùng, Nghiêm Kế Tổ, Lê Ninh và tôi. ở đây cần nói rõ rằng vì bộ phận Đại việt, theo quyết định chung, lui vào bóng tối hoạt động, nên không có mặt các anh Trương Tử Anh, Phan Trâm, Phạm Khải Hoàn. Cũng nên nói thêm là từ đó, tôi không còn gặp lại anh Trương Tử Anh nữa, và mãi tới gần hai năm sau, mới gặp lại mặt anh Phạm tại quốc ngoại.

Quyết định chủ yếu của hội nghị là củng cố và tăng cường các khu căn cứ. Đồng thời vẫn duy trì sự hiện diện trong chính phủ để mua thời gian và bảo hộ các địa phương triệt thoái dần. Khu một (Móng Cái, Quảng Yên, Hải Dương) và khu hai (Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn) võ trang của đảng không đáng kể. Vậy thì cần tập trung vào khu Đệ Tam.

Hội nghị quyết nghị thành lập một bộ chỉ huy mới - Đệ Tam Khu Chỉ Huy Bộ- để chỉnh đốn toàn diện tổ chức trong khu và chuẩn bị dời cả Trung ương lên đó. Cùng với vài cán bộ Trung ương, tôi được cử lên Vĩnh Yên để giúp điều chỉnh việc đảng bộ trên khu.

Cùng với việc thiết tiệc long trọng tiễn đưa các tướng tá Trung quốc, chúng tôi cũng sửa soạn lên đường. Trong những tiếng ồn ào chúc rượu, từ giả, cảm ơn, của những nhân vật mọi phía đã từng cùng

đóng kịch trên sân khấu lịch sử Việt nam - và cả thế giới, tôi ngồi yên, trong lòng ngậm ngùi và chịu nặng lo âu về lương lai.

Trong một ngày mưa rơi tháng 5, tôi lên xe hơi với vài vệ sĩ. Hà nội - Vĩnh Yên tuy gần, nhưng làm sao lọt qua được những chặng gác của Việt minh~ Chúng tôi bèn mượn mấy bộ quần áo nhà binh vàng xanh của quân Trung Hoa, nghiêm nhiên như tướng sĩ của ông Tưởng. Nhờ vậy, trên dọc đường mọi sự rất thuận lợi. Hai bên đường, tình hình vẫn yên tĩnh như chưa hề xảy ra một sự gì. Vẫn những làng xóm êm đềm, những cổng gạch xen vào lũy tre xanh, những dân quê cúi mình trên ruộng lúa sắp chín. Thỉnh thoảng lắm mới có vài dân binh, tự vệ vác khẩu súng trường canh gác. Việt nam đáng lẽ được có cuộc sống yên bình và no ấm, song vẫn chưa thực hiện, vẫn có khói lửa. Tại sao?

Gần đến tỉnh lỵ Phúc Yên. Trước mắt là một chòi gác, một cây tre bắc ngang chặn đường. Một tay vác súng đứng ở bên đường đương nhìn vào chiếc xe đi tới. Mấy tướng tá giả hiệu này trong bụng cũng hơi lo. Nhưng anh lái xe rất bình tĩnh, bóp còi đòi mở chướng. Thêm hai ba dân quân đeo súng chạy ra nhòm, xem dáng bộ họ muốn xét hỏi nhưng còn ngần ngại thấy trên xe toàn sĩ quan Trung Hoa. Tôi ngồi trang nghiêm, dự tính đối phó với một cuộc đối thoại gay go, thì một vệ sĩ xuống ngay xe, nói một tràng tiếng Tàu, không ai hiểu là anh nói gì. Rồi điềm nhiên tự mình hất lên cây tre chắn đường, ra hiệu cho xe tiến lên, trước con mắt ngờ ngác của mấy vị dân quân, không có một phản ứng nào.

Thế rồi xe lại nghiêm nhiên bon đi. Chúng tôi không khỏi cười thầm và khâm phục tài đóng trò của mình, chẳng kém gì những diễn viên chính thức. Và còn điều lạ hơn nữa là, về sau này tôi vẫn thường mặc bộ quần áo màu lục ấy cho tới khi ra đi xa.

Tôi không khỏi đôi chút hồi hộp khi đến gần tỉnh lỵ Vĩnh Yên. Vì đây là khu căn cứ đầu tiên của quốc dân đảng, đồng thời cũng có quân Việt minh bao vây, chặn đường. Nhưng không thấy có gì xảy ra.

Chiến khu... ngày trước chúng tôi tưởng tượng là đầy thơ mộng. Chiều nay, trên chiến khu, trong rừng chiều... câu hát trong bản nhạc của Văn Cao lại văng bên tai. Nhưng chiến khu này chẳng thơ mộng chút nào cả. Đây chỉ là một thị xã nhỏ đồng bằng yên tĩnh, có những phố hẹp vắng hai bên trồng cây.

Và cũng rất có vẻ hoà bình nếu không có những binh sĩ đội mũ sao trắng, vành xanh đứng gác trên đường vào tỉnh lỵ.

Chúng tôi trước hết ghé vào nhà anh Đỗ Đình Đạo, nằm bên cạnh một con đường mát mẻ. Nghỉ ngơi, ăn nhẹ rồi tới trụ sở Đệ Tam Khu, đặt tại dinh Công sứ cũ, trên một ngọn đồi thấp... Một ngôi nhà khá to, có nhiều cây bao bọc.

Chỉ ở chỗ này, chúng tôi mới có cảm giác đầu tiên là sống trên đất của mình, có cảm giác độc lập thực sự tuy chỉ vồn vện có mươi cây số vuông.

Thế sự thăng trầm. Đất này nguyên là của Việt nam, sau rơi vào tay Pháp gần một thế kỷ, rồi một năm trước, bị Nhật chiếm, nhưng chỉ mấy tháng sau, người Việt đoạt được lại. Gặp anh Lê Ninh, người phụ trách lúc đó. Sau bữa cơm rau thanh đạm với các anh em, chúng tôi đi dạo trong thị xã xem tình hình. Song không thể ra cách xa ngoài thị trấn được.

- Anh xem, ta có cách nào phát triển ra ngoài thêm hay không? Tôi hỏi anh Ninh, khi dừng lại dưới một gốc cây lớn đầu tỉnh.

- Khó lắm.- Anh lắc đầu.- Quân Tàu rút đi, bây giờ muốn giữ vững cũng đủ chật vật rồi.

Người, tiền, vũ khí đều thiếu. Đạn dược cũng cạn dần. Quân địch

không cần đánh, chỉ cần vây rồi bắn tĩa vào là đủ chết mòn, nếu cứ như thế này mãi. May có mấy sĩ quan Nhật đào ngũ giúp huấn luyện anh em về tác chiến và tình báo, nên mấy lần sau cùng còn có thể đẩy lui địch thủ.

Được cái, tinh thần các anh em thanh niên vẫn hăng hái, mặc dầu đời sống kham khổ và tương lai đầy bất trắc. Mọi người đều chịu đựng, rất ít nghe thấy ta thán. Kỷ luật rất tốt, ít khi có lỗi xâm phạm vào dân chúng. Vì đa số những người tham dự hàng ngũ còn tin tưởng vào lý tưởng chiến đấu của mình. Và những người cầm đầu cũng cùng một lý tưởng, một ý chí đó. Không phải vì làm quan, làm tướng, nên trên dưới nói chung vẫn cùng chịu gian khổ với nhau. Nói thế, không phải là không có một số phần tử thiếu ý chí, thiếu kỷ luật lẫn lộn trong hàng ngũ.

Tình hình ở các căn cứ Việt Trì, Phú Thọ, Yên Bái cũng tương tự. Mấy cứ điểm cô độc, chỉ có thể liên lạc bằng con đường xe hoả duy nhất. Đường bộ bị Việt minh kiểm soát. Ai cũng còn nhớ, ngày đó, những chuyến xe hoả chạy ỳ ạch bằng đót củi, không có than để dùng, có lẽ là phá kỷ lục chạy chậm nhất trên thế giới.

Trước triển vọng bị diệt từng cụm vì đầu đuôi khó tiếp ứng được với nhau, tôi và anh Ninh bàn bạc nhiều lần, cảm thấy khó giải. Và chưa tìm ra được một phương án thực tế nào. Một phương án sai lầm có thể đưa tới tai nạn. Với tình thế phức tạp lúc đó cần phải có một kế hoạch can đảm dựa trên sự đánh giá chính xác mọi sự kiện các mặt, lại phải có lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết. Nhưng thực ra, thời cục chuyển biến rồn rập, nên dù có muốn, cũng không có sức gì xoay chuyển nỗi nguy vận của phe quốc gia...

Anh Ninh và tôi trở về Hà Nội để báo cáo với Trung ương, trong khi quân Trung Hoa lục tục rút khỏi Việt nam bằng hai đường chính,

đường thủy từ Hải phòng và đường bộ từ Lạng sơn về Quảng Tây.
Đã đến lúc phải quyết đoán, phải có hành động cấp tốc.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 31

Đệ Tam Khu Chỉ huy Bộ
Chiến tranh

Hà Nội, đầu tháng 6, 1946.

Cảnh tay tư đã kết thúc. Quân Tưởng đã rút. Quân Pháp vẫn ngang nhiên tuần tiểu trên các đường phố. Việt minh chưa dám tấn công trực tiếp vào các cơ cấu Việt Quốc hay Việt cách, vẫn còn duy trì bề mặt Liên hiệp của Chính Phủ. Nhưng đã bắt đầu tấn công vào những nơi xa xôi như Yên Bái, Bảo Hà, và phong toả những trụ sở phe quốc gia tại các tỉnh, bắt buộc anh em phải tự rút lui. Các đảng, bộ tại miền Trung hay miền Nam đều bị khủng bố và lui vào bí mật. Liên lạc với Trung ương dần dần thưa thớt.

Bên Việt cách thì đã rút về biên giới Quảng Tây. Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi vì chắc đã tuyệt vọng trước tình thế, rút về Trung quốc để đợi thời cơ. Các đảng phái khác cũng đành nằm im, một số anh em bị bắt, nên không còn có thể hoạt động gì nữa. Toán quân Vũ Kim Thành cũng đã bỏ cuộc. Một bầu không khí đặc biệt, nặng nề bao trùm lên cả thủ đô. Những ngày đó, mọi anh em muốn ra ngoài trụ sở đều phải đề phòng, không bao giờ đi một mình. Chúng tôi có ra phố vì công việc, đều phải ngồi xe hơi. Tình trạng này không thể kéo dài.

Hội Nghị Trung ương lâm thời họp kín, quyết định con đường đi cho toàn đảng. Đây là một buổi họp rất quan trọng, có quan hệ tới vận

mạng của toàn thể đảng viên và đến cục thế Việt nam. Một số ủy viên có ý kiến vẫn nên ở lại trong Chính Phủ, đợi thời thế thay đổi ra sao sẽ có đối sách thích hợp. Nhưng đại đa số chủ trương rút lên chiến khu, bảo vệ thực lực và tránh bị tiêu diệt tất cả ban đầu não của đảng. Thực ra, lúc đó không còn con đường nào khác.

Hội nghị đồng ý cử tôi và anh Ninh lên trước đề chuẩn bị và chỉnh đốn lại Đệ Tam Khu. Thành lập bộ Chỉ Huy Đệ tam Khu để thực hiện, tôi được đề cử giữ nhiệm vụ chủ nhiệm chỉ huy Bộ. Sau đó, vì anh Lê Ninh mắc bệnh, phải về Hà Nội chạy chữa. Anh Vũ Hồng Khanh, theo ý kiến của Trung ương, bí mật rời Hà Nội lên Vĩnh Yên để tăng cường ban lãnh đạo. Anh Nguyễn Tường Tam lúc đó còn bận việc ngoại giao. Việc trong chính phủ do anh Chu Bá Phượng và anh Nghiêm Kế Tổ ứng phó. Anh Hoàng Đạo đảm nhiệm liên lạc với các đảng phái khác, tổ chức kết hợp bí mật. Sự phân liệt trong khối Tinh thành đoàn kếtJ, của người Việt đã không thể tránh khỏi, chỉ nửa năm sau khi mới bắt đầu. Chỉ một thời gian rất ngắn, nội chiến đã bùng nổ. Trách nhiệm về ai trước lịch sử?

Nhưng tất cả, đều phải đi trên con đường định mệnh. Đã đâm lao thì phải theo lao...

Trên trụ sở Đệ Tam Khu, Vĩnh Yên, đầu tháng 6 năm 1946. Sau khi đi thăm địa thế Vĩnh Yên một lần nữa, và thăm các anh em Bảo An Binh cũ, chúng tôi nhận thấy chỗ này là đồng bằng, lại gần Hà Nội, không thể giữ lâu được. Tốt nhất là tìm một nơi nào thích hợp, có thể tiến thoái, và tập trung lực lượng, mở rộng địa bàn.

Một buổi sáng, anh Vũ và tôi cùng vài anh em có võ trang, ngồi xe hơi lên Việt Trì. Nơi này cách Vĩnh Yên không xa, nhưng vị trí, giao thông tiện lợi hơn, lại có thể vận dụng khu đồi núi hiểm trở nếu cần. Việt Trì nằm ngay ở một ngã ba sông Hồng và sông Lô. Trên đường

cái, hai bên toàn là đồng ruộng thẳng tắp, không gặp một sự trở ngại nào.

Tới Bạch Hạc, xuống xe, chúng tôi đứng trên bờ đê, nhìn cảnh sông nước mênh mang. Đằng sau là những dãy đồi liên tiếp, cây cỏ xanh rờn, không khỏi cảm thấy giang sơn tổ quốc tươi đẹp và đáng yêu biết bao: Qua một cầu sắt gầy, xuống phà qua bên phố Việt Trì. ở đây có vài dãy phố nhà nhỏ thấp, song buôn bán có vẻ phồn thịnh hơn Vĩnh Yên. Thời loạn, đâu cũng đơm vẽ tiêu điều, song ở dưới bến cũng có nhiều thuyền bè. Tại Việt Trì đã có khu đảng bộ, chủ nhiệm lúc đó là anh Bảo Ng., với một số cán bộ rất tích cực. Chúng tôi tạm đóng bản doanh cũng ở dinh Công sứ cũ, một toà nhà hai tầng, có sân rộng trồng nhiều cây lớn và trông ra mặt sông Hồng nước đỏ lừ lừ chảy xuôi... Nếu sống ở đây thì cũng nên thơ, có sông, có đồi núi, ruộng đất êm đềm. Gần đó, trên một ngọn đồi cao hơn, là trại binh, với vài chục binh sĩ. Khi tôi đến thăm, chuyện trò rất cởi mở, các anh em đều có tinh thần, nhưng lúc đó, ai cũng lo âu về tương lai. Mặc dầu vậy, trong lúc nguy kịch, không có ai đào ngũ. Một trung sĩ người Nhật làm cố vấn, ngày ngày huấn luyện quân sự, một người ít nói, nhưng rất gan dạ, tiếc rằng sau đó đã hy sinh trong một nhiệm vụ đặc biệt. Ngoài ra, còn có một trại huấn luyện thanh niên, đa số trong đó là anh em Quốc gia Thanh niên Đoàn từ Hà Nội lên. Về võ trang và tài chánh, Việt Trì hơn Vĩnh Yên nhiều. Nhưng chúng tôi cảm thấy vẫn chỉ là một cô đảo, phạm vi thế lực không ra ngoài thị xã hai cây số. Gần nhất, là cứ điểm Phú Thọ, với một số anh em không nhiều, rất có nguy cơ bị Việt minh dứt điểm dễ dàng. Tôi và anh Vũ họp cùng mấy anh em phụ trách. Ai cũng thấy là cứ ngồi yên thế này mãi thì chỉ là đợi bị tiêu diệt hay phong tỏa ngột thở, khoanh tay đầu hàng. Chúng tôi đồng ý một kế hoạch là bỏ

Vĩnh Yên, tập trung lực lượng lên khu Việt Trì và Phú Thọ đã, lập một phòng tuyến vững chắc hơn, mở rộng địa bàn và tăng cường võ trang.

Kế hoạch nghe thì đẹp dễ. Đánh điện về Hà Nội thỉnh thị Trung ương, nhưng Trung ương do dự không quyết định, vì lẽ không muốn bỏ một căn cứ có sẵn. Những người ở Vĩnh Yên cũng chống đối ý kiến này, sợ phải bỏ nhà cửa, bỏ gia quyến. Cứ trăn trờ mãi không có quyết định rõ ràng, trong khi quân Hoa đã rút đi hết. Việt minh nắm ngay lấy thời cơ, mở cuộc tấn công đột nhiên vào toàn tuyến từ Vĩnh Yên cho tới Yên Bái. Đợt đầu tiên chưa mạnh lắm, có thể vì mục đích gây áp lực buộc Việt Quốc phải chấp nhận thống nhất dưới chỉ huy của chúng.

Đồng thời, họ cũng tấn công vào các trụ sở Việt Quốc ở khắp nơi, trừ Hà Nội, khiến một số anh em phải rút về bí mật, một số tại Đệ Nhị Khu - tức Bắc Ninh, Bắc Giang phải chạy sang Trung quốc theo đường Lạng Sơn, rồi tới Quảng Tây trú ngụ.

Cuộc nội chiến trên miền Bắc Việt nam đã bùng nổ, đưa đến sự thất bại của phe quốc gia và sự phá sản của cái gọi là Chính Phủ Liên hiệp Kháng Chiến.

Kỳ thực, nếu so sánh với những cuộc chiến tranh sau này trên đất nước ta, thì về quy mô, về vũ khí đều là thô sơ lạc hậu. Nhưng trên ý nghĩa, trên tính chất thì cuộc chiến này rất đặc biệt, rất sâu rộng, ảnh hưởng cho mãi tới nay.

Đó là vì những người lãnh đạo đôi bên đều đã từng là từ thời kỳ giải phóng dân tộc, chống đế quốc Pháp mà ra, mặc dầu chính kiến khác nhau. Hai là vì những người chỉ huy quân sự đôi bên không phải là nhà quân sự nhà nghề, chính quy, mà toàn là quân sự cách mạng tài tử. Thứ ba, là vì, tuy quy mô nhỏ, thô sơ, nhưng ảnh hưởng rất

sâu xa. Có thể nói là, sự thất bại của phe quốc gia năm 1946 đã khiến cho đảng cộng sản Việt nam đặt được nền tảng thống trị trên toàn quốc. Những sự kiện 54, 75 bất quá chỉ là kết quả xa của năm 46 mà thôi.

Nhất thất tức thành thiên cổ hận -chỉ lỡ một bước mà thành hận ngàn thu... Người quốc gia Việt nam đã bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng những năm trước 1945 và 1946, cho nên phải ôm hận mãi tới nửa thế kỷ sau.

Từ từ tới nay, tôi không sao ngờ được lại bước vào một cuộc chiến tranh, mà lại là đánh nhau giữa người Việt, trong lúc đáng lẽ phải đánh nhau với thực dân Pháp. Mục đích chính của tôi hay các anh em thanh niên tham gia đấu tranh là để chống Pháp. Nhưng thời cục đã đưa đẩy đến chỗ bế tắc, thành kiến, mâu thuẫn đã tới chỗ không thể không giải quyết bằng võ lực, bằng không chỉ có đầu hàng mà thôi.

Là nhà báo nhà văn và bác sĩ, tôi không am hiểu về quân sự nhưng trước đây tôi có nghiên cứu về những sách lược cách mạng, đã đọc một số tác phẩm về chiến tranh cách mạng, trong đó có nói về chiến thuật du kích. Cuộc chiến chống quân Nhật tại Trung quốc, và của Hồng quân chống quân Quốc Dân đảng, cho người ta thấy những kinh nghiệm quân sự có thể giúp cho kẻ yếu vận dụng. Chúng tôi không dám đi tới biện pháp quyết liệt bỏ căn cứ cô lập, mang quân đội hành động một cách linh hoạt, đồng thời cũng tuyên truyền phát động dân chúng. Anh Vũ xem ra chỉ hiểu biết về chiến thuật trận địa chiến. Nhóm Bảo An Bình đương nhiên không chủ động, chỉ biết địch đến là đánh. Hoàn toàn bị động.

Tờ mờ sáng, chúng tôi bị tiếng súng nổ tại bên kia sông, dãy phố Bạch Hạc, đánh thức dậy. Tiếng úng găng gũ và ròn rã của cả hai

bên. Mọi người đều trấn tĩnh một cách không ngờ. Trận tuyến còn ở ngoài đê, và nghe tiếng súng, quân địch cũng không nhiều lắm. Theo báo cáo về, đại khái có một đại đội Việt minh chia làm hai mũi đánh vào Bạch Hạc. Còn ở bên Việt Trì này, chỉ có mấy tiếng súng lẻ tẻ.

Chúng tôi bèn động viên các thanh niên ra tiếp ứng mặt trận, và dân chúng làm việc tiếp tế cơm nước, việc cứu thương. Xem ra tinh thần mọi người còn hăng hái, có quyết tâm bảo vệ thị trấn. Hai bên cầm cự cho tới gần trưa, tiếng súng ngớt dần.

Buổi sáng, nhận được mấy điện báo cáo cấp ở Vĩnh Yên, Phú Thọ và Yên Bái. Chúng tôi phân tích tình hình chung, cho rằng đây là loạt tấn công để cảnh cáo và thăm dò thực hư của Việt minh, để làm hậu thuẫn cho yêu cầu bắt Việt Quốc hoàn toàn tuân theo chính phủ. Nhìn xuống bản đồ thị trấn Việt Trì, một anh em chỉ huy đưa câu hỏi: - Thừa các anh, sao chúng chỉ tấn công vào bên Bạch Hạc mà thôi? Có mục đích gì?

Anh Vũ cho rằng Việt minh chưa điều động đủ binh lực để đánh vào cả hai mặt. Nhìn kỹ vào bản đồ Bạch Hạc, tôi thấy có một ngọn đồi nằm gần phố, sát với đường đi Vĩnh Yên.

- Có thể họ có ý đồ chiếm Bạch Hạc, đồng thời cắt đứt liên lạc của ta với Vĩnh Yên, khiến ta không tiếp ứng được lẫn nhau.- Tôi nói - ý đồ cô lập dần các cứ điểm của ta rồi tập trung lực lượng để diệt đã thấy rõ. Chúng tôi nghĩ trước tiên tới Phú Thọ, ở đó ta chỉ chiếm được một phần của thị xã.

Chúng tôi đánh điện về Hà Nội để báo cáo và kháng nghị việc đột nhiên tấn công, phá hoại đoàn kết của Việt minh, một mặt đề nghị Trung ương cấp tốc gửi thêm người và súng lên cứu viện.

Buổi trưa, tiếng súng lại nổi lên. Tôi, anh Vũ cùng mấy anh em ngồi

thuyền qua sông Hồng để quan sát tình hình mặt trận. Ra khỏi đầu phố Bạch Hạc là tới bờ đê đi vòng quanh, đằng trước là ruộng đất và xa hơn một chút, mấy làng xóm nhỏ. Quân địch nấp đằng sau các mô đất ở ruộng bắn lên đê, còn quân phòng thủ thì nấp sau bờ đê để bắn trả lại. Nhưng vẫn có nhiều chỗ qua lại trống trải, quân phòng thủ không biết đào hào giao thông để tránh đạn, nên có hai người bị thương. Chúng tôi đi qua đó phải cúi rạp mình, trên đầu tiếng đạn bay vút vút kể cũng khá sợ. Nhưng hứ vớ vì nhờ Trời Phật phù hộ, và thực ra quân địch cứ bắn vút lên trời cả nên chưa sút mẻ gì. Một anh em bảo tôi: Bắn như thế này, nếu là Nhật thì nó sẽ cười ngửa ung dung vừa đi vừa cười...

Quả thật, hai bên đều không có kinh nghiệm chiến trường. Quân phòng thủ chỉ biết nằm bò sau bờ đê để bắn ra một cách máy móc, còn quân tấn công thì lại nằm trên ruộng trống không, những mô đất không đủ che thân, nên bị thương nhiều hơn mà tiến được rất ít.

Chúng tôi nằm ở một góc quãng đê cong, quan sát địa hình, nhận thấy tuy địch không tiến được mấy nhưng cứ như thế này thì cũng nguy cho ta, vì ta sẽ hết đạn. Cần phải thay đổi cách đánh tích cực hơn và phải tiết kiệm đạn. Ngay lúc đó, có lẽ vì không thấy ăn thua gì nên họ mang từ đâu đến một khẩu đại bác 75, đặt bên góc ruộng rồi bắn rát lên đê. Đại bác! Kể cũng đáng gờm. Vì trong đời tôi chưa bao giờ trực diện với một đại bác sắp nổ vào chỗ mình nấp. Tuy vậy, lúc đó chúng tôi vẫn bình tĩnh một cách không ngờ, cũng không thấy trái tim đập mạnh. Tôi ra hiệu cho mấy anh em nằm lui xuống và nép mình sát vào bờ đê. Và lạ, người bắn làm ăn ra sao mà đạn cứ tránh chỗ chúng tôi, nếu không rơi vào trước đê thì cũng rơi lụp đụp vào mấy cái ao phía sau đê, nước bắn lên tung toé.

Đạn ngừng. Hay là hết đạn? Hoặc dương điều chỉnh Thưa lúc địch

đương mặt mỗi, không chú ý, thấy có một làng ở gần đê cũng không xa quân địch lắm, tôi bàn với anh chỉ huy xuất kỳ bất ý phái một toán quân nhỏ lẻ vào làng đó, rồi đánh thọc vào cạnh sườn địch, tất địch phải hoang mang.

Từ bờ đê, chúng tôi thấy rõ ràng anh em tiến vào làng mà không bị phát hiện, rồi đột nhiên từ ven làng vừa bắn ra, vừa reo hò để trợ uy. Địch bị tấn công bất ngờ, lại thấy một toán người đột ngột xông đến, nên hết hoảng, vội bỏ chạy về đằng sau, bỏ lại khẩu đại bác không kịp mang đi. Một tay pháo thủ chạy không kịp, giờ tay xin hàng.

Quân ta kéo cổ súng về, cùng với vài khẩu súng trường và một tù chiến tranh đầu tiên. Kết cục, không ngờ trận đầu ta đã thắng vẻ vang với rất ít thiệt hại. Chỉ tiếc khẩu đại bác đó đã hết đạn. Nhưng thắng lợi đã cổ vũ tinh thần mọi người. Cũng đã chứng tỏ rằng cần phải có chiến thuật linh hoạt, lợi dụng mọi cơ hội, không thể bị động, mới mong chuyển sang thế có lợi.

Nhưng tình hình vẫn chưa yên. Hôm sau, quân địch tấn công và chiếm được ngọn đồi ở ngoài Bạch Hạc, một cao điểm quan trọng. Rồi ngay hôm sau, họ đã kéo đến đông gấp bội. Lần này, khôn khéo hơn, họ chia làm mấy mũi đánh dồn vào bờ sông, khiến quân phòng thủ vốn không nhiều, đã phải chia làm mấy mặt để chống giữ. Các anh em thanh niên, trong đó Quốc gia Thanh niên Đoàn đóng vai trò nòng cốt, ai có súng đều phải ra mặt trận để giúp sức. Tình thế cấp bách.

Từ Hà Nội, Trung ương đánh điện lên bảo phải cố thủ vì sẽ có một đoàn đại biểu hỗn hợp của Chính Phủ lên điều đình. Nhưng quân địch vẫn tấn công rất gấp. Đạn đã ít dần, tôi cho thử khẩu đại liên mà chính tôi đã điều đình để mua được từ tay quân Hoa. Đặt trên mặt đê, bắn sả vào một chỗ tụ họp của địch. Quả nhiên là lợi hại,

quân Việt minh không chịu đựng nổi, phải rớt ra xa. Nhưng, phiên nổi, đạn lại có hạn, bắn không lâu đã hết.

Buổi chiều, họp ban chỉ huy khẩn cấp. Muốn tránh thất bại, cần phải chủ động, tập trung lực lượng đánh mạnh vào một điểm. Nếu cứ ngồi mọi nơi chống giữ từng chỗ thì tất nhiên sẽ bị diệt. Sau khi bàn luận kỹ càng, chúng tôi đồng ý kế hoạch bỏ Vĩnh Yên, kéo quân từ đó lên Việt Trì để tập hợp thành lực lượng lớn. Đồng thời, cũng đề các anh em ở Phú Thọ lui về Việt Trì, vì đã cô lập và lực lượng quá ít. Như vậy, với một tập hợp tương đối mạnh, rất có thể đẩy lui Việt minh và phát triển ra ngoài.

Ngày 1 tháng 6-46, lấy danh nghĩa Trung ương và Bộ Chỉ Huy Đệ Tam Khu, anh Vũ và tôi hạ lệnh cho đảng bộ Vĩnh Yên kéo quân lên Việt Trì vào nửa đêm. Đồng thời ở đây sẽ phái hai tiểu đội dự bị cuối cùng đánh từ Việt Trì ra để tiếp ứng và ngăn quân địch từ trên cao điểm xuống chặn đường. Hai tiểu đội này do viên Trung Sĩ Nhật chỉ huy. Nhưng, kế hoạch tốt đẹp nhiều khi khó thực hiện. Suốt đêm hôm ấy, chúng tôi ngồi đợi tin tức. Hai tiểu đội Việt Trì đã xuất phát, gần sáng có một loạt tiếng súng nổ. Nhưng không thấy bóng dáng của binh sĩ Vĩnh Yên, mà hai tiểu đội đó sau khi đụng độ với Việt minh chắc đã tan rã bất ngờ. Và viên Trung sĩ Nhật cũng mất tích.

Truy cứu nguyên nhân thất bại, chủ yếu là do các cấp chỉ huy ở Vĩnh Yên không nhất trí nên không chấp hành mệnh lệnh, sau lại biện luận là bị quân Việt minh ngăn cản không tiến ra ngoài được. Bộ phận Vĩnh Yên này sau đó không lâu đã phải ra hàng Việt minh...

áp lực của địch càng ngày càng mạnh, quân phòng thủ bắt buộc phải bỏ Bạch Hạc, rút qua sông về phía bên Việt Trì. Đạn từ bờ bên kia sông đã vèo vèo bay sang bên này. Tiếng đạn xiết qua lá cành ngay trước trụ sở, lẫn với cành lá rụng lá tả xuống đất. Quân địch

vượt qua sông chỉ là vấn đề thời gian. Tình thế quẩn bách vô cùng nghiêm trọng, chúng tôi lâm vào nguy cơ bị vây hãm rất mau chóng. Vì qua tình báo, các lãnh tụ Việt minh chắc đã biết bộ chỉ huy khu và mấy nhân vật trọng yếu của Việt Quốc đang ở Việt Trì. Chỉ cần giải quyết Việt Trì là Trung ương Việt Quốc không còn hậu thuẫn mạnh nữa, chắc chắn sẽ tan rã.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 32

trường chinh 250 lý của Việt quốc
Rút lui từ Việt Trì lên Yên Bái

Cũng như nhiều người, trước kia tôi được nghe nói về cuộc Trường Chinh 25.000 lý của Hồng Quân Trung quốc năm 1934 từ Giang Tây tới Thiểm Tây, do cặp Chu-Mao lịch sử cầm đầu (Chu Đức, tổng tư lệnh và Mao Trạch Đông, chủ tịch đảng cộng sản) Trong nửa năm trời, dưới bị quân Tưởng đuổi riết, trên bị máy bay bắn phá, một đạo quân từ 300 ngàn người khi đến vùng Diên An chỉ còn có gần 30 ngàn, nhưng bảo tồn được lực lượng nòng cốt để chống cự lâu dài đối Quốc dân đảng. Ngờ đâu, hơn mười năm sau, một cuộc trường chinh lại tái diễn, nhưng tại Việt nam, tuy quy mô và thời gian nhỏ ngắn hơn nhiều. Và đảo ngược lại, lần này là quân Quốc Dân đảng Việt nam phải rút chạy dưới áp lực của quân Việt minh. Lộ trình chỉ có từ Việt Trì đến Yên Bái. Kết cục: chúng tôi cũng đã rút tới mục đích, nhưng với thiệt hại không nhiều, tuy cũng khá gian truân, sau một cuộc trường chinh độ mười hôm. Quyết định bỏ Việt Trì để rút lên Phú Thọ có thể gọi là can đảm và cần thiết để bảo tồn binh lực của Việt Quốc, tránh bị tiêu diệt hay bị vây quẫn, cô lập. Máy toán quân Việt Trì, Phú Thọ hợp được với đội binh Yên Bái có thể thành một lực lượng khả quan. Sau một cuộc tranh luận kịch liệt nhưng rất lý trí, anh Vũ tôi và đại đa số cán bộ đồng ý rút lui, lập phòng tuyến khác.

Cũng có người không đồng ý, cho rằng quá mạo hiểm, và nên đợi phái đoàn Trung ương đến sẽ hay. Nhưng biết bao giờ phái đoàn mới tới? Nếu đợi lâu sẽ cạn đạn dược và sẽ không còn đường chạy nữa. Theo tin trinh sát, phía bên này sông chưa có quân Việt minh tập hợp đông và trên đường đi Phú Thọ cũng chỉ có một ít dân quân, tự vệ, không khó đột vi. Tôi cảm thấy trách nhiệm nặng nề lên hai vai, vì không những quyết định này có quan hệ đến mấy trăm người ở đây, mà còn có ảnh hưởng tới cục thế chung. Vả, rút lui bao giờ cũng rất nguy hiểm, rất dễ bị tấn công bất ngờ, bị phục kích không có lối tránh. Nhưng, nếu không có quyết định can đảm, không có mạo hiểm thì không có cách thoát, không thể cứu vãn nguy cơ. Trước sau rồi cũng bị diệt. Đến đêm, trừ một số ít binh sĩ chặn hậu, tất cả mọi anh em và gia quyến đều được chỉ thị chuẩn bị lên đường một cách khẩn trương. Chỉ được mang những đồ tùy thân cần thiết, cái gì nặng, vướng đều phải bỏ lại. Thực ra, mọi chiến sĩ làm gì có nhiều hơn là mấy bộ quần áo cũ. Một điều lạ là trừ vài tiếng khóc của phụ nữ, ai nấy xem ra đều trấn tĩnh. Cũng có một số thanh niên tỏ vẻ lo âu, thất vọng vì không ngờ thất bại lại đến nhanh, song họ cũng hiểu rõ tình thế khó khăn, sau khi những anh em ở trên giải thích.

Tờ mờ sáng hôm sau, mọi người tụ tập tại đầu đường lớn lên Phú Thọ, chuẩn bị chỉnh đốn hàng ngũ để xuất phát thì bỗng nhiên, nhiều tiếng reo hò ở đằng xa vẳng tới. Tôi giật mình, nghĩ nếu Việt minh đánh từ phía này xuống thì nguy to, không còn lối tẩu thoát nữa. Nhưng sau có anh em đi dò đường chạy về báo cáo, mới biết là toán anh em ở Phú Thọ rút xuống, chạm trán, xuyết nữa choảng nhau to... May vì trời đã hơi sáng, nhận ra được dấu hiệu mũ sao trắng. Cả hai toán đều không có vẻ gì là quân tấn công. Vả lại, gần

đây anh em ở Phú Thọ bị áp lực mạnh của Việt minh, cũng đã sửa soạn rút đi. Vì máy điện báo hỏng, nên không thể liên lạc với nhau được. Sự kiện bất ngờ này khiến chúng tôi vừa lo vừa mừng. Mừng vì tất cả đã hội họp an toàn, chỉ tổn thất rất ít. Lo là vì dự định tạm chiếm Phú Thọ làm phòng tuyến đã thành không tưởng.

Các anh em Phú Thọ cũng hoang mang, vì chính đại bản doanh Việt Trì cũng không giữ được, vậy thì nay đi về đâu? Lúc này cần phải bình tĩnh, và phải hành động cương quyết, cấp tốc. Nếu không, thì kết cục không thể lường được, rơi vào tay địch, số mệnh như thế nào không cần phải đoán. Điều kiện mới có lợi là thêm được một số tay súng, không nhiều nhưng đủ để đối phó với tình thế trước mắt, để phá vỡ vòng vây, trừ phi địch điều động được thêm viện binh tới.

- Cần phải quyết định gấp- Tôi hỏi riêng anh Vũ - ý anh thế nào?

Anh cũng đương suy nghĩ ráo riết. Trách nhiệm của một người lãnh đạo thực là nặng nề. Nhưng lúc này không thể do dự. Anh nhìn tôi, hỏi lại:

- Anh nghĩ sao Vì ở đây, trọng trách ở cả hai người, thay mặt cho Trung ương, cần phải nhất trí, mới đem lại ý chí cho tất cả mọi người.

- Theo kế hoạch đã định, nhưng rút thẳng lên Yên Bái- tôi đáp.

Anh Vũ im lặng, chỉ gật đầu. Thực ra không còn con đường nào khác. Và hy vọng là Yên Bái còn đứng vững. Ngồi trên một mô đất bên đường, chúng tôi triệu tập mấy anh em chỉ huy. Nhìn vào địa đồ hành quân, con đường tiện nhất là theo công lộ đi Tuyên Quang, rồi rẽ trái sang Yên Bái. Ước độ 70-80 cây số, nếu đi nhanh chỉ 2 ngày là tới. Nhưng với một đội ngũ hỗn tạp như thế này, khó mà vận động nhanh chóng được. ấy là không kể gặp quân địch cản trở, vì thế càng cần đi gấp.

Một toán quân do anh M. tổng chỉ huy dẫn đầu làm tiền phong mở đường. ở giữa là anh em cán bộ, sau là gia quyến và toán đoạn hậu. Một đoàn người hỗn hợp có cả đàn bà trẻ em. Lúc đầu, chúng tôi tiến ra một cách đàng hoàng không gặp ngăn cản gì, cho đến lúc gần trưa, đi qua một làng cạnh đường. Bỗng nhiên, tiếng súng nổ lên đoành đoành, nghe như từ hai bên bắn vào, nhưng chưa rõ đích xác từ đâu. Mọi người phải rạt ra hai bên, nấp đằng sau những mái nhà tranh.

Đứng quan sát tình hình, tiếng súng vẫn tiếp tục, nhưng không rộn rập lắm. Thỉnh thoảng mới có mấy viên đạn lạc bay vèo qua những cây dâu. Một anh em từ trước. chạy về báo là quân địch nấp ở trên ngọn đồi bên cạnh đường bắn xuống. Chúng tôi đoán đó không phải là quân chính quy, mà chỉ là sự quấy nhiễu của một số dân quân lẻ tẻ. Quả nhiên, sau khi phái một tiểu đội đi tắt đánh ngang lên sườn đồi thì chẳng bao lâu tiếng súng đã im.

Buổi trưa, chúng tôi đã đến gần đền Hùng Vương. Nơi này phong cảnh thực là nên thơ. Những ngọn núi nhỏ, những đồi chè xanh mượt, những mảnh ruộng nhỏ thấp cao chung quanh con đường dựa chạy song song với con đường sắt đưa lên mạn Bắc. Cảnh tượng trung du quê hương Việt nam đẹp biết bao, nhiều màu sắc hơn so với miền đồng bằng. Trong giây phút, tâm hồn nghệ sĩ lại trở lại với tôi, quên mất cả mình đang ở trong một toán quân thất bại... Nhưng cũng chỉ trong giây phút, lại phải trở về với thực tại.

Một điều may là không thấy có bộ đội địch truy kích. Có lẽ vì họ biết tin chậm nên khi sang chiếm Việt Trì thì trời đã muộn, và cũng có thể binh lực họ không nhiều. Trừ gặp một vài toán lẻ tẻ quấy nhiễu dọc đường, cũng có thể gọi là bình an vô sự. Gần tối, tới một làng lớn bên cạnh tường, ra lệnh tạm nghỉ, và chia nhau tìm chỗ ngủ. Dân

làng đây cũng rất tốt, không tỏ vẻ sợ sệt sau khi nghe chúng tôi giải thích là sẽ cam đoan không làm phiền nhiều. Nhà cửa ở đây đa số cũng rộng rãi, sạch sẽ. Tuy chúng tôi mang lương khô (hàng Nhật) ra ăn, nhưng cũng có một số gia đình mang khoai, bắp ngô nướng tặng anh em ăn thêm và nhất định không lấy tiền. Phải nói, kỷ luật đột ngũ anh em lúc này rất tốt. Tôi thấy, khi đi xem mấy nơi tạm trú, quan hệ với dân chúng rất là thoải mái, êm thuận.

Sáng hôm sau, không ngờ, khi gần tới chỗ rẽ sang đường đi Phú Thọ, thì đằng trước một chiếc xe hơi chạy tới, lập tức bị toán anh em đi đầu vây lấy, chĩa súng vào. Chiếc xe này cũng lạ mũi xe một bên cấm cờ đỏ sao vàng. Chúng tôi chạy tới, mới biết đây là xe của phái đoàn hỗn hợp lên để điều đình. Đột nhiên, bị toán người kỳ lạ này vây chặt, chắc những người trong xe cũng hết hồn... Người đầu trong xe bước ra là một người mặc quân phục, đội mũ Việt minh, đại diện cho Việt minh, đó chính là tướng Hoàng Văn Thái, và người thứ hai bước xuống là không ai xa lạ, chính là anh Nguyễn Tường Long, đại diện cho Việt Quốc. Một người nữa thuộc phái trung lập, tôi không nhớ rõ tên.

Tướng Hoàng bị một số anh em chỉ mặt, chất vấn về việc Việt minh phá hoại đoàn kết, chiếm đoạt Phú Thọ, Việt Trì. Hoàng có vẻ sợ hãi, mặt tái mét, nhìn chúng tôi cầu cứu. Nhưng dù sao, anh ta cũng là một sứ thần, có nhiệm vụ điều đình, nên chúng tôi bảo các anh em lui sang một bên. Tôi trách Hoàng lên chậm quá, và phái đoàn chỉ là một vở kịch vụng về. Vì nếu thực muốn đình chỉ xung đột, Việt minh chỉ cần đánh một điện báo lên cho quân mình là sẽ hoà bình ngay. Giao Hoàng cho người giữ, chúng tôi nói chuyện riêng với anh Long. Trông anh gầy đi đôi chút, nhưng vẫn rất bình tĩnh, cương nghị như chưa hề xảy ra sự gì. Anh cho biết tại Hà Nội, quân Trung

Hoa chỉ còn lại một số đại diện. Quân Pháp càng ngày càng tỏ vẻ ngang ngược. Vì chưa đến lúc giờ tay khắp nơi nên Việt minh chưa tấn công lớn vào ta, nhưng nếu ta không chịu đưa quân đội vào biên chế chính phủ thì nhất định sẽ phá liệt. Tại Trung ương, hiện nay chỉ còn lại các anh Tam, Chu Bá Phượng, Nghiêm Kế Tổ... Và sau đó, anh Tam cũng phải lánh sang Trung quốc.

Tương lai trước mắt là: cứ điểm Vĩnh Yên nhất định sẽ mất nay mai. Chỉ có cách củng cố căn cứ từ Yên Bái đến Lào Cai, tìm viện trợ từ Trung quốc. Các đảng bộ chính phải lui về bí mật, tìm cách bảo tồn lực lượng, chờ cơ hội.

Đoàn người lại tiếp tục lên đường. Hoàng bị buộc phải đi trước dẫn đầu, để quân Việt minh khỏi cản trở. Còn chiếc xe hơi sau bị vứt một bên đường.

Chiều đến, cắm trại nghỉ ở một làng ven đường. Dân chúng ở đây không tỏ vẻ sợ hãi. Cả nhân viên trong ủy ban xã cũng ra tiếp đón và xếp đặt chỗ nằm chu đáo cho tất cả mấy trăm người. Hai ngày đường mệt mỏi, được ngả lưng trên phản gỗ và uống bát nước vối, chưa bao giờ tôi thấy sung sướng và thú vị như thế quên bằng mình đương ở trong cảnh ngộ nguy hiểm, tùy thời có thể bị trúng đạn hay bị bắt bất cứ lúc nào. Quân Việt minh tùy thời nửa đêm ập đến đánh úp, đoàn người này rất dễ tan tác, song lạ là lúc đó tôi không hề nghĩ đến. Còn có thì giờ mua một con heo để làm thịt, bồi dưỡng cho mọi người đương đói meo và mệt mỏi, vì buổi trưa ai cũng chỉ được một khúc cơm nắm và một gói lương khô lót lòng. Được nghỉ ngơi và thêm bát cơm nóng, cùng với thịt heo hay lòng heo, sự mệt mỏi về thể xác giảm bớt, về tinh thần cũng thấy phấn chấn hơn.

Cái gói bằng mây của chủ nhà cho mượn tuy cứng, nhưng chúng tôi vẫn ngủ được rất ngon. Đến nửa đêm, mắt còn rít lại, nhưng vẫn

phải cố gắng chồi dậy đi tuần các nơi, xem canh gác và động tĩnh ra sao... Nhờ trời, vẫn yên tĩnh, không thấy tiếng súng nào nổ, chỉ nghe tiếng chó sủa đâu đây và tiếng gió rạt rào trong rặng tre.

Sáng sớm tờ mờ, chúng tôi dậy nghiên cứu thêm về lối đi. Mất Phú Thọ rồi, nếu đi thẳng theo con đường cái lên Tuyên Quang rồi mới rẽ sang Yên Bái, thì tất nhiên sẽ gặp nguy hiểm, vì sẽ gặp những chỗ có đồn trú quân địch. Và lại lộ trình quá dài. Nhìn trên địa đồ, tôi thấy có một con đường tắt nhỏ lên Yên Bái, sau khi tới ngã ba Đoan Hùng và Tuyên Quang. Hỏi người ở đây, họ cho biết là có con đường đó, gần hơn nhưng khó đi hơn. Chúng tôi quyết định bỏ đường lớn, đi đường nhỏ. Đây là một quyết định đúng, song trên đường đi cũng gặp những sự bất ngờ... Cũng giống như cuộc Vạn Lý Trường Chinh của Hồng Quân trước đây, Mao Trạch Đông cả quyết vứt bỏ các thứ nặng nề, bỏ đường lớn để đi mà đổi sang những đường tắt treo leo, nhờ đó mà tránh được sự săn đuổi của quân Tưởng Giới Thạch, đạt tới mục đích: Diên An...

Sau khi cho người đi trước thăm dò tình hình, không thấy bóng dáng quân địch, chúng tôi rẽ sang bên trái rồi vào một con đường nhỏ hơn. Đây vẫn còn thuộc địa phận Phú Thọ. Con đường gập ghềnh quanh co giữa những cánh đồng, làng xóm có lũy tre bao bọc rất nên thơ. Tới đến, đến một làng khá lớn, có tên là làng Yên Kỳ.

Không thể quên cảnh tượng khi bước vào con đường chính giữa làng. Hai bên đường, dân quê sắp hàng mang đuốc soi cho chúng tôi đi, không khác gì những cảnh ở Phi Châu mà trước đây đã được xem trong phim ảnh. Nhưng thực sự họ muốn giúp chúng tôi hay là có ý đồ gì khác, thì cho tới nay vẫn chưa rõ. Người làng cuối cùng dẫn tất cả đoàn người lạ lẫm này tới đình làng, một cái đình khá rộng, cao ráo, chứng tỏ đây là một làng trù phú. Đình có hai tầng,

trước sau có đất rộng, trồng mấy cây to. Nhưng vị trí ở giữa quăng trống, ba bên đều có thể bị tiến công dễ dàng, đó là điều mà vì thiếu cảnh giác, chúng tôi đã không đề phòng cẩn mật, canh gác sơ sài. Bữa cơm tối đó cũng có đủ thịt thà. Dân làng lại còn giúp hấp xôi. Cất đặt canh gác hai người trong phái đoàn hoà giải, chúng tôi qua một đêm yên tĩnh, không có gì đáng chú ý. Tờ mờ sáng, lại trở dậy tấp nập sửa soạn lên đường. Chúng tôi chia xôi nắm và lạ, có thêm cả bánh giò anh em mua của dân làng chia cả cho hai viên đại biểu đương ăn rất ngon lành thì... bỗng đoành đoành, hai tiếng súng nổ ở ngoài xé tan bầu không khí yên lặng, làm mọi người giật mình đứng phắt dậy. Tiến tới, súng nổ liên tiếp, từ hai bên đình đạn bắn vào như mưa, không rõ có bao nhiêu quân địch, nhưng mọi người hoảng hốt, tranh nhau nấp vào những góc đình an toàn, có những người xô đẩy nhau hỗn loạn, mặc kệ lời hò hét của ban chỉ huy. Thực ra lúc đó tôi cũng khá hoảng, bản năng nấp ngay vào một góc tường để tránh đạn, nhưng cũng rất nhanh lấy lại được bình tĩnh, dù sao một người chỉ huy cũng không có quyền hoảng sợ. Đạn từ phía xé trước đình bắn tới, vài anh em rất gan dạ, cầm súng chạy ngay ra sân đình núp sau những gốc cây để bắn trả lại, hay đằng sau một con ngựa chớ hành lý bị đạn nằm tại một góc sân.

Nhìn rõ tình hình rồi, chúng tôi phái một tiểu đội dàn ra trước mặt đình để cản trở địch, và một toán rẽ sang sau để bảo hộ mọi người rút lui ra khỏi làng. Nhưng trong lúc rối loạn, đạn vẫn tới tấp xỉa ngang đầu, chúng tôi lại bắt buộc phải nằm sát mặt đất bên cạnh sàn đình. Đình này dựng trên nhiều cọc gỗ lớn, chắc để tránh nước lụt. Lúc này, vài anh em bất hạnh bị trúng đạn. Chỉ cách tôi không xa, độ mười thước, một viên đạn lạc đã xỉa vào trúng đầu một anh em vệ sĩ. Tôi chỉ kịp thấy người anh co rút mấy cái rồi nằm đờ, đuổi

thẳng chân, tay rời khẩu tiểu liên. Rất nhanh, một người bạn bò đến cạnh, lấy tay vuốt mắt cho anh, rồi còn rơm rớm nước mắt, lấy ngay cây tiểu liên, lách sang một bên rồi chĩa súng, bắn lia lịa vào phía địch. Lúc đó, dưới áp lực của súng bên ta, đạn địch đã hết, tôi phát tay làm hiệu cho mọi người còn lại cấp tốc rời khỏi chỗ trống, rút về đằng sau. Nhưng phải để lại vài người chết và những hành lý nặng. Còn hai thành viên phái đoàn điều đình thì, nhân lúc rối loạn, đã thừa cơ cao chạy xa bay. Họ chắc phải cảm tạ Thượng Đế đã ban phước lành. Rút khỏi sau đình, thì gặp anh Long đương tổ chức mọi người rút ra đường cái. Chúng tôi và một số anh em thành tốp đo hậu. Nhiệm vụ này không phải dễ dàng, vì phải qua một cánh đồng bùn lầy với những bờ ruộng trơn như mỡ. Nhiều người ngã oanh oách trong rất tức cười. Quái ác nhất là ở không xa, có mấy tay dân quân Việt minh ngồi núp trên cây cao bắn tiến đường, nhưng may chẳng trúng ai hết. Phải vất vả lắm, toàn thể mới yên ổn ra đến đường lớn. Tuy quần áo đầy bùn lấm, nhưng cũng may chúng tôi chưa xây da rớt máu. Xem ra, toán phục kích này không đông, cũng không phải là quân chính quy, nếu không, họ chỉ cần đuổi bắn ở đằng sau là đủ làm phiền rồi. Nghĩ lại, quân Việt minh cũng thiếu kinh nghiệm. Nếu họ đánh úp vào nửa đêm thì chắc đoàn quân triệt thoái sẽ hỗn loạn hơn nhiều. Hoặc nếu họ tổ chức những tiểu tổ quấy rối nhiều hơn nữa ở dọc đường... Thoát nạn, chúng tôi chỉ còn cầm đầu bước nhanh, qua đồi gò và đồng ồng, buổi chiều tiến vào địa phận tỉnh Yên Bái. Tạm ngủ trong một rừng nứa cao chót vót, bên cạnh có con suối chảy róc rách. Vừa mệt, vừa khát, may còn cơm nắm và lúa với nước sôi mát ngọt khiến trong người cảm thấy dễ chịu, tinh thần trở lại.

Rồi lại đi vào những núi đá cao hơn, những rừng cây rậm và ướt át,

trên mặt đất phủ đầy cỏ khô. Rồi những rặng lau dài, nhũn thung lũng nhỏ với những mảnh ruộng xếp thang bên sườn đồi. Làng xóm thưa thớt, nằm ép dưới chân hay lưng chừng núi. Dân cư cũng lê tẻ, thỉnh thoảng một vài bóng áo chàm. Đã bắt đầu bước vào khung cảnh mạn ngược.

Do bị tấn công bất ngờ, tiếp theo là gấp rút hành quân, hàng ngũ đã hơi rối loạn. Lại vừa mệt vừa đói, có một số bị thương, bệnh sốt rét, lại thêm phụ nữ, già lão. Nên hàng ngũ kéo dài hàng cây số, mặc dầu có những anh em trẻ giúp đỡ họ. Băng thuốc lại càng thiếu thốn, nên một số bị thương nhẹ cũng nhiễm trùng, lâu khỏi may mà không có ai quá nặng. Nhưng, một lần, đang đi trên đường, bỗng thấy một thanh niên ngồi xếp ở lề đường, không bước lên được nữa. Dừng lại mới biết đó là một anh em trong Quốc gia Thanh niên Đoàn, bị thương ở tay vì trúng đạn ở đình làng. Lại thêm lên cơn sốt rét nặng, cả người run lên cầm cập. Chắc là nhiễm trùng, có một ít thuốc thì lại bỏ quên ở đằng sau. Trông thấy tôi, chưa kịp hỏi han gì thêm thì anh đã mở miệng, xin cho ngay một phát súng vào đầu để đỡ bị đau đớn và không làm liên lụy tới các anh em khác. Tôi và các anh em phải khuyên nhủ mãi, rồi cho người cõng anh đi, tìm thuốc cho anh uống. Tình cảnh khiến ai cũng phải bùi ngùi. Lại còn một tiểu đội trưởng, bị thương ở mắt, anh em cũng phải thay nhau dìu đi. Theo báo cáo, có một vài người không theo nổi đã dần dà tụt về sau, rồi đến tối không còn thấy mặt nữa, không có cách gì tìm được. Số phận những người đó ra sao... nhưng trong lúc rút chạy không thể chờ đợi lâu. Cuộc rút lui nào cũng không tránh được tổn thất, tránh được bị kịch. Đội ngũ vẫn còn gần như toàn vẹn, là may mắn lắm rồi.

Đi gấp. Buổi tối, tới một thung lũng nhỏ, tất cả đều đã mệt nhoài. Sợ

bị phục kích. chúng tôi không dám vào trú tại các làng gần đây, và quyết định nghỉ ở ngoài trời. Thăm dò địa hình rồi, mọi người ngả lưng trên một sườn đồi kín đáo và khô ráo, ở dưới có con suối nước trong và ngọt. Lương thực chỉ còn vồn vện có lương khô và ít gạo sống, phần lớn đã phải bỏ lại tại Yên Kỳ. May mà trời không lạnh và không mưa, nên nằm trên bờ cỏ cũng thấy dễ chịu.

Tuy lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, song tinh thần mọi người nói chuyện vẫn hăng hái và lạc quan, chịu đựng. Cả đến những vị tú tài như chúng tôi cũng không kém. Giải áo đi mưa nhà binh n cở, mấy anh em ngồi truyện trò rất lâu, như khi đi picnic chùa Hương hay chùa Bách Môn. Nhưng việc chính phải là kiểm điểm lại mọi thiếu sót, sơ hở đã phạm, đã không phòng bị đủ trước tấn công đột ngột của một số địch không đồng.

Anh Long vẫn còn có thì giờ để viết về cuộc hành trình này trong cuốn bút ký của anh. Rất tiếc là về sau cuốn đó đã mất. Ngày nay, chính tôi lại làm công việc anh đã bỏ dở, ít ra cũng để cho người đi sau biết rõ về những ngày đặc biệt của lịch sử.

Mặc dầu tình thế nguy hiểm, tôi vẫn ngủ được một giấc khá ngon. Sáng hôm sau trở dậy, xuống dưới suối rửa mặt với nước mát lạnh. Lại đi, không bao lâu đến chỗ có làng mạc. Chúng tôi vừa định nghỉ chân mua gạo thổi cơm, bỗng thấy đằng trước nhiều tiếng xô xao. Có lẽ vì quá đói, quên cả kỷ luật, một số binh sĩ không đợi lệnh trên, tự tiện vào nhà dân chúng lấy cơm, khoai ăn. Đôi việc vi phạm kỷ luật này, bộ chỉ huy cấp thời ra lệnh ngăn ngừa, tuy có sự chống đối của vài người, lấy cớ là không có lương thực làm sao có thể đánh nhau được. Chúng tôi tổ chức ngay mua gạo, khoai để thổi cơm cho các anh em binh sĩ ăn trước, bộ chỉ huy đợi đến cuối cùng mới ăn. Tuy thế, vẫn còn thòm thèm, trên đường đi, một vài người không

nhìn được thỉnh thoảng phải vốc trộm gạo sống nhai ngấu nghiến. Gần về chiều, bước vào một cánh rừng nửa giữa rặng núi âm u. Những cây nửa cao vút, thẳng tắp, chân giẫm lên nền lá khô xào xạc có cảm giác như vào một thế giới khác hẳn.

Ước chừng còn độ hai mươi cây số thì tới Yên Bái, nếu bây giờ rẽ ra đường cái thì e không kịp vì tối và nguy hiểm. Đương lúc tiến thoái lưỡng nan, may gặp một người dân chỉ đường đến một làng nhỏ nép sau rừng.

Được cái dân chúng ở đây không biết gì về sự xung đột giữa hai phái, và cũng thấy đoàn người kỳ quặc này không đến nỗi hung ác quá, nên cũng đón tiếp cởi mở. Chắc cũng có người nghĩ chúng tôi là một tội phản động nhưng cũng không dám đụng chạm làm gì.

Chung quanh làng này không thấy động tĩnh gì đáng chú ý, theo chỗ dò biết thì tại vùng Yên Bái có tiếng súng nổ nhưng Quốc Dân đảng vẫn còn chiếm thị xã. Đây là chặng nghỉ cuối cùng, chúng tôi đặt thêm trạm gác, có chỗ phải cắt cả phụ nữ đứng canh.

Sương mù vẫn che phủ những ngọn núi âm u chung quanh. Xa lắm có tiếng thác nước đổ ầm ì. Nếu không phải là đương ở trong cảnh chiến tranh thì không khác gì ngủ trên đồi Chapa hay gần động Tam Thanh.

Đêm nay vẫn yên ổn, ngủ được. Buổi sáng trơ dậy, ăn một bữa cơm no, nai nịt gọn ghẽ để bắt đầu chặng cuối cùng của cuộc Trường Chinh. Mọi người trong lòng đầy hy vọng, chắc chắn sẽ vào được Yên Bái. Gần trưa, thì chuyển vào con đường cái rộng rãi, hai bên đường là đồi cao nhưng không giốc lắm. Trên đồi, cỏ mọc đặc, với ít cây cối lơ thơ. Không biết sẽ may rủi ra sao Đường vắng tanh, thỉnh thoảng lắm mới có một vài nông dân đứng bên đường nhìn vào đoàn người này một cách kinh ngạc.

Đột nhiên, đến một chỗ đường queo, đằng trước hiện ra một cánh đồng nhỏ, thì bỗng nổ ra nhiều tiếng súng đì đoành. Đội tiên phong đã vấp phải quân địch, và đương nép hai bên đường để bắn trả lại. Chúng tôi dừng ngay tại chỗ để quan sát, và cũng rạt cả sang hai sườn đồi, thì bỗng tắc bộp tắc bộp, mấy tiếng súng trường nổ rất gần, ở ngay trên đỉnh đồi chỗ chúng tôi đứng. Rồi thêm tiếng đạn vèo vèo ngay trên đầu, sói vào vây cỏ ở sườn đồi, rất gần, khiến chúng tôi phải nhanh chân tìm nhưng mô đất ở sát cạnh đường để nấp. May mà chưa có ai bị thương.

Tuy đột ngột, nhưng không hoảng hết, mấy anh em định thần nhìn lên đỉnh đồi. Súng bắn ra từ một nhà chòi dựng trên núi, thấp thoáng có bóng người không nhiều sau mấy tầng đá. Trong lúc toán tiên phong rồn rập bắn lên, chúng tôi cho một tiểu đội thiện chiến trèo lên sườn đồi, lén sang đằng sau đánh thốc lên. Rút kinh nghiệm từ việc bị đánh úp tại làng Yên Kỳ, lần này không vội vã rút chạy mà việc phản kích được tổ chức một cách tích cực.

Quân địch ở đây rất có thể là đội quân giữ ngoại vi Yên Bái. Sau khi bị tấn công ở hai mặt, họ phải rút lui. Đồng thời, về phía xa hơn lại nổi lên tiếng súng ròn rã, đây chắc là anh em trong thị xã đánh ra tiếp ứng, giải nguy. Một lát sau, trên mặt đường đã không còn đạn bay. Thừa cơ, cả đoàn người được lệnh cấp tốc chạy nước rút lên đằng trước. Không bao lâu, đã tới gần thiết lộ, trông thấy cái cầu sắt đưa vào ga thị xã. Gần đó, tiếng súng vẫn ròn rã nổ.

Giữa lúc đó, toán đoàn hậu dẫn tới hai dân quân Việt minh bị bắt trên đồi. Hai anh này trông còn trẻ măng, chỉ độ 17, 18 tuổi, nói tiếng bản địa rất khó nghe. Chặt vấn họ, được biết rằng chủ lực quân Việt minh còn ở bờ bên kia sông Hồng, bên này lực lượng ít, nhưng có thể phong toả con đường vào Yên Bái. Cần nhất là phải vượt qua

được cầu sắt trên đường thiết lộ đưa vào thị xã. Sau khi tước khí giới rồi thả hai người này, chúng tôi quyết định bỏ đường cái trống trải, rẽ sang bên đường sắt, nấp sau bờ đường để tránh đạn. Đây là giờ phút quyết định, quan trọng nhất của cuộc trường chinh. Nếu bị cản trở tại bên này cầu thì sẽ lâm vào cảnh kẹt vào giữa hai luồng đạn của địch mà không nơi ẩn nấp.

Đã đến cách cầu chỉ độ nửa cây số, đã trông thấy rõ ràng dãy phố bên kia. Đây là một cánh đồng rộng, bên này là công lộ và đường sắt, bên kia là con sông Hồng nước chảy rất gấp về xuôi, bên kia sông, mấy dãy đồi thấp kéo dài. Hiển nhiên, quân địch bên đó đã phát hiện chúng tôi, nên đạn bắt đầu bay vèo vèo trên đường sắt để cản trở. Nhưng nhờ con đường sắt khá cao nên không trúng ai. Chỉ có khi qua một vài chỗ trống là phải nép mình lội qua. Đằng trước, tiểu đội tiên phong đã tiến đến chân cầu. Nhưng không thể xông lên được vì trên cầu rất trống, nguy hiểm. Mà đằng sau, đã nổi lên tiếng súng địch quá nhiều. Thực là nguy kịch!

Chúng tôi nhìn nhau. Trong khi nguy cấp lại thường sinh ra diệu kế. Thay vì phân tán lực lượng để bắn trả, chúng tôi cho tập trung hỏa lực, cả mấy khẩu súng máy còn lại, bắn riết vào mấy vị trí gần nhất của địch. Quả nhiên, chịu không nổi, toán quân địch đó phải rút khỏi bờ sông, lui xuống đồng ruộng để bắn chỉ thiên bừa bãi. Vì thế, áp lực trên cầu giảm bớt trông thấy, cũng nhờ vì hỏa lực trong phố bắn ra, phối hợp. Thần tốc lợi dụng cơ hội, toán tiên phong xông lên cầu và qua cầu rất nhanh, hội hợp với anh em bên ấy trong tiếng hoan hô rầm rĩ. Thế là, dưới sự yểm trợ của hai toán quân, làn sóng người thực mạng chạy thốc lên cầu.

Thực là hú vía. Thoát một nạn lớn. Nhưng trong lúc này, cũng có cảnh hỗn loạn, xô đẩy nhau, bất chấp kỷ luật đã quy định là phải

nhường cho thương binh, phụ nữ qua trước. Tuy vậy, không ảnh hưởng gì nhiều vì cầu cũng ngắn. Chỉ có việc một anh em bị thương ở mắt do người cống cũng bị xô đẩy đến nổi té xuống ruộng nước bên cạnh đường sắt, trông rất đáng thương. Nhưng cũng không sao vì có người cứu ngay và đưa qua cầu bình yên.

Cuối cùng với nhóm đoạn hậu, tôi chạy qua cầu, tiến vào dãy phố nhỏ. Ai cũng thở dài, nhẹ nhõm, như trút được bao nhiêu nguy hiểm, trút được gánh nặng trên vai trong những ngày rút chạy có một không hai.

Trừ một vài anh em đã hy sinh, một số nhỏ thất lạc, còn thì đều yên ổn đạt tới mục đích: Yên Bái. Ít ra, ở đây còn có thể chống giữ một thời gian để tìm cách củng cố chiến khu.

Cuộc Trường chinh 250 lý của quân Quốc Dân đảng Việt nam có thể gọi là đã kết thúc một cách thuận lợi không ngờ. Mấy anh em chỉ huy Yên Bái đã đứng đợi sẵn. Mọi người tay bắt mặt mừng, vừa vui vẻ, vừa ngậm ngùi, chuẩn bị đối phó với những thử thách mới. Nhưng trước mắt, còn sống để trông thấy nhau, là một điều kỳ diệu. Chắc trong những người còn lại, không ai quên được những ngày vừa trải qua và cuộc hội sư hiếm có tại đầu cầu thị xã Yên Bái. Cũng như Tào Tháo trong truyện Tam Quốc ngày xưa, thua chạy phờ rầu đến chỗ nào yên ổn một tí là vỗ đầu kinh ngạc tại sao chỗ này không có quân địch mai phục, mấy anh em trong bọn tôi đứng ở đầu thị xã, ngoảnh nhìn lại con đường dài song song vừa chạy qua, cùng nhìn nhau, bụng nghĩ: tại sao Việt minh biết rõ ràng con đường rút lui của Việt Quốc, mà trong cả một tuần, không tập trung được một số quân để truy kích hay chặn đường vào Yên Bái?

Mà chính ngay tướng Hoàng Văn Thái đã từng là thượng khách bắt đầu của chúng tôi, cũng đã được ăn cháo lòng và xôi nếp ở đình

Yên Kỳ, tại sao không nghĩ tới việc ấy. Đến bây giờ, tôi cũng chưa hiểu tại sao!

Cũng may, vì thế, mình mới còn sống đến bây giờ.

Nguyễn Tường Bách

Việt nam, Một Thế Kỷ Qua

cuốn 1: 1916-1946

Chương 33

Từ Yên Bái - đến Lào Cai
rời bỏ đất nước

Hội sư tại đầu cầu Yên Bái khiến tất cả đều phấn chấn. Lực lượng hợp lại này cũng khả quan, có thể ứng phó với nguy cơ trước mắt. Anh em ở đây cũng mừng rằng có mấy anh trong Trung ương lên cầm đầu, chia sẻ gánh nặng với họ, và sẽ có kế hoạch chu toàn hơn.

Đây chỉ là một thị trấn mạn ngược, nằm giữa một cánh đồng, chung quanh núi rừng bao bọc, khác hẳn với Phú Thọ, Việt Trì. Núi đá xanh, cao chọc lên mây, rừng âm u rậm rạp. Con sông Hồng quanh co, chảy gấp. Bờ bên kia có con đường đi Nghĩa Lộ. Vị trí chiến lược tốt, nhưng cô lập. Nếu nối đi liền với những khu Bảo Hà, Tuyên Quang, Nghĩa Lộ thì sẽ là một nơi tiến thoái được, khi áp dụng một chiến thuật linh hoạt hơn, với tinh thần du kích. Nhưng tiếc rằng lúc đó, không có ai có đủ bản lĩnh thực hiện.

Yên Bái... một thị trấn lịch sử, anh hùng, bị tráng với cuộc khởi nghĩa oanh liệt của Việt nam Quốc Dân đảng. Trước đây chỉ nửa năm, không bao giờ ngờ tới chúng tôi lại dẫn một toán quân Việt Quốc đến đóng ở đây. Nhưng địch thủ lần này không phải là người Pháp, mà chính lại là người Việt.

Bi kịch của thời đại... dạo qua mấy dãy phố nằm dọc theo bờ sông, những cửa hàng thưa thớt, nhiều nhà đóng cửa im lìm vì chiến sự,

tôi lại trầm ngâm nghĩ tới quá khứ, tới thừa còn thơ, trong đau thương của dân tộc. Nhìn xuống bến sông, thuyền bè cũng ít. Có lẽ chỉ có một nơi vui nhất là nhà ga khi có chuyến xe lên xuống. Vì ít chuyến nên hành khách đông nghịt, toàn những người gánh gồng buôn bán. Có người trèo cả lên nóc xe ngồi vắt vẻo, có thể nói, đây là chuyến xe lửa phá kỷ lục chạy chậm thế giới, vì nó ỳ ạch, sù sục một cách đáng thương. Vì có những xạ thủ quái ác luôn luôn xả vào các chỗ trống, nên đi lại trong thành phố cũng phải rất thận trọng. Mà bên này không đủ lực lượng để qua sông đánh đuổi. Tuy vậy, chiến sự đã dịu bớt dần dần.

Có lẽ vì còn phải đối phó với Pháp, Việt minh chưa dám làm mạnh quá tại Hà Nội, nhưng đã bắt đầu khủng bố, vây khốn các đảng bộ Việt Quốc ở địa phương.

Lợi dụng tình hình, chúng tôi tổ chức một cuộc hội nghị của Đệ Tam Khu, gồm cả Yên Bái, Bảo Hà, Lào cai và Hà Giang - chỉ trừ có Vĩnh Yên, để bàn về việc củng cố các căn cứ địa. Dự hội nghị có đại diện đảng, chính, quân của các khu đó. Hội nghị này đặc biệt ở chỗ là hội nghị lớn đầu tiên của Quốc Dân đảng, họp trong một chiến khu của mình.

Phòng hội nghị được trang trí nghiêm trang và giản dị. Sau khi báo cáo về tình hình chung, và trình bày rõ ràng những khó khăn trước mắt, anh em các khu đều thảo luận nhiệt liệt. Trên thực tế lực lượng các nơi đều ít ỏi, nền tài chính cũng nguy ngập.

Việc Vĩnh Yên, Việt Trì và Phú Thọ đã mất làm cho mọi người bối rối, nhưng nói chung tinh thần các anh em vẫn còn vững, đồng ý cố gắng giữ vững những địa phương còn lại và tìm cách tuyên truyền trong quần chúng, để có thêm hậu thuẫn. Sau một ngày thảo luận, hội nghị quyết định đặt Bộ Chỉ Huy Đệ Tam Khu tại Lào Cai để chỉ

đạo toàn khu, rời trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn lên trên đó, đồng thời để tăng cường tiền tuyến, để lại một số binh sĩ, cán bộ cùng súng đạn ở Yên Bái, đủ ứng phó với sự tấn công của quân địch. Kế hoạch cụ thể gồm có mở rộng địa bàn chiếm cứ tại Lào Cai - Sapa và một phần Hà Giang, tại Yên Bái, gắng sức đánh ra ngoài, liên tiếp với Bảo Hà và Nghĩa Lộ.

Một buổi sáng sau, chúng tôi đáp một chuyến xe hoả đặc biệt, cùng một toán cán bộ, binh sĩ và sinh viên sĩ quan lên Lào Cai. Một chuyến xe võ trang, chuẩn bị rất cẩn thận, đề phòng bị tấn công trên đường.

Từ Yên Bái đến Lào Cai, hành trình độ 150 cây số. Nhưng chuyến xe này ỳ ạch, mất cả một ngày. Nó vốn đã chậm, lại phải leo núi, và không có than, phải dùng củi để đun cho nước sôi. Tuy vậy, chính cũng vì thế mà chúng tôi có thì giờ để ngắm thưởng phong cảnh nên thơ ở dọc đường. Ở đây thực là cảnh mạn ngược, toàn núi cao rừng rậm hoang vu. Đứng xa là rặng núi Phan-si-pan cao ngất trời. Con sông Hồng cuộn cuộn chảy, bọt nước nổi lên trắng xóa trên mặt đá ghềnh. Thỉnh thoảng có những bản làng con con nằm trên lưng chừng núi, đôi khi thấy bóng váy thêu của mấy cô gái dân tộc thiểu số, những con ngựa thồ len lỏi trên đường núi treo leo. Có lúc chuyến xe mệt mỏi, phải nghỉ lại giữa rừng để lấy nước, lấy củi chúng tôi ra ngồi nghỉ bên bờ suối ngắm bóng nắng xuyên qua các ngọn cây.

Thực giống như một cuộc du lịch, hơn là một cuộc hành quân. Anh Hoàng Đạo cũng nhân cơ hội, viết mấy chữ trong bút ký, để ghi chép cuộc du lịch có một không hai trên thế giới này.

Giữa trưa, bình an tới ga Bảo Hà. Một dãy phố nhỏ nằm giữa rừng núi, là một ngã tư đường quan trọng. ở đây chỉ có một toán quân

nhỏ đồn trú, tình hình còn yên ổn. Đời sống êm đềm của cư dân chỉ có mỗi ngày mấy lần bị tiếng còi tàu quấy phá. Nhưng gần đến Lào Cai, tình hình có phần gay go hơn. Có người báo chỉ mấy hôm trước, một toán Việt minh đã đột nhiên đánh chiếm một nhà ga nhỏ chỉ cách Lào Cai mươi cây số. Chúng tôi dự tính phải chạm trán với một cuộc đụng độ trên đường, nhưng rút cục không xảy ra sự gì. Chuyến tàu qua ga đó một cách thuận lợi, không ai cản trở hay phục kích. Có lẽ Việt minh không biết trên chuyến xe hôm nay có quân sĩ và yếu nhân Quốc Dân đảng, hay họ sợ bóng sợ vía. Dù sao, đây cũng là dấu hiệu khu vực này không êm đềm lắm...

Gần tối, mọi người xôn xao, vui mừng. Đã trông thấy những nóc nhà thấp thoáng trong cây, trên một thung lũng bằng phẳng hơn: Lào Cai. Đoàn xe từ từ tiến vào sân ga. Một số đông người đứng đón sẵn, vẫy tay từ xa.

Một cảnh tượng náo nhiệt, các anh em ra đón đông đảo, với đủ cờ sao trắng, biểu ngữ chào mừng. Tuy đi đường mệt nhọc, nhưng tất cả đều thấy phấn khởi. Có thể gọi đây lại là một cuộc hội sư thứ hai, mang thêm lực lượng để tăng cường phòng thủ, dù không nhiều.

Sau khi xếp đặt chỗ trú ngụ của mọi người, chúng tôi được đưa tới trụ sở Tỉnh chính phủ, tức là dinh Công sứ cũ. Lạ thực! Sao mình vẫn có duyên với mấy tay Công sứ cũ và cứ phải tiếp quản dinh thự của chúng? Đây mới chính là thay bậc đổi ngôi. Nhưng rồi sẽ đứng được bao lâu Dinh Công sứ cũ trên sườn đồi, nhiều cây cối bao vây mát mẻ. Vì thị xã này như nằm trong lòng chảo, mùa nực nóng ghê gớm, cộng với những luồng gió Lào thổi như quạt lửa vào mặt. Lào Cai giáp giới với Hà Khẩu bên Vân Nam, cách một con sông Nan Ti (Nam Khê) nhỏ, trên có cầu thông đường sắt. Mấy dãy phố lợp xúp, tiêu điều. Nhưng qua một con sông, thì tới khu Cốc Lếu, một khu

buôn bán nhỏ, thịnh vượng hơn, cũng là nhờ ở sự hiện diện của một sông bạc. Lào Cai sống được về thuế thu của sông bạc và các phiên chợ... Một lần, buổi tối, anh Long và tôi vào sông bạc xem tình hình. Đèn sáng choang, khách tấp nập ồn ào, đủ các giống người, các thứ tiếng, đương sát phạt nhau, như không có chiến sự gì cả. Có sông bạc, tất nhiên có nhiều thứ bê bối, ảnh hưởng không tốt tới dân chúng. Nhưng biết làm sao?

Nghỉ ngơi một hôm, phải bắt đầu vào công việc. ở đây, đã có Tỉnh đảng bộ, tỉnh chính phủ và một quân khu như các tỉnh khác. Địa bàn cũng chỉ gồm một vùng không rộng lắm. Tất cả cũng không tới một trăm tay súng, nhưng ngoài có toán quân của anh Triệu Quốc lộc - người Thổ- có thể tiếp ứng.

Để điều chỉnh lại tổ chức địa phương, Bộ Chỉ Huy tậu tập một hội nghị cán bộ, cổ vũ tinh thần đấu tranh của mọi anh em, nhưng đồng thời cũng trình bày rõ tình thế phức tạp và khó khăn. Một mặt, cũng tổ chức một cuộc tập hợp và biểu tình của dân chúng, có chức viên, học sinh và dân phố tham dự. Tôi đại diện cho Trung ương nói chuyện với dân chúng. Cũng có đủ cờ quạt kèn trống, biểu ngữ... song quần chúng không đông đảo lắm.

Nhưng, thời cục biến chuyển quá nhanh.

Quân Trung Hoa rút hết. Quân Pháp ấn binh bất động. Việt cách đã rút khỏi miền duyên hải về Quảng Tây. Quốc Dân đảng lâm vào cảnh cô lập chưa từng có. Việt Trì, Phú Thọ đã mất. Vĩnh Yên như trứng để đầu đẳng.

Bỗng một hôm, một anh em đưa điện báo từ Hà Nội lên.

- Các anh xem. Tin gấp.

Tôi đưa bức điện cho anh Vũ và anh Long. Cả ba chăm chú đọc những hàng chữ:

Trụ sở Trung ương, tòa báo, và mấy trụ sở khác đã bị bùng nổ. Một số anh em bị thương và bị bắt- Anh Ba đã rời Hà Nội.

Liền ngay sau đó, lại có điện báo:

Vĩnh Yên bị đánh riết... Khu bộ Bắc Ninh đã phải rút theo đường Lạng Sơn... các nơi đều lui vào bí mật.

Chúng tôi nhìn nhau. Việt minh đã bắt đầu tổng hành động. Tại Hà Nội, thế tất hoạt động của Trung ương Việt Quốc sẽ bị tê liệt. Bộ phận Bắc Ninh - Đáp cầu, một khu bộ quan trọng, không rõ có thể an toàn rút tới biên giới không? Cục thế nghiêm trọng. Nếu Vĩnh Yên mất, và Yên Bái bị cô lập thì rồi địa phương duy nhất còn lại sẽ là khu Bảo Hà-Lào Cai. Với lực lượng mong manh hiện nay, có thể chống giữ được bao lâu. Cần tìm ngay được biện pháp cứu vãn tình thế.

Để tăng cường hoạt động ngoại vận, tranh thủ Trung quốc và Đồng minh giúp đỡ cho phái quốc gia Việt nam, chúng tôi đồng ý phái anh Long lên ngay Côn Minh để hợp tác với anh Tam. Lúc này, Bảo Đại cũng đã sang bên Trung Hoa. Vì đường xe hoả từ Hà Khẩu đến Mông Tự đã bị bóc hết trong thời kỳ chiến tranh, nên toán anh Long phải đi bằng đường bộ tới Mông Tự, rồi từ đó đáp xe đi Côn Minh. Đường đi không những mệt nhọc mà còn nguy hiểm vì thường bị thổ phỉ quấy nhiễu.

Thực tế ngoại giao lúc này cũng không có hy vọng đưa đến kỳ tích. Vì lực lượng người Việt Quốc gia quá ít, quá yếu, lại thiếu hậu thuẫn quần chúng. Lãnh đạo thiếu sách lược đúng đường, chủ động và có viễn kiến. Trong hàng ngũ các tổ chức quốc gia thiếu đoàn kết, kỷ luật thống nhất. Nhiều anh em giàu lòng ái quốc, muốn hiến thân cho độc lập tự do của dân tộc, nhưng rút cục cũng lâm vào cảnh bế tắc, thậm chí hy sinh nhưng không đưa tới kết quả tốt đẹp. Nếu cứ

như thế này mãi, thì sẽ đi tới đâu, thực là rõ ràng. Thất bại, hy sinh, tan rôi, trách nhiệm chính đương nhiên do những người cầm đầu phải chịu, tuy nhiên chính mọi anh em từ cấp trên xuống cấp dưới đều là có tinh thần hy sinh, đều đã chịu đựng nhiều gian khổ. Trong bao đêm liền, trên toà nhà góc đồi này, tôi không chợp được mắt, để suy nghĩ về một lối ra trong cục thế trước mắt, và xa hơn nữa, về con đường tương lai của đất nước. Việt nam cần phải đi con đường nào? Theo chủ trương thế nào mới đạt tới tự do và hạnh phúc chân chính. Muốn củng cố, mở rộng chiến khu. Nhưng khó lòng tìm ra người, ra súng, ra tiền? Trở về hợp tác với Việt minh để cùng chống quân Pháp xâm lăng? Nhưng kết cục sẽ chỉ là bị tiêu diệt hay đầu hàng, đoàn kết chống giặc không thể thực hiện được dù nghe rất hay trên lý thuyết.

Từ một năm nay, do dự, bị động, tự mãn đã là lỗi làm chí mạng...

Rồi lại đến tin Vĩnh Yên bị tấn công ròn rập. Chẳng bao lâu, thủ quân vô viện phải ra hàng và chịu nạp vào biên chế của Việt minh. Máy người chỉ huy bị bắt giam.

Tình hình Yên Bái lại trở nên nguy ngập hơn bao giờ hết. Chúng tôi phải điều động một số binh sĩ xuống trợ giúp, cố giữ tiền đồn trọng yếu này. Nhưng ngay lúc ấy, chung quanh Lào Cai cũng đã bùng lên tiếng súng. Từ bên Hà Giang, toán binh của Triệu Quốc Lộc bị tấn công, cũng phải rút chạy về vùng Bảo Hà. Chưa thấy có viện trợ từ ngoài vào. Đâu đâu cũng cáo cấp.

Bộ chỉ huy và các anh em hội họp, cuối cùng quyết định không chờ đợi nữa, phái tôi và một số cán bộ sang Vân Nam cầu viện, xem có thể trông mong gì về những tay quân phiệt ở đó Nhưng đồng thời, một mục đích không công khai ra là để tìm hiểu các đảng bộ của Việt Quốc ở hải ngoại để vắn nhất, tổ chức lại làm chỗ đứng sau này

và đi tìm một con đường khác mong thoát khỏi bế tắc.

Với một tâm tình phức tạp, tôi sửa soạn ra đi. Lúc đó, còn hy vọng phần nào về tương lai khu căn cứ nhỏ này, cũng hy vọng có ít quân, ít súng đưa về để cầm cự một thời gian, độ cơ hội. Nhưng vấn đề chính không phải là binh với súng, mà ra ngoài, còn có thể gắng tìm một con đường hành động khác, gây ra một cục diện khác trong đó công tác trọng tâm phải là chống Pháp, chứ không phải là chống Việt minh. Vì tôi nghĩ, nếu mình không chống quân xâm lược, thì không sao lôi cuốn được quần chúng, không gây được thế lực mạnh.

Cần phải tìm ra một chủ trương thích hợp với nguyện vọng và khả năng của đại đa số dân chúng. Nhưng, trong đầu óc chúng tôi, tương lai vẫn còn mờ mịt. Đây là một con đường cheo leo giữa hai thế lực mạnh, rất mong manh.

Song với lòng bông bột của tuổi trẻ, người ta thường không suy nghĩ nhiều, thường dám dấn thân vào mạo hiểm. Tôi nghĩ, nhiều lắm là vài tháng, một năm, tình hình sẽ có biến đổi, lúc đó hãy tính sau. Nếu lúc đó, tôi đoán trước được là sẽ phải phiêu bạt nước ngoài hàng mấy chục năm, thì có lẽ còn do dự hơn nữa.

Lại nghĩ đến những bậc tiền bối đã lưu lạc đất người từ đầu thế kỷ, đã có bao nhiêu người không trở về với quê hương. Mệnh vận, nhiều khi cũng đáng cay, bất công: những người có tâm huyết, có tài năng lại thường chịu đầy đọa nhất, còn những kẻ túi cơm áo giá, tham danh vụ lợi lại vẫn sống đàng hoàng, hưởng thụ. Giá trị con người chính là ở chỗ biết dấn thân, biết hy sinh, dù có thất bại.

Hình như hiểu thấu tâm lý trên, để khuyến khích chúng tôi, anh em làm một bữa tiệc để đưa tiễn. Thực đơn rất giản dị nhưng cũng đủ món, và đồng thời cũng để thắt đai mấy giáo quan người Nhật tại

trường Lục Quân. Vì tôi nghĩ, mấy người Nhật này cũng là lưu vong ở đây và có lòng giúp mình, nhờ họ mà công việc huấn luyện có kết quả tốt đẹp. Một bữa cơm không thịnh soạn, nhưng chắc chắn là phong phú nhất đối với họ từ khi gia nhập hàng ngũ Quốc Dân đảng. Anh Vũ, mọi anh em bịn rịn nâng cốc rượu trắng chúc bình an lên đường. Các sĩ quan Nhật cũng tỏ rất hào hứng, uống rất hăng. Vì lưu lạc, sống chết không biết lúc nào, và rất có thể bị Đồng minh bắt, đem ra xử...

Giữa bữa tiệc, một sĩ quan - tên là Hùng - giáo vụ trưởng - tự động đứng ra múa kiếm, rồi gõ chén hát một bài tạm biệt bằng tiếng Nhật. Tiếng hát, chúng tôi không nghe hiểu, nhưng giọng hát bi thương, đặt biệt rền rĩ của tiếng Nhật khiến chúng tôi rung cảm. Chỉ có những người trong cảnh gian truân, ly biệt mới nghe thấu được giọng hát ấy. Ba người Nhật vừa hát theo dịp gõ vừa rơm rớm nước mắt. Trong thâm tâm, tôi cũng mong muốn cho họ sớm được trở về với tổ quốc, với gia đình, sống được cuộc đời thường dân, quên đứt những ngày tội lỗi đã qua.

Thế rồi, một buổi sáng cuối tháng 7 năm 1946, chúng tôi tất cả tám người, rời bỏ dinh Công sứ cũ Lào Cai, xuống đến đầu cầu sang Hà Khẩu. Một cái cầu sắt không dài, trên sông Nam Khê. Đứng ở đầu cầu, nhìn lại giang sơn, núi rừng bát ngát, sông Hồng cuộn cuộn, dãy núi Hoàng Liên sừng sững ở xa xa. Đất nước rộng mênh mang như thế, nhưng sao nay lại không một chỗ dung thân yên lành. Gạt bỏ những ý nghĩ bi quan, chia tay với các anh em ra tiễn, chúng tôi bước thẳng qua cầu, sang đất Hà Khẩu.

Đây là chỗ mà tôi đặt chân đầu tiên lên đất Trung Hoa.

Cũng là một thị trấn nhỏ nằm trong một thung lũng, hai bên là núi rừng, ở giữa con sông Nam Khê chảy gấp. Con đường sắt lách

mình giữa giòng sông và vách đá.

Có giấy giới thiệu chúng tôi vào dinh Đốc Biện (viên chức trấn thủ) làm giấy tờ nhập cảnh. Rồi, do một anh em ngày trước có làm việc trong quân đội Trung Hoa dẫn đường, chúng tôi men theo nền đường sắt, dọc sông, tiến lên, mở đầu cho một cuộc hành trình đặc biệt gian nan nhưng cũng đầy thú vị: đi bộ từ Hà Khẩu lên Mông Tự, cách nhau 170 cây số.

Đến đây chấm dứt quãng đời ngắn ngủi chưa đầy hai tháng của tôi ở chiến khu ba... Nhưng đó là một quãng đời khi rất hào hùng, khi rất nên thơ, một quãng đời đầy hy vọng và đầy thất vọng. Không ai ngờ được là từ một nhà báo, một bác sĩ, thời cuộc đã xô đẩy tôi nghiệm nhiên đóng vai một người chỉ huy cả văn lẫn võ trong một chiến khu, rồi lại dẫn một cuộc trường chinh đến mục đích. Nhưng nay lại bắt đầu một cuộc hành trình gian truân và sôi nổi khác, cuộc hành trình này sẽ gần như vô tận.

Vì đã mắc những lỗi lầm nghiêm trọng trong công cuộc đưa tới thất bại, chúng tôi không khỏi thấy bùi ngùi vô hạn. Từ lúc tham gia cách mệnh tám năm trước đây với tấm lòng chân thành, vô tư, không tham vọng, không màng danh lợi, bao nhiêu anh em nay mỗi người một số phận. Nhưng chúng tôi không được phép bi quan. Hoài bão không thay đổi là đi tìm chân lý, gắng tìm một con đường hạnh phúc cho cả dân tộc, trong đó có chính mình. Không có gì có thể lay chuyển được ý niệm này, mặc dầu thân vận mệnh vẫn không ngừng theo rồi chúng tôi và sẽ đưa tới những bờ bến không ai ngờ tới.

Cái cầu sắt Lào Cai, sông Hồng, núi rừng quê hương, đã dần dần mất hút tận chân trời, khi tôi tạm dừng bước, quay đầu lại...

Tạm biệt, cố hương!

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Nguyễn Học (Mỗ Hà Nội)

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003